

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

LÊ MINH GIANG

**QUAN HỆ MỸ - CUBA
(1991 - 2016)**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

NGHỆ AN - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

LÊ MINH GIANG

QUAN HỆ MỸ - CUBA
(1991 - 2016)

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Mã số: 9229011

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS. TS. NGUYỄN CÔNG KHANH**
- 2. GS. TS. HOÀNG KHẮC NAM**

NGHỆ AN - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong Luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Nếu sai sót tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Nghiên cứu sinh

Lê Minh Giang

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
5. Nguồn tư liệu	6
6. Đóng góp của Luận án	6
7. Cấu trúc của Luận án.....	7
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	8
1.1. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam	8
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về lịch sử và chính sách đối ngoại của Mỹ, Cuba liên quan đến quan hệ Mỹ - Cuba	8
1.1.2. Các công trình nghiên cứu trực tiếp quan hệ Mỹ - Cuba	13
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	15
1.2.1. Các công trình nghiên cứu về lịch sử và chính sách đối ngoại của Mỹ, Cuba liên quan đến quan hệ Mỹ - Cuba	15
1.2.2. Các công trình nghiên cứu trực tiếp quan hệ Mỹ - Cuba.....	17
1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và nhiệm vụ đặt ra cho luận án.....	22
1.3.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu.....	22
1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết.....	23
Chương 2. QUAN HỆ MỸ - CUBA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2008	24
2.1. Những nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991-2008	24
2.1.1. Khái quát quan hệ Mỹ - Cuba trước năm 1991	24
2.1.2. Tình hình thế giới và khu vực	30
2.1.3. Tình hình nước Mỹ và vấn đề Cuba trong chính sách của Mỹ sau năm 1991	36

2.1.4. Tình hình Cuba và vấn đề Mỹ trong chính sách của Cuba sau năm 1991	39
2.2. Quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn 1991 - 2008	45
2.2.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao	45
2.2.2. Quan hệ kinh tế.....	54
<i>Tiểu kết chương 2</i>	61
Chương 3. QUAN HỆ MỸ - CUBA TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2016	63
3.1. Những nhân tố mới tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 2009 - 2016	63
3.1.1. Tình hình thế giới và khu vực	63
3.1.2. Chính sách đối ngoại của B. Obama và sự thay đổi chính sách của Mỹ với Cuba	66
3.1.3. Những chuyển biến mới của Cuba dưới thời Raúl Castro	72
3.2. Quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn 2009 - 2016	77
3.2.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao	77
3.2.2. Quan hệ kinh tế.....	94
<i>Tiểu kết Chương 3</i>	101
Chương 4. NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ MỸ - CUBA (1991 - 2016)	103
4.1. Kết quả tích cực và hạn chế của quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016)	103
4.1.1. Kết quả tích cực	103
4.1.2. Hạn chế	108
4.2. Một số đặc điểm của quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016	113
4.3. Một số nhận xét về việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba.....	117
4.3.1. Nguyên nhân thúc đẩy bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba.....	117
4.3.2. Tác động của việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba	124
KẾT LUẬN	134
TÀI LIỆU THAM KHẢO	139
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Biên niên lịch sử quan hệ Mỹ - Cuba (1959 - 2018)

Phụ lục 2: Tuyên bố của Tổng thống Mỹ Obama về thay đổi chính sách đối với Cuba (ngày 17/12/2014)

Phụ lục 3: Những sửa đổi đối với sự trừng phạt Cuba

Phụ lục 4: Thống kê quan hệ thương mại của Mỹ với Cuba 1992 - 2016

Phụ lục 5: Xuất khẩu của Mỹ sang Cuba 2007 - 2016

Phụ lục 6: Một số hình ảnh về quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016)

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Tiếng Anh

TT	Viết tắt	Tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
1.	AFTA	ASEAN Free Trade Area	Khu vực Thương mại tự do ASEAN
2.	APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
3.	ASEAN	Association of South East Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
4.	ASEM	Asia - Europe Meeting	Hội nghị (Thượng đỉnh) Á - Âu
5.	CAFTA	Central America Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do Trung Mỹ
6.	CARICOM	Caribbean Community	Cộng đồng Caribe
7.	CBI	Caribbean basin initiative	Sáng kiến lưu vực Caribe
8.	CDA	Center for Democracy in the Americas	Trung tâm Dân chủ châu Mỹ
9.	CDA	Cuban Democracy Act	Đạo luật Dân chủ Cuba
10.	CEFA	Center for Economic Forecasting and Analysis	Trung tâm Phân tích và dự báo kinh tế
11.	CIA	Central Intelligence Agency	Cục Tình báo Trung ương (Mỹ)
12.	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
13.	CPF	Cuban Policy Fund	Quỹ Chính sách Cuba
14.	CUPET	The Cuba-Petroleo Company	Công ty Dầu khí Cuba
15.	EU	European Union	Liên minh châu Âu
16.	FBI	Federal Bureau of Investigation	Cục Điều tra Liên bang Mỹ
17.	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ quốc tế
18.	LAFTA	Latin American Free Trade Association	Hiệp hội Thương mại tự do Mỹ Latinh

19.	NAFTA	North America Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ
20.	ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ Phát triển chính thức
21.	OAS	Organization of American States	Tổ chức các quốc gia châu Mỹ
22.	VOA	Voice of America	Đài Tiếng nói Hoa Kỳ
23.	UN	United Nations	Liên Hợp Quốc
24.	UNDP	UN Development Programme	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
25.	UNESCO	UN Educational Scientific and Cultural Organization	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc
26.	USAID	United States Agency for International Development	Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ
27.	USD	United States Dollar	Đô la Mỹ
28.	WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
29.	WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

Tiếng Việt

TT	Viết tắt	Nghĩa tiếng Việt
1.	BCT	Bộ Chính trị
2.	BCH TW	Ban Chấp hành Trung ương
3.	cb	Chủ biên
4.	CNXH	Chủ nghĩa xã hội
5.	CTQG	Chính trị quốc gia
6.	ĐCS	Đảng Cộng sản
7.	KHXH	Khoa học xã hội
8.	LHQ	Liên Hợp Quốc
9.	Nxb	Nhà xuất bản
10.	TTX VN	Thông tấn xã Việt Nam
11.	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG**Biểu đồ:**

Biểu đồ 2.1: Ngân sách quân sự của Mỹ từ năm 2000 đến 2008.	37
Biểu đồ 3.1: Ngân sách quân sự của Mỹ từ năm 2009 đến 2016	69

Bảng:

Bảng 2.1. Trao đổi Thương mại Mỹ - Cuba (1992 - 2008)	59
Bảng 3.1. Thống kê quan hệ thương mại Mỹ - Cuba từ năm 2009 đến năm 2016.....	98

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Trong lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, hiếm có một mối quan hệ song phương nào phức tạp, căng thẳng kéo dài như mối quan hệ giữa Mỹ và Cuba. Cùng nằm ở châu Mỹ và rất gần gũi về khoảng cách (150 km), nhưng mối quan hệ Mỹ - Cuba đã đóng băng hơn nửa thế kỷ (1961 - 2015).

Điều này xuất phát từ những mâu thuẫn sâu sắc về ý thức hệ, chính trị, kinh tế giữa Mỹ và Cuba trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Năm 1961, Mỹ đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với Cuba. Cuba cũng lựa chọn con đường phát triển đất nước theo chủ nghĩa xã hội và đứng về phía Liên Xô trong tuyến đầu chống Mỹ ở Mỹ Latinh. Kể từ đó, trải qua nhiều đời tổng thống, Mỹ không ngừng thực hiện chính sách thù địch, tăng cường cấm vận kinh tế và theo đuổi các hoạt động bí mật để lật đổ Chính phủ Cuba do Fidel Castro đứng đầu. Cô lập về kinh tế và ngoại giao đã trở thành nội dung chính trong chính sách của Mỹ đối với Cuba.

Sau Chiến tranh Lạnh, quan hệ quốc tế chuyển dần sang xu thế hòa dịu, hợp tác và phát triển. Quan hệ giữa các nước, đặc biệt là những nước lớn, căn bản thực hiện chính sách theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột. Tuy nhiên, Mỹ vẫn thực hiện chính sách thù địch, hiếu chiến và luôn áp đặt một cuộc tẩy chay kinh tế đối với Cuba. Ngay cả sau khi Liên Xô sụp đổ, Mỹ vẫn tiếp tục tăng cường lệnh cấm vận Cuba với các Đạo luật Dân chủ Cuba (năm 1992) và Đạo luật Helms - Burton (năm 1996), trong đó đưa ra điều kiện cho việc bãi bỏ cấm vận là Cuba phải tổ chức các cuộc bầu cử tự do, công bằng và chuyển tiếp sang một chính phủ dân chủ.

Bước sang thế kỷ XXI, thực tế chứng minh rằng, chính sách của Mỹ đối với Cuba không những không mang lại thành quả và lợi ích cho Mỹ mà còn bộc lộ việc trái với đạo lý, hạn chế ảnh hưởng của một siêu cường trong hệ thống quốc tế đương đại. Điều này cho thấy, chính sách thù địch, hiếu chiến và cấm

vận, cô lập của Mỹ đối với Cuba đã không còn phát huy tác dụng, mặc dù những chính sách đó của Mỹ đã gây ra nhiều tổn thất, khó khăn cho Cuba trong nhiều thập kỷ qua. Sự xuất hiện của những nhân tố chủ quan (từ phía Mỹ và Cuba) và nhân tố khách quan đã dẫn đến thay đổi chính sách giữa hai nước đối với nhau. Điều này thể hiện rõ kể từ khi Barack Obama trở thành Tổng thống thứ 44 của Mỹ đầu năm 2009 và việc lãnh tụ Fidel Alejandro Castro Ruz chính thức chuyển giao chức vụ Chủ tịch Cuba cho Phó Chủ tịch thứ nhất, đồng thời là em trai ông, Raúl Castro trong năm 2008.

Ngày 17/12/2014, Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro đã tuyên bố khôi phục quan hệ Mỹ - Cuba sau hơn 5 thập niên thù địch. Từ đây, Cuba và Mỹ đã chính thức bắt đầu quá trình bình thường hóa quan hệ. Ngày 11/4/2015, Tổng thống B. Obama và Chủ tịch Raúl Castro đã bắt tay nhau tại Hội nghị Thượng đỉnh châu Mỹ ở Panama, đánh dấu cuộc gặp gỡ đầu tiên của người đứng đầu hai nước kể từ khi hai nước cắt đứt quan hệ vào năm 1961. Sự thay đổi chính sách của Mỹ từ thù địch sang cam kết bình thường hóa và cùng tồn tại hòa bình, cho thấy: Tổng thống B. Obama và những người ủng hộ bắt đầu rời bỏ tư tưởng bảo thủ trong quá khứ. Sự kiện lá cờ Cuba được treo lên ở Đại sứ quán Cuba tại Washington, DC vào ngày 20/7/2015 và lá cờ Mỹ treo lên Đại sứ quán Mỹ ở Havana vào ngày 14/8/2015, là dấu hiệu của một thời kỳ mới trong quan hệ Mỹ - Cuba. Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Havana ngày 20/7/2015 là một phần của chính sách chính quyền B. Obama, chấm dứt cách tiếp cận kéo dài suốt hàng thập kỷ trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Cuba. Đây là một quyết định mang tính lịch sử, mở ra một bước phát triển mới của mối quan hệ Mỹ - Cuba. Điều đó cũng cho thấy sự điều chỉnh chính sách của mỗi nước trong tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động, thay đổi là phù hợp với mong muốn của hai bên và của toàn thế giới nói chung. Việc Mỹ và Cuba bình thường hóa mối quan hệ đã ảnh hưởng to lớn đến các nước Mỹ Latinh và thế giới, tạo cơ hội, triển vọng hợp tác giữa Mỹ và Cuba trong thế kỷ XXI.

1.2. Đã có khá nhiều học giả trong và ngoài nước nghiên cứu quan hệ Mỹ và Cuba. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, việc nghiên cứu mối quan hệ này trên hai bình diện quan trọng là kinh tế, chính trị trong giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Quan hệ Mỹ - Cuba sau Chiến tranh Lạnh còn nhiều vấn đề khoa học cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, toàn diện hơn liên quan đến những nhân tố tác động, kết quả, hạn chế, đặc điểm và tác động đa chiều của mối quan hệ này.

1.3. Việc nghiên cứu mối quan hệ song phương giữa Mỹ và Cuba trên tất cả các khía cạnh của vấn đề, đặc biệt là về chính trị - ngoại giao và kinh tế từ sau năm 1991 đến 2016 là rất cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng.

Về phương diện khoa học, việc nghiên cứu quan hệ Mỹ - Cuba từ sau Chiến tranh Lạnh, nhằm tìm hiểu những nhân tố, nguồn gốc, quá trình hình thành chính sách và triển khai chính sách của Mỹ đối với Cuba. Đồng thời, thấy được bức tranh quan hệ hai nước trên các lĩnh vực chủ yếu và làm nổi bật đặc điểm, tính chất của mối quan hệ Mỹ - Cuba trong thời gian 25 năm (1991 - 2016).

Về phương diện thực tiễn, việc nghiên cứu mối quan hệ song phương Mỹ - Cuba là góp phần phát triển quan hệ với cả hai nước (Mỹ, Cuba) và cung cấp tư liệu tham khảo hữu ích cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập về lịch sử thế giới hiện đại, quan hệ quốc tế.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn vấn đề: “*Quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016)*” làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ thực chất sự vận động, chuyển biến của quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016 và lý giải tại sao có sự vận động, thay đổi đó.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, luận án làm rõ lịch sử nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Cuba trên thế giới và ở Việt Nam, rút ra những ưu điểm và hạn chế của những công trình

đã nghiên cứu. Từ đó, luận án kế thừa các công trình trên, khắc phục những hạn chế, bổ sung một số nội dung mới và lấp đầy các khoảng trống trong nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Cuba.

Thứ hai, làm rõ những nhân tố (về bối cảnh quốc tế, khu vực và nhân tố chủ quan từ Mỹ và Cuba) tác động đến quan hệ của Mỹ - Cuba từ sau Chiến tranh Lạnh đến năm 2016.

Thứ ba, tập trung đi sâu vào phân tích thực trạng quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016, nghĩa là phân tích từ quá trình giai đoạn căng thẳng giữa hai nước đến quá trình bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ và Cuba theo hai giai đoạn 1991 - 2008 và 2009 - 2016 trên các lĩnh vực chính về quan hệ chính trị - ngoại giao, quan hệ kinh tế.

Thứ tư, đánh giá, nhận xét về quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016. Trong đó làm nổi bật về những thành tựu, hạn chế, đặc điểm của mối quan hệ này; phân tích nguyên nhân, tác động của việc bình thường hóa quan hệ đối với từng nước (Mỹ, Cuba), đối với khu vực Mỹ Latinh và đối với thế giới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là Quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2016.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: đề tài tập trung nghiên cứu mối quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2016 chủ yếu trên hai phương diện là chính trị - ngoại giao và kinh tế. Lĩnh vực chính trị - ngoại giao sẽ tập trung làm rõ các cuộc gặp gỡ ngoại giao, những thỏa thuận và bất đồng giữa Mỹ và Cuba, nhất là tiến trình bình thường hóa quan hệ. Nội dung quan hệ kinh tế tập trung nghiên cứu: những thành công và hạn chế trong quan hệ thương mại giữa Mỹ và Cuba. Các nội dung về văn hóa, xã hội chỉ được đề cập trong luận án như là nhân tố xúc tác cho quá trình bình thường hóa quan hệ.

Về thời gian: Thời gian mà luận án tập trung nghiên cứu là giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2016.

Luận án chọn mốc thời gian 1991 bởi lẽ, đây là mốc kết thúc Chiến tranh Lạnh, đồng thời mở ra sự thay đổi căn bản của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế, trong đó, có sự thay đổi về nhận thức chiến lược của Mỹ và Cuba. Mốc kết thúc của luận án vào năm 2016, đây là năm kết thúc căn bản nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Mỹ B. Obama, dẫn đến những thay đổi lớn trong quan hệ Mỹ - Cuba.

Luận án nghiên cứu quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016) trong hai giai đoạn: giai đoạn 1991 - 2008 và giai đoạn 2009 - 2016. Lý do của việc phân kỳ này là: Trong giai đoạn 1991 - 2008, tuy quan hệ Mỹ và Cuba tiếp tục căng thẳng nhưng đã xuất hiện những dấu hiệu thay đổi nhất định trong chính sách của Mỹ đối với Cuba và chính sách Cuba đối với Mỹ. Sang giai đoạn 2009 - 2016, chính sách của Mỹ đối với Cuba đã có những thay đổi mạnh mẽ kể từ khi B. Obama trở thành Tổng thống Mỹ (đầu năm 2009) và Fidel Castro chính thức chuyển giao chức vụ lãnh đạo Cuba cho em trai Raúl Castro (năm 2008).

Tuy nhiên, để đảm bảo tính liên tục và hệ thống, luận án còn đề cập khái quát về quan hệ Mỹ - Cuba thời kì trước năm 1991 và phân tích bối cảnh khu vực, quốc tế có tác động đến môi quan hệ này.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Đề tài luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng và quán triệt sâu sắc chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề quan hệ quốc tế để nghiên cứu quan hệ hai nước Mỹ - Cuba.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận chính của đề tài là từ 2 góc độ: chính sách của lãnh đạo hai nước đối với đối tác và phản ứng của mỗi bên trước những thay đổi trong chính sách từ phía bên kia. Đề tài thông qua các cấp độ phân tích: cá nhân, trong nước, hệ thống (khu vực, liên quốc gia) và thế giới.

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong luận án là phương pháp lịch sử, phương pháp logic, tái hiện một cách khách quan và khoa học quan

hệ Mỹ - Cuba từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc đến năm 2016, rút ra được bản chất của mối quan hệ.

Quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016, là một đề tài nghiên cứu mang tính liên ngành, vừa là một vấn đề của lịch sử thế giới hiện đại, vừa là vấn đề thuộc quan hệ quốc tế. Vì vậy, tác giả có kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung của khoa học xã hội và nhân văn (tổng hợp, phân tích, so sánh, thống kê...), phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế, nhằm giải quyết các vấn đề đề tài đặt ra.

5. Nguồn tư liệu

Nguồn tài liệu được sử dụng và khai thác trong quá trình nghiên cứu đề tài quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2016 bao gồm:

Tài liệu gốc:

Các văn bản chính sách của Chính phủ Mỹ và Chính phủ Cuba về hoạt động đối ngoại nói chung và trong quan hệ Mỹ với Cuba nói riêng được công bố chính thức. Các văn bản thỏa thuận hợp tác song phương giữa hai nước và các tuyên bố chung, thông cáo chung giữa Mỹ và Cuba; các bản báo cáo, phát biểu của nguyên thủ quốc gia hai nước; các bài phát biểu, tuyên bố của lãnh đạo Mỹ và Cuba trên các phương tiện truyền thông, công thông tin của Chính phủ Mỹ.

Tài liệu tham khảo:

Các sách chuyên khảo, sách tham khảo về chính sách, quan hệ Mỹ - Cuba bằng tiếng Anh; các luận án tiến sĩ liên quan đến vấn đề quan hệ Mỹ - Cuba đã được xuất bản trong và ngoài nước.

Các bài báo khoa học của các nhà khoa học đăng trên các tạp chí: Nghiên cứu Quốc tế, Cộng sản, tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Nghiên cứu Khoa học xã hội, Châu Mỹ ngày nay, Tài liệu phục vụ nghiên cứu của Viện Thông tin Khoa học xã hội, Tài liệu của Thông tấn xã Việt Nam (*Tham khảo đặc biệt, Tin tham khảo, Tin Thế giới, Tin tham khảo Thế giới, Tin Kinh tế...*).

6. Đóng góp của Luận án

- Luận án chỉ ra các nhân tố chi phối và tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba trong 25 năm (1991 - 2016) với hai giai đoạn (1991 - 2008) và (2009 - 2016).

- Luận án bước đầu tái hiện chính sách của Mỹ đối với Cuba và chính sách của Cuba với Mỹ sau Chiến tranh Lạnh, nhu cầu thúc đẩy bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba qua các giai đoạn: 1991 - 2008 và 2009 - 2016. Từ đó, luận án góp phần làm rõ quan hệ giữa hai nước vốn là thù địch trở thành các đối tác bình thường.

- Luận án phục dựng toàn bộ thực trạng về mối quan hệ Mỹ - Cuba trên các lĩnh vực chính: Chính trị - ngoại giao, kinh tế và các mối quan hệ khác. Những rào cản và tồn đọng của mối quan hệ giữa hai nước qua các thời kỳ và nguyên nhân của những rào cản đó. Trên cơ sở đó, luận án rút ra những đánh giá, nhận xét về kết quả, hạn chế, đặc điểm của quan hệ từ 1991 đến 2016 và nguyên nhân, tác động của việc bình thường hóa quan hệ đối với Mỹ, Cuba.

- Đây là công trình khoa học đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu một cách hệ thống quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016).

- Hệ thống hóa và bổ sung các tư liệu, số liệu mới về quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016 trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế; Luận án là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập về lịch sử thế giới hiện đại, quan hệ quốc tế.

7. Cấu trúc của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài được trình bày trong 4 chương:

Chương 1. *Tổng quan tình hình nghiên cứu*

Chương 2. *Quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2008.*

Chương 3. *Quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 2009 đến năm 2016.*

Chương 4. *Nhận xét về quan hệ Mỹ - Cuba (1991-2016).*

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Mỹ¹ là siêu cường có vai trò to lớn về chính trị - ngoại giao, kinh tế trên thế giới nói chung và khu vực Mỹ Latinh nói riêng. Cuba là một quốc gia có vị trí và tầm ảnh hưởng quan trọng ở Mỹ Latinh. Vì vậy, sự hình thành và phát triển thăng trầm của mối quan hệ Mỹ - Cuba đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trong nước và quốc tế. Cho đến nay, đã có nhiều bài viết, nhiều công trình đề cập đến quan hệ Mỹ - Cuba sau năm 1991, có thể hệ thống lại những công trình có liên quan thành 2 nhóm:

- Các công trình về quan hệ quốc tế, lịch sử và chính sách đối ngoại của Mỹ, của Cuba nghiên cứu gián tiếp quan hệ Mỹ - Cuba.

- Các công trình nghiên cứu trực tiếp quan hệ Mỹ - Cuba

1.1. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về lịch sử và chính sách đối ngoại của Mỹ, Cuba liên quan đến quan hệ Mỹ - Cuba

Nội dung các công trình nghiên cứu về quan hệ quốc tế, lịch sử và chính sách đối ngoại của Mỹ, Cuba là cơ sở quan trọng đầu tiên để chúng tôi phân tích tác động của các nhân tố đối với quan hệ Mỹ - Cuba trong bối cảnh hậu Chiến tranh Lạnh.

Nhóm thứ nhất là những tác phẩm đã đề cập đến đường lối đối ngoại, quan điểm của chính quyền Mỹ qua các đời tổng thống, đồng thời cũng làm nổi bật những xu hướng trong chính sách đối ngoại của nước Mỹ sau Chiến tranh Lạnh. Các tác phẩm viết theo hướng này có thể kể đến:

Tác giả Lê Bá Thuyên (1997) với *Hoa Kỳ: Chiến lược cam kết và mở*

¹ Mỹ: Tên tiếng Anh đầy đủ của nước Mỹ là *The United States of America*, với cách viết tắt gồm có *United States*, *U.S.*, và *U.S.A.* Trong tiếng Việt đương đại, nước Mỹ đầy đủ là *Hợp chúng (chúng) quốc*, gọi tắt có hai cách gọi chính là Mỹ và Hoa Kỳ. Trong luận án, chúng tôi chủ yếu dùng thuật ngữ *Mỹ*.

rộng (*Chiến lược toàn cầu mới của Mỹ*) [80] đã đề cập đến chiến lược toàn cầu của Mỹ và quan hệ quốc tế dưới thời cầm quyền của Tổng thống Bill Clinton thông qua những điều chỉnh về mục tiêu và nội dung “Cam kết và mở rộng” của Mỹ, đặc biệt nêu bật sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ đối với khu vực Mỹ Latinh, trong đó có Cuba. Chiến lược này được xem như một bước chuyển quan trọng trong việc hoạch định chiến lược của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh.

Tác giả Trần Bá Khoa (2001) với tác phẩm *Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ cho thế kỷ XXI* [33] đã làm rõ được các vấn đề liên quan đến chiến lược toàn cầu của Mỹ thời kỳ Chiến tranh Lạnh như bối cảnh ra đời, các chiến lược và triển khai chiến lược từ thời Tổng thống George H. W. Bush đến chính quyền B. Clinton và phương hướng đến năm 2015, trong đó, chiến lược của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương được tác giả quan tâm làm rõ.

Tác phẩm *Về chiến lược an ninh của Mỹ hiện nay* [35] của tác giả Lê Linh Lan (2004) đã đề cập đến những điều chỉnh, triển khai chiến lược ở các khu vực và tác động của chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh. Chính sách của Mỹ đối với khu vực Mỹ Latinh, trong đó có Cuba những năm đầu sau Chiến tranh Lạnh cũng là đối tượng được xem xét trong những thay đổi chiến lược trên của Mỹ.

Tác giả Nguyễn Thái Yên Hương (cb, 2003) với cuốn sách *Vấn đề trừng phạt kinh tế trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ* [27] đã tập trung phân tích bản chất, hình thức, quá trình phát triển và cách thức thực hiện trừng phạt kinh tế của Mỹ đối với một số quốc gia, trong đó có Cuba từ năm 1962 đến đầu thế kỷ XXI. Trong cuốn sách *Can thiệp nhân đạo trong chính sách đối ngoại của Mỹ* [30] cũng do Nguyễn Thái Yên Hương chủ biên đã tập trung làm rõ những nhân tố chính và các hoạt động can thiệp nhân đạo trong việc thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt từ sau Chiến tranh Lạnh đến đầu năm 2000.

Nghiên cứu sâu về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Mỹ, còn phải kể đến một số cuốn sách như: Nguyễn Minh Sơn (cb, 2008) với cuốn *Chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới* [62].

Những cuốn sách trên ít nhiều đề cập đến quá trình phát triển chính sách đối ngoại của Mỹ và chính sách đối ngoại của Mỹ trong lịch sử, đặc biệt tập trung khảo cứu chính sách của Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh đến hai thập niên đầu thế kỷ XXI qua các đời tổng thống Mỹ, trong đó có đề cập đến chính sách của Mỹ đối với khu vực Mỹ Latinh, cũng như Cuba.

Nghiên cứu về tình hình chính trị thế giới, quan hệ quốc tế, đặc biệt có phân tích chính sách của Mỹ đối với các quốc gia và khu vực trên thế giới, trong đó có Cuba đã được đề cập trong cuốn sách *Quan hệ quốc tế trong kỷ nguyên Á châu - Thái Bình Dương* [84] của tác giả Nguyễn Trường (2013).

Ngoài ra, còn có một số công trình nghiên cứu về một số vấn đề của nước Mỹ như: Tác giả Nguyễn Thiết Sơn (cb, 2002) với tác phẩm *Nước Mỹ năm đầu thế kỷ XXI* [65] đã phân tích những vấn đề cơ bản về thực trạng kinh tế, xã hội của nước Mỹ từ năm 2001, đặc biệt xem xét và đánh giá chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Mỹ sau sự kiện ngày 11/9/2001 của chính quyền George W. Bush đối với các khu vực và quốc gia trên thế giới, trong đó có Cuba. Một công trình khác của tác giả Nguyễn Thiết Sơn (2003) là *Mỹ điều chỉnh chính sách kinh tế* [66] trình bày trực tiếp những chính sách kinh tế và điều chỉnh chính sách kinh tế cơ bản của nước Mỹ trong những năm 90 và định hướng chính sách trong những năm đầu thế kỷ XXI. Trong tác phẩm của mình, tác giả đã trình bày khá rõ về bối cảnh trong nước và quốc tế để thấy rõ hơn điều kiện ra đời và thực chất của chính sách kinh tế.

Cuốn sách *Các vấn đề nghiên cứu về Hoa Kỳ* [31] do Nguyễn Thái Yên Hương và Tạ Minh Tuấn đồng chủ biên (2011) tập hợp các bài viết chuyên sâu đến từ nhiều tác giả khác nhau ở trong nước với 4 nội dung nghiên cứu chính: Lịch sử, văn hóa và xã hội Mỹ; Hệ thống chính trị, pháp luật Mỹ; Kinh tế Mỹ và chính sách đối ngoại của Mỹ trong lịch sử đến hơn 10 năm đầu thế kỷ XXI.

Tác giả Hoàng Khắc Nam với bài viết *Nước Mỹ - nhân tố quan trọng trong trật tự thế giới* [46], Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 3/2012 đã đưa ra những cơ sở lịch sử, cơ sở sức mạnh tổng hợp quốc gia, cơ sở từ bối cảnh quốc tế để khẳng định vai trò quan trọng hàng đầu của Mỹ, và sự ảnh hưởng toàn cầu của nhân tố Mỹ trong trật tự thế giới hiện nay.

Nhóm thứ hai là những tài liệu nghiên cứu về Cuba và chính sách đối ngoại của Cuba trong lịch sử, bao gồm một số công trình sau:

Đề tài khoa học cấp Nhà nước năm (2006) *Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI* [38] do Nguyễn Ngọc Long làm chủ nhiệm đã tập trung phân tích về thành tựu, triển vọng và những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tương lai của CNXH hiện thực qua công cuộc đổi mới ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Triều Tiên và Cuba. Đối với Cuba. Đề tài còn tập trung khảo cứu về quá trình điều chỉnh và phát triển CNXH ở Cộng hòa Cuba qua những thành tựu, kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra của cách mạng Cuba.

Liên quan đến vấn đề trên, nhưng phân tích chuyên sâu hơn được đề cập trong cuốn sách *Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong quan hệ quốc tế* [41] của tác giả Vũ Quang Minh (cb, 2008). Công trình đánh giá khá toàn diện về CNXH hiện thực ở các nước Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Lào và Cuba. Đối với Cuba, cuốn sách đã luận giải về sự phát triển của CNXH ở Cuba trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng; phân tích những ảnh hưởng của CNXH hiện thực trên lĩnh vực chính trị tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội; ảnh hưởng của Cuba đối với một số chủ thể trong quan hệ quốc tế, trong đó có Mỹ.

Nghiên cứu tình hình phát triển về kinh tế - xã hội của Cuba được đề cập đến trong các bài viết của: Ngô Chí Nguyễn (2007), “*Sự phát triển của Cuba từ năm 1991 đến nay và quan hệ với các nước đang phát triển*” [51]; Nguyễn Trinh Nghiệu (2007), “*Cuba với “thời kì đặc biệt trong hoà bình” (1990 - 2005)*” [50] và Văn Ngọc Thành, Nguyễn Thanh Tuấn (2009), “*Những thành tựu của cải cách kinh tế, xã hội của Cộng hòa Cuba từ 1993 đến nay*” [71]. Các bài viết hầu hết đều tập trung phân tích tiến trình cải cách, mở cửa với những bước đi phù hợp sau hơn 15 năm, Cuba đã hoàn thành nhiệm vụ “*Cứu Tổ quốc, cách mạng và XHCN*”, đưa đất nước thoát ra khỏi “*Thời kì đặc biệt*”. Kinh tế - xã hội Cuba đã có nhiều khởi sắc với nhiều thành tựu quan trọng, giúp cho CNXH tiếp tục đứng vững “*nơi đầu sóng, ngọn gió*”.

Tác giả Thái Văn Long (2009) với bài viết “*Quan hệ của Cuba với lực lượng cánh tả ở Mỹ Latinh hiện nay*” [39] đã khái quát những thành công của Cuba trong việc vượt qua những khó khăn do Mỹ cấm vận, với sự giúp đỡ từ các chính phủ cánh tả trong khu vực Mỹ Latinh và mối quan hệ vững chắc giữa các nước này với Cuba. Đặc biệt, nhấn mạnh đến sự phối hợp chặt chẽ giữa Cuba với chính phủ cánh tả Mỹ Latinh trên các diễn đàn đa phương ở khu vực và thế giới đấu tranh chống chính sách cường quyền của Mỹ, đồng thời tăng cường học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong việc xây dựng CNXH.

Tác giả Lê Lan Anh (2009) với bài báo “*Quan điểm của Cuba về việc Tổ chức các quốc gia châu Mỹ bãi bỏ nghị quyết cắt đứt quan hệ với Cuba*” [4] đã đề cập đến việc Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS) đã họp bàn và đi đến thống nhất xóa bỏ Nghị quyết 1962¹, cho Cuba tái gia nhập OAS năm 2009 - tổ chức liên chính phủ các nước Mỹ Latinh. Hành động trên của OAS được coi là động thái tích cực đối với Cuba sau 47 năm tuyệt giao quan hệ và cũng là cơ hội để Cuba thoát ra khỏi hệ lụy từ Nghị quyết 1962 mà đất nước và con người nơi đây đã và đang đối mặt. Nhưng bên cạnh đó, Cuba cũng chỉ trích tổ chức này đã chính thức hóa cuộc bao vây, cấm vận của Mỹ chống Cuba năm 1962 cũng như ép các nước thành viên cắt đứt quan hệ ngoại giao với Cuba.

Gần đây, NCS Lộc Thị Thủy đã bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ với đề tài “*Quá trình đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc ở Cuba từ năm 1991 đến năm 2016*” [79] tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2018. Luận án đã cung cấp những thông tin cần thiết về tình hình thế giới, trong nước và cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Cuba trong suốt 25 năm từ năm 1991 đến năm 2016.

Những tác phẩm trên là nguồn tham khảo có giá trị để chúng tôi làm rõ nhân tố lịch sử, phân tích bối cảnh quốc tế và khu vực ảnh hưởng đến quan hệ Mỹ - Cuba trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và kinh tế... Đồng thời đó là cơ sở để luận giải mối quan hệ Mỹ - Cuba cũng như đặc điểm của mối quan hệ này.

¹Theo Nghị quyết 1962 của Tổ chức các nước châu Mỹ, Cuba bị khai trừ ra khỏi Tổ chức này.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trực tiếp quan hệ Mỹ - Cuba

Ở Việt Nam, theo sự tiếp cận của cá nhân, chưa có một chuyên khảo nào trước luận án này nghiên cứu hệ thống về quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016. Phần lớn các công trình đề cập đến mối quan hệ Mỹ - Cuba được phản ánh qua một số bài viết trên các tạp chí khoa học chuyên ngành như:

Tác giả Lê Thế Mẫu (2015) với bài viết “*Bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba nhìn từ góc độ địa chính trị*” [40] phân tích quá trình quan hệ Mỹ - Cuba “tan băng” và những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến quá trình này. Theo tác giả, việc bình thường hóa quan hệ giữa hai bên còn tồn tại nhiều vấn đề, khó có thể hóa giải trong một sớm, một chiều. Bài viết cũng đưa ra luận giải về những toan tính của Mỹ trong quan hệ với Cuba trên các phương diện: địa - chính trị, kinh tế thương mại và tranh giành ảnh hưởng đối với khu vực và quốc tế; trong đó, vấn đề địa - chính trị luôn là mục tiêu hàng đầu. Thông qua bình thường hóa quan hệ, Mỹ muốn không chế, lôi kéo Cuba đi theo quỹ đạo của mình; lấy lại ảnh hưởng và uy tín đã bị suy giảm đáng kể ở khu vực; tranh giành ảnh hưởng với các nước, nhất là với Nga và Trung Quốc.

Tác giả Lê Duy Thắng và Trần Tuấn Sơn (2015) với bài viết “*Bước ngoặt lịch sử trong quan hệ Mỹ - Cuba*” [69] đã khái quát về quá khứ nặng nề trong quan hệ Mỹ - Cuba; nguyên nhân Mỹ thay đổi chính sách đối với Cuba; những nỗ lực cải thiện quan hệ từ phía Cuba và triển vọng, thách thức của quan hệ Mỹ - Cuba. Tác giả khẳng định, thỏa thuận tái thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Mỹ - Cuba được đánh giá là bước ngoặt “lịch sử” trong quan hệ giữa hai nước sau hơn nửa thế kỷ “đôi đầu”. Tuy nhiên, để tiến tới bình thường hóa hoàn toàn quan hệ, hai nước vẫn cần nhận thức đầy đủ và tranh thủ thời cơ “ngàn vàng” này để tiếp tục thể hiện thiện chí, tích cực đàm phán, tìm ra các giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề còn tồn tại trên tinh thần tôn trọng luật pháp quốc tế, Hiến chương LHQ, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích chính đáng của nhau. Chỉ có như vậy, tiến trình bình thường hóa quan hệ mới đạt được kết quả.

Tác giả Nguyễn Thùy Dương với các bài viết “*Quan hệ giữa Mỹ và Cuba*” [17] và “*Triển vọng sau bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba*” [18] đã phân tích mối quan hệ Mỹ - Cuba trong lịch sử và hiện tại; đồng thời, nêu lên triển vọng của mối quan hệ giữa hai nước, đặc biệt sau khi Mỹ và Cuba tuyên bố bình thường hóa quan hệ và xu hướng chính trị ở Mỹ Latinh. Theo tác giả: bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba là sự kiện mang tính lịch sử nhận được sự hoan nghênh của nhân dân hai nước và cộng đồng quốc tế và là một trong những bằng chứng thể hiện mục tiêu “thay đổi nước Mỹ” của Tổng thống B. Obama.

Cũng trên Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, đã đăng tải bài báo của tác giả Lộc Thị Thủy (2016) “*Chuyến thăm lịch sử của Tổng thống Mỹ đến Cuba*” [78]. Tác giả bài viết đã phân tích các dữ liệu từ chuyến thăm lịch sử của Tổng thống Mỹ B. Obama tới Cuba vào ngày 20/3/2016, sau hơn 56 năm Mỹ thực hiện chính sách bao vây cấm vận với Cuba, đã đạt được ba mục tiêu như sau: (1) thúc đẩy quan hệ song phương và đưa mối quan hệ hai nước sang một trang mới; (2) góp phần cải thiện quan hệ giữa Mỹ với Mỹ Latinh vốn đang rạn nứt trong nhiều năm qua; (3) chuyến thăm của Tổng thống B. Obama còn tạo lợi thế cho đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử sắp tới. Bài báo khẳng định, chuyến thăm của Tổng thống B. Obama tới Cuba đã đem lại những kết quả tích cực và giúp cho quan hệ song phương giữa Mỹ và Cuba được cải thiện. Tuy nhiên, vấn đề lòng tin vẫn là rào cản lớn nhất trong quan hệ hai bên do phụ thuộc rất nhiều vào tổng thống Mỹ trong tương lai, bởi quan điểm về Cuba của các ứng cử viên của hai đảng vẫn còn khác biệt.

Bài viết “*Quan hệ Mỹ - Cuba: những tiến triển và trở ngại*” [72] của Đỗ Thị Thảo (2016) đã phân tích những tiến triển mới trong quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 2014. Sau khi chỉ ra những khó khăn, trở ngại trong quan hệ giữa hai nước, tác giả bài báo cho rằng, mặc dù tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ và Cuba sau nhiều thập kỷ thù địch đã và đang có những bước tiến triển tốt đẹp, song từ việc bình thường hóa quan hệ về mặt ngoại giao tới bình thường hóa quan hệ về kinh tế vẫn còn là một lộ trình rất dài với nhiều rào cản vốn tồn tại từ rất lâu do lệnh cấm vận của Mỹ và các vấn đề chính trị liên quan.

Tác giả Võ Minh Tập (2017) với bài viết “*Bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba*” [68] đã khái quát quan hệ Mỹ - Cuba và tiến trình bình thường hóa quan hệ hai nước với các nội dung chủ yếu gồm ngoại giao, kinh tế, đối với thương mại, du lịch và đối với ngân hàng, viễn thông. Đồng thời, bài báo cũng phân tích nguyên nhân, cơ hội, thách thức việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba và triển vọng sau khi bình thường hóa Mỹ - Cuba. Tác giả kết luận, bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba là một yêu cầu tất yếu lịch sử, phản ánh thực tế về nhu cầu phát triển của Mỹ, Cuba và xu thế phát triển của thế giới hiện đại. Kết quả đang trong giai đoạn bước đầu của mối quan hệ, nhưng với sự thay đổi nhận thức, quyết tâm chính trị, nguyện vọng và niềm tin giữa hai nước chắc chắn sẽ vượt qua thách thức và tìm kiếm cơ hội để phát triển.

Ngoài ra, còn có một số bài viết khác như: Duy Phong (2004), “*Mỹ sử dụng Luật cấm vận Cuba để trừng phạt các công ty châu Âu*” [57], Nguyễn Xuân Ninh (2009), “*Quan hệ Mỹ - Cuba dưới thời tổng thống B. Obama*” [55], Tạp chí châu Mỹ ngày nay, số 9; Đỗ Sơn Hải (2015), “*Dấu ấn cá nhân trong bước ngoặt của quan hệ Cuba - Mỹ*” [21] và Lộc Thị Thủy (2015), “*Tác động của tuyên bố bình thường hóa đến quan hệ Mỹ - Cuba*” [76]... Tất cả các bài viết trên đề cập đến chính sách, mối quan hệ phức tạp giữa Mỹ và Cuba, cũng như những trở ngại và triển vọng, tác động của việc bình thường hóa mối quan hệ giữa hai nước.

Nhìn chung, ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu lịch sử quan hệ giữa Mỹ và Cuba nói riêng và các vấn đề liên quan nói chung khá nhiều. Tuy nhiên, việc đi sâu nghiên cứu về mối quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2016 còn khiêm tốn.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về lịch sử và chính sách đối ngoại của Mỹ, Cuba liên quan đến quan hệ Mỹ - Cuba

Nhóm các vấn đề chung:

- Ở Mỹ, các trung tâm, các viện nghiên cứu và nhiều trường đại học đã

thực hiện nhiều công trình liên quan đến chính sách đối ngoại của Mỹ. Một số tác phẩm chuyên sâu, nghiên cứu về các học thuyết, trào lưu tư tưởng định hình cho sự ra đời của các chính sách, là công cụ lý luận để giải thích, cổ vũ cho chính sách đối ngoại của Mỹ.

Tiêu biểu cho nội dung này phải kể đến cuốn sách *U.S Foreign Policy after the Cold War* [61] là một công trình nghiên cứu công phu của các học giả Mỹ do Giáo sư Randal B. Ripley và James M.Lindsay (cb, 1997) (Đại học Pittsburgh ấn hành năm 1997 và được Nxb Chính trị quốc gia xuất bản năm 1999 với tên gọi Chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh). Nội dung của tác phẩm trình bày tình hình quốc tế và nước Mỹ sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Chiến tranh Lạnh kết thúc; những đối sách và sự thay đổi trong các cơ quan đầu não của Mỹ; phân tích và khuyến nghị các chính sách lớn của Mỹ trên nhiều lĩnh vực như viện trợ ngoại giao, chính sách thương mại, vấn đề sử dụng vũ lực...

Cuốn *Foreign Policy for America in the Twenty-first Century: Alternative Perspectives* [212] do Thomas H. Henriksen biên soạn chỉ ra vị thế và ưu thế tuyệt đối của Mỹ sau khi bức tường Berlin sụp đổ và tác động của nó đối với việc xây dựng một chiến lược lớn của Mỹ trong thế giới sau năm 1991. Hay cuốn *American Foreign Policy: The Dynamics of Choice in the 21st Century* [9] (Chính sách đối ngoại của Mỹ. Động lực của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI) của Bruce W. Jentleson đã tập trung trình bày cơ sở lý luận và lịch sử hình thành chính sách đối ngoại Mỹ; một số nội dung cơ bản, cũng như những lựa chọn và thách thức đang đặt ra cho chính sách đối ngoại Mỹ trong thế kỷ XXI.

Tác giả J. McCormick với ấn phẩm *America's Half-Century: United States Foreign Policy in the Cold War and After* [213] đã phân tích rất nhiều nội dung, song điểm nhấn mạnh là Thomas đã đưa ra một cách hiểu mang tính lý thuyết về chính sách đối ngoại Mỹ, nhận thức của ông về vai trò thế giới của Mỹ với những căn nguyên lịch sử của bá quyền Mỹ từ 1895 và tương lai của bá quyền Mỹ sau Chiến tranh Lạnh.

Nhóm nghiên cứu về Cuba:

Nghiên cứu về Cuba trên lĩnh vực chính trị, kinh tế phải kể đến tác phẩm của tác giả Richard E. Feinberg (2011), *Reaching Out: Cuba's New Economy and the International Response* [201]. Cuốn sách đã tập trung phân tích tiến trình phát triển của nền kinh tế Cuba, chiến lược phát triển thị trường mới nổi của Cuba và hợp tác quốc tế của Cuba với các thể chế tài chính có liên quan đến thị trường thế giới và Mỹ hay công trình báo cáo của Collin Lavery (2011) với nhan đề *Cuba's New Resolve: Economic Reform and its Implications for U.S. Policy*, [157]. Báo cáo đã phân tích câu chuyện về lịch sử kinh tế Cuba trong 50 năm; mô tả chi tiết các thay đổi tích cực và hạn chế của thể chế kinh tế Cuba dưới thời Chủ tịch Raúl Castro. Trong bản báo cáo, CDA cố gắng đưa ra một đánh giá thực tế về những gì đang xảy ra ở Cuba và vẽ ra một bức tranh về một quá trình có thể làm cho người dân Cuba có thể dẫn dắt cuộc sống thịnh vượng và độc lập hơn, không phải do áp lực của Mỹ, mà là vì các lực lượng và ý tưởng xuất phát từ bên trong Cuba.

Các công trình trên đã đề cập đến cơ sở, nội dung chính sách đối ngoại của nước Mỹ cũng như Cuba và luận giải khá logic các nhân tố tác động, các sự kiện ngoại giao đã diễn ra trong tiến trình lịch sử nước Mỹ, Cuba đặc biệt là sau Chiến tranh Lạnh đến nay.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu trực tiếp quan hệ Mỹ - Cuba

Quan hệ Mỹ - Cuba sau Chiến tranh Lạnh được đề cập qua nhiều công trình nghiên cứu trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao và kinh tế.

Tại **Mỹ**, tập thể tác giả Tim Lynch, Necati Aydin và Julie Harrington (2004) với công trình *Estimation of Alternative Economic Scenarios of the Future Emergence of Cuba into the Global Economy in a Post U.S. Trade Embargo Era - Economic Impacts on the U.S. Economy* [214]. Công trình đã phân tích quan hệ thương mại Mỹ - Cuba trước thời Fidel Castro và hậu Fidel Castro, những lợi ích tiềm tàng của quan hệ thương mại đối với Cuba và với nền kinh tế Mỹ. Các tác giả đã nêu lên tác động của những biện pháp trừng phạt kinh tế đối với Cuba của Mỹ lên cả hai nền kinh tế Mỹ và Cuba.

Cuốn sách *A New Chapter in US-Cuba Relations: Social, Political, and Economic Implications* của Eric Hershberg & William M. LeoGrande (2016) [162] là ấn phẩm tập trung phân tích của nhiều nhà nghiên cứu ở Mỹ với nhiều chủ đề khác nhau về mối quan hệ Mỹ - Cuba và những hậu quả đối với những thay đổi về chính trị, kinh tế và văn hoá diễn ra ở Cuba. Nhiều tác giả tập trung nghiên cứu mối quan hệ song phương giữa hai nước và đề cập đến tầm quan trọng của việc nối lại quan hệ giữa Mỹ với Cuba nói riêng và các nước ở Tây bán cầu nói chung. Đồng thời, xem xét kết quả của sự thay đổi chính sách của chính quyền B. Obama đối với Cuba, cũng như đối với quan hệ ngoại giao Mỹ - Mỹ Latinh. Cuối cùng là làm rõ bản chất và triển vọng bình thường hóa mối quan hệ giữa Mỹ và Cuba.

Nhiều học giả Mỹ cũng công bố khá nhiều công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khác nhau. Bài viết “*If That Is Heaven, We Would Rather Go to Hell: Contextualizing U.S.-Cuba Relations*” của Luis E. Rumbaut & Rubén G. Rumbaut [188] xem xét lịch sử quan hệ giữa hai nước Mỹ - Cuba, tìm kiếm bối cảnh nguồn gốc xã hội và tiến triển chính trị của quan hệ hai nước. Bài viết kết luận rằng, sự cải thiện các mối quan hệ Mỹ - Cuba dường như không có tác động sâu sắc dẫn đến sự thay đổi nền kinh tế chính trị của một trong hai nước.

Tác giả Asa McKercher (2015), *Canadian Mediation in the U.S. Confrontation with Cuba* [151] phân tích sự sụp đổ của quan hệ giữa Washington và Havana sau cuộc cách mạng Cuba năm 1959; Canada xem xét trung gian giải quyết tranh chấp giữa Cuba và Mỹ nhằm tạo ra sự khác biệt giữa chính sách đối ngoại của Canada và Mỹ đối với Cuba. Tuy nhiên, các quan chức Canada cũng quan tâm đến cả khả năng hạn chế của Canada và vị thế của họ như là một đồng minh thân cận của Mỹ trong việc trung gian hòa giải mối quan hệ Mỹ và Cuba.

Bài viết “*United States-Cuba Normalizations: Strategic Implications for U.S. National Security*” [211] của Ted Piccone (2015) đã phân tích tác động của

việc bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ và Cuba cuối năm 2014 trên ba cấp độ: song phương, khu vực và toàn cầu. Tác giả cho rằng, với cấp độ song phương, sự chuyển hướng sang một chính sách có tính xây dựng nhưng mang tính quyết định quan trọng của Mỹ với Cuba cho phép chính quyền B. Obama có thể thúc đẩy lợi ích chiến lược của mình trong nhiều lĩnh vực, bao gồm chống tham nhũng và hợp tác chống khủng bố, an ninh hàng không và hàng hải, cứu trợ thiên tai, buôn người và di cư. Sự hợp tác giữa nhà nước và nhà nước có thể xảy ra sau khi mối quan hệ ngoại giao được khôi phục hoàn toàn. Đối với khu vực, bằng cách mở ra khả năng của mối quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn giữa Cuba và Mỹ, Cuba có thể làm giảm sự phụ thuộc vào Venezuela, đặc biệt là về năng lượng. Sự thay đổi chính sách thường được hoan nghênh khắp Mỹ Latinh và Cariber và có ảnh hưởng lâu dài đến quan hệ ở Tây bán cầu. Ở cấp độ toàn cầu, tác giả cũng phân tích thái độ của châu Âu cũng như của Nga và Trung Quốc...

Các báo cáo của Cơ quan Nghiên cứu Quốc hội Mỹ (CRS) tiến hành được cập nhật liên tục trong những năm gần đây đã cung cấp nhiều tư liệu cho việc nghiên cứu quan hệ Mỹ - Cuba:

Báo cáo *Cuba: U.S. Restrictions on Travel and Remittances* [209] của Mark P. Sullivan (2011) đề cập đến nội dung về những hạn chế tài chính của Mỹ đối với Cuba trong vấn đề du lịch của người dân Cuba và đưa ra các sáng kiến lập pháp cho vấn đề này tại suốt các kỳ họp từ 106 đến 111 của Quốc hội Mỹ.

Báo cáo *Cuba: U.S. Policy and Issues for the 113th Congress* [210] của tác giả Mark P. Sullivan (2014) gồm ba phần chính: Phân tích tình hình chính trị và kinh tế của Cuba dưới thời Raúl Castro, bao gồm tình hình nhân quyền; tình hình kinh tế và sự thay đổi chính sách đã xảy ra cho đến thời điểm năm 2014 dưới thời R. Castro và quan hệ ngoại giao của Cuba. Phần thứ hai đề cập đến chính sách của Mỹ đối với Cuba từ thời Chính quyền Tổng thống G.W. Bush, phân tích chính sách này dưới Chính quyền Tổng thống B. Obama và nêu lên định hướng chính sách Mỹ đối với Cuba. Trong phần thứ ba, báo cáo nêu lên nhiều vấn đề

chính trong quan hệ của Mỹ - Cuba được đưa ra trong các cuộc tranh luận về chính sách Cuba của Mỹ. Phần cuối cùng của báo cáo cung cấp một danh sách các dự luật và nghị quyết của Mỹ được đưa ra trong kỳ họp 113.

Trên nền tảng nghiên cứu sâu, nhóm tác giả Steven Zahniser, Bryce Cooke, Jerry Cessna, Nathan Childs, Mildred Haley, Michael McConnell và Carlos Arnade (2015) đã công bố *U.S. - Cuba Agricultural Trade: Past, Present and Possible Future*, USDA, [208]. Công trình đưa ra một cái nhìn tổng quan về chính sách thương mại nông nghiệp của Mỹ với Cuba cũng như dự báo các khả năng có thể diễn ra. Cuba đã từng là thị trường hàng đầu về xuất khẩu một số mặt hàng nông nghiệp của Mỹ bao gồm gạo, mỡ lợn, thịt lợn và bột mì. Mặc dù những thách thức vẫn tồn tại, những thay đổi trong chính sách của Mỹ mở ra khả năng mở rộng thương mại Mỹ - Cuba cho một số mặt hàng.

Ở *Anh*, đáng chú ý phải kể đến ấn phẩm *Kindred notes: Shifting from 'Do they work?' to 'What do they want?' How US economic sanctions against Cuba alter the field of sanctions studies*, Department of Government, United Kingdom do Đại học Essex xuất bản [216]. Nghiên cứu này phân tích về quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh (theo ba giai đoạn 1990 - 1999, 2000 - 2010 và 2010 - 2015). Trong mỗi giai đoạn, cuốn sách nêu bối cảnh lịch sử, môi trường chính trị và các vấn đề chính sách đối ngoại của Mỹ với Cuba để chỉ ra kết quả cụ thể của việc trừng phạt, duy trì lệnh cấm vận kinh tế của Mỹ đối với Cuba sau khi Liên Xô sụp đổ và kết thúc Chiến tranh Lạnh.

Tại *Italia*, tác giả Laura Puccio (2015) với bài viết “*Future scenarios for US-Cuba relations*” [186] đã phân tích bối cảnh kinh tế và chính trị tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba; Việc Mỹ đã áp đặt lệnh cấm vận đối với Cuba vào những năm 1960 cho đến khi bình thường hóa quan hệ. Đặc biệt, tác giả đánh giá triển vọng của mối quan hệ Mỹ - Cuba sau khi tiến trình bình thường hóa, hay nói cách khác bài viết đã giải quyết rất nhiều câu hỏi về kết quả của quá trình bình thường hóa giữa Mỹ và Cuba sẽ mang lại. Và đối với EU, bài viết cũng nêu lên một số nghi vấn về khả năng nối lại quan hệ Mỹ - Cuba.

Với bài viết “*US Democracy Promotion in Cuba after the Cold War*” [148] gồm hai phần của mình, tác giả Alessandro Badella của Trường Đại học Genoa đã chỉ ra lý do đằng sau những nỗ lực kéo dài của Mỹ để thúc đẩy một sự thay đổi dân chủ hòa bình ở Cuba trong chính sách đối ngoại của Mỹ - một trong những đặc điểm chính trong mối quan hệ song phương giữa Mỹ và Cuba kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Để cố gắng trả lời một số câu hỏi quan trọng về chiến lược của Mỹ tại Cuba, bài báo đã giải quyết được các câu hỏi: Tại sao Mỹ lại thúc đẩy dân chủ ở Cuba? Tại sao việc thúc đẩy dân chủ trở thành một đặc điểm lâu dài trong quan hệ Mỹ - Cuba? Trên nền tảng an ninh, các lợi ích kinh tế của Mỹ với Cuba như một yếu tố thúc đẩy quan trọng cho việc thúc đẩy dân chủ; vai trò của cộng đồng người Mỹ, Cuba và các vấn đề, quan điểm chiến lược của Mỹ, tác giả đã đưa ra cách giải quyết các câu hỏi đó.

Bài viết “*B. Obama and US Democracy Promotion in Cuba: New Strategies, Old Goals?*” của tác giả Alessandro Badella [147] phân tích sự tiến triển trong việc thúc đẩy dân chủ ở Cuba của Mỹ, đặc biệt là sau bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba vào cuối năm 2014. Về việc thúc đẩy dân chủ trên hòn đảo (Cuba), tác giả cho rằng cái gọi là “bỏ rơi dân chủ” trong chính sách đối ngoại của Mỹ là không bao giờ xảy ra và điều này hàm ý một nỗ lực đổi mới của Mỹ để thúc đẩy sự thay đổi chế độ ở Cuba. Bài viết cũng phân tích việc Tổng thống B. Obama đã phản đối mạnh mẽ học thuyết Bush và đưa ra một số thay đổi trong quan hệ giữa Mỹ và Cuba, đồng thời có liên quan chặt chẽ đến “ngoại giao nhân dân” vẫn được coi là công cụ thúc đẩy sự thay đổi chính trị ở Cuba.

Ở **Bồ Đào Nha**, bài viết “*Interest Groups and U.S. Foreign Policy towards Cuba: the Restoration of Capitalism in Cuba and the Changing Interest Group Politics*” [181] của Koçak Canberk (2016) đã phân tích bối cảnh cuộc cải cách kinh tế của Cuba và sự thay đổi chính trị của các nhóm chính trị ở Mỹ, lịch sử cầm vận của Mỹ với Cuba. Từ đó, nghiên cứu các yếu tố quyết định về sự thay đổi liên tục trong việc cầm vận Cuba của Mỹ trong thế kỷ XXI và các điều kiện hình thành chính sách mới do B. Obama đưa ra vào cuối năm 2014.

Như vậy, về cơ bản, các nghiên cứu ở nước ngoài mà tác giả tiếp cận được nói trên đã cung cấp những thông tin tương đối chi tiết về các lĩnh vực hợp tác giữa Mỹ và Cuba từ sau Chiến tranh Lạnh, đồng thời cũng đánh giá cao vai trò của Mỹ, Cuba đối với quá trình phát triển kinh tế, xã hội của hai nước. Qua đó, các nghiên cứu cũng đã chỉ ra những thách thức, trở ngại và triển vọng trong quan hệ giữa hai nước đặt trong bối cảnh kinh tế, chính trị và xã hội của Mỹ, Cuba, khu vực Mỹ Latinh và toàn cầu sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt kể từ thời điểm hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao trong thế kỷ XXI.

1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và nhiệm vụ đặt ra cho luận án

1.3.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu

Trong giới hạn khảo cứu những công trình liên quan đến đề tài luận án, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, có rất nhiều công trình đề cập đến những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến mối quan hệ Mỹ - Cuba từ sau Chiến tranh Lạnh đến năm 2016 trong bối cảnh hai nước, khu vực và của thế giới như: Lịch sử, chính sách đối ngoại của Mỹ và của Cuba. Những công trình đề cập trực tiếp đến quan hệ song phương Mỹ - Cuba chủ yếu là trong thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh và được nghiên cứu khá nhiều trong những năm đầu thế kỷ XXI, nhất là tại Mỹ và một số quốc gia châu Âu. Điểm chung của các tài liệu trên đều nhìn nhận quan hệ Mỹ - Cuba là phức tạp, thù địch, gặp nhiều trở ngại và triển vọng hạn chế. Nội dung bao trùm trong quan hệ hai nước sau Chiến tranh Lạnh là chính trị - ngoại giao và kinh tế, còn các lĩnh vực khác thì ít đề cập hơn.

Thứ hai, những tài liệu trên đã đề cập đến lịch sử quan hệ Mỹ - Cuba trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội... Đó là nguồn tư liệu cần thiết và là cơ sở quan trọng để tác giả khảo cứu, tìm hiểu và đánh giá quan hệ hai nước trong phạm vi đề tài. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1991 - 2016, chưa có công trình nghiên cứu toàn diện, hệ thống, chuyên sâu về quan hệ Mỹ - Cuba, cũng như trực tiếp đề cập đến đặc điểm và tác động của quan hệ Mỹ - Cuba với hai chủ thể này và đối với khu vực Mỹ Latinh và thế giới. Phần lớn là

các bài viết phục vụ cho báo cáo quốc hội, đăng tải trên các tạp chí... Hơn nữa, hầu hết các quan điểm đưa ra đều nhìn nhận theo quan điểm của người Mỹ, của chính quyền Mỹ, vì những lợi ích của người Mỹ. Trong khi, các tài liệu nghiên cứu mối quan hệ Mỹ - Cuba ở Cuba do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan nên tác giả chưa tiếp cận được nhiều.

Thông qua các tài liệu trên, Luận án đã kế thừa kết quả nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Cuba của các tác giả đi trước. Mối quan hệ Mỹ - Cuba là mối quan hệ phức tạp, thù địch, biến đổi khó lường và hợp tác trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao và kinh tế là chủ yếu.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu trước, khảo cứu, bổ sung những nguồn tư liệu mới, tác giả đã hệ thống hóa các sự kiện, xử lý, phân tích số liệu xung quanh vấn đề *Quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016*. Từ đó, Luận án rút ra những nhận xét về thành tựu, hạn chế, tính chất, đặc điểm và triển vọng quan hệ hai nước, phân tích tác động tới hai nước cũng như các nước trong khu vực Mỹ Latinh và thế giới. Cụ thể là:

Thứ nhất, chỉ rõ những nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba bao gồm: Nhân tố lịch sử, nhân tố quốc tế, nhân tố khu vực, nhân tố từ phía Mỹ và Cuba.

Thứ hai, hệ thống hóa quan hệ Mỹ - Cuba trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế và văn hóa - xã hội. Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, đề tài sẽ làm rõ tiến trình của mối quan hệ phức tạp và thù địch giữa hai nước đến bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba. Những thành tựu đạt được và những vấn đề còn tồn tại giữa hai nước trong hơn 25 năm qua theo hai giai đoạn: 1991 - 2008 và 2009 - 2016. Nghiên cứu quan hệ Mỹ - Cuba trên lĩnh vực kinh tế, luận án tập trung làm rõ mối quan hệ song phương về thương mại, đầu tư, du lịch và nông nghiệp và chỉ rõ những hạn chế trong lĩnh vực quan hệ này.

Thứ ba, đánh giá, nhận xét về quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016. Trong đó làm nổi bật về những thành tựu, hạn chế, đặc điểm của mối quan hệ này. Đặc biệt nêu lên nguyên nhân và tác động của việc bình thường hóa mối quan hệ này đối với từng nước (Mỹ, Cuba), đối với khu vực Mỹ Latinh và đối với thế giới.

Chương 2

QUAN HỆ MỸ - CUBA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2008

2.1. Những nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991-2008

2.1.1. Khái quát quan hệ Mỹ - Cuba trước năm 1991

Mỹ và Cuba là hai nước láng giềng. Đối với Mỹ, Cuba có vị trí chiến lược rất quan trọng về chính trị và kinh tế Mỹ. Do đó, trong lịch sử, đặc biệt từ thế kỷ XIX, các nhà lãnh đạo Mỹ luôn muốn đưa Cuba vào tầm ảnh hưởng trong tham vọng mở rộng lãnh thổ của mình. Khi đề cập tới các lợi ích chiến lược của Mỹ đối với khu vực Mỹ Latinh, Tổng thống John Quincy Adams từng nhận định hòn đảo này là “một phụ thuộc tự nhiên” (a natural appendage) của Mỹ, còn Tổng thống Thomas Jefferson thì xem Cuba có thể là “sự bổ sung thú vị nhất trong hệ thống các bang” của nước này [204, pp.133]. Tiếp tục ý tưởng này, Tổng thống James Monroe đề ra Monroe Doctrine¹ (1823). Tuy nhiên, ý tưởng này chưa thể thực hiện được vì các lý do từ bản thân nước Mỹ và từ Tây Ban Nha (không muốn rời bỏ lãnh thổ Mỹ Latinh cuối cùng của họ) [196, pp.5].

Ngay từ những năm 1700, Mỹ đã có sự can thiệp và kiểm soát Cuba ở một mức độ nhất định, thông qua việc tham gia vào các hoạt động mua bán bất hợp pháp giữa người Cuba và người Mỹ. Quá trình này đã khiến Cuba ngày càng phụ thuộc vào Mỹ, giúp Mỹ thay thế Tây Ban Nha trở thành thị trường xuất khẩu chính của Cuba. Vào năm 1860, 62% hàng hóa Cuba đã xuất khẩu sang Mỹ và chỉ 3% sang Tây Ban Nha [154, pp.6]. Sự suy giảm về kinh tế dẫn đến tình trạng bất ổn sâu sắc về kinh tế - xã hội Cuba khiến Mỹ có thêm cơ hội tăng cường hiện diện trong nền kinh tế nước này. Sau cuộc Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha (1898), Cuba bị Mỹ chiếm đóng. Sự ra đời của Dự luật ưu đãi về thuế quan được Quốc hội Mỹ thông qua vào năm 1903, hàng hoá Mỹ ở Cuba

¹ Học thuyết Monroe về chính sách đối ngoại của Mỹ được Tổng thống James Monroe trình bày trước Quốc hội Mỹ ngày 02/12/1823. Theo đó, nếu các nước Âu châu có hành động lập thuộc địa hay can thiệp vào nội bộ của các nước ở Bắc, Nam Mỹ thì sẽ bị xem là hành động xâm lược và như vậy đòi hỏi sự can thiệp của Mỹ. Theo Học thuyết này, Mỹ sẽ không can thiệp vào những thuộc địa hiện thời của các nước Âu châu và không can thiệp vào nội bộ các nước Âu châu.

đã được chú trọng hơn so với các sản phẩm của các nước khác, còn hàng hóa Cuba thì được hưởng đặc quyền khi tiếp cận thị trường Mỹ [207]. Sự ảnh hưởng ngày càng tăng của nền kinh tế Mỹ đã dẫn đến việc Mỹ đã bắt đầu kiểm soát phần lớn nền kinh tế Cuba cũng như kiểm soát chính trị ở quốc đảo này cho đến năm 1902.

Ngày 20/5/1902, Mỹ đã chính thức rời khỏi hòn đảo này nhưng vẫn kiểm soát Cuba ở các mức độ khác nhau.

Sau khi giành độc lập năm 1902, hệ thống chính trị ở Cuba (kể cả hai chế độ độc tài do Mỹ hỗ trợ là Machado và Batista) không ổn định. Thông qua Điều khoản Platt, Mỹ đã ba lần chiếm đóng Cuba trong những năm 1906 - 1909, 1912 và 1917¹. Từ khi F.Roosevelt nắm chính quyền năm 1933, với chính sách “Láng giềng thân thiện”, Điều ước Platt đã bị bãi bỏ. Điều này tuy chấm dứt sự bá quyền của Mỹ đối với Cuba về lý thuyết, nhưng trong thực tế, ảnh hưởng của Mỹ còn mạnh. Mỹ vẫn giữ được sự kiểm soát chính trị đối với Cuba thông qua Fulgencio Batista - người có vai trò chủ chốt trong hệ thống chính trị của Cuba và có thể bảo vệ lợi ích của Mỹ tại đây. Là nhà lãnh đạo quân sự, F.Batista đã cai trị đất nước từ năm 1940 đến năm 1944 và giành quyền lực một lần nữa vào năm 1952. Với sự can thiệp vào cuộc chiến tranh giành độc lập của Cuba, sự chiếm đóng hòn đảo và sửa đổi điều khoản Platt, Mỹ đã tạo ra một tầng lớp chính trị đầy tham nhũng ở Cuba. Sự phụ thuộc về chính trị và kinh tế của Cuba tuy đã tạo điều kiện để Mỹ kiểm soát Cuba, nhưng cũng chính điều này đã tạo nên sự bất bình của các tầng lớp nhân dân Cuba. Cuộc cách mạng Cuba trong những năm 1953 - 1958 giành thắng lợi, lật đổ chính phủ của Tổng thống thân Mỹ F. Batista đã làm biến đổi mối quan hệ Mỹ - Cuba.

¹ Sự chiếm đóng và can thiệp của Mỹ từ năm 1906 đến năm 1909 bắt nguồn từ cuộc nổi dậy của Đảng tự do (8/1906). Nguyên nhân của cuộc nổi dậy này là việc tái cử Tổng thống Cuba đầu tiên Tomas Estrada Palma do những tin đồn về gian lận bầu cử. Không có khả năng kiểm soát các cuộc biểu tình, Estrada Palma đã yêu cầu sự trợ giúp từ Mỹ và Mỹ đã can thiệp. Estrada Palma đã từ chức Tổng thống và một chính phủ quân sự mới dưới sự điều hành của Thảm phán Charles Magoon. Năm 1912, một cuộc nổi dậy của người Negro hay “Levantamiento Armado de los Independenties deColor” đã diễn ra ở Cuba. Cuộc nổi dậy bị quân đội Cuba và quân đội Mỹ dập tắt. Năm 1917, một cuộc nổi loạn đã nổ ra. Tổng thống Mario Garcia Menocal đã giành chiến thắng trong cuộc bầu cử. Một lần nữa, đảng Tự do lại nổi loạn. Mỹ phản ứng với công chúng hỗ trợ cho tổng thống bảo thủ.

Fidel Castro lên nắm quyền sau cuộc cách mạng Cuba năm 1959. Trước đó, Mỹ đã ủng hộ Fidel Castro bằng cách thực hiện lệnh cấm vận vũ khí đối với Chính phủ Fulgencio Batista năm 1958 và công nhận chế độ mới được thành lập. Sau ba tháng cầm quyền, Castro đã viếng thăm Mỹ. Đây là một sự kiện hiếm hoi bởi vì nó cho thấy mối quan hệ tốt giữa hai bên. Tuy nhiên, khi chính quyền do Fidel Castro điều hành bắt đầu thực hiện quốc hữu hóa tất cả các tài sản ở nước ngoài, bao gồm các doanh nghiệp Mỹ đang hoạt động tại Cuba và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô, quan hệ Mỹ - Cuba trở nên xấu đi. Để đối phó với việc Cuba quốc hữu hóa tài sản, Mỹ đã phản ứng bằng cách áp đặt lệnh cấm vận Cuba đầu tiên dưới thời D. Eisenhower [299]. Vào ngày 03/01/1961, vào lúc đỉnh điểm căng thẳng trong quan hệ giữa Mỹ và chính phủ của Fidel Castro ở Cuba, Tổng thống D. Eisenhower đã ra quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao và đóng cửa đại sứ quán Mỹ ở Havana.

Đầu những năm 60, Mỹ nỗ lực bí mật lật đổ Chính phủ của Fidel Castro. Tổng thống John F. Kennedy đã lên kế hoạch cho một cuộc tấn công của đội quân gồm những người lưu vong Cuba do CIA đào tạo được sử dụng để lật đổ Fidel Castro [296]. Cuộc tấn công bắt đầu vào ngày 17/4/1961 (được gọi là sự kiện Vịnh con Lợn), ngay sau khi Chủ tịch Fidel Castro tuyên bố Cuba là một quốc gia XHCN (16/4). Tuy nhiên, cuộc tấn công này đã bị thất bại nặng nề, những người Cuba lưu vong đã buộc phải đầu hàng quân đội Cuba. Sau Sự kiện Vịnh Con Lợn, mối quan hệ giữa Mỹ và Cuba trở thành một trong những mối quan hệ căng thẳng nhất thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

Sau đó, Mỹ đã thực hiện nhiều chiến dịch bao gồm các hoạt động gián điệp và phá hoại nhằm loại bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Cuba. Tuy nhiên, tất cả những nỗ lực để ám sát hoặc “làm nhục” Chủ tịch Fidel Castro đều bị thất bại và điều này đã làm gia tăng căng thẳng giữa Mỹ và Cuba.

Lệnh cấm vận đầy đủ của Mỹ đối với Cuba được đưa ra vào tháng 2/1962 [299]. Trước đó, năm 1961, Tổng thống J. Kennedy đã ký Đạo luật Hỗ trợ nước

ngoài năm 1961, cho phép Tổng thống thực hiện lệnh cấm vận toàn bộ thương mại với Cuba. Điều này đã được thực hiện trong Bản tuyên bố 3447 về lệnh cấm vận đối với tất cả thương mại Cuba [274]. Theo đó, việc nhập khẩu tất cả hàng hoá có nguồn gốc Cuba vào Mỹ và xuất khẩu sang Cuba bị cấm [296]. Trong bối cảnh đó, Fidel Castro đã cho phép Liên Xô xây dựng các địa điểm tên lửa ở Cuba nhưng đã bị phát hiện bởi các máy bay do thám của Mỹ. Việc triển khai tên lửa của Liên Xô ở Cuba cuối cùng đã dẫn tới cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba vào tháng 10/1962. Kết quả là một thỏa thuận giữa Mỹ và Liên Xô, với nội dung chính là: Liên Xô sẽ dỡ bỏ các căn cứ tên lửa ở Cuba và Mỹ sẽ không xâm lược quân sự đối với Cuba.

Quan hệ đối đầu giữa Mỹ và Cuba không thay đổi trong suốt các thập kỷ 60 và 70. Dưới thời hai Tổng thống Richard Nixon và Gerald Ford, từ phía Mỹ, đã xuất hiện một vài nỗ lực bình thường hoá quan hệ với Cuba [172], nhưng bất thành. Nguyên do là, Cuba ít quan tâm đến việc cải thiện quan hệ với Mỹ, bởi vì Liên Xô đã cung cấp cho họ hỗ trợ tài chính đảm bảo cho sự thịnh vượng của Cuba và đặc biệt là do sự khác biệt về ý thức hệ và tác động của cuộc Chiến tranh Lạnh [172]. Mặt khác, cũng vào thời gian này, Cuba tích cực hỗ trợ phong trào cách mạng châu Phi và Mỹ Latinh, như đưa quân tới Angola để hỗ trợ Phong trào Nhân dân giải phóng Angola (MPLA) chống lại sự can thiệp của Nam Phi, Zaire [172].

Trong nhiệm kỳ của mình (1977 - 1980), Tổng thống Jimmy Carter đã cố gắng thực hiện bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ với Cuba và đạt được một số thỏa thuận với Chính phủ Cuba [172]. Cụ thể là, đã bãi bỏ một phần trong chính sách cấm vận Cuba là các hạn chế khi đi đến nước này (công dân Mỹ có thể chi 100 USD cho mua hàng hoá Cuba khi đến thăm Cuba) [174]. Hội đồng An ninh Quốc gia cũng ngừng đưa các tàu nước ngoài tham gia thương mại Cuba vào danh sách đen.

Hệ quả của việc làm này là Tổng thống J. Carter đã nhận được nhiều lời chỉ trích vì đã chào đón những người tị nạn Cuba đến Mỹ [218, pp. 67-86]. Vụ

việc này diễn ra trong thời điểm chiến dịch tranh cử tổng thống Mỹ, do đó đã gây sự chú ý của công chúng Mỹ về Cuba và gây ra khủng hoảng người tị nạn. Khi Tổng thống Ronald Wilson Reagan lên nắm quyền năm 1981, đặc trưng mối quan hệ giữa hai nước vẫn là sự thù địch [172]. Vào năm 1982, chính quyền R. Reagan tái lập lệnh cấm đi lại đã được J. Carter dỡ bỏ vào năm 1977 (vốn là biểu tượng quan trọng vì nó là thỏa thuận đầu tiên ký kết giữa Cuba và Mỹ sau cuộc khủng hoảng tên lửa năm 1962). Tuy nhiên, một số hoạt động đi lại (bao gồm đi du lịch) được cho phép cho một số đối tượng cụ thể: các quan chức Chính phủ Mỹ, nhân viên của các tổ chức làm phim hoặc tin tức, những người tham gia vào nghiên cứu chuyên nghiệp hoặc những người thăm thân nhân gần gũi của họ. Dấu hiệu này cho thấy, từ những năm 80 của thế kỷ XX về sau, lợi ích phi chính trị bắt đầu đóng một vai trò ngày càng tăng trong việc duy trì chính sách của Mỹ đối với Cuba.

Cũng trong năm 1982, Tổng thống R. Reagan công bố một chương trình mới hỗ trợ kinh tế và quân sự cho khu vực Caribe¹ nhằm ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan rộng trong khu vực. Chính quyền Tổng thống R. Reagan cũng giành thời gian và nỗ lực đáng kể để cố gắng cô lập Cuba ở Tây bán cầu. Đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, R. Reagan đã thành công trong việc hạn chế sự hình thành và phát triển quan hệ song phương giữa Cuba và các quốc gia Mỹ Latinh khác. Áp lực của Mỹ có hiệu quả khi hạn chế Cuba kết nối với Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS), các tổ chức chính trị và thương mại khác trong khu vực. Tổng thống R. Reagan đã tuyên bố một chương trình mới về hỗ trợ kinh tế và quân sự cho các quốc gia vùng Caribe nhằm mục đích ngăn chặn việc lật đổ các chính phủ trong khu vực bởi các lực lượng cộng sản. Sáng kiến Lòng chảo Caribe (Caribe Basin Initiative, CBI) là một phần trong nỗ lực của chính quyền Reagan nhằm hạn chế những gì họ cho là sự trỗi dậy nguy hiểm trong hoạt động cộng sản ở Trung Mỹ

¹ Vùng Caribe: tiếng Tây Ban Nha: Caribe, tiếng Anh: Caribbean, tiếng Pháp: Caraïbe... Trong luận án, chúng tôi dùng theo tiếng Tây Ban Nha (ngôn ngữ của Cuba).

và vùng Caribe. Tổng thống R. Reagan lập luận rằng, OAS nên hợp tác, bởi vì nếu các nước của OAS không hành động tự vệ thì nhiều quốc gia độc tài toàn trị với Liên Xô sẽ tăng trong khu vực và người dân của họ cuối cùng sẽ di cư sang các nước khác. Do đó, Tổng thống R. Reagan đã đưa ra gói viện trợ kinh tế trị giá 350 triệu USD và viện trợ quân sự 60 triệu USD cho vùng Caribe. Ngoài ra, R. Reagan đã tìm cách kích thích thương mại giữa các quốc gia Caribe nhằm tạo ra một môi trường đầu tư tốt hơn trong khu vực. Chương trình này có thể được coi như một phương tiện cô lập các lực lượng cách mạng do Cuba và Liên Xô ủng hộ. Tuy nhiên, chương trình này mờ dần trong những năm tiếp theo, vì nó có ít ảnh hưởng đến tình hình kinh tế của các nước liên quan.

Năm 1986, Luật cấm vận đã được sửa đổi nhằm hạn chế sự lưu chuyển quà tặng và ngoại hối từ những người Mỹ gốc Cuba về Cuba. Luật cũng gây khó khăn cho người Cuba khi vào Mỹ từ các nước thứ ba. Còn Chính phủ Cuba bắt đầu tính phí 30.000 USD/người rời Cuba [180, pp.123-124].

Kể từ năm 1960, Cuba dựa nhiều vào viện trợ của Liên Xô. Đến năm 1989, sự ủng hộ của Liên Xô giành cho Cuba đã chấm dứt. Mất sự ủng hộ từ Liên Xô, Cuba đã bước vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế. Trong thời kỳ này, thương mại nước ngoài giảm tới 75%, (trong đó thương mại với Liên Xô chiếm 70%) [176]. Chính phủ của Fidel Castro sẽ rơi vào tình trạng khủng hoảng dẫn tới sụp đổ do thiếu sự hỗ trợ của Liên Xô và các biện pháp trừng phạt của Mỹ. Tuy nhiên, Cuba tìm thấy các đối tác thương mại mới ở Mexico, Canada và Tây Âu để thay thế cho sự hỗ trợ của Liên Xô. Mỹ đã quan tâm đến môi trường thương mại mới này kể từ khi các công ty con ở nước ngoài thuộc sở hữu của Mỹ có hoạt động liên kết kinh doanh [172]. Vào đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, sau khi Liên Xô sụp đổ và hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã ở Đông Âu, quan điểm ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản của Mỹ đã trở nên không cần thiết. Tuy nhiên, những căng thẳng giữa Mỹ với Cuba vẫn tiếp tục, mong muốn lật đổ chính quyền của Chủ tịch Fidel Castro vẫn là mục tiêu trong chính sách của Mỹ đối với Cuba.

Như vậy, quan hệ Mỹ - Cuba trước năm 1991 rất phức tạp. Đặc biệt, từ khi cách mạng Cuba thành công năm 1959 đến cuối năm 1991, quan hệ hai bên căn bản là đối đầu và mang đậm dấu ấn của cuộc Chiến tranh Lạnh của Trật tự hai cực Yalta mà khuôn khổ trật tự thế giới này chịu sự chi phối sâu sắc của hai siêu cường Mỹ và Liên Xô.

2.1.2. Tình hình thế giới và khu vực

Từ cuối thập niên 80 thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng và phức tạp, đặc biệt là sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu. Bản thân Mỹ và Cuba cũng có nhiều vấn đề đặt ra. Những diễn biến trên là cơ sở để cả Mỹ và Cuba điều chỉnh chính sách sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc.

Thứ nhất, sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, thế đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô không còn đã kéo theo những thay đổi lớn trong trật tự chính trị thế giới, đưa tới một giai đoạn chuyển tiếp quá độ mà ở đó có sự phát triển không đều giữa các quốc gia đã tạo ra những trung tâm quyền lực mới theo hướng đa cực và thế giới được sắp xếp lại cơ cấu mới. Hệ thống chính trị và quan hệ quốc tế từ trật tự lưỡng cực chuyển dần sang trật tự đơn cực, trong đó Mỹ đóng vai trò chủ yếu. Tiếp đó, Liên bang Nga bước vào giai đoạn chuyển đổi đầy khó khăn, Trung Quốc trên đà phát triển mạnh mẽ nhưng khó cân bằng với Mỹ. Nhật Bản là trung tâm kinh tế lớn thứ hai thế giới nhưng lại là một cường quốc chưa toàn diện và Liên minh châu Âu (EU) gặp nhiều khó khăn trên bước đường trở thành thực thể chính trị - an ninh thống nhất. Trong khi đó, Mỹ có nhiều điều kiện thuận lợi để thực thi điều chỉnh lại bàn cờ địa - chính trị của mình, xây dựng trật tự thế giới mới với vai trò lãnh đạo thế giới [190, pp.49-88].

Mặt khác, trên bình diện quốc tế, sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, thế đối đầu Mỹ và Liên Xô không còn đã kéo theo những thay đổi lớn trong trật tự chính trị thế giới, đưa tới một giai đoạn chuyển tiếp quá độ mà ở đó có sự phát triển không đều giữa các quốc gia đã tạo ra những trung tâm quyền lực mới theo

hướng đa cực và thế giới sẽ được sắp xếp lại cơ cấu. Tuy nhiên, trong tình hình mới, mặc dù Mỹ vẫn có các lợi thế vượt trội nhưng cũng khiến Mỹ có nhiều kẻ thù và không ít nước không chấp nhận thế giới do Mỹ thống trị. Nhiều quốc gia đã lựa chọn sự thay đổi chiến lược phát triển khác nhau để đối phó với những thách thức và cơ hội mới. Hầu hết các nước đều chọn chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế. Đặc biệt, dưới vai trò vị trí quyết định chi phối hệ thống quan hệ quốc tế, quan hệ giữa các nước lớn trong thời kì quá độ diễn tiến mạnh mẽ, phức tạp, vừa hợp tác vừa cạnh tranh, vừa kiềm chế lẫn nhau nhằm tạo ra một hệ thống thế giới mới.

Thứ hai, việc Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn chưa từng có của phong trào cách mạng và phong trào XHCN nói chung, CNXH hiện thực nói riêng. Điều này đã đẩy CNXH tạm thời lâm vào khủng hoảng toàn diện, sâu sắc. Các nước XHCN còn lại đứng trước những thử thách gay gắt. So sánh lực lượng trên thế giới thay đổi theo chiều hướng bất lợi cho các nước, làm thu hẹp mạnh nhất về không gian địa lý của các nước XHCN, suy giảm niềm tin vào CNXH, cũng như sự thay đổi địa - chính trị có ý nghĩa như khúc quanh của lịch sử hiện đại. Bối cảnh đó, đã tạo cơ hội cho Mỹ khuếch trương, truyền bá mô hình kinh tế thị trường, dân chủ kiểu Mỹ ra bên ngoài, đồng thời lôi kéo, tập hợp các nước hướng về Mỹ để chống phá cách mạng thế giới.

Thứ ba, sau Chiến tranh Lạnh, thế giới chứng kiến quá trình toàn cầu hóa kinh tế, tự do hóa thương mại đã tạo nên cuộc cạnh tranh quyết liệt giữa các nước và khu vực, cùng với xu thế cạnh tranh chính trị trong trật tự mới của thế giới, các quốc gia không thể đặt mình nằm ngoài vòng xoáy phát triển của toàn cầu hóa. Tình hình này đã tác động mạnh mẽ đến việc hoạch định kế hoạch đối ngoại của các nước. Cùng với sự gia tăng của làn sóng “toàn cầu hóa”, làn sóng “khu vực hóa” cũng hình thành và phát triển, đồng thời tác động mạnh mẽ đến việc tập hợp lực lượng ở khắp nơi trên thế giới. Sự hình thành các khu vực mậu dịch tự do từ sau năm 1991 không phân biệt chế độ kinh tế và trình độ phát triển

ra đời gồm các nền kinh tế có thể chế chính trị khác nhau (AFTA, CAFTA) hoặc trình độ phát triển khác nhau (NAFTA, AFTA). Sự đa dạng trong các hình thái tự do hóa thương mại vừa mang tính thể chế cao, gắn liền với một không gian địa lý phát triển theo mô hình cổ điển như Liên minh châu Âu (EU), vừa mang tính phi thể chế và mang tính liên châu lục như APEC, ASEM... Quá trình này có vai trò quan trọng thúc đẩy các nước tham gia tích cực và góp phần tạo ra một môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, thúc đẩy các mối quan hệ quốc tế [70, tr.34-42]. Do đó, quá trình trên đã tạo ra môi trường thuận lợi cho tiến trình hòa giải những căng thẳng, bất đồng giữa Mỹ và Cuba. Cả Mỹ và Cuba đều cần phải tận dụng những thời cơ thuận lợi để tập trung phát triển kinh tế, nâng tầm ảnh hưởng của các quốc gia trong khu vực và trên trường quốc tế.

Thứ tư, Cộng đồng quốc tế liên tục lên án chính sách cấm vận Cuba của Mỹ. Sau Chiến tranh Lạnh, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển ngày càng chiếm ưu thế. Dư luận nhiều nước và các tổ chức quốc tế đã không ngừng lên tiếng phản đối chính sách bao vây cấm vận của Mỹ đối với Cuba. Họ đã liên kết mạnh mẽ với Cuba trong hợp tác kinh tế và một số nước đã mạnh dạn đứng ra làm trung gian hòa giải giữa Washington và Havana như Vatican và Canada.

Phong trào quốc tế phản đối chính sách của Mỹ đối với Cuba và cố gắng thúc đẩy sự bình thường hóa giữa hai nước diễn ra trong nhiều năm. Điển hình trong số đó là nỗ lực của LHQ trong việc thúc đẩy bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ và Cuba. Đại hội đồng LHQ lên án việc Mỹ cấm vận chống Cuba vào năm 1992 [292] và hàng năm, từ năm 1992 đến năm 2008, LHQ đã 17 lần bỏ phiếu thông qua nghị quyết yêu cầu Mỹ phải bãi bỏ chính sách bao vây, cấm vận mà Mỹ đã áp đặt với Cuba. Số nước tán thành năm sau luôn cao hơn năm trước. Số phiếu ủng hộ năm 1992 là 59, năm 2004 là 179 nước, năm 2005 là 182 nước, năm 2007 là 184 nước và năm 2008 với 185 nước [137]. Tuy nhiên, giới lãnh đạo Mỹ đều bỏ qua các nghị quyết này của LHQ, vẫn áp đặt những chính sách cấm vận đối với Cuba. Do đó, trước những sức ép của dư luận, Mỹ sẽ có những

phương cách để điều chỉnh chính sách đối với Cuba nhằm tạo điều kiện cho hai nước có thêm cơ hội để hợp tác và phát triển.

Về khu vực Mỹ Latinh: Từ cuối những năm 80, trước tình hình thế giới có những biến động to lớn, đặc biệt là sự khủng hoảng từng bước dẫn đến sụp đổ của XHCN ở Liên Xô và Đông Âu. Mỹ đã tiến hành hàng loạt các hoạt động chống lại phong trào cách mạng ở Mỹ Latinh, bắt đầu từ cuộc can thiệp vũ trang đàn áp cách mạng ở Grenada (1983), gây sức ép về kinh tế chính trị để Mặt trận giải phóng dân tộc Sandino thất bại trong cuộc tổng tuyển cử năm 1991 và bao vây, cô lập nhằm lật đổ chế độ XHCN ở Cuba. Mặt khác, từ sau năm 1991, hầu hết các nước Mỹ Latinh đều tập trung nỗ lực phát triển đất nước nhằm thoát khỏi tình trạng khủng hoảng và lạc hậu. Các nước Mỹ Latinh đã thực hiện những cải cách về kinh tế, chính trị, xã hội và chính sách đối ngoại. Để thực hiện có hiệu quả việc củng cố và phát triển xu thế dân tộc độc lập, bên cạnh việc ưu tiên nhằm giữ ổn định chính trị theo hướng thúc đẩy tự do dân chủ, tập trung sức phục hồi và phát triển kinh tế nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc trong xã hội như bất bình đẳng, nạn nghèo đói, thất nghiệp, nâng cao đời sống người lao động nhất là của tầng lớp dân nghèo.

Từ những năm đầu thập niên 2000, khu vực Mỹ Latinh nhanh chóng “biến mất” khỏi danh sách ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ, do Mỹ bận với cuộc chiến chống khủng bố. Trong khi Mỹ tập trung ở Trung Đông, Mỹ Latinh đã trải qua rất nhiều thay đổi. Năm 2004 đánh dấu bước phát triển quan trọng của phong trào cánh tả ở Mỹ Latinh, phản ánh niềm tin và sự ủng hộ mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân lao động đối với đường lối dân chủ tiến bộ của lực lượng chính trị cánh tả thông qua các cuộc trưng cầu ý dân, bầu cử tổng thống và bầu cử địa phương trong khu vực.

Sự kiện nổi bật và có ý nghĩa lớn đối với phong trào cánh tả ở Mỹ Latinh giai đoạn này là chiến thắng thuyết phục của Tổng thống Venezuela Hugo Chávez trong cuộc trưng cầu ý dân ngày 15/8/2004. Đây là cuộc đọ sức quyết liệt, không khoan nhượng giữa Chính phủ bảo vệ lợi ích người nghèo và lực

lượng đối lập đại diện quyền lợi cho giới chủ, tầng lớp trung lưu trong cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài nhiều năm qua ở quốc gia xuất khẩu dầu mỏ lớn thứ năm trên thế giới. Thắng lợi này là nguồn cổ vũ quan trọng phong trào cánh tả ở Mỹ Latinh đang nỗ lực phân đấu và kiên cường đấu tranh vì mục tiêu và lý tưởng cao đẹp của mình.

Thắng lợi quan trọng tiếp theo của phong trào cánh tả ở Mỹ Latinh là việc ứng cử viên tổng thống của liên minh cánh tả "Gặp gỡ tiến bộ - Mặt trận rộng rãi" (EP-FA) Tabaré Vázquez, giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Tổng thống Uruguay (ngày 31/10/2004) và trở thành Tổng thống nước này nhiệm kỳ 2005 - 2009. Lần đầu tiên trong lịch sử Uruguay, lực lượng chính trị cánh tả giành chiến thắng trong bầu cử tổng thống, chấm dứt sự độc quyền lãnh đạo đất nước suốt hơn 170 năm của hai đảng chính trị truyền thống là đảng Blanco và đảng Colorado kể từ khi quốc gia Nam Mỹ này giành độc lập năm 1825. Tổng thống Venezuela đã ca ngợi chiến thắng của ông T. Vazquez là sự kiện quan trọng trong lịch sử Mỹ Latinh. Ông cho rằng, kết quả bầu cử Tổng thống ở Uruguay là bước tiến lớn trên đường hướng tới xây dựng một Nam Mỹ mới và một Mỹ Latinh mới. Thắng lợi của ông T. Vazquez đã ghi thêm vào danh sách lực lượng chính trị cánh tả và tiến bộ đã giành được và lên nắm quyền lãnh đạo ở một loạt nước lớn trong khu vực thời gian này như: Tổng thống Venezuela H. Chavez (1998), Tổng thống Chile R. Lagos (2000), Tổng thống Brazil L. Silva (2002) và Tổng thống Argentina N. Kirchner (2003).

Sự nổi lên của lực lượng chính trị cánh tả một phần do thất bại của Thỏa thuận Washington, dẫn tới tình trạng đói nghèo cùng cực ở phần lớn các quốc gia Mỹ Latinh [244, pp.335-385]. Hầu hết các quốc gia Mỹ Latinh không ngại tái thiết lập và mở rộng quan hệ với các đối thủ của Mỹ như Cuba, Nga và Iran và mở rộng thương mại ở châu Phi, châu Á, châu Âu và Trung Đông, theo đuổi lợi ích và chính sách độc lập và thậm chí trái với Mỹ [187, pp.5]. Các nước Mỹ Latinh đều chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại theo hướng độc lập, tự chủ, đề cao lợi ích quốc gia dân tộc, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ. Trong

hiều năm, chính sách đối ngoại của nhiều nước Mỹ Latinh chủ yếu thể hiện qua thái độ độc lập, thậm chí còn công khai đối trọng với Mỹ.

Sang những năm đầu thế kỷ XXI, bên cạnh một số chính phủ và nhiều phong trào đòi lập ở Mỹ Latinh mong muốn thiết lập quan hệ chặt chẽ với Mỹ [1], thì phần lớn chính phủ các nước trong khu vực đều thể hiện khuynh hướng độc lập hơn với Mỹ, tăng cường liên kết, hợp tác khu vực; ủng hộ quá trình dân chủ hóa các quan hệ quốc tế và cải tổ LHQ, đấu tranh cho một trật tự thế giới mới đa cực, dân chủ và bình đẳng, vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Các nước Mỹ Latinh thực hiện chính sách đối ngoại theo hướng thúc đẩy khối đoàn kết Mỹ Latinh, tăng cường liên kết khu vực và mở rộng quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, hợp tác và hội nhập ngày càng nổi trội như sự gia tăng các tổ chức khu vực mà Mỹ không tham gia. Ví dụ về các sáng kiến khu vực này là Liên minh các quốc gia Nam Mỹ (UNASUR), Khối thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR) và Liên minh Bolivar vì nhân dân châu Mỹ của chúng ta (ALBA). Xu thế này đã có những tác động nhất định đến chính sách đối ngoại của Mỹ cũng như Cuba.

Mặt khác, từ năm 2003 đến năm 2007, phần lớn các nước Nam Mỹ trải qua một thời kỳ bùng nổ kinh tế: Các nền kinh tế Mỹ Latinh đã được quản lý tương đối tốt (Brazil, Chile, Colombia, Mexico, Peru và Venezuela) [221, pp.4-15]. Sự gia tăng lớn nhất đã được ghi nhận ở Brazil, Chile và Peru. Sự tăng trưởng kinh tế này đã thu hút đầu tư kinh tế của các nước ngoài khu vực như Nga, Trung Quốc, Nam Phi, châu Âu và Iran. Trong khi Nga và Iran liên kết với chính phủ cánh tả cực đoan nhất trong khu vực, Trung Quốc đã tăng cường quan hệ kinh tế với hầu hết các quốc gia trong khu vực [164, pp.697-709]. Sự hiện diện của những cường quốc mới ở Tây bán cầu ít nhiều khiến Washington lo ngại. Trong khi Mỹ thời gian này đang tập trung vào các vấn đề an ninh, ít quan tâm đến các chính phủ Mỹ Latinh, thì Chính phủ Trung Quốc đã cung cấp cho các quốc gia Mỹ Latinh những gì họ “ái mộ” nhất: đầu tư và hướng đến các lợi ích chung như một phần đa cực của thế giới [200, pp.1-30]. Do hệ quả của

những thay đổi này, Mỹ tự thấy mình đang phải đối mặt với một sân chơi chống Mỹ đang cố gắng tạo ra một tương lai mới đã thách thức vai trò của Mỹ. Do đó, để giải quyết vấn đề này, hợp tác với các nước Mỹ Latinh là rất quan trọng. Chính phủ Mỹ đã nhận thức châu Mỹ Latinh, trong đó có Cuba (vì quan hệ của Cuba với Nga và Trung Quốc) vẫn là phạm vi ảnh hưởng của họ và cần những thay đổi này để bảo vệ lợi ích của Mỹ.

Tóm lại, sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, một trật tự thế giới mới xuất hiện đã thúc đẩy tăng cường hợp tác giữa các nước và các tổ chức trên thế giới. Cục diện trên đã tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại và quan hệ của các nước Mỹ Latinh, Mỹ và Cuba, trong đó, có tác động lớn đến mối quan hệ giữa Mỹ và Cuba. Cả Mỹ và Cuba đều phải có sự tính toán chiến lược trong điều chỉnh chính sách của mình một cách hợp lý nhằm tạo lên môi trường quốc tế và khu vực được ổn định và thuận lợi ưu tiên hàng đầu cho phát triển kinh tế của Mỹ và Cuba.

2.1.3. Tình hình nước Mỹ và vấn đề Cuba trong chính sách của Mỹ sau năm 1991

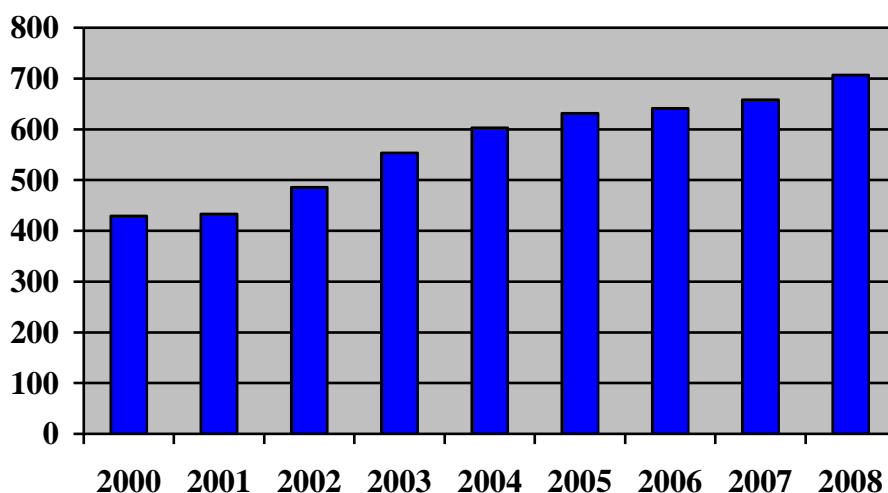
2.1.3.1. Tình hình nước Mỹ

Sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ là quốc gia có sức mạnh hàng đầu thế giới về mọi mặt. Bối cảnh quốc tế sau sự sụp đổ của Liên Xô đã mang lại cơ sở cho Mỹ trong thập niên 90, tạo đà cho quốc gia này phát triển liên tục từ năm 1992 và kéo dài đến tận đầu năm 2001. Sau thời gian tăng trưởng liên tục trong 8 năm (1993 - 2001) với mức tăng trung bình 4%/năm, tổng thu nhập quốc dân của Mỹ chiếm tỷ lệ 31,2% GDP toàn cầu, lớn gấp hai lần nền kinh tế đứng thứ hai là Nhật Bản. Mỹ đã và đang giữ vai trò chủ đạo trong các thiết chế tài chính - thương mại thế giới như WTO, WB, IMF. “Sân chơi” và cả “luật chơi” tài chính thế giới đang do Mỹ chi phối. Có thể nói, nước Mỹ đang ở đỉnh cao của sự ảnh hưởng và thịnh vượng của nó. Trong giai đoạn từ năm 2001 trở đi, dù nền kinh tế có trải qua nhiều bước thăng trầm đặc biệt là cuộc đại khủng hoảng tài chính - kinh tế 2008 - 2009 nhưng về cơ bản Mỹ vẫn giữ được vị trí kinh tế hàng đầu thế giới.

Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu cùng những ưu thế vượt trội về kinh

tế tiếp tục giúp Mỹ khẳng định địa vị chính trị, kinh tế của mình trên trường quốc tế. Trước những biến động của tình hình thế giới cuối thế kỷ XIX đầu XX, Mỹ vẫn luôn là nhân tố không thể bỏ qua trong hoạch định chính sách của từng quốc gia. Các cơ chế hợp tác đa phương vẫn phần lớn chịu sự chi phối của Mỹ.

Về quân sự, bất kì sự đánh giá nào về bá quyền cũng cần tính đến một công cụ quyền lực quan trọng nhất, đó là khả năng quân sự hiện có để đập tan kẻ thù, kiểm soát đồng minh và duy trì ảnh hưởng. Những thành tích và sức mạnh của Mỹ trong thời kì cầm quyền của Tổng thống Bill Clinton giúp chính quyền George W. Bush được thừa hưởng một lực lượng quốc phòng hùng hậu. Mỹ là nước duy nhất có khả năng triển khai lực lượng toàn cầu khi bước vào đầu thiên niên kỷ mới. Từ sau năm 1992, hàng năm, ngân sách của Mỹ chi cho quốc phòng chiếm gần 1/2 tổng chi phí quân sự trên toàn thế giới. Đến năm 2000, chi phí quân sự của Mỹ đã lên đến 429,45 tỷ USD. Bước sang thế kỷ XXI, chi phí quân sự từ 432,94 tỷ USD (năm 2001) lên đến 631,78 tỷ USD (năm 2005) và đến năm 2008 con số này đã là 707,15 tỷ USD, lớn hơn gấp nhiều lần ngân sách của bất kì quốc gia nào trên thế giới. [316].



DVT: Tỷ USD [316]

Biểu đồ 2.1: Ngân sách quân sự của Mỹ từ năm 2000 đến 2008.

Tuy nhiên, vụ khủng bố 11/9/2001 đã giáng một đòn mạnh mẽ vào nước

Mỹ. Đây là một cú sốc kinh hoàng đối với người dân Mỹ và cộng đồng quốc tế. Sự kiện 11/9 đã phá vỡ huyền thoại về sự an toàn của nước Mỹ trước sự tấn công của kẻ thù từ bên ngoài suốt 200 năm qua¹. Sau sự kiện này, chính quyền của Tổng thống G. W. Bush đã có những thay đổi căn bản trong chính sách đối ngoại với ưu tiên hàng đầu cho cuộc chiến chống khủng bố, kèm theo đó là những khoản chi khổng lồ cho ngân sách quốc phòng, cho các cuộc chiến không lối thoát ở Iraq, Afghanistan, tăng những gánh nặng mới cho nền kinh tế Mỹ vốn bắt đầu có dấu hiệu suy thoái. Tiến hành cuộc chiến chống khủng bố nhưng Chính phủ Mỹ cũng phải có một số điều chỉnh trong tương quan chung của nền kinh tế, đối ngoại và quan hệ quốc tế.

2.1.3.2. Vấn đề Cuba trong chính sách của Mỹ

Cuba là một quốc đảo với diện tích rộng 114.500 km². Về vị trí chiến lược, Cuba là nước láng giềng, cách Mỹ khoảng 150km. Trong quan niệm của Mỹ, nếu như Mỹ Latinh là “mảnh vườn sau nhà” của mình, thì Cuba là “bậc thềm” để bước sang mảnh vườn đó. Cuba đóng vai trò là cửa ngõ vào khu vực Mỹ Latinh, nằm ở các điểm tiếp cận vịnh Mexico vào Đại Tây Dương. Bởi vì lẽ đó, Cuba có ảnh hưởng đến việc xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Mỹ. Nếu New Orleans là cầu nối quan trọng để khu vực trung tâm Bắc Mỹ tiếp cận với thế giới thì Cuba là án ngữ trên trục quan trọng này. Bên cạnh đó, đường vào Đại Tây Dương từ vịnh Mexico theo trục từ Key West tới bán đảo Yucatan dài khoảng 380 dặm. Cuba nằm ở giữa trục này. Trên tuyến đường phía Bắc, Bahamat chạy song song với Cuba khoảng một nửa quãng đường, buộc các tàu đi về hướng Nam, về hướng Cuba. Trên tuyến đường phía Nam, kênh Yucatan nhập với hành lang đường biển ra khỏi Caribe kéo dài và hợp với West Indies. Điều trọng yếu là lực lượng hải quân hoặc không quân thù nghịch nếu đóng trên địa bàn Cuba có thể phong tỏa vịnh Mexico và qua đó cả trung tâm của Mỹ [115]. Chính vì vị trí chiến

¹ Sự kiện Trân Châu Cảng tháng 11/1941 diễn ra ở lãnh thổ hải ngoại của Mỹ.

lược đó mà Cuba luôn giữ vị trí quan trọng đối với Mỹ ở khu vực Tây bán cầu.

Kết thúc Chiến tranh Lạnh, trong bối cảnh mới, Cuba trở thành một vấn đề địa chính trị quan trọng với chính sách của Mỹ. Các chính sách cấm vận Cuba đã được tiếp tục và thậm chí thắt chặt bởi Tổng thống G. Bush. Chính quyền G. Bush đã sử dụng hai khung trong vấn đề Cuba là khung quyền con người (chính sách liên quan đến nhân quyền) và khung chế độ chính trị (muốn Cuba phải là một quốc gia tự do và dân chủ). Dưới chính quyền B. Clinton, với mục đích chính là tiến tới một cuộc chuyển đổi dân chủ ở Cuba, Mỹ không bỏ lệnh cấm vận mà đã có những chính sách nói lỏng với Cuba, tăng cường can dự hơn nữa vào Cuba và ủng hộ các biện pháp tuyên truyền chống chính quyền Cuba. Tuy nhiên, việc chống phá Cuba đã bị thất bại, bước sang đầu thế kỷ XXI, chính quyền G. Bush đã chủ trương thực hiện điều chỉnh chính sách đối với Cuba và nhấn mạnh việc thực thi mạnh mẽ các biện pháp trừng phạt kinh tế và thắt chặt hơn nữa những hạn chế về đi lại, chuyển tiền và các hàng hóa nhân đạo sang Cuba. Năm 2003, Mỹ đã thành lập Cơ quan chuyên nghiên cứu về biện pháp và các bước đi chống phá Cuba. Nhóm này do Hội đồng các quan hệ đối ngoại của Mỹ bảo trợ đã đưa ra báo cáo về quan hệ Mỹ - Cuba trong thế kỷ XXI [115]. Mục đích của nhóm này là hoạch định các chính sách cho chính quyền Bush đối với Cuba, trong đó tập trung củng cố xã hội dân sự tại Cuba, mở rộng tiếp xúc với người Cuba và người Mỹ và đóng góp cho một sự quá độ nhanh chóng, hòa bình, dân chủ tại Cuba trong khi vẫn bảo vệ lợi ích sống còn của Mỹ [34].

Như vậy, chính sách đối ngoại của Mỹ với Cuba từ sau năm 1991 đến đầu thế kỷ XXI có những thay đổi đáng kể và do đó đã tác động tới môi quan hệ Mỹ - Cuba. Mỹ đã đề ra nhiều biện pháp và hình thức khác nhau nhưng đều nhằm mục đích chung là giữ vững và nâng cao vị thế nước Mỹ, tạo sức ép ở nhiều mặt và tìm các hướng đi nhằm thay đổi chế độ chính trị ở Cuba.

2.1.4. Tình hình Cuba và vấn đề Mỹ trong chính sách của Cuba sau

năm 1991

2.1.4.1. Tình hình Cuba

Từ năm 1959, Fidel Castro trở thành người đứng đầu Nhà nước Cuba. Năm 1971, khi Đảng Cộng sản trở thành đảng chính thức duy nhất trong nước và Fidel Castro đồng thời giữ chức Bí thư thứ nhất. Với cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ông cũng là người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ từ năm 1976 đến tháng 2/2008. Trong khi tạm thời từ bỏ quyền lực vào tháng 7/2006 vì lý do sức khỏe, trên thực tế Fidel Castro vẫn là người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ Cuba.

Việc bãi bỏ lệnh cấm vận của Mỹ là một điều kiện tiên quyết cho sự sống còn về kinh tế của Cuba. Với sự sụp đổ của Liên Xô vào năm 1991, Cuba đã mất đối tác chính về thương mại và tài chính. Sự tồn tại của Liên Xô là cần thiết cho sự phát triển kinh tế của Cuba trong suốt 30 năm [204, pp.131-152]. Nhập khẩu, trong đó 75% đến từ Liên Xô và 15% từ các nước Đông Âu, đã giảm một cách mạnh mẽ. Vào tháng 01/1991, Cuba đã nhận được khoản trợ cấp kinh tế cuối cùng của Liên Xô [220, pp.21-84]. Sự sụp đổ này kết hợp với lệnh cấm vận của Mỹ và những sai lầm trước đây của Chính phủ Cuba đã gây bất lợi cho kinh tế đất nước, thực sự là thảm họa cho quốc đảo. Cuộc khủng hoảng kinh tế ngày càng gia tăng khiến Fidel tuyên bố “giai đoạn đặc biệt trong thời bình” vào mùa hè năm 1990. Nền kinh tế Cuba đang cố gắng thu hút đầu tư nước ngoài đến từ các quốc gia Mỹ Latinh, châu Âu và châu Á. Các khoản đầu tư phần lớn được thực hiện trong ngành du lịch, đồng USD được đưa vào hệ thống tiền tệ của Cuba [202, pp.779-795]. Mặc dù có một số khởi sắc nhờ những cải cách này, nhưng nền kinh tế Cuba không bao giờ đạt đến mức như trước năm 1990.

Cuba cố gắng vươn lên trong bối cảnh làn sóng cánh tả bắt đầu dâng cao ở khu vực Mỹ Latinh vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Điều này đã được thể hiện qua mối quan hệ rộng mở với Venezuela dưới thời Tổng thống Hugo Chavez. Hợp tác song phương giữa hai nước được xác lập vào năm 1999 thông

qua việc ký kết Hiệp định hợp tác toàn diện, trong đó dầu của Venezuela được giao dịch cho Cuba. Chính quan hệ hợp tác chặt chẽ với Venezuela tạo nên sức sống mới cho nền kinh tế Cuba.

Có thể nói, trong giai đoạn 1991 - 2008, kinh tế Cuba phát triển đầy khó khăn. Nền kinh tế Cuba phần lớn là do Nhà nước kiểm soát, với việc Chính phủ sở hữu hầu hết các phương tiện sản xuất và sử dụng gần 80% lực lượng lao động. Các ngành chính của nền kinh tế tạo ra ngoại hối bao gồm xuất khẩu các dịch vụ chuyên nghiệp (chủ yếu xuất khẩu lao động y tế sang Venezuela), du lịch đã tăng đáng kể từ giữa những năm 1990; khai thác niken, với công ty khai thác mỏ của Canada tham gia vào một dự án đầu tư chung; và ngành công nghệ sinh học và dược phẩm cung cấp hệ thống chăm sóc sức khỏe trong nước và đã thúc đẩy ngành xuất khẩu quan trọng. Kiều hối từ người gốc Cuba sống ở nước ngoài, đặc biệt là từ Mỹ, cũng đã trở thành một nguồn tiền mặt quan trọng cho nguồn thu của Cuba (ước tính khoảng 1,4 đến 2 tỷ USD mỗi năm). Ngành công nghiệp đường chiếm ưu thế đã giảm đáng kể trong 20 năm trước đó; năm 1990, Cuba đã sản xuất được 8,4 triệu tấn đường trong khi sản lượng chỉ đạt 1,4 triệu tấn trong năm 2012 [210, pp.12].

Vào thời điểm Cuba bị suy thoái kinh tế nghiêm trọng từ năm 1989 đến năm 1993, với sự sụt giảm về sản lượng trong nước từ 35% lên 50% khi Liên Xô sụp đổ và trợ cấp tài chính của Liên Xô cho Cuba thực tế đã kết thúc. Từ năm 1994 đến năm 2000, Cuba tiến lên với một số cải cách kinh tế theo định hướng thị trường hạn chế, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 3,7% mỗi năm. Tăng trưởng kinh tế đặc biệt mạnh mẽ trong giai đoạn 2004 - 2007, lần lượt đạt 11% và 12% trong năm 2005 và 2006 [210, pp.13]. Lý do là nền kinh tế được hưởng lợi từ sự tăng trưởng của ngành du lịch, niken, dầu mỏ và sự hỗ trợ của Venezuela, Trung Quốc về cam kết đầu tư và hạn mức tín dụng. Tuy nhiên, nền kinh tế đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão tài chính toàn cầu trong những năm 2008 - 2009, khiến tăng trưởng kinh tế chậm lại đáng kể.

Nền kinh tế Cuba kém phát triển thể hiện qua một số mặt sau:

Thứ nhất, nền kinh tế ngày càng trở thành một nền kinh tế dịch vụ năng suất thấp. Sản xuất công nghiệp vẫn chưa hồi phục từ trước năm 1989. Sản lượng nông nghiệp, mặc dù có một số tăng, vẫn không đủ để cung cấp lương thực cho người dân và việc nhập khẩu lương thực chủ yếu là áp lực nghiêm trọng cho cán cân thanh toán. Tăng trưởng kinh tế của hai ngành này giảm từ 25% xuống còn 19% trong 10 năm (2000 - 2010).

Thứ hai, xuất khẩu hàng hoá chỉ khoảng 3 - 4 tỷ USD mỗi năm, ít hơn 10% sản lượng kinh tế hàng năm. Xuất khẩu hàng hóa của Cuba (theo khối lượng) đã bị trì trệ kể từ năm 2000. Trong việc tìm kiếm ngoại hối, Cuba ngày càng phụ thuộc vào các khoản thu từ du lịch và của người Cuba ở nước ngoài.

Thứ ba, tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư của quốc gia rất thấp đã đẩy Cuba xuống bẫy tăng trưởng thấp. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 12,5% từ năm 1996 - 2008, thấp so với các tiêu chuẩn quốc tế. Trong một cuộc khảo sát 157 quốc gia, tỷ lệ vốn đầu tư của Cuba luôn dưới mức 10% (thấp nhất trong giai đoạn 1990 - 2008). Chính phủ đã không đạt được mục tiêu đầu tư của mình, chỉ thực hiện 76% kế hoạch đầu tư trong những năm 2007 - 2009. Tỷ lệ đầu tư thấp được giải thích bởi tỷ lệ tiết kiệm nội bộ tương đối thấp và dòng vốn nước ngoài bị hạn chế.

Thứ tư, các khoản nợ nước ngoài lớn và có chiều hướng gia tăng của Cuba. Theo Ngân hàng Trung ương của Cuba, tính đến năm 2007, nợ nước ngoài lên đến 8 tỷ USD, trong đó 6,9 tỷ USD là trung và dài hạn. Theo báo cáo của EU, vào năm 2008, số nợ nước ngoài của Cuba lên đến 31,6 tỷ USD, với các chủ nợ lớn nhất là: Venezuela (11,4 tỷ USD), Tây Ban Nha (3,2 tỷ USD), Trung Quốc (3,2 tỷ USD) Nhật Bản (2,8 tỷ USD), Argentina (2,0 tỷ USD), Pháp (1,9 tỷ USD), Rumani (1,2 tỷ USD) và Nga (1,1 tỷ USD) [163, pp.10-14].

Về quan hệ ngoại giao, nếu như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, với sự hỗ trợ của Liên Xô, Cuba có hàng tỷ USD trợ cấp hàng năm để duy trì nền kinh tế cũng như hỗ trợ cho các phong trào du kích và các chính quyền cách mạng nước

ngoài ở Mỹ Latinh và châu Phi. Với việc chấm dứt Chiến tranh Lạnh, sự tan rã của Liên Xô đồng thời mất đi sự trợ giúp của Liên Xô, Cuba đã buộc phải từ bỏ các hoạt động cách mạng ở nước ngoài. Do đó, bắt buộc Cuba phải mở cửa nền kinh tế và việc tăng cường mối quan hệ kinh tế, phát triển mối liên kết thương mại và đầu tư quan trọng với Brazil, Canada, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Venezuela [185, pp.13]. Cuba cũng là nước tham gia tích cực vào các diễn đàn quốc tế, bao gồm LHQ và Hội đồng Nhân quyền LHQ. Từ năm 1991, Đại hội đồng LHQ đã thông qua nghị quyết hàng năm chỉ trích việc cấm vận kinh tế của Mỹ và thúc giục Mỹ bãi bỏ lệnh cấm vận. Cuba cũng đã nhận được sự ủng hộ trong nhiều năm từ Chương trình Phát triển của LHQ (UNDP) cũng như Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá LHQ (UNESCO), cả hai đều có văn phòng tại Havana¹.

2.1.4.2. Vấn đề Mỹ và chính sách của Cuba đối với Mỹ

Mỹ là quốc gia rộng lớn với diện tích hơn 9,6 triệu km² chiếm 6,2% diện tích toàn cầu. Mỹ là cường quốc lớn và phát triển, đứng đầu thế giới trên nhiều lĩnh vực. Mỹ nằm gần Cuba, cách khoảng 150 km, thuận lợi đi lại về đường biển và hàng không. Tuy nhiên, trong lịch sử, Cuba luôn coi Mỹ là nhân tố tác động đến kinh tế, đồng thời cũng là mối đe dọa đối với nền chính trị của mình. Ngược lại, Mỹ coi Cuba là một mối đe dọa chiến lược tiềm tàng, chính vì quan điểm của hai nhà nước trái ngược như vậy đã cản trở sự hợp tác phát triển giữa hai nước trong thời gian dài.

Xét về mặt lợi ích chiến lược thì lợi ích của Mỹ đối với Cuba là không nhỏ. Là một quốc gia có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, vì thế Mỹ sẽ là đối tác lớn trong quan hệ kinh tế có thể cung cấp các mặt hàng cho Cuba như lương thực, thuốc men và cũng là thị trường xuất khẩu lớn cho Cuba, hai bên có thể hợp tác du lịch và nông nghiệp.

Xuất phát từ vị trí chiến lược, Cuba và Mỹ ở gần nhau về mặt địa lý, Cuba có vị trí chiến lược quan trọng nên với Mỹ dù ở thời điểm nào thì Cuba luôn

¹ Thủ đô Cuba: La Habana hay Havana là thủ đô và là một trong 14 tỉnh của Cuba. Tên đầy đủ của thành phố

được nước Mỹ quan tâm và có những chính sách ở những hình thức khác nhau. Với vai trò một cường quốc về kinh tế, chính sách của Mỹ sẽ tác động lớn đến Cuba, Mỹ sẽ là “đôi tác làm ăn” lớn với Cuba và đem lại lợi ích cho cả hai quốc gia nếu quan hệ hai nước tốt đẹp.

Tuy nhiên, Mỹ không ngừng cấm vận đối với Cuba, làm cho Cuba phát triển hết sức khó khăn. Do đó, để đối phó với chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ, ĐCS Cuba đã từng bước tìm ra giải pháp để phát triển toàn diện đất nước. Cuba đã kiên trì đổi mới và cải cách đất nước, đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, nhất là lĩnh vực xuất khẩu và thu hút đầu tư để phá thế bao vây của Mỹ [48].

Trước những thử thách của “thời kỳ đặc biệt trong hòa bình” (1990 - 1993), Cuba tiếp tục ưu tiên công cuộc phòng thủ đất nước để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cách mạng và những thành quả của CNXH [50]. Chủ tịch Fidel Castro khẳng định: *“Chủ nghĩa đế quốc muốn chúng ta thay đổi thể chế chính trị để đổi lấy sự bãi bỏ chế độ chính trị, nhưng sự thay đổi chính trị sâu sắc nhất là cuộc cách mạng mà chúng ta đã và đang tiến hành... Trong bối cảnh khó khăn của thực tiễn, Cuba buộc phải tìm đến thị trường, buộc phải cải cách kinh tế, nhưng sẽ không bao giờ từ bỏ Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Cuba thà hi sinh chứ không từ bỏ độc lập, chủ quyền dân tộc. Cuba không bao giờ đưa nguyên tắc cách mạng ra để mặc cả cho việc bãi bỏ bao vây. Cuộc bao vây của Mỹ chống lại Cuba trên thực tế là chính sách thù địch. Cuba nhất định sẽ kháng cự. Cuba không bao giờ chịu đầu hàng. Cuba tiếp tục bảo vệ những nguyên tắc và lý tưởng cách mạng của mình”* [12]. Vì vậy, Cuba thi hành chính sách đối ngoại khéo léo, phù hợp với xu thế khu vực và thời đại để phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện đa dạng hóa quan hệ quốc tế, tập hợp lực lượng để đối phó với chính sách của Mỹ, phá thế bao vây, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phù hợp tình hình mới Cuba đặc biệt mở rộng quan hệ với các nước Mỹ Latinh và Caribe; tích cực phát triển quan hệ với Tây Âu, Canada, Nhật Bản; đẩy mạnh quan hệ với Trung Quốc và Việt Nam [67].

Đối với Mỹ, Cuba luôn mong muốn bình thường hóa bang giao với Mỹ với điều kiện duy nhất là Mỹ không áp đặt bất cứ điều kiện nào. Phía Cuba khẳng định bất chấp sự bao vây cô lập của các thế lực thù địch, vị thế của Cuba trên trường quốc tế vẫn không ngừng được củng cố, thể hiện qua việc thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với trên 100 quốc gia trên thế giới. Cuba sẽ tiếp tục đa dạng hóa các mối quan hệ với “luật chơi” duy nhất là không chấp nhận bất cứ áp lực nào từ bên ngoài [85]. Qua đó có thể thấy, Cuba luôn mong muốn có quan hệ ngoại giao tốt đẹp hơn với Mỹ nhưng cũng luôn kiên định con đường CNXH của mình.

Tóm lại, quan hệ giữa Mỹ và Cuba giai đoạn 1991 - 2008 chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, các điều kiện bên trong và bên ngoài của bản thân mỗi nước. Các nhân tố đó bao gồm: Bối cảnh thế giới và khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh lạnh; Quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn trước năm 1991; Tình hình kinh tế, chính trị và chính sách của mỗi nước đối với nhau. Các nhân tố này dù trực tiếp hay gián tiếp đều có ảnh hưởng, tác động thậm chí quy định chiều hướng vận động phát triển quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2008.

2.2. Quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn 1991 - 2008

Mối quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn 1991 - 2008 được thể hiện qua nhiều lĩnh vực: Chính trị - ngoại giao, kinh tế và một số lĩnh vực khác. Trong đó, nội dung chính là chính sách cấm vận của Mỹ đối với Cuba và cuộc đấu tranh của Cuba chống cấm vận của Mỹ.

2.2.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao

2.2.1.1 Quan hệ ngoại giao

Sau khi cuộc Chiến tranh Lạnh kết thúc, trong giai đoạn 1991 - 2008, trải qua ba đời tổng thống là G. H. W. Bush (1989 - 1993), B. Clinton (1993 - 2001) và G. W. Bush (2001 - 2008), chính sách cấm vận Cuba của Mỹ đã được tiếp tục và thậm chí thắt chặt hơn nhằm lật đổ Chính phủ Cuba do Fidel Castro đứng đầu. Ngay từ nửa đầu thập niên 90, sự căng thẳng và thù địch của mối quan hệ Mỹ - Cuba đã được thể hiện qua các hoạt động bí mật của Mỹ để lật đổ Chính phủ

Cuba, cổ súy cho cuộc di dân năm 1994 của hơn 30.000 người Cuba vào Mỹ...; Về phía Cuba, nước này hỗ trợ cho các chính phủ cánh tả ở châu Phi, Mỹ Latinh và đặc biệt là sự kiện quân đội Cuba bắn hạ 2 máy bay của Mỹ năm 1996¹.

Trong những năm 90 của thế kỷ XX, vấn đề thúc đẩy dân chủ và tôn trọng nhân quyền đã trở thành trọng tâm trong việc củng cố lệnh cấm vận của Mỹ đối với Cuba. Chính sách cấm vận của Mỹ đối với Cuba được tăng cường khi Quốc hội nước này liên tiếp thông qua hai đạo luật: Đạo luật Dân chủ Cuba (CDA) hay còn gọi là Đạo luật Torricelli năm 1992 do Tổng thống G. Bush ban hành [305] và Đạo luật Tự do và Đoàn kết dân chủ Cuba (LIBERTAD) năm 1996 (hay Đạo luật Helms - Burton) do Tổng thống B. Clinton ban hành [306].

Lý do Mỹ ban hành Đạo luật CDA, là vì Chính phủ Cuba đã vi phạm các quyền liên quan đến quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quân sự hóa xã hội và ủng hộ các băng đảng buôn bán ma túy. Ngoài ra, Chính phủ Cuba đã không có dấu hiệu cải cách hệ thống chính trị và không cho thấy sự sẵn sàng để tiến hành điều đó. Với Đạo luật này, Mỹ tiếp tục thực hiện một số lệnh trừng phạt nhằm vào Chính phủ Cuba với mục đích thiết lập một cuộc chuyển đổi ôn hòa sang nền dân chủ và khôi phục lại tăng trưởng kinh tế ở Cuba. Điều này có nghĩa là nếu Cuba đạt được những tiến bộ dân chủ đặc biệt như tổ chức bầu cử tự do, Mỹ sẽ có những bước đi để khôi phục quan hệ ngoại giao với Cuba. Các biện pháp trừng phạt cụ thể đã được ấn định trong Phần 1706 của đạo luật bao gồm việc cấm giao dịch nhất định giữa các công ty Mỹ và Cuba. Việc vận chuyển thực phẩm và dược phẩm chỉ được phép thực hiện theo các mục tiêu nhân đạo nhằm hỗ trợ cho người Cuba. Ngoài ra, Mỹ đã tìm kiếm sự hợp tác của các quốc gia dân chủ trong chính sách này và sẽ sẵn sàng hợp tác với các nước khác. Do đó, Mỹ muốn thấy sự “biến mất” của các quốc gia độc lập mà trước đây thuộc ảnh hưởng của Liên Xô [305].

¹ Nhằm ngăn chặn sự xâm nhập không phận Cuba, lực lượng vũ trang Cuba đã bắn hạ 2 máy bay Mỹ do phi công Mỹ gốc Cuba lái vào chiều 23/2/1996. 4/8 thành viên của 2 tổ lái cũng bị thiệt mạng.

Trong thời gian cầm quyền của Tổng thống B. Clinton, mối quan tâm về việc cải thiện quan hệ Mỹ - Cuba đã tăng lên kể từ khi Fidel Castro thông báo rằng ông sẽ ngừng truyền bá ý thức hệ cách mạng của ông [172]. Tuy nhiên, CDA đã không đạt được các mục tiêu dự kiến, vì theo Mỹ, Cuba không có cải cách dân chủ mà chỉ có một số cải cách cụ thể để ổn định nền kinh tế (nhờ vậy, từ năm 1993, nền kinh tế Cuba vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế khắc nghiệt, bắt đầu cho thấy một số dấu hiệu ổn định) [172].

Cuba và Mỹ năm 1994 từng ký một thỏa thuận nhập cư theo đó hai bên tạo điều kiện cho việc di cư của người dân Cuba tới Mỹ diễn ra một cách "an toàn, hợp pháp và có trật tự" dẫn đến cuộc khủng hoảng người tị nạn năm 1994 (4/1994, có 20.000 người tị nạn Cuba đã đến Mỹ). Sự kiện này đã làm thay đổi chính sách đối ngoại của Mỹ liên quan đến người tị nạn và kết quả là dẫn đến một thỏa thuận giữa Cuba và Mỹ vào năm 1995 [118].

Năm 1996, Đạo luật Helms - Burton do hai thượng nghị sĩ đảng Cộng hòa là Jesse Helms và Dan Burton đề xuất, được Tổng thống B. Clinton ban hành đã thắt chặt lệnh cấm vận bằng việc pháp luật hóa chính sách này, ràng buộc tổng thống không thể thực hiện các bước để bình thường hoá quan hệ với Cuba. Đạo luật Helms - Burton có bốn nội dung chính là:

1. Tăng cường các biện pháp trừng phạt chống Chính phủ Cuba.
2. Chính sách của Mỹ hướng tới hỗ trợ Cuba miễn phí và độc lập.
3. Cho phép các công dân Mỹ nộp đơn kiện tại Mỹ đối với những người buôn bán hàng bị tịch thu tài sản ở Cuba.
4. Từ chối cấp thị thực và trục xuất những người Cuba đến Mỹ sau ngày 12/3/1996 khi có yêu cầu của công dân Mỹ [172].

Mục tiêu Đạo luật này là đặt điều kiện buộc Cuba từ bỏ chế độ độc đảng và Fidel Castro từ bỏ vị trí lãnh đạo đất nước để đổi lấy việc Mỹ bình thường hóa quan hệ với Cuba. Thoạt đầu, B. Clinton phản đối Đạo luật Helms - Burton, vì ông e ngại sự chỉ trích gay gắt từ cộng đồng quốc tế do Đạo luật này gây ra [172]. Tuy nhiên, vào năm 1996, khi hai chiếc máy bay của Mỹ đã bị quân đội

Cuba bán hạ, ông đã thay đổi bằng việc ký ban hành Đạo luật Hems - Burton. Với Đạo luật mới, B. Clinton tìm kiếm lệnh trừng phạt quốc tế chống lại Chính phủ của Fidel Castro, lên kế hoạch hỗ trợ một chính phủ chuyên tiếp dẫn tới một chính phủ được bầu cử dân chủ tại Cuba và cho các mục đích khác của Mỹ.

Trong “Báo cáo về hỗ trợ cho tiến trình chuyên hóa dân chủ ở Cuba”, Tổng thống B. Clinton viết: *“Một khi Cuba có chính phủ chuyên tiếp, tức là một chính phủ cam kết xây dựng xã hội dân chủ và đa nguyên, Mỹ sẽ sẵn sàng bắt đầu quá trình bình thường hóa quan hệ và sẽ trợ giúp cho quá trình chuyển hóa ấy. Khi đó, các biện pháp trừng phạt kinh tế sẽ bị hủy bỏ và Mỹ bắt đầu các cuộc thảo luận nhằm thúc đẩy quan hệ buôn bán tay đôi. Để hoàn toàn bình thường hóa với một chính phủ dân chủ ở Cuba, Mỹ sẵn sàng thảo luận việc trả lại cho Cuba căn cứ hải quân Guantanamo hoặc thảo luận lại những hiệp định này theo những điều khoản mà hai bên có thể chấp nhận được”* [87].

Cuba đã nhiều lần đưa đơn lên LHQ đề nghị yêu cầu Mỹ bỏ cấm vận với Cuba, lên án việc Mỹ cô lập Cuba, gây khó khăn cho các quan chức Cuba trong hoạt động ngoại giao.. Từ năm 1992 đến năm 1999, LHQ đã 8 lần thông qua nghị quyết kêu gọi Mỹ bãi bỏ cuộc bao vây, cấm vận mà Mỹ áp đặt với Cuba. Ngày 9/11/1999, Đại hội đồng LHQ đã thông qua nghị quyết đề nghị Mỹ chấm dứt cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính chống Cuba với 155 phiếu thuận, 2 phiếu chống và 8 phiếu trắng. Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ vạch rõ rằng chính sách thù địch của Mỹ chống Cuba đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế và Hiến chương LHQ, đặc biệt là các công việc nội bộ của các nước và quyền tự do buôn bán giao lưu quốc tế [88]. Trước áp lực gần như tuyệt đối của cộng đồng quốc tế, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ đưa ra lập luận rằng, lệnh cấm vận của Mỹ chống Cuba là vấn đề thuộc quan hệ song phương chứ không liên quan gì tới LHQ [87].

Năm 1998, sự kiện Giáo hoàng Gioan Paull II đến thăm Cuba đã khiến ông trở thành người đứng đầu Vatican đầu tiên thăm viếng quốc đảo. Tại đây, ông mô tả lệnh cấm vận Cuba như là một biện pháp bừa bãi của Mỹ làm tổn thương người

nghèo, lên án Mỹ vì việc cô lập đất nước Cuba, đồng thời, Giáo hoàng kêu gọi Cuba cải cách và giải phóng các tù nhân chính trị. Hai tuần sau chuyến viếng thăm của Giáo hoàng Gioan Paull II, Cuba đã thả 300 tù nhân chính trị như một dấu hiệu thiện chí. Đáp lại, vào tháng 3/1998, Mỹ tuyên bố sẽ cho phép các chuyến bay trực tiếp từ Cuba và tăng cường viện trợ nhân đạo cho người dân Cuba. Hai năm sau, vào năm 2000, Mỹ đã thông qua việc bán thực phẩm và thuốc men cho Cuba theo Đạo luật Cải cách Thương mại và Xuất khẩu [241].

Bước sang đầu thế kỷ XXI, chính quyền của Tổng thống George W. Bush tiếp tục duy trì chính sách cấm vận chống Cuba. Với chuyến thăm Cuba 3 ngày (từ 27/3/2002), cựu Tổng thống J. Carter mong muốn có một sự thay đổi về chính trị có thể ảnh hưởng tích cực đối với việc nói lỏng lệnh cấm vận của Mỹ đối với Cuba, cũng như bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Điều này khiến ông trở thành chính trị gia cấp cao nhất của Mỹ được mời tới Cuba kể từ sau cuộc cách mạng Cuba năm 1959. Tuy nhiên, người kế nhiệm ông, Tổng thống Mỹ G. W. Bush vẫn tiếp tục lập trường cứng rắn với Cuba. Năm 2003, chính quyền Mỹ đã thành lập “Ủy ban vì một Cuba tự do” với mục đích tìm ra phương pháp thúc đẩy quá trình dân chủ ở Cuba. Đến ngày 6/5/2004, Tổng thống Mỹ G. W. Bush đã thông qua khuyến nghị dài 500 trang của Ủy ban này, trong đó đưa ra biện pháp mới nhằm chấm dứt sự lãnh đạo của Chủ tịch Fidel Castro như tăng cường hoạt động tuyên truyền chống Chính phủ của Fidel Castro và hỗ trợ các nhóm chống đối [91]. Cũng trong thời gian đó, Mỹ đã ban hành những chính sách liên quan tới vấn đề kiều dân nhằm bóp nghẹt nền kinh tế cũng như gây mất ổn định chính trị tại Cuba. Tháng 4/2006, Tổng thống G. W. Bush đã bổ nhiệm Caleb Mc Carry làm điều phối viên về Cuba giai đoạn quá độ, cung cấp khoản ngân sách trị giá 59 triệu USD nhằm đẩy mạnh việc thay đổi chính quyền Cuba thành chính quyền dân chủ [99]. Vào tháng 7/2006, Ủy ban vì một Cuba tự do công bố báo cáo thứ hai đưa ra các khuyến nghị để thúc đẩy thay đổi chính trị tại Cuba hướng tới một quá trình chuyển đổi dân chủ và dẫn đến sự gia tăng đáng kể kinh phí của Mỹ để hỗ trợ các nỗ lực dân chủ và nhân quyền ở Cuba.

Về phía Cuba, để đối phó sự chống phá của Mỹ, Chính phủ nước này khẳng định đất nước vẫn đang trong giai đoạn quá độ lên CNXH, đồng thời lên án Mỹ và kêu gọi sự giúp đỡ, hợp tác từ các quốc gia ở Tây bán cầu cũng như các quốc gia và tổ chức quốc tế trên thế giới. Từ giữa năm 2004, Cuba triển khai cuộc tiến công ngoại giao trên ba hướng chủ yếu và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. *Trước hết*, củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống như Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên và các nước Đông Âu. *Hai là* đẩy mạnh các cuộc tiếp xúc với các nước ở Trung và Nam Mỹ và *ba là*, tăng cường gắn kết với Liên minh châu Âu (EU). Từ nỗ lực này, Cuba giành được chỗ đứng trong Tổ chức hợp tác khu vực, nhiều nước đã khôi phục và bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Cuba như Đức, Anh, Pháp, Áo, Italia, Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Hunggari và Bỉ (2005) [105]. Đặc biệt, năm 2008, Bộ trưởng Ngoại giao Cuba Felipe Roque và Ủy viên Hội đồng châu Âu phụ trách phát triển và viện trợ nhân đạo, Louis Michel đã ký thỏa thuận về hợp tác phát triển, chính thức khôi phục quan hệ hợp tác sau 5 năm cắt đứt quan hệ. Theo thỏa thuận, hai bên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc khôi phục quan hệ hợp tác song phương trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử và tôn trọng chủ quyền [108].

Trong khi đó, đầu năm 2008, chính quyền của Tổng thống G. W. Bush vẫn tiếp tục nhân mạnh cách tiếp cận dựa trên các biện pháp trừng phạt đối với Cuba trong khi chờ đợi thay đổi chính trị tại Cuba. Khi Raúl Castro chính thức trở thành Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Cuba vào tháng 2/2008, Tổng thống G. W. Bush khẳng định rằng “*để cải thiện quan hệ Mỹ - Cuba, những gì cần thay đổi không phải là của Mỹ, những gì cần thay đổi là Cuba*”. Còn Ngoại trưởng C. Rice đưa ra tuyên bố kêu gọi “*Chính phủ Cuba bắt đầu quá trình thay đổi dân chủ, hòa bình bằng cách thả tất cả các tù nhân chính trị, tôn trọng nhân quyền và tạo ra một con đường tiến tới các cuộc bầu cử tự do và công bằng*” [210, pp.24].

Đến cuối năm 2008, trong kỳ bầu cử tổng thống mới, nhiều người hy vọng vào sự thay đổi trong mối quan hệ Mỹ - Cuba. Phát biểu tại chiến dịch

tranh cử Tổng thống năm 2008, ông B. Obama đã cam kết sẽ tiến hành đàm phán với Chính phủ Cuba mà không cần đề ra những điều kiện tiên quyết và nói lỏng lệnh cấm vận bằng việc bãi bỏ những quy định mà Tổng thống G. W. Bush đã công bố.

2.2.1.2. *Quan hệ chính trị - an ninh*

- Lĩnh vực truyền thông

Đài phát thanh và truyền hình Marti: Đài phát thanh và truyền hình Marti là một cơ quan truyền thông, được chính phủ Mỹ cung cấp tài chính thông qua Hội đồng Quản trị Phát thanh Truyền hình của chính quyền (Broadcasting Board of Governors, BBG). Đài phát sóng bằng tiếng Tây Ban Nha đến Cuba, bắt đầu phát sóng đầu tiên vào năm 1985. Năm 1990, truyền hình Marti đã được thành lập để phát sóng chương trình truyền hình tới Cuba. Cho đến tháng 10/1999, các chương trình phát sóng quốc tế do Chính phủ Mỹ tài trợ là một chức năng chính của Cơ quan Thông tin Mỹ (USIA). Khi USIA bị bãi bỏ và các chức năng của nó đã được sáp nhập vào Bộ Ngoại giao vào đầu năm 2000, BBG đã trở thành một cơ quan độc lập bao gồm các tổ chức như Đài Tiếng nói Mỹ (VOA), Radio Free Europe/Radio Liberty (RFE/RL), Radio Free Asia, Văn phòng Phát thanh Cuba (OCB) và TV Marti. OCB có trụ sở tại Miami, sau đó OCB được chuyển từ Washington DC tới Nam Florida. Động thái này bắt đầu vào năm 1996 và đã được hoàn thành vào năm 1998. Chương trình TV Martí đã được phát sóng qua nhiều hình thức, diễn ra trong nhiều năm. Các chương trình phát sóng của nó được truyền qua Internet và truyền hình vệ tinh 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Mục đích của việc này là để kiểm soát, tiếp cận người dùng Internet và cập nhật tin tức từ Cuba. Đặc biệt là Mỹ sử dụng chương trình này để tuyên truyền các chương trình chống Chính phủ Cuba nhưng đã bị Cuba chặn đứng bằng cách phá sóng. Vấn đề này còn trở nên phức tạp hơn trong thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI [93].

- Các vấn đề về khủng bố: Năm 1982, Cuba đã được bổ sung vào danh sách các quốc gia tài trợ khủng bố quốc tế của Bộ Ngoại giao Mỹ bởi vì nước

này được cho là đang giúp đỡ các nhóm cách mạng vũ trang và khủng bố ở Mỹ Latinh. Cuba đã có một lịch sử lâu dài ủng hộ các phong trào cách mạng và các chính phủ cánh tả ở Mỹ Latinh và châu Phi, nhưng vào năm 1992, Fidel Castro nói rằng sự hỗ trợ của nước ông đối với quân nổi dậy ở nước ngoài là một điều của quá khứ [210, pp.46]. Sự thay đổi chính sách của Cuba phần lớn là do sự sụp đổ của Liên Xô, dẫn tới việc mất hàng tỷ USD tiền trợ cấp hàng năm của Liên Xô cho Cuba khiến nền kinh tế của Cuba sụt giảm nghiêm trọng. Những người chỉ trích việc đưa Cuba vào danh sách khủng bố cho rằng đó là một cách nhìn từ thời Chiến tranh Lạnh. Còn những người ủng hộ Cuba trong danh sách khủng bố cho rằng có nhiều bằng chứng cho thấy Cuba ủng hộ chủ nghĩa khủng bố: Chính phủ Cuba đã và đang hỗ trợ các hành động khủng bố, các lực lượng nổi dậy có vũ trang ở Mỹ Latinh và châu Phi; ủng hộ các thành viên của các tổ chức khủng bố nước ngoài và những kẻ tị nạn ở Mỹ. Vấn đề trên trở thành nan giải đối với việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba dưới thời Tổng thống B. Obama.

- *Hợp tác chống ma túy*: Cuba không phải là nước sản xuất hoặc tiêu thụ các loại ma túy, nhưng đường bờ biển rộng lớn và vị trí địa lý thuận lợi đã làm cho Cuba trở thành địa điểm lý tưởng của giới buôn lậu ma túy. Các loại ma túy xâm nhập vào thị trường Cuba chủ yếu từ đường biển đến từ Jamaica, Bahamas, Haiti và Mỹ hoặc bằng máy bay nhỏ từ các sân bay bí mật ở Jamaica. Trong nhiều năm, các quan chức Cuba bày tỏ mối quan ngại về việc sử dụng bờ biển và không phận của họ để vận chuyển ma túy, về việc gia tăng sử dụng ma túy trong nước. Chính phủ Cuba đã thực hiện một số biện pháp để đối phó với vấn đề ma túy, bao gồm cả việc tăng cường hình phạt cho tội phạm buôn ma túy, tăng cường đào tạo nhân viên chống tội phạm và hợp tác với một số nước về các nỗ lực chống ma túy.

Kể từ năm 2003, Cuba đã tích cực theo đuổi chương trình điều tra và thực thi nội bộ với chiến dịch phòng chống ma túy có hiệu quả trên toàn quốc. Trong nhiều năm đã có nhiều mức độ hợp tác khác nhau giữa Mỹ và Cuba về các nỗ lực chống ma túy. Vào năm 1996, chính quyền Cuba đã hợp tác với Mỹ trong vụ bắt giữ 6,6 tấn cocaine trên chiếc tàu Limerick treo cờ Honduras ở Miami. Cuba

đã chuyển cocaine sang Mỹ và hợp tác hoàn toàn trong việc điều tra và truy tố hai bị can trong lần bắt giữ này. Hợp tác đã tăng lên kể từ năm 1999 khi các quan chức Mỹ và Cuba gặp nhau ở Havana để thảo luận về cách cải thiện hợp tác chống ma túy. Cuba chấp nhận nâng cấp liên kết truyền thông giữa Bộ đội Biên phòng Cuba và Lực lượng Cảnh sát Mỹ trong cuộc chống và ngăn chặn ma túy. Bắt đầu từ tháng 9/2000, cảnh sát biển hai bên đã tăng cường hợp tác và từ đó, sự phối hợp giữa hai nước đã tăng lên.

- *Vấn đề gián điệp*: Từ năm 2001, một số nhân vật, trong đó có ba quan chức Chính phủ Mỹ, đã bị Mỹ kết án vì cáo buộc liên quan đến Cuba. Vào tháng 5/2003, chính quyền G. W. Bush đã ra lệnh trục xuất 14 nhà ngoại giao Cuba khỏi New York và Washington DC vì cho rằng họ tham gia vào các hoạt động gián điệp. Theo báo cáo của Cục Tình báo Mỹ, Cuba đã xúc phạm Mỹ khi gián điệp của Cuba ăn cắp thông tin về việc Mỹ chuẩn bị xâm lược Iraq.

Vào ngày 21/9/2001, nhà phân tích Ana Montes thuộc Cơ quan Tình báo Quốc phòng (DIA) đã bị bắt vì tội làm gián điệp cho Chính phủ Cuba. Montes đã cung cấp cho Cuba những thông tin mật về các cuộc tập trận quân sự của Mỹ và các hoạt động nhạy cảm khác. Tháng 6/2001, hai thành viên của “Mạng lưới Wasp” (bị bắt vào tháng 9/1998) bị kết án vì tội gián điệp. Nhóm gồm 5 nhân viên tình báo của Cuba là G. Hernández, R. Labañino, A. Guerrero, F. González và R. González trà trộn trong các nhóm lưu vong Cuba và cố thâm nhập vào các căn cứ quân sự của Mỹ. Thực hiện cam kết giải quyết vấn đề này, tháng 12/2008, Chủ tịch Raúl Castro đề nghị trao đổi một số nhà bất đồng chính kiến Cuba bị bắt giam nhưng đã bị Mỹ bác bỏ, cho rằng các nhà bất đồng chính kiến nên được thả ngay lập tức mà không có bất kỳ điều kiện nào [210, pp.58].

- *Vấn đề di cư*: Trong quan hệ giữa Mỹ và Cuba, vấn đề di cư cũng là vấn đề gây nhiều tranh cãi và căng thẳng giữa hai nước. Cuba và Mỹ đã đạt được hai hiệp định về di cư vào năm 1994 và năm 1995 nhằm ngăn chặn cuộc di dân tập thể của người Cuba đến Mỹ. Trong số những người Cuba chạy trốn, ngày 19/8/1994, Tổng thống B. Clinton đã đột ngột thay đổi chính sách di dân của Mỹ,

theo đó người Cuba đang cố gắng trốn khỏi quê hương của họ đã được phép vào Mỹ, theo đó, Lực lượng Cảnh sát biển và Hải quân Mỹ sẽ đưa những người Cuba vượt biên đến căn cứ hải quân Mỹ tại vịnh Guantanamo, Cuba. Bất chấp sự thay đổi trong chính sách, người Cuba vẫn tiếp tục chạy trốn với số lượng lớn. Trước tình hình đó, 9/1994, Cuba và Mỹ bắt đầu các cuộc đàm phán hiệp định song phương nhằm ngăn chặn dòng di cư của người Cuba trốn sang Mỹ. Trong thỏa thuận này, Mỹ và Cuba đã đồng ý tạo điều kiện cho người Cuba di cư an toàn, hợp pháp và có trật tự sang Mỹ, phù hợp với thỏa thuận di dân năm 1984. Mỹ đã đồng ý đảm bảo rằng tổng số di dân Cuba hợp pháp đến Mỹ tối thiểu là 20.000 người mỗi năm, không bao gồm thân nhân trực tiếp của công dân Mỹ.

Vào tháng 5/1995, Mỹ đã đạt được một thoả thuận khác với Cuba, theo đó Mỹ sẽ tạm dừng đưa hơn 30.000 người Cuba ở Guantanamo vào Mỹ, nhưng sẽ chặn những người di dân Cuba cố gắng vào Mỹ bằng đường biển trong tương lai và sẽ trả họ lại cho Cuba. Hai nước sẽ hợp tác cùng nhau trong nỗ lực này. Cả hai nước cam kết sẽ đảm bảo rằng không có hành động nào kết tội những người di cư trở về Cuba do hậu quả của nỗ lực di dân bất hợp pháp của họ. Kể từ năm 1995, Lực lượng Cảnh sát biển Mỹ đã chặn đứng hàng nghìn người Cuba trên biển và đưa họ về nước. Những người Cuba vượt biên được phép xin thị thực thường trú trong một năm, theo Đạo luật Điều chỉnh Cuba năm 1966. Số người Cuba vượt biên bị Cảnh sát biển Mỹ ngăn chặn trên biển là 666 người trong năm 2002 lên đến 2.868 người trong năm 2007 [104].

Tuy nhiên, việc thực hiện các hiệp định liên quan đến di dân năm 1994 - 1995 đã bị Mỹ đình chỉ vào năm 2004 do tính phức tạp của nó. Chính quyền B. Obama bắt đầu lại các cuộc thảo luận trong năm 2009 và tổ chức được 4 vòng đàm phán cho đến tháng 01/2011.

2.2.2. Quan hệ kinh tế

Quan hệ chính trị- ngoại giao giữa Mỹ và Cuba tác động mạnh đến quan hệ giữa hai nước này trong lĩnh vực kinh tế. Việc thực thi các đạo luật CDA (1992) và Helms Burton (1996) của Mỹ đã gây nên hậu quả to lớn đối với nền

kinh tế Cuba, cũng như Mỹ và đồng minh của Mỹ. Đây là hai đạo luật được đưa ra để cấm vận kinh tế Cuba, theo đó, Washington áp dụng biện pháp trừng phạt đối với bất kỳ công ty và cá nhân nước ngoài nào tiến hành trao đổi thương mại với Cuba, hay đầu tư vào quốc đảo này.

Đối với CDA, lệnh cấm vận kinh tế đã được sử dụng như một phương tiện để gây áp lực cho Chính phủ Fidel Castro thay đổi chính sách về nhân quyền [243]. Đạo luật này siết chặt thêm các lệnh cấm vận Cuba, theo đó các hoạt động thương mại bị cấm giữa hai bên, kể cả qua trung gian với nước thứ ba, ngoại trừ những hàng hóa chứng minh đó là viện trợ nhân đạo và thảm họa được Bộ Thương mại Mỹ cấp phép (chủ yếu là hàng dược phẩm và thiết bị y tế). Còn Đạo luật Herm - Burton gây sức ép đối với các công ty Mỹ và nước ngoài đầu tư vào Cuba. Đạo luật hướng đến buộc các tổng thống tiếp theo của Mỹ chỉ được quyền dỡ bỏ lệnh cấm vận khi Cuba tổ chức bầu cử tự do, thành lập một chính phủ công bằng dân chủ, đây là điều kiện tiên quyết để công nhận “thay đổi thực sự ở Cuba”. Đạo luật năm 1996 được đánh giá là “vòng siết cuối cùng của con ốc cấm vận của Mỹ đối với Cuba” [17]. Tiếp đó, dưới thời Tổng thống G.W. Bush, chính quyền Mỹ thực thi các lệnh cấm vận chống Cuba, cụ thể là giảm mạnh trần kiều hối từ 3.000 USD xuống còn 300 USD vào năm 2004, thắt chặt luật di trú, cho phép người Mỹ gốc Cuba chỉ được về nước ba năm một lần và cứ ba tháng mới được gửi 300 USD cho người thân trong nước [17].

Việc thông qua CDA đã làm cho một số đồng minh và đối tác thương mại của Mỹ không hài lòng. Bộ trưởng Thương mại Anh Peter Lilly đã phản đối Đạo luật, nêu rõ rằng: “*Chính phủ Anh không phải Quốc hội Mỹ. Anh quyết định chính sách thương mại của mình với Cuba. Chúng tôi sẽ không chấp nhận bất kỳ nỗ lực nào để áp đặt pháp luật Mỹ vào các công ty Vương quốc Anh*” [180, pp.153]. Ngoại trưởng Canada tuyên bố: Đạo luật xâm phạm chủ quyền Canada (chỉ tính riêng năm 1991, thương mại giữa Canada và Cuba đã đạt 280,7 triệu USD). Cộng đồng châu Âu (EC) đã tố cáo CDA bởi vì nó có khả năng khiến họ

mất 500 - 600 triệu USD thương mại với Cuba. Một số quốc gia khác như Mexico, Nhật Bản ... cũng đã lên án CDA [180, pp.167]. Mặt khác, LHQ cũng không ủng hộ CDA của Mỹ. Vào ngày 24/11/1992, một tháng sau khi CDA được ký kết thành luật, Đại hội đồng LHQ đã thông qua một nghị quyết chống lại lệnh cấm vận của Mỹ đối với Cuba. Số quốc gia bỏ phiếu chống lại các biện pháp trừng phạt của Mỹ đối với Cuba tiếp tục tăng mỗi năm, do đó Mỹ ngày càng bị cô lập trong việc bảo vệ chính sách này [203, pp.103].

Phản ứng của nhiều nước đối với việc thông qua Đạo luật Helms - Burton năm 1996 thậm chí còn mạnh mẽ hơn so với Đạo luật Dân chủ Cuba. Ngay trước khi dự luật được ký kết thành luật, các nhà lãnh đạo Canada và Caribe tại cuộc họp chung của CARICOM đã đưa ra tuyên bố: Helms - Burton đã vi phạm luật pháp quốc tế và cản trở tự do hóa thương mại. Sau khi dự luật đã được ký kết, Canada kêu gọi một cuộc kiểm tra chính thức theo các quy tắc của Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA) và vào tháng 4/1996, Canada, Mexico, Nhật Bản và Liên minh châu Âu lên án Đạo luật tại Tổ chức Thương mại Thế giới WTO [193, pp.9].

Để giảm bớt sự phản ứng của các nước đồng minh, Tổng thống B. Clinton đã sử dụng điều khoản miễn trừ mục III¹ [203, pp.57]. Trên thực tế, Tổng thống B. Clinton đình chỉ việc thực hiện mục III với 6 tháng một lần kể từ khi Đạo luật Helms - Burton có hiệu lực và Tổng thống G. Bush đã thực hiện lựa chọn này hai lần kể từ khi đảm nhiệm chức vụ Tổng thống.

Dưới thời Tổng thống G. Bush, khi đề ra những biện pháp cấm vận mới với Cuba, Mỹ không chỉ gặp phải sự phản đối của chính quyền và nhân dân Cuba mà cả chính quyền các nước, dư luận thế giới, kể cả người dân Mỹ. Ngày 19/5/2004, Ủy ban Đối ngoại của Hạ viện Argentina đã thông qua tuyên bố phản đối việc chính quyền Mỹ vừa quyết định siết chặt các biện pháp phong tỏa

¹ Mục III cho phép công dân Mỹ kiện các nhà đầu tư nước ngoài bị tịch thu sau năm 1959 và là phần gây tranh cãi nhất của Đạo luật. Quy định cho phép Tổng thống từ bỏ việc thực hiện Tiêu đề III, trong thời gian không quá 6 tháng

chống Cuba; ngày 20/5/2004, nhóm nghị sĩ Mỹ đã đưa ra dự luật yêu cầu Chính phủ Mỹ chấm dứt hơn 4 thập kỷ bao vây, cấm vận chống Cuba; ngày 17/6/2004, trong tuyên bố gửi Bộ Tài chính Mỹ, Hội Luật gia Mỹ đã tố cáo và đòi bãi bỏ các biện pháp mới mà Nhà Trắng đưa ra nhằm siết chặt cuộc cấm vận chống Cuba [111].

Về phía Cuba, sau khi Mỹ thực hiện CDA, nền kinh tế Cuba bị suy giảm nghiêm trọng. Cùng với việc mất trợ cấp của Liên Xô, Đạo luật CDA đã góp phần làm cho GDP của Cuba giảm 35% vào năm 1993 so với mức năm 1989 [304]. Tuy nhiên, dù Đạo luật CDA đã góp phần làm nền kinh tế Cuba bị suy giảm mạnh nhất, nhưng nó đã thất bại trong việc làm sụp đổ chế độ chính trị do Fidel Castro lãnh đạo.

Để bù đắp những thiệt hại về kinh tế mà Đạo luật CDA đã gây ra, Chính phủ Cuba đã thực hiện những cải cách hạn chế nhằm khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các ngành khai thác mỏ, viễn thông và du lịch của Cuba. Trên thực tế, phía Cuba đã đối phó bằng cách tìm kiếm các thị trường thương mại mới để thay thế khoảng trống do sự sụp đổ của Liên Xô. Mặc dù trong những năm 1980, Cuba chỉ chiếm 7% thương mại với châu Âu và khoảng 6% với Mỹ Latinh và Canada, nhưng vào giữa những năm 1990, các đối tác này đã chiếm tới 90% tổng số giá trị thương mại của Cuba. Thương mại Liên minh châu Âu với Cuba vẫn duy trì ở mức cao, tăng từ 6% trong tổng thương mại của Cuba năm 1989 lên 33,5% năm 1994. Năm 1994, chính phủ Cuba cho phép các thị trường tự do hóa, được phép bán các sản phẩm nông nghiệp vượt mức trên giá thị trường. Năm 1994, GDP của Cuba cho thấy sự tăng trưởng tích cực lần đầu tiên kể từ khi kết thúc trợ cấp của Liên Xô, mặc dù khiêm tốn chỉ đạt 0,7%. Tăng trưởng GDP được báo cáo ở mức 2,5% (năm 1995), thì vào năm 1996 đã lên đến 7,8% [304]. Chính sự kết hợp của việc thu hút đầu tư vốn nước ngoài vào các doanh nghiệp Cuba và việc Cuba sử dụng tài sản bị tịch thu của Mỹ đã làm cho nền kinh tế Cuba cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới. Điều đó thúc đẩy Mỹ đưa ra Đạo luật Helms - Burton năm 1996.

Cũng giống như Đạo luật Dân chủ Cuba năm 1992, ban đầu, Đạo luật Helms - Burton đã khiến cho một số công ty nước ngoài không thể đầu tư vào Cuba, làm cho GDP của Cuba rơi xuống 2,5% vào năm 1997 và 1,2% vào năm 1998. Tuy nhiên, sau khi Tổng thống B. Clinton ký đình chỉ Tiêu đề III, các nhà đầu tư nước ngoài lại bắt đầu đầu tư vào Cuba. Tăng trưởng GDP của Cuba năm 1999 là 6,2%, đến năm 2000 có giảm, nhưng không nhiều (5,6%) [304].

Đáng chú ý là Cuba đã tìm cách thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực như: thuốc lá, niken và đường, cùng với sự đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Ngoài việc liên doanh với các công ty nước ngoài, Chính phủ Cuba đã tìm cách biến quốc đảo thành điểm đến cho kỳ nghỉ hè. Ngành du lịch được coi là nguồn thu nhập quan trọng của Cuba, đã có sự gia tăng ổn định từ 300.000 du khách vào năm 1990 đến hơn 700.000 vào năm 1995 [203, pp.17-18].

Trên phương diện quan hệ thương mại giữa Mỹ và Cuba, mặc dù trong giai đoạn 1962 - 1991, lợi ích thương mại của Cuba với Mỹ bị đóng băng do Chính phủ Cuba quốc hữu hóa tài sản ở nước ngoài và bất động sản và do áp đặt của lệnh cấm vận của Chính phủ Mỹ. Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, không một sản phẩm hoặc dịch vụ nào của Mỹ có thể xuất khẩu sang Cuba trực tiếp hoặc thông qua nước thứ ba nào trừ những vật tư xuất bản phẩm, thông tin và những hàng hoá nhân đạo khác được Bộ Thương mại Mỹ cấp phép xuất khẩu như cung cấp dược phẩm và thiết bị y tế. Người Mỹ không được buôn bán hoặc giúp đỡ việc bán hàng hoá đến từ Cuba ở khu vực ngoài khơi. Hàng hoá và dịch vụ có xuất xứ từ Cuba không được nhập vào Mỹ thông qua các nước thứ ba. Không một tàu thuyền nào được phép được chở hàng hoá hoặc hành khách đến từ Cuba hoặc chở hàng hoá có bất kỳ lợi ích nào cho Cuba được cập cảng của Mỹ. Tàu thuyền có quan hệ buôn bán với Cuba bị cấm chở hoặc dỡ hàng tại bất cứ nơi nào trên nước Mỹ trong vòng 180 ngày sau khi rời cảng của Cuba. Ngoài ra, thương mại với Cuba phải được thanh toán bằng tiền mặt và phải được các tổ chức tài chính của các nước thứ ba hỗ trợ.

Từ đầu thế kỷ XXI, quan hệ thương mại có sự gia tăng đáng kể: xuất khẩu

của Mỹ sang Cuba đã tăng từ khoảng 7 triệu USD (năm 2001) lên 404 triệu USD (năm 2004) và lên mức cao 712 triệu USD vào năm 2008, cao hơn rất nhiều so với những năm trước, một phần là do giá lương thực tăng và hậu quả của một số cơn bão nhiệt đới làm suy giảm nghiêm trọng ngành nông nghiệp của Cuba (Xem bảng 2.1.).

Bảng 2.1. Trao đổi Thương mại Mỹ - Cuba (1992 - 2008)

(Đơn vị tính: triệu USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân
1992	1,3	0	1,3
1993	2,4	0	2,4
1994	4,4	0	4,4
1995	5,4	0	5,4
1996	5,3	0	5,3
1997	9,4	0	9,4
1998	3,6	0	3,6
1999	4,5	0,6	3,9
2000	7,0	0,3	6,7
2001	7,2	0	7,2
2002	145,9	0,2	145,7
2003	259,1	0,3	258,8
2004	404,1	0	404,1
2005	369,0	0	369,0
2006	340,5	0,1	340,3
2007	447,1	0,3	446,8
2008	711,5	0	711,5

Nguồn: Cục Thống kê Mỹ, [Xem Phụ lục 4]

Từ bảng trên cho thấy, từ năm 2002, xuất khẩu từ Mỹ sang Cuba tăng đột biến. Nguyên nhân của hiện tượng này là do chính sách thông thoáng hơn từ hai phía.

Ngành công nghiệp và nông nghiệp của Mỹ đã cho phép xuất khẩu các sản phẩm y tế và nông nghiệp sang Cuba với lý do nhân đạo [240]. Từ năm 2001 đến năm 2008, Mỹ đã xuất khẩu hơn 2,5 tỷ USD cho các sản phẩm nông nghiệp sang Cuba [308], trung bình đạt 230 triệu USD mỗi năm. Từ năm 2002, Mỹ đã trở thành nhà cung cấp nông sản lớn nhất cho Cuba với các sản phẩm chủ yếu là gia cầm, bánh dầu, ngô, đậu tương [90], [94].

Liên quan đến quan hệ kinh tế là *vấn đề du lịch và chuyển tiền*: Những hạn chế về du lịch tới Cuba là một phần then chốt và thường gây tranh cãi trong nỗ lực của Mỹ trong việc cô lập chính quyền của Fidel Castro. Theo thời gian đã có nhiều thay đổi và trong 5 năm, từ năm 1977 đến năm 1982, không có hạn chế về du lịch. Hạn chế về du lịch và tiền gửi về Cuba là một phần của Quy định kiểm soát tài sản Cuba (CACR) [210, pp.28].

Dưới sự quản lý của Chính quyền G. W. Bush, việc thực thi các hạn chế của Mỹ đối với việc đi lại của Cuba tăng lên và những hạn chế về đi lại và chuyển tiền riêng sang Cuba bị thắt chặt. Năm 2003, Chính quyền Mỹ đã loại bỏ việc đi lại cho các cuộc trao đổi giáo dục phi chính phủ dưới Chính quyền B. Clinton. Năm 2004, chính quyền đã áp đặt thêm các hạn chế về đi lại, đặc biệt là du lịch gia đình và cung cấp sự trợ giúp nhân đạo tư nhân cho Cuba dưới hình thức chuyển tiền và bưu kiện.

Du lịch liên quan đến y tế và nông nghiệp đã được cấp phép của Văn phòng Bộ Tài chính và Kiểm soát Tài sản nước ngoài. Bất kỳ người nào không tuân theo các điều khoản mới của Đạo luật này sẽ bị trừng phạt theo Đạo luật Mua bán của Mỹ.

Tiểu kết chương 2

Quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2008 chịu tác động bởi nhiều nhân tố bên trong lẫn bên ngoài. Điểm nổi bật nhất trong quan hệ hai bên trong giai đoạn này là chính sách cấm vận của Mỹ áp dụng với Cuba. Trừng phạt kinh tế cũng là một trong những công cụ để thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ. Đỉnh điểm là Mỹ đưa ra 2 đạo luật vào năm 1992 và 1996 để trừng phạt kinh tế đối với Cuba mà mục tiêu sâu xa hơn là lật đổ Nhà nước Cuba do Fidel Castro đứng đầu.

Nhằm đối phó với chính sách bao vây, cô lập của Mỹ, Cuba đã đề ra các biện pháp ngoại giao và kinh tế phù hợp nhằm khắc phục những khó khăn mà Mỹ tạo ra và tận dụng sự ủng hộ của các nước để mở rộng ngoại giao, phá thế cô lập. Cuba thực hiện những chính sách ngoại giao phù hợp với xu thế khu vực và thế giới cũng như tình hình thực tiễn của đất nước, thực hiện đa dạng hóa quốc tế. Trên lĩnh vực kinh tế, chính quyền và nhân dân Cuba đã đề ra những biện pháp nhằm khôi phục và phát triển nền kinh tế để đưa đất nước đứng vững trước những khó khăn. Chính sách cấm vận và bao vây kinh tế mà Mỹ áp đặt chống Cuba trở nên lỗi thời và ít đem lại hiệu quả. Nó làm ảnh hưởng đến không chỉ nền kinh tế Cuba, đời sống của nhân dân Cuba mà còn ảnh hưởng tới các nước khác và chính nhân dân Mỹ, đặc biệt là những nước muốn đặt quan hệ làm ăn với Cuba các doanh nghiệp ở Mỹ.

Mối quan hệ giữa hai nước gồm nhiều nội dung, tuy nhiên, tiêu biểu cho giai đoạn từ sau Chiến tranh Lạnh đến năm 2008 chủ yếu trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và kinh tế. Trên lĩnh vực kinh tế, cơ bản diễn ra trong hoạt động thương mại. Nhìn toàn cục có thể thấy, mục đích chính trị chủ yếu mà Mỹ muốn thực hiện thông qua các biện pháp là thay đổi chế độ chính trị ở Cuba theo hướng mà Mỹ gọi là dân chủ. Nhưng trước những biện pháp và chính sách áp đặt của Mỹ, chính quyền và nhân dân Cuba vẫn bảo vệ được thành quả cách mạng và kiên định con đường CNXH. Kể từ khi Mỹ cắt đứt quan hệ với Cuba

(1961), trong quan hệ, Mỹ và Cuba gần như không có các hoạt động ngoại giao mà chủ yếu là các chuyến thăm của các cá nhân hoặc các tổ chức từ thiện. Hơn nữa Mỹ luôn tìm cách gây khó khăn cho công tác ngoại giao cũng như hoạt động của các nhà ngoại giao Cuba.

Chương 3

QUAN HỆ MỸ - CUBA TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2016

3.1. Những nhân tố mới tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 2009 - 2016

3.1.1. Tình hình thế giới và khu vực

Tình hình thế giới:

Từ cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI, về cơ bản, quan hệ quốc tế tiếp tục các diễn biến của xu thế sau Chiến tranh Lạnh. Trong trật tự mới đang dần định hình thì các quốc gia đã không còn chịu sự chi phối quá mạnh mẽ của nhân tố ý thức hệ. Xu thế đối thoại để làm cơ sở vững chắc cho các hoạt động hợp tác trên cơ sở cùng có lợi thay vì lợi ích cho một bên đã trở thành chủ đạo. Đây là xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế trên cấp độ toàn cầu. Mỗi quốc gia cũng không thể tách đất nước mình khỏi sự vận động của thế giới nói chung. Trong bối cảnh đó, lợi ích quốc gia (national interest) đã trở thành hệ quy chiếu cho quan hệ quốc tế giữa các nước. Đây chính là tiêu chí quan trọng hàng đầu giữ vai trò chi phối chính sách đối ngoại của các quốc gia và đặc biệt là tính chất trong các mối quan hệ của các quốc gia (chủ yếu trong quan hệ song phương).

Bên cạnh đó, tình hình quốc tế từ cuối thập kỷ đầu của thế kỷ XXI cũng mở ra nhiều triển vọng cho xu thế hợp tác. Trong xu thế chung chú trọng thúc đẩy lợi ích quốc gia thì nhân tố kinh tế giữ vai trò quan trọng hơn. Các quốc gia dù lớn hay nhỏ đều xem kinh tế là hạt nhân để duy trì môi trường hòa bình nhằm thúc đẩy hợp tác. Các quốc gia dần nhận ra rằng, cần thiết phải tăng cường hợp tác kinh tế để thúc đẩy vai trò và vị thế quốc gia. Hay nói cách khác, các quốc gia đặt ưu tiên vào phát triển kinh tế (trong nước) và hợp tác kinh tế (ngoài nước) làm trọng tâm trong chiến lược quốc gia của mình. Bên cạnh sức mạnh về chính trị - ngoại giao hay tiềm lực quốc phòng, sức mạnh kinh tế cũng góp phần vào sự thành công của quốc gia. Tiềm lực kinh tế có thể được xem là ưu thế của

quốc gia trong quá trình xây dựng hình ảnh và cạnh tranh với các quốc gia trên trường quốc tế.

Ngoài ra, phải kể đến **sự trỗi dậy của Trung Quốc, phần nào của Liên bang Nga, Ấn Độ là những nước có quan hệ truyền thống tốt đẹp với Cuba. Bên cạnh đó, sự suy giảm tương đối của vị thế Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu vào cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI, cũng như khủng hoảng toàn cầu trong những năm 2008 - 2009 đã tác động không nhỏ đến chính sách đối ngoại và quan hệ Mỹ - Cuba.**

Tại *khu vực Mỹ Latinh*, sau cuộc khủng hoảng trầm trọng trong những năm 2008 - 2009, chịu tác động của Mỹ và sức ép của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), đa phần các nước phải áp dụng mô hình kinh tế tự do của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, mô hình này lại gây ra những hậu quả tiêu cực đối với những tầng lớp xã hội dễ bị tổn thương. Sau nhiều năm áp dụng mô hình này, tình trạng nghèo đói, thất nghiệp, bản cùng hóa, tệ nạn xã hội không những không giảm, mà còn tăng tới mức trầm trọng [81]. Hàng nghìn doanh nghiệp Nhà nước bị tư nhân hóa; hàng chục nghìn doanh nghiệp nhỏ bị phá sản; tài nguyên quốc gia rơi vào tay tư bản nước ngoài; nền kinh tế lệ thuộc quá lớn vào các tập đoàn kinh tế tài chính nước ngoài; tham nhũng trở thành quốc nạn... [83]. Về cơ bản, các quốc gia đã ý thức được các tác hại của khủng hoảng, nghèo đói và bất ổn. **Trong số các nước Mỹ Latinh, có thể ghi nhận một điểm sáng là sự phát triển của Brazil.** Những bất ổn đã tạo nên điều kiện thuận lợi để các cường quốc bên ngoài can dự vào đời sống chính trị của đất nước họ.

Trong bối cảnh đó, phong trào cánh tả Mỹ Latinh đã tìm một hướng mới đưa Mỹ Latinh vượt qua khủng hoảng. Diễn đàn xã hội thế giới (WSF) ở Mỹ Latinh nêu cao khẩu hiệu **“Một thế giới khác là có thể!”**. Các đảng cánh tả ở khu vực này đã nỗ lực thực hiện đường lối độc lập dân tộc, thoát khỏi sự lệ thuộc vào thế giới tư bản, chủ trương đưa đất nước phát triển theo con đường XHCN phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của mỗi dân tộc, đất nước. Theo Tổng thống Venezuela Hugo Chavez: **“Chủ nghĩa tư bản không còn là một mô hình**

phát triển phù hợp, không còn là con đường mà nhân loại lựa chọn, mà chỉ có thể là CNXH... nhưng CNXH cũng không phải là CNXH bất kỳ. Chúng ta phải sáng tạo lại CNXH trong thế kỷ XXI” [294].

Trên cơ sở nhận thức đó, các quốc gia trong khu vực đã tập trung xây dựng chiến lược và huy động các nguồn lực để cố gắng đầu tư phát triển và cải thiện đời sống người dân. Nhiều quốc gia trong khu vực đã huy động trí tuệ và nguồn vốn nhằm thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, nghèo đói cũng như giải quyết các vấn đề bất bình đẳng. Các chính sách thúc đẩy cải cách về kinh tế, chính trị, xã hội đã được tiến hành với mục đích giải quyết các vấn đề có liên quan đến an ninh quốc gia như tình trạng nghèo đói, thất nghiệp, bất bình đẳng giữa các nhóm người, đặc biệt là sự chênh lệch giữa nhóm người giàu và nhóm người lao động có thu nhập thấp. Tiếng nói của các tầng lớp dễ bị tổn thương cũng được lắng nghe nhiều hơn. Giới lãnh đạo có nhiều cố gắng thúc đẩy quá trình tự do dân chủ trong nước. Những việc làm này đáp ứng nhu cầu cấp bách trong xã hội các nước Mỹ Latinh và giúp ổn định tình hình chính trị nội bộ.

Ở góc độ khu vực, xu thế hợp tác và cạnh tranh đan xen đang trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ giữa các quốc gia. Đây là nhân tố tích cực giúp các quốc gia vượt qua những rào cản để trên cơ sở đó thúc đẩy các hoạt động hợp tác. Tận dụng sự chuyển biến đó, bên cạnh ổn định tình hình trong nước, các quốc gia Mỹ Latinh cũng nỗ lực phát triển chính sách đối ngoại theo hướng độc lập, tự chủ. Trong quá trình đó, những nỗ lực đa dạng hóa và đa phương hóa các mối quan hệ để mở rộng các quan hệ chính trị, kinh tế nhằm tránh lệ thuộc vào các nước lớn là xu thế khá nổi bật. Điều này đã thể hiện một thực tế là các quốc gia khu vực đang ngày càng độc lập hơn và giảm sự lệ thuộc vào các nước lớn (chủ yếu là Mỹ). Cụ thể là các quốc gia khu vực đã tăng cường hợp tác nội vùng song song với mở rộng các mối liên kết ra bên ngoài. Bên cạnh đó là thể hiện vai trò lớn hơn tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, cam kết ủng hộ quá trình dân chủ hóa và cải tổ LHQ (UN), đấu tranh cho nền hòa bình, dân chủ và tiến bộ

xã hội [74]. Xu thế này là nhân tố quan trọng trực tiếp quy định những chuyển biến trong chính sách của Mỹ và Cuba.

Gần hai thập kỷ kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, những chuyển biến xung quanh tình hình thế giới và khu vực đã báo hiệu những thuận lợi hơn cho quan hệ quốc tế. Mà trong đó, các quan hệ song phương được tạo điều kiện tốt hơn so với giai đoạn trước đó. Mặc dù một trật tự thế giới mới chưa hình thành nhưng phải khẳng định, xu thế hòa dịu đang chi phối quan hệ quốc tế. Theo sau xu thế hòa dịu là những bước phát triển mới dựa trên nền tảng của hợp tác ở phạm vi toàn cầu đã hình thành. Tuy vậy, cũng phải nhìn nhận rằng, những vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống vẫn còn là thách thức cho các quốc gia trên thế giới. Một mặt, các thách thức này tạo nên những nguy cơ bên trong và bên ngoài quốc gia. Mặt khác, các vấn đề toàn cầu (xung đột sắc tộc, tôn giáo, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố quốc tế chạy đua sản xuất vũ khí hạt nhân, ô nhiễm môi trường...) là nhân tố khiến các quốc gia xích lại gần nhau để chung tay giải quyết chúng.

Mặc dù tồn tại cả thuận lợi và khó khăn nhưng nhìn chung xu thế hợp tác cùng phát triển trên cơ sở hòa bình và hợp tác quốc tế vẫn là xu thế chủ đạo chi phối sự vận động và phát triển. Cả Mỹ và Cuba cũng không nằm ngoài sự vận động tích cực này. Trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại thì Mỹ và Cuba không thể không tính đến các nhân tố trên và tác động của chúng đến quan hệ song phương.

3.1.2. Chính sách đối ngoại của B. Obama và sự thay đổi chính sách của Mỹ với Cuba

3.1.2.1. Chính sách đối ngoại của B. Obama

Trong Diễn văn nhậm chức và cũng là Thông điệp Liên bang đầu tiên của mình, Tổng thống B. Obama chủ yếu tập trung vào vấn đề đối nội, xem ưu tiên hàng đầu phải là đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - tài chính, mở ra kỷ nguyên mới trong chính sách đối ngoại của nước Mỹ. Chính sách đó dựa trên

sự kết hợp khôn khéo giữa sức mạnh quân sự và ngoại giao và chỉ dùng quân sự như biện pháp cuối cùng. Đây là sự kết hợp giữa các nguyên tắc và chủ nghĩa thực dụng chứ không phải theo ý thức hệ cứng nhắc với phương châm ngoại giao: thêm đối tác, bớt đối thủ. Mục tiêu của chính sách đối ngoại mới của Mỹ là: 1/ Bảo vệ an ninh cho dân tộc, đất nước và đồng minh; 2/ Thúc đẩy phát triển kinh tế và chia sẻ sự phồn vinh ở trong nước cũng như ở nước ngoài; 3/ Tăng cường vị thế của Mỹ trong sự lãnh đạo toàn cầu bằng việc nêu gương. Theo lời của B. Obama, “Mỹ muốn là bạn của tất cả các nước” [24], xem LHQ là tổ chức quốc tế quan trọng nhất và sẽ hợp tác chặt chẽ với tổ chức lớn nhất này vì nền hòa bình và ổn định của thế giới.

Để thực hiện chính sách ngoại giao mới, chính quyền B. Obama chủ trương có sự hiện diện của hai đảng và đã cử ra một ekip đảm trách công tác đối ngoại có nhiều kinh nghiệm do bà Hillary Clinton đứng đầu. Tham gia ekip đối ngoại còn có Phó Tổng thống Joe Biden - nguyên Chủ tịch lâu năm của Ủy ban Đối ngoại Thượng viện, Tướng Giam L. John - nguyên Tổng chỉ huy NATO ở châu Âu giữ chức Cố vấn an ninh quốc gia và ông R. Ghets, Bộ trưởng Quốc phòng thuộc Đảng Cộng hòa (lưu nhiệm). Đây không phải là một công việc dễ dàng, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế - tài chính Mỹ đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, quá chú trọng về đối ngoại mà chính quyền G. W. Bush để lại và vẫn còn hàng chục triệu cử tri không bỏ phiếu cho ông B. Obama. Tuy nhiên, ông B. Obama có một lợi thế là nhân dân Mỹ và hầu hết các nước trên thế giới đều phản đối chính sách của ông G. W. Bush và có cảm tình với ông B. Obama. Khi B. Obama thắng cử, họ hứa sẽ hợp tác với ông để cùng giải quyết các thách thức của thế kỷ cũng như những mâu thuẫn với Mỹ trong 8 năm cầm quyền của G. W. Bush.

Trong quá trình vận động tranh cử, B. Obama đã phê phán một cách toàn diện chính sách ngoại giao của G. W. Bush từ chính sách chống khủng bố đến quan hệ với đồng minh cũng như các đối tượng khác.

Về chính sách chống chủ nghĩa khủng bố, B. Obama cho rằng phải xem xét nguồn gốc cũng như nhân tố chính trị và kinh tế thúc đẩy chủ nghĩa khủng bố và

không tán thành các biện pháp chống chủ nghĩa khủng bố của G. W. Bush là “dùng quân sự đánh đòn phủ đầu trước khi đối thủ có thể hành động”. Đặc biệt, các đòn “đánh phủ đầu” này lại dựa trên các bằng chứng nguy tạo như ở Iraq. B. Obama chủ trương ủng hộ các lực lượng ôn hòa trong đạo Hồi, giúp họ phát triển và giải quyết các vấn đề khó khăn trong nước để họ có thể hội nhập với cộng đồng thế giới [23], [77].

Nhằm thực hiện cam kết của mình trong vận động tranh cử, về vấn đề Iraq, ông B. Obama đã ký lệnh rút quân Mỹ khỏi Iraq trong vòng 16 tháng được phía Iraq hoan nghênh. Song do thoả thuận an ninh mà chính quyền G. W. Bush ký với Iraq (được Quốc hội Iraq phê chuẩn ngày 4/12/2008), đã hợp pháp hóa sự có mặt của quân đội Mỹ tại Iraq thêm 3 năm, nghĩa là đến 31/12/2011, nên B. Obama phải có kế hoạch thương lượng lại với chính quyền Iraq để có thể đẩy nhanh quá trình rút quân. Tổng thống B. Obama cũng đã ký lệnh đóng cửa nhà tù Guantanamo (Cuba) trong vòng 1 năm, nhưng việc này cũng không đơn giản vì còn vướng nhiều vấn đề chính trị và pháp lý phức tạp. Đặc biệt là, việc cho hồi hương các nghi can có thể bị tử hình, khiến một số nghị sĩ tỏ ra do dự.

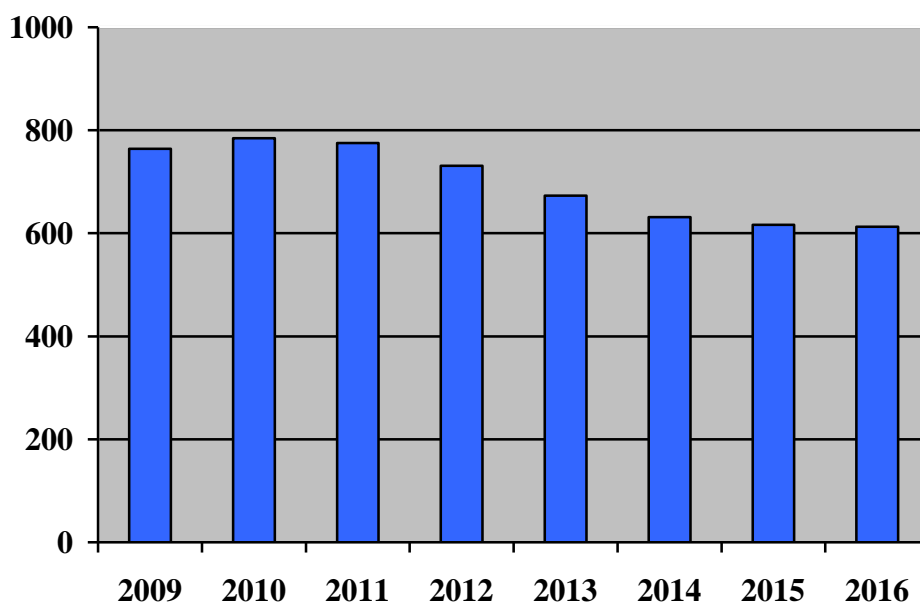
Tình hình Afghanistan lại càng phức tạp hơn vì lực lượng Taliban đang trở lại. Giải quyết vấn đề an ninh của Iraq và Afghanistan liên quan mật thiết đến quan hệ giữa Mỹ với Iran, nước bị chính quyền G. W. Bush liệt vào nhóm nước “trục ma quỷ”. Đối với vấn đề hạt nhân của CHDCND Triều Tiên, tuy B. Obama chưa đưa chính sách gì mới nhưng cách đề cập tỏ ra linh hoạt hơn người tiền nhiệm. Điều này cho thấy nước Mỹ thời B. Obama vẫn chủ trương giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên trong khuôn khổ đàm phán 6 bên (Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên), trong đó, vai trò của Trung Quốc được đề cao.

Đối với châu Âu, tuy thừa nhận giữa Mỹ và châu Âu có những bất đồng và chắc chắn sẽ còn bất đồng trong tương lai, nhưng B. Obama cho rằng: “*Nước Mỹ không có đối tác nào tốt hơn là châu Âu*”.

Một vấn đề cấp bách khác của ngoại giao Mỹ dưới thời B. Obama là quan hệ với Liên bang Nga - một nước đang tự khẳng định mình là “một cực chính” trong thế giới đa cực, thì xét về hòa bình và an ninh, mối quan hệ quan trọng hơn cả là quan hệ giữa Nga với Mỹ và NATO.

Cho dù chính sách đối ngoại của Tổng thống B. Obama có những điểm khác với chính sách đối ngoại của các tổng thống Mỹ kể từ sau Chiến tranh thế giới II, song nó vẫn không ngoài mục đích phục hồi vị trí đứng đầu của nước Mỹ trong cộng đồng quốc tế [24].

Chính sách đối ngoại của Tổng thống B. Obama là sự tiếp tục dựa trên “sức mạnh Mỹ” về kinh tế, đặc biệt là quân sự. Chẳng hạn, chính quyền Mỹ trong những năm 2009 - 2016, tiếp tục duy trì (tuy có giảm) việc chi ngân sách cho quốc phòng (xem bảng 3.1)



DVT: Tỷ USD [316]

Biểu đồ 3.1: Ngân sách quân sự của Mỹ từ năm 2009 đến 2016

Chính quyền B. Obama không đoạn tuyệt hẳn với di sản đối ngoại của G. Bush: *Một là*, chiến lược đối ngoại vẫn được thực hiện dựa trên cơ sở các văn kiện quan trọng liên quan do chính quyền Bush đưa ra như: “Chiến lược quân sự

quốc gia” (2004), “Chiến lược an ninh quốc gia” (2006), và “Chiến lược phòng thủ quốc gia” (2008)....; *Hai là*, các hoạt động quân sự của Mỹ ở nước ngoài không hề giảm đi, ngày càng gia tăng ở một số nơi, điển hình tại Afghanistan và Yemen. *Ba là*, chiến lược chống khủng bố đã không thay đổi, Đạo luật “Patriot” đưa ra năm 2001 vẫn còn nguyên giá trị; *Bốn là*, tiếp tục chính sách của người tiền nhiệm trong lĩnh vực không phổ biến vũ khí hạt nhân; *Năm là*, duy trì chính sách của Bush tại các khu vực then chốt như Trung Đông, tiếp tục hậu thuẫn Israel; tại châu Âu, khôi phục lòng tin của Paris và Berlin sau chiến tranh Iraq; ở Nam Á, phát triển quan hệ đối tác với Ấn Độ nhằm mục đích kiềm chế Trung Quốc; tại Mỹ Latinh, tìm cách cô lập các chế độ cánh tả; ở Đông Bắc Á, sử dụng phương thức kích động căng thẳng theo chu kỳ xung quanh chương trình hạt nhân của CHDCND Triều Tiên, cam kết bảo đảm an ninh - quân sự cho các đồng minh Nhật Bản và Hàn Quốc; tại Đông Âu, không từ bỏ ý đồ mở rộng NATO sang không gian SNG [37], [60].

Như vậy, về thực chất, luận thuyết “sức mạnh mềm” của chính quyền B. Obama, với một trong những hạt nhân là áp dụng chủ nghĩa đa phương, là một cố gắng quay trở lại chiến lược “mở rộng và dính líu” của Tổng thống B. Clinton những năm 90 của thế kỷ trước. Đó là trói buộc các đối thủ tiềm tàng, bao gồm cả Trung Quốc và Nga bằng tổ hợp các thỏa thuận ổn định; khôi phục mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương với các nước EU; mở rộng việc sử dụng các cơ quan đặc vụ và chế độ ôn hòa ở Trung Đông nhằm chống lại chủ nghĩa khủng bố xuyên quốc gia; sử dụng vũ lực trong những trường hợp đặc biệt và trong sự phối hợp chặt chẽ với các đồng minh.

3.1.2.2. Sự thay đổi chính sách của Mỹ với Cuba

Sự thay đổi của tình hình Cuba từ năm 2008 với vai trò mới của Raúl Castro đã đặt ra yêu cầu về định hướng tương lai trong chính sách của Mỹ đối với nước này. Chính sách của Mỹ vào thời điểm này có thể được mô tả là một chính sách cô lập Cuba thông qua các biện pháp trừng phạt kinh tế toàn diện, bao gồm các hạn chế về thương mại và giao dịch tài chính, đồng thời hỗ trợ người dân Cuba thông qua các biện pháp cụ thể như tài trợ cho các dự án dân

chủ và nhân quyền. Đạo luật Đoàn kết Dân chủ và Tự do Cuba năm 1996 (các điều khoản 104-114) đưa ra một số điều kiện để đình chỉ lệnh cấm vận, bao gồm Chính phủ Cuba chuyển tiếp: không bao gồm Fidel hoặc Raúl Castro; hợp pháp hóa mọi hoạt động chính trị; thả tất cả tù nhân chính trị; và tiến bộ trong việc thành lập một cơ quan tư pháp độc lập và tôn trọng các quyền con người được quốc tế công nhận [246]. Sự chấm dứt thực tế của lệnh cấm vận sẽ đòi hỏi các điều kiện bổ sung, bao gồm cả một chính phủ dân sự được bầu ra có quyền lực.

Trong bối cảnh người kế nhiệm của Fidel Castro là Raúl Castro lên nắm quyền, có hai cách tiếp cận chính sách rộng rãi để giúp Mỹ ứng xử với những thay đổi chính trị tại Cuba: *Thứ nhất*, là duy trì phương thức “giữ nguyên hiện trạng” nhằm tiếp tục chính sách cô lập Chính phủ Cuba với các biện pháp trừng phạt kinh tế; *Thứ hai*, là gây ảnh hưởng đến Chính phủ và xã hội Cuba bằng cách nói lỏng các biện pháp chế tài và tăng cường liên lạc, cam kết.

Nhiều người trong chính giới Mỹ ủng hộ các biện pháp tiếp tục trừng phạt Cuba vì cho rằng, Chính phủ Cuba dưới quyền của Raúl Castro đã không chứng minh được bất kỳ thái độ thiện chí để giảm bớt áp bức hoặc khởi động cho bất kỳ nước đi chính trị hay kinh tế nào. Bộ trưởng Thương mại Mỹ Carlos Gutierrez khẳng định rằng “*Sự kế thừa từ Fidel cho Raúl là một sự bảo vệ chế độ độc tài*” và rằng “*chế độ (Cuba) cần phải có một cuộc đối thoại với người dân Cuba trước khi đối thoại với Chính phủ Mỹ*” [158]. Những người ủng hộ chính sách duy trì tình trạng hiện tại tin rằng việc nói lỏng các biện pháp trừng phạt kinh tế sẽ kéo dài chế độ cộng sản bằng cách tăng dòng chảy thương mại vào các doanh nghiệp do Nhà nước kiểm soát trong khi các biện pháp trừng phạt sẽ tiếp tục tạo áp lực cho Chính phủ Cuba và khiến Chính quyền Raúl Castro phải ban hành những cải cách kinh tế sâu sắc hơn [167].

Những người ủng hộ việc nói lỏng các biện pháp trừng phạt cho rằng Mỹ cần tận dụng sự kế thừa chính trị của Cuba để từ bỏ chính sách trừng phạt kéo dài mà nhiều đời Tổng thống đã duy trì; đặc biệt là khi các chính sách trong quá khứ không mang lại hiệu quả thiết thực trong việc thay đổi chính sách của Chính

phủ Cuba. Những người ủng hộ thái độ cứng rắn cho rằng việc duy trì hiện trạng sẽ chỉ giúp gia tăng thêm nhiều năm thù địch giữa Cuba và Mỹ và đồng thời là giảm cơ hội thay đổi tích cực tại Cuba bằng cách làm chậm tốc độ tự do hóa và cải cách [169]. Những người khác cho rằng Mỹ nên hướng tới việc tham gia đàm phán với Cuba để có thể thúc đẩy cơ hội thay đổi bởi vì ngay cả những cải cách nhỏ nhất cũng có thể giúp thúc đẩy các kỳ vọng phổ biến về những bước đi mang lại sự thay đổi [189]. Như vậy, có thể nhận thấy rằng, vẫn tồn tại khá nhiều tranh luận trong nội bộ nước Mỹ xung quanh vấn đề tiếp cận tình hình Cuba và đề ra chính sách đối với Cuba trong bối cảnh mới [125].

3.1.3. Những chuyển biến mới của Cuba dưới thời Raúl Castro

Vào ngày 14/2/2008, ở Cuba đã diễn ra sự chuyển giao quyền lực quan trọng. Sau 40 năm chèo lái con thuyền cách mạng Cuba, chính trị gia lỗi lạc Fidel Castro đã nhường lại vị trí đứng đầu Nhà nước cho người em trai, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Raúl Castro, người được đánh giá là “nhà cải cách mềm mỏng”. Sự kiện này được người dân Cuba cũng như báo chí khắp thế giới quan tâm là Cuba hậu Fidel sẽ ra sao? Tình hình của Cuba, nhất là chính sách đối ngoại của nước này sẽ như thế nào?

Khi ông Raúl Castro chính thức trở thành người lãnh đạo Cuba vào năm 2008, sự phát triển của Cuba về cơ bản vẫn là sự tiếp nối những thành quả và định hướng từ thời Fidel Castro.

Nhân tố quyết định để Cuba vượt qua thời kỳ khó khăn và tiếp tục đi lên do những người cộng sản Cuba đã mạnh dạn đổi mới tư duy. Tại Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 4/2011), đã thông qua đường lối cập nhật hóa mô hình phát triển kinh tế xã hội gồm 313 nội dung, biện pháp cụ thể, nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, tạo động lực nâng cao hiệu quả kinh tế [2]. Tiếp đó, tại Đại hội VII (2016), Đảng Cộng sản Cuba tiếp tục khẳng định đường lối cập nhật hóa mô hình kinh tế [44].

Đường lối cập nhật hóa mô hình phát triển được thông qua từ Đại hội VI đã khơi nguồn nội lực kinh tế. Từ đây, Cuba bắt đầu thực hiện công cuộc cải

cách kinh tế từng bước, với những giải pháp thận trọng để mở cửa một phần nền kinh tế: cho phép tư nhân tham gia vào nhiều khu vực sản xuất kinh doanh và dịch vụ mà trước đây đều do Nhà nước nắm giữ và độc quyền [20].

Về nông nghiệp, trong 10 năm kể từ 2008, 1.830.000 ha đất nhàn rỗi đã được giao cho 21,4 vạn người lao động sử dụng để trồng rau màu, chăn nuôi và trồng lúa. Riêng về lúa gạo, năm 2017, Cuba đã sản xuất được 255.000 tấn và dự kiến đạt 283.000 tấn vào năm 2018, tăng gấp đôi sản lượng năm 2008. Tuy sản xuất nông nghiệp nói chung gặp nhiều khó khăn, Cuba phải tiêu tốn rất nhiều ngoại tệ để nhập khẩu lương thực, thực phẩm từ bên ngoài (phải nhập 40 vạn tấn gạo/năm), nhưng chỉ tiêu đề ra là sẽ tự túc và đảm bảo an ninh lương thực vào năm 2030 [223]. Thực tế cho thấy, kinh tế Cuba đã tiếp tục chuyển mình [124]

Tình hình công thương nghiệp cũng không mấy sáng sủa. Năm 2012, sản xuất công nghiệp của nước này chỉ bằng 50% so với trước năm 1989. Giá trị xuất khẩu các mặt hàng khác của Cuba ra nước ngoài lại không đáng kể [16].

Những yếu tố liên quan tới kinh tế đối ngoại của Cuba gặp nhiều khó khăn và bất lợi. Khả năng tiếp cận với nguồn tài chính bên ngoài của Cuba còn rất hạn chế do Cuba không phải là thành viên của IMF và WB. Phần lớn các khoản vay nợ mà Cuba nhận được đến từ Trung Quốc, Nga, Brazil và Venezuela. Trong khi bản thân các nền kinh tế này cũng gặp khó khăn, không trợ giúp được nhiều cho Cuba. Bên cạnh đó, nền kinh tế Cuba phụ thuộc rất nhiều với bên ngoài, cộng với hệ quả từ cuộc bao vây, cấm vận của Mỹ áp dụng với Cuba hơn 50 năm qua càng làm cho khó khăn kinh tế Cuba trở nên chồng chất. Tăng trưởng GDP của Cuba luôn ở mức thấp và vừa, thấp hơn mức trung bình của khu vực. Cuba không thể tự mình giải quyết được “ván cờ” khó này và để thay đổi xu hướng trên, vì vậy, Chính phủ Cuba kêu gọi đầu tư nước ngoài. Trong số hơn danh mục 200 dự án đầu tư thì các lĩnh vực mà Cuba kêu gọi đầu tư, chủ yếu tập trung vào ngành năng lượng, du lịch - nghỉ dưỡng và ngành nông nghiệp - thực phẩm [229].

Như vậy, với tốc độ đổi mới thận trọng, thêm vào đó là việc bị Mỹ bao vây, cấm vận, Cuba vẫn phải đối mặt với một số vấn đề khá nghiêm trọng về kinh tế.

Về đối ngoại, quá trình chuyển giao quyền lực mang tính kế thừa trong hòa bình của Cuba đã khiến Mỹ gặp khó khăn trong việc thay đổi chế độ chính trị Cuba. Dưới sự lãnh đạo của Raúl Castro, Cuba đã tận dụng kênh ngoại giao để từng bước phá vỡ thế bao vây của Mỹ. Trong quá trình đó, Cuba cũng chú ý đến việc tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia trong và ngoài khu vực để mở rộng quan hệ đối ngoại. Cuba một mặt tranh thủ sự ủng hộ từ các quốc gia XHCN như Trung Quốc và Việt Nam, mặt khác cũng tích cực phát triển quan hệ với các quốc gia Mỹ Latinh. Trong quan hệ với Mỹ thì Cuba linh hoạt và khéo léo để tìm kiếm sự ủng hộ từ các lực lượng yêu chuộng hòa bình tại Mỹ [123].

Cuba đã nối lại quan hệ ngoại giao với hầu hết các quốc gia khu vực Mỹ Latinh. Vào năm 2008, Cuba chính thức gia nhập Nhóm Rio (Rio Group) sau hơn 20 năm bị ngăn cản, thúc đẩy liên minh kiểu mới trong tổ chức Liên minh Bolivar vì nhân dân châu Mỹ của chúng ta (ALBA), trong đó ưu tiên quan hệ với Venezuela, mở rộng quan hệ với Brazil, Mexico, Argentina... Việc Cuba trở thành thành viên của “Nhóm Rio” có ý nghĩa quan trọng, nó đã chứng minh rằng chính sách của Mỹ nhằm cô lập Cuba đã thất bại [168, pp1-9]. Thực tế cho thấy, ngày càng nhiều quốc gia Mỹ Latinh đã bắt đầu có sự chuyển biến. Nhiều đảng cánh tả lên nắm quyền điều hành đất nước, đưa sự phát triển của khu vực theo hướng cởi mở hơn rất nhiều. Điều tế này hoàn toàn có lợi cho sự phát triển của Cuba nói riêng và khu vực nói chung.

Bên cạnh đó, Cuba cũng phát triển quan hệ tích cực với châu Âu. Cuba đã nối lại quan hệ hợp tác và đối thoại chính trị với Liên minh châu Âu (EU) trên tinh thần bình đẳng cùng phát triển và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đây là thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng. Các quốc gia là bạn bè truyền thống của Cuba như Ấn Độ, Iran, Algeria, Angola, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia... cũng đánh giá cao nỗ lực của Cuba và từng bước tích cực ủng

hộ Cuba trên nhiều phương diện. Thành công bước ngoặt là ngày càng nhiều quốc gia trong LHQ ủng hộ vị thế chính trị của Cuba. Cụ thể là 185 quốc gia thành viên LHQ đã bỏ phiếu ủng hộ Nghị quyết do Cuba soạn thảo đòi Mỹ bỏ bao vây, cấm vận [236]. Cũng từ đây, vị thế và tiếng nói của Cuba ở khu vực và trên thế giới được tăng cường.

Như vậy, mặc dù Mỹ đã tìm kiếm và sử dụng nhiều biện pháp để cô lập Cuba nhưng quốc gia vùng Caribe này vẫn kiên trì đấu tranh. Trong những tình huống khó khăn và khủng hoảng, Cuba vẫn kiên trì định hướng đã lựa chọn và đa dạng hóa các quan hệ để vượt qua thách thức. Trải qua hơn nửa thế kỷ bị bao vây và cấm vận, Cuba vẫn đứng vững và phấn đấu để xây dựng quốc gia.

Bên cạnh những thành quả đối ngoại, Chính phủ của Raúl Castro cũng đã có sự chuyển biến trong cách nhìn nhận về quan hệ Cuba với Mỹ. Điều này xuất phát trước tiên từ những khó khăn trong tình thế bị bao vây cô lập. Mặc dù nhân dân Cuba đã thu được nhiều lợi ích từ sự nỗ lực mở rộng quan hệ với các quốc gia trong và ngoài khu vực nhưng trong hơn nửa thế kỷ bị cấm vận, Cuba đã gặp nhiều khó khăn như công dân Cuba gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp xúc với những điều kiện làm việc tại Mỹ, không được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận với các dịch vụ, hàng hóa hay công nghệ hiện đại trên thế giới. Đối với Chính phủ Cuba, một nguy cơ rất lớn, luôn là thách thức đối với đất nước là có khả năng đi lệch ra khỏi quỹ đạo thương mại toàn cầu. Dòng chảy toàn cầu hóa đang là thách thức rất lớn cho sự phát triển của Cuba. Thiệt hại của Cuba ngày càng trở nên rõ rệt. Chính phủ Cuba ước tính: kể từ khi bị cấm vận cho đến thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, nền kinh tế Cuba chịu thiệt hại khoảng 1.126 tỷ USD. Trong khi đó, những nỗ lực cải cách kinh tế của Cuba mới chỉ đạt mức tăng trưởng khiêm tốn là 1,4 % [136]. Thực tế này cho thấy, Cuba chỉ thực sự có thể phát triển mạnh và vận động tích cực trong dòng chảy toàn cầu hóa khi lệnh cấm vận Cuba được nói lỏng và hủy bỏ. Nếu điều này được thực hiện thì Cuba sẽ có điều kiện tiếp cận nhiều khoản đầu tư từ các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Các

lĩnh vực chủ chốt như giáo dục, y tế, du lịch... cũng sẽ được hưởng lợi nhờ vào sự chuyển biến này.

Kể từ khi nhậm chức, Chủ tịch Raúl Castro đã bắt đầu có những động thái liên quan đến việc bình thường hóa quan hệ hai nước. Chủ tịch Cuba đã đưa ra một số đề nghị công khai nhằm tiến đến đối thoại với Mỹ nhưng đã bị phía Mỹ bác bỏ. Một số quan chức Mỹ đã lập luận rằng Mỹ chỉ thay đổi chính sách khi Cuba đạt được những chuyển biến cơ bản. Trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 8/2006, Raúl Castro khẳng định rằng Cuba đã *“luôn luôn có ý định bình thường hoá quan hệ dựa trên sự bình đẳng”*, đồng thời Chủ tịch Cuba cũng bày tỏ sự phản đối chính sách của Mỹ đối với Cuba, khi ông mô tả là *“kiêu ngạo và can thiệp”* [195]¹

Chủ tịch Raúl Castro đã nhắc lại lời đề nghị đàm phán với Mỹ trong một bài phát biểu tháng 12/2006. Ông nói rằng: *“Chúng tôi sẵn sàng giải quyết trên bàn đàm phán những bất đồng lâu dài giữa Mỹ và Cuba, miễn là họ chấp nhận, như chúng tôi đã nói trước đây, điều kiện của chúng tôi là một quốc gia độc lập sẽ không nhượng bộ bất cứ điểm nào đối với nền độc lập của mình và việc giải quyết bất đồng dựa trên các nguyên tắc bình đẳng, có đi có lại, không can thiệp và tôn trọng lẫn nhau”* [161]. Cũng trong bài phát biểu ngày 26/7/2007, Chủ tịch Raúl Castro lần thứ ba nhắc lại đề nghị đối thoại với Mỹ và chỉ trích mạnh mẽ những trừng phạt kinh tế của Mỹ đối với Cuba. Lần này, Chủ tịch Raúl Castro chỉ ra tương lai của quan hệ với chính quyền kế tiếp của Mỹ. Ông tuyên bố: *“chính quyền mới sẽ phải quyết định liệu chính quyền có giữ các chính sách vô lý, bất hợp pháp và không thành công đối với Cuba hoặc chấp nhận thiện chí mà chúng tôi đã nêu”*. Ông khẳng định rằng *“nếu Chính phủ mới của Mỹ bỏ qua sự kiêu ngạo và quyết định đối thoại một cách văn minh thì họ sẽ được hoan*

¹ Đáp lại, Trợ lý Ngoại trưởng về các vấn đề bán cầu Tây bán cầu Thomas Shannon đã nhắc lại lời đề nghị của Mỹ đối với Cuba, được Tổng thống Bush đưa ra vào tháng 5/2002, rằng chính quyền Tổng thống sẵn sàng làm việc với Quốc hội để dỡ bỏ các lệnh trừng phạt kinh tế của Mỹ nếu Cuba bắt đầu mở cửa chính trị và chuyển đổi sang nền dân chủ. Theo Shannon, chính quyền Bush vẫn đang chuẩn bị làm việc với Quốc hội về cách thức dỡ bỏ lệnh cấm vận nếu Cuba sẵn sàng trả tự do cho các tù nhân chính trị, tôn trọng nhân quyền, cho phép thành lập các tổ chức độc lập và tạo ra một cơ chế và con đường hướng tới các cuộc bầu cử tự do và công bằng [217].

ngheh. Nếu không, chúng tôi sẵn sàng đối phó với các chính sách thù địch của họ, thậm chí trong 50 năm nữa nếu cần” [314]. Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ trả lời rằng *“cuộc đối thoại duy nhất thực sự cần thiết là với người dân Cuba” [165].* Tuy nhiên, các quan chức Mỹ cho rằng chính sách của Mỹ sẽ không thay đổi.

Khi Tổng thống B. Obama lên điều hành đất nước, ông đã có những điều chỉnh về chính sách đối ngoại để đưa nước Mỹ từng bước khôi phục lại địa vị quốc tế và cũng nhằm đáp ứng sự chuyển biến của tình hình thế giới và khu vực. trong bối cảnh đó, chính sách của Mỹ đối với Cuba cũng có những biến chuyển quan trọng. Thông qua các chính sách cụ thể của Mỹ mà quan hệ Mỹ - Cuba dần ấm lên.

3.2. Quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn 2009 - 2016

3.2.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao

3.2.1.1 Quan hệ ngoại giao

Trong gần nửa thập kỷ (1962 - 2008), quan hệ Mỹ - Cuba được đặc trưng bởi tính chất đối đầu rõ rệt. Những căng thẳng và bất đồng trong quan hệ hai nước cũng thường xuyên diễn ra. Trong khi Mỹ luôn thực hiện các biện pháp nhằm bao vây cấm vận Cuba thì Cuba vẫn đạt được những bước phát triển, mặc dù không thật sự mạnh mẽ. Trong thế kỷ XXI, trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, dư luận thế giới và LHQ nhiều lần phản đối sự can thiệp của Mỹ. Tuy nhiên, những chuyển biến vẫn chưa thấy rõ.

- Từ năm 2009 đến năm 2014

Việc Tổng thống B. Obama lên cầm quyền vào đầu năm 2009 đã hứa hẹn có những chuyển biến về chính sách đối ngoại. Cụ thể, trong chiến dịch tranh cử, ông B. Obama đã hứa nếu được cử tri ủng hộ và tín nhiệm thì ông sẽ tạo những chuyển biến rõ rệt trong chính sách đối ngoại. Điều này được thể hiện qua tuyên bố *“sẵn lòng gặp gỡ các nhà lãnh đạo của tất cả các nước Iran, Syria, Venezuela, Cuba và Bắc Triều Tiên để thu hẹp khoảng cách chia rẽ giữa*

các quốc gia” [269]. Khi được bầu làm Tổng thống thứ 44 của Mỹ, Tổng thống B. Obama bắt đầu có cái nhìn tích cực và mang tính xây dựng trong quan hệ với các quốc gia Mỹ Latinh. Ông cũng cho biết rằng quan hệ Mỹ - Cuba có nhiều khả năng gạt hái những bước tiến quan trọng.

Cuba cũng có thái độ chủ động trong việc thúc đẩy tiến trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Điều này khẳng định rằng cả hai nhà lãnh đạo đều có tầm nhìn đưa quan hệ hai nước sang một trang mới. Khi Raúl Castro trở thành Chủ tịch Cuba vào năm 2008, ông đã tiến hành cải cách kinh tế trong nước và bước đầu thu được nhiều thành tựu. Về phương diện đối ngoại, Chủ tịch Raúl Castro đã nỗ lực bình thường hóa với Mỹ nhằm đưa Cuba thoát khỏi những khó khăn thường trực. Trong một bài viết trên Thông tấn Nhà nước Cuba, Lãnh tụ Fidel Castro khẳng định: Cuba không ngại nói chuyện trực tiếp với phía Mỹ vì *“đối thoại là cách duy nhất để đảm bảo tình hữu nghị và hòa bình giữa hai dân tộc”* [55]. Đây cũng là định hướng được tiếp nối bởi Chủ tịch Raúl Castro.

Quan hệ giữa Cuba và Mỹ bắt đầu được cải thiện kể từ khi ông B. Obama lên nắm chính quyền và hai nước mới đồng ý nói lại đàm phán về vấn đề nhập cư, cũng như thư tín. Chủ tịch Raúl Castro cho rằng, cuộc đối thoại giữa Washington và Havana về di cư đã được nói lại một cách nghiêm túc và mang tính xây dựng, đồng thời khẳng định Cuba sẽ tiếp tục thực hiện những thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên trên tinh thần đó. Cựu Chủ tịch Fidel coi những quyết định kể trên là tích cực và kêu gọi Nhà Trắng cần làm nhiều hơn nữa như bỏ bao vây kinh tế, cấm vận chống Cuba.

Ngày 23/6/2008, EU đã chính thức dỡ bỏ các lệnh trừng phạt với hy vọng có thể khích lệ dân chủ ở Cuba sau vụ chuyển giao quyền lực lịch sử đầu năm 2008. Động thái này chủ yếu mang ý nghĩa tượng trưng vì trên thực tế EU đã ngừng thực hiện các biện pháp trừng phạt đối với Cuba từ năm 2005 sau hai năm áp dụng.

Ngày 26/2/2009, Hạ viện Mỹ bỏ phiếu thông qua một dự luật nói lỏng hạn chế đi lại đối với những người Mỹ gốc Cuba. Sau đó, ngày 10/3, Thượng viện

thông qua thành luật. Luật này là bước đi đầu tiên trong nỗ lực lớn hơn của chính quyền mới ở Mỹ nhằm nới lỏng lệnh cấm vận thương mại của Mỹ cũng như chấm dứt hạn chế đi lại đối với mọi công dân Mỹ tới Cuba. Theo Luật này, người Mỹ gốc Cuba được phép về thăm quê hương mỗi năm một lần thay vì ba năm một lần như trước đó. Họ cũng có thể tiêu 170 USD/ngày tại Cuba, gấp hơn 3 lần so với hạn mức 50 USD hiện thời. Những người Mỹ bán thực phẩm và thuốc men cho Cuba sẽ được cấp giấy phép đi lại. Ngoài ra, nhà chức trách Cuba được phép thanh toán cho hàng hóa Mỹ ngay khi hàng đó cập cảng Cuba chứ không phải thanh toán trước khi chuyển hàng. Biện pháp này có thể thúc đẩy số lượng gạo mà Mỹ bán cho Cuba [139].

Ngày 4/4/2009, Bộ trưởng Ngoại giao Cuba Bruno Rodriguez tiếp đoàn nghị sỹ Mỹ do bà Barbara Lee, Chủ tịch nhóm Nghị sỹ Quốc hội dẫn đầu thăm Cuba trong nỗ lực chấm dứt gần nửa thập kỷ Mỹ cấm vận Cuba. Đây là phái đoàn Mỹ đầu tiên tới Cuba kể từ khi Tổng thống B. Obama nhậm chức.

Ngày 13/4/2009, Tổng thống B. Obama quyết định bãi bỏ một số biện pháp trong chính sách cấm vận ngặt nghèo chống Cuba do Washington áp đặt trước đó, trong đó Mỹ bãi bỏ mọi hạn chế đối với gửi kiều hối và số lần về thăm quê hương của người Mỹ gốc Cuba về nước và gửi tiền về cho gia đình họ ở quê hương. Đây là sự thay đổi đáng kể nhất trong chính sách của Mỹ đối với Cuba trong nhiều thập kỷ cấm vận. Chính sách này được đưa ra khi ông B. Obama chuẩn bị gặp các nhà lãnh đạo của Mỹ Latinh (những người muốn ông bình thường hóa quan hệ với Cuba và nhà lãnh đạo Raúl Castro) tại Trinidad và Tobago. Tổng thống B. Obama đã cho thấy ông sẵn sàng có những thay đổi lớn hơn trong quan hệ với Cuba.

Tuy vậy, Mỹ không sẵn sàng đi quá xa. Thay vào đó, những bước tiến mà ông B. Obama tiến hành là vừa phải, phản ánh nền chính trị phức tạp ở trong nước Mỹ đối với Cuba và phản ứng không lường trước được của phía Cuba. Tổng thống Mỹ không huỷ bỏ lệnh cấm vận đối với Cuba, mà sử dụng quyền tối cao của mình, huỷ bỏ những hạn chế chặt chẽ của G. Bush và những hạn chế

lông lẻo hơn dưới chính quyền Tổng thống B. Clinton để người Mỹ gốc Cuba có thể thường xuyên về thăm quê hương và gửi tiền hoặc quà về cho người thân theo ý muốn của họ, miễn là không phải các quan chức cao cấp của Chính phủ hoặc của ĐCS.

Việc nói lỏng những hạn chế nói trên sẽ cho phép người Mỹ gốc Cuba được tự do về thăm quê hơn và tác động đến 1,5 triệu người Mỹ có gia đình ở Cuba. Những hạn chế trước đó chỉ cho phép kiều dân Cuba sống ở Mỹ về thăm một năm một lần và gửi 1200 USD tiền mặt cho mỗi thành viên trong gia đình ở quê nhà. Tuy nhiên, với việc quyết định nói lỏng của Tổng thống B. Obama, các kiều dân Cuba có thể về thăm quê thường xuyên hơn và lưu lại lâu hơn và có thể gửi kiều hối với số lượng và tần suất nhiều hơn. Song Mỹ vẫn không cho phép gửi tiền về cho các quan chức trong Chính phủ Cuba. Như vậy, quyết định này hoàn toàn không đồng nghĩa với việc Mỹ nhượng bộ trước sức ép của một số nhà lãnh đạo Mỹ Latinh yêu cầu Washington thay đổi chính sách đối ngoại với Havana trước thềm Hội nghị Thượng đỉnh của các nước châu Mỹ diễn ra từ 17 đến 19/4/2009 tại Trinidad và Tobago.

Những người ủng hộ dỡ bỏ cấm vận của Mỹ đối với Cuba mà trước hết là khoảng 1,5 triệu người Mỹ gốc Cuba, hoan nghênh quyết định trên của người đứng đầu Nhà Trắng, bày tỏ tin tưởng sau động thái này, Mỹ sẽ sớm dỡ bỏ lệnh cấm vận kéo dài 47 năm qua Cuba. Kết quả thăm dò ngay sau đó cho thấy: có 60% người Mỹ gốc Cuba ủng hộ việc bình thường hóa quan hệ hai nước (trong giới trẻ con số này là 90%); có 69% người Mỹ gốc Cuba ủng hộ việc bãi bỏ những hạn chế đi lại và du lịch sang Cuba và 53% nói rằng họ sẽ bỏ phiếu cho những chính khách nào có chủ trương bình thường hóa quan hệ với Cuba. Có tới 71% cho rằng lệnh cấm vận của Mỹ chống Cuba trong hơn nửa thế kỷ qua không mang lại hiệu quả [231].

Từ năm 2009, Mỹ và Cuba bắt đầu khôi phục lại các cuộc thương lượng về vấn đề người nhập cư. Đầu tháng 4/2009, phái đoàn Mỹ do Thứ trưởng Ngoại giao đặc trách các vấn đề Tây bán cầu Craig Kelly dẫn đầu đã có cuộc gặp gỡ

với các quan chức Cuba tại trụ sở LHQ ở New York. Tiếp đó, Mỹ cử phái đoàn đầu tiên đến Cuba kể từ khi Tổng thống B. Obama nhậm chức. Mục đích của chuyến đi này hướng tới mục tiêu chấm dứt cấm vận Cuba, sau nữa là thảo luận về vấn đề bình thường hóa quan hệ hai nước. Điều này cho thấy chủ trương từ phía Mỹ muốn cải thiện quan hệ và tiếp tục các cuộc thảo luận mang tính xây dựng với Cuba.

Ngày 17/4/2009, Tổng thống Mỹ B. Obama tuyên bố: Mong muốn “có một sự khởi đầu mới tốt đẹp” trong quan hệ với Cuba, Washington sẵn sàng hợp tác với Havana trong một loạt vấn đề bao gồm cả vấn đề nhân quyền và vấn đề kinh tế. Tuyên bố của ông phản ánh mong muốn của Mỹ cố gắng chấm dứt mối quan hệ thù địch kéo dài giữa hai nước [139]. Những động thái trên là bước đi quan trọng để cụ thể hóa cho quyết tâm bình thường hóa quan hệ với Cuba. Đây là dấu hiệu cho thấy chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Cuba ngày càng trở nên tích cực hơn trong quan hệ với quốc gia trước đây từng là “cựu thù” của Mỹ và cho thấy sự khác biệt trong cách tiếp cận Cuba giữa chính quyền B. Obama và G. Bush [55].

Tiếp đó, ngày 15/7/2009, Tổng thống Mỹ B. Obama thông báo sẽ hoãn thực hiện Điều III Luật Helms - Burton trừng phạt các công ty nước ngoài giao thương với Cuba trong vòng sáu tháng (kể từ ngày 1/8) [113]. Tháng 10/2011, điệp viên Cuba Rene Gonzalez (một thành viên trong nhóm bộ 5 Cuba - những người này bị kết án tù vào năm 2001 ở Mỹ với tội danh làm gián điệp) được trả tự do khỏi nhà giam Florida. Tháng 12/2011, Mỹ kêu gọi thả công dân Alan Gross đang bị giam trong nhà tù Cuba, với cáo buộc làm gián điệp. Tháng 9/2012, Cuba gợi ý sẵn sàng đàm phán với Washington về việc tìm giải pháp cho vụ A.Gross. (trước đó, việc Cuba từ chối thả tự do cho A.Gross đã làm đóng băng quan hệ song phương trong nhiều tháng).

Bên cạnh việc cởi mở hơn trong thực hiện các điều luật, ngày 27/7/2009, Bộ Ngoại giao Mỹ thông báo rằng Văn phòng phụ trách các lợi ích của Mỹ tại Havana đã tắt bảng chữ điện tử tuyên truyền, nói xấu nước sở tại. Để đáp lại

động thái tích cực của phía Mỹ thì phía Cuba cũng hạ những tấm bảng có nội dung chống Mỹ đặt gần văn phòng này. Trên cơ sở nhận định rằng sự tồn tại của bảng điện tử này là không cần thiết khi quan hệ Mỹ - Cuba đã có bước phát triển, hai nước đã dỡ bỏ các bảng hiệu như là tín hiệu công khai rằng quan hệ hai nước đang có nhiều tiến triển tích cực hơn so với giai đoạn trước. Ian Kelly, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ khẳng định rằng việc dỡ bỏ các bảng hiệu này là vì *“những bảng quảng cáo này không phục vụ lợi ích thúc đẩy mối quan hệ hiệu quả hơn giữa Mỹ và Cuba”* [288].

Cũng trong tháng 9/2009, hợp tác viễn thông Mỹ - Cuba cũng có những bước phát triển khi hai nước nối lại dịch vụ bưu chính trực tiếp tại Havana. Với việc nối lại dịch vụ đã bị gián đoạn từ năm 2003, việc trao đổi thông tin trực tiếp giữa Mỹ và Cuba được thúc đẩy trên cơ sở cải thiện dịch vụ và giảm giá thành [309]. Bên cạnh đó, Tổng thống B. Obama cũng cho phép các công ty và doanh nghiệp của Mỹ được phép đầu tư và phát triển trong lĩnh vực viễn thông tại Cuba. Nhờ vào động thái tích cực này mà hình ảnh nước Mỹ đã cải thiện hơn trong nhận thức của các quốc gia Mỹ Latinh nói riêng và thế giới nói chung.

Từ những cơ sở đã được thiết lập để tiến đến bình thường hóa quan hệ hai nước, vào giữa tháng 01/2011, Tổng thống B. Obama tiếp tục đề xuất một số thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Cuba. Trong đó, đáng chú ý là bước đi của Mỹ trong việc dỡ bỏ lệnh cấm công dân Mỹ du lịch sang Cuba và tăng cường trao đổi giáo dục, tôn giáo và văn hóa giữa hai nước [82]. Về phương diện ngoại giao, những quy định nói lỏng về thị thực, tiền gửi và đi lại với Cuba của Chính phủ Mỹ là rất tích cực. Tuy nhiên phải thừa nhận rằng vẫn còn lệnh cấm vận trong chính sách của Mỹ đối với Cuba. Những quyết định của Mỹ đã chứng tỏ Washington đã có thiện chí trong quan hệ với Cuba. Để tiến xa hơn trong nỗ lực của mình, vào tháng 4/2011, Bộ Tài chính Mỹ đã thông báo về quy định nói lỏng hạn chế liên quan đến việc công dân Mỹ đến thăm Cuba. Các biện pháp an ninh bưu phẩm cũng được nói lỏng và dịch vụ thư tín hai nước được kết nối với nhau

chặt chẽ hơn so với giai đoạn trước. Đến tháng 7/2011, việc mở rộng dịch vụ bay thẳng giữa sân bay Mỹ và Cuba cũng đạt được thỏa thuận. Trên cơ sở đó mà các chuyến bay của công dân hai nước được tạo điều kiện thuận lợi. Công dân Mỹ và Cuba cũng có điều kiện hiểu biết và chia sẻ với nhau nhiều hơn. Từ đó, quan hệ nhân dân hai nước tiến triển ngày càng tốt đẹp.

Quan hệ Mỹ - Cuba được tiến hành thuận lợi cũng là nhờ vào những nỗ lực của lãnh đạo hai nước. Vào tháng 11/2013, Tổng thống B. Obama đã tuyên bố rằng Mỹ sẽ được nhiều lợi ích trong việc cải thiện quan hệ với Cuba. Tính chất kết nối trong quan hệ hai nước được thể hiện cụ thể hơn khi Tổng thống Mỹ tham dự lễ tang lãnh đạo Nam Phi Nelson Mandela vào giữa tháng 12/2013. Đây là cuộc gặp mặt đầu tiên giữa Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro. Hơn 50 năm sau khi Mỹ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Cuba, việc hai người đứng đầu hai Nhà nước gặp nhau là điều vô cùng hiếm thấy, có tính chất lịch sử¹. Tại lễ tang, Tổng thống B. Obama đã bắt tay Chủ tịch Raúl Castro. Đây là cử chỉ cụ thể phát đi tín hiệu rõ ràng rằng Mỹ hoàn toàn sẵn sàng cho mỗi quan hệ đầy mới mẻ với Cuba. Đối với thế giới, đây là tín hiệu mang ý nghĩa lịch sử. Nhiều tờ báo đã đưa tin về sự kiện này và gọi đây là “*cái bắt tay lịch sử*” [252].

Quan hệ hai nước hứa hẹn nhiều triển vọng. Tiếp nối thành công đó, khi tới thăm Vatican vào tháng 3/2014, Tổng thống B. Obama đã cùng Giáo hoàng thảo luận những vấn đề liên quan đến việc bình thường hóa quan hệ với Cuba. Đến tháng 5/2014, một nhóm nghị sĩ Đảng Dân chủ do Hạ nghị sĩ Mỹ Barbara Lee dẫn đầu đã tới thủ đô Havana. Trong chuyến đi lần này, bà Barbara Lee đảm nhận vai trò trung gian nhằm thúc đẩy đối thoại hai nước và tìm kiếm giải pháp thương lượng để trả tự do cho công dân Mỹ Alan Gross đang chịu án giam ở Cuba và ba chiến sĩ tình báo Cuba vẫn đang bị giam tại Mỹ. Tại Cuba, hai bên đã trao đổi trên

¹ Từ trước đến lúc này, các giới chức ngoại giao Mỹ bao giờ cũng sắp xếp làm sao để Tổng thống Mỹ và Chủ tịch Nhà nước Cuba không phải chạm mặt nhau. Cái bắt tay giữa ông B. Obama và ông Raúl Castro là lần đầu tiên giữa hai nhà lãnh đạo Mỹ và Cuba, kể từ khi Tổng thống B. Clinton bắt tay Chủ tịch F. Castro tại LHQ hồi năm 2000. Chuyện xảy ra tại Nam Phi

ting thần dân chủ và tôn trọng lẫn nhau [219, pp.473-488]. Có thể nói, quan hệ hai nước đang có nhiều cơ sở thuận lợi để bước vào một cuộc đàm phán trực tiếp nhằm hiện thực hóa mong muốn bình thường hóa quan hệ hai nước.

- Từ cuối năm 2014 đến cuối năm 2016

Kể từ khi Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro tuyên bố bình thường hóa quan hệ song phương (2014), quan hệ hai nước đã gặt hái được nhiều bước tiến tích cực.

Giới chức Nhà Trắng cho biết trước khi thông báo quyết định lịch sử ngày 17/12/2014, Tổng thống B. Obama đã có cuộc điện đàm kéo dài gần 1 giờ với Chủ tịch Cuba Raúl Castro. Hai bên đã nhất trí, Cuba trả tự do cho hai công dân Mỹ là Alan Gross 65 tuổi và một điệp viên Mỹ (gốc Cuba), đổi lại phía Mỹ cũng đã phóng thích ba điệp viên của Cuba. Chủ tịch Raúl Castro và Tổng thống B. Obama chính thức tuyên bố xúc tiến bình thường hóa quan hệ ngoại giao song phương, nhất trí tiến hành trao đổi tù nhân và thúc đẩy đàm phán chính thức về bình thường hóa quan hệ sau nhiều vòng đàm phán kín được tiến hành từ giữa năm 2013 [224].

Tổng thống B. Obama và Chủ tịch Raúl Castro tuyên bố khởi đầu quá trình bình thường hóa quan hệ giữa Cuba và Mỹ. Hai bên đã tiến hành đàm phán bí mật ở Canada mấy tháng trước đó và một phần với sự hỗ trợ của Giáo hoàng Franciscus. Hai bên thống nhất việc dỡ bỏ một số hạn chế về đi lại, về kiều hối và thành lập đại sứ quán Mỹ ở Havana (đã bị đóng cửa kể từ năm 1961) [227].

Đây là kết quả đàm phán bí mật đã kéo dài 18 tháng, với sự trung gian của Vatican và Canada. Ngày 10/4/2015, thông qua cuộc điện đàm, Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro đã nhất trí về việc trao đổi tù nhân và thiết lập đại sứ quán của mỗi nước tại Washington và Havana. Hai ông cũng nhất trí đặt sang một bên những thù địch nhiều thập kỷ qua để mở ra một chương mới cho quan hệ Mỹ - Cuba. Mỹ sẽ xóa bỏ giới hạn về kiều hối, du lịch,

là một tia hy vọng, đó là một dấu hiệu cho thấy có tiến triển trong quan hệ giữa hai nước, dù là rất nhỏ. Và một năm sau đó,

ngân hàng và Cuba sẽ thả 53 tù nhân người Cuba, những người được Mỹ xem là tù nhân chính trị. Mặc dù lệnh cấm vận chỉ được gỡ bỏ hoàn toàn khi được Quốc hội Mỹ thông qua, nhưng ông B. Obama đã kêu gọi “*những cuộc tranh luận nghiêm túc và trung thực*” về việc gỡ bỏ lệnh cấm vận này [138].

Lời kêu gọi đầy bất ngờ trên đã mở ra một bước ngoặt đáng kể sau hơn 5 thập kỷ thù địch, là di sản từ thời Chiến tranh Lạnh và vẫn tiếp tục đóng băng sau khi bức tường Berlin sụp đổ và Liên Xô tan rã. Điều này tác động ngay đến các đồng minh Mỹ như EU, Nhật Bản.

Ông B. Obama chỉ đạo Ngoại trưởng John Kerry bắt đầu các cuộc thảo luận nhằm tái lập quan hệ ngoại giao với Cuba. Ông cũng nhấn mạnh, những thay đổi này là “*quan trọng nhất*” trong chính sách của Washington với Havana trong hơn 50 năm qua. Thay vì đợi thông qua Quốc hội, Tổng thống Mỹ B. Obama đã sử dụng quyền của người đứng đầu cơ quan hành pháp cao nhất để nói lỏng các hạn chế ở một số lĩnh vực thương mại, du lịch và ngân hàng.

Thông báo của Tổng thống B. Obama đánh dấu một bước đột phá ngoại giao mới, là tiến bộ rõ nét nhất trong các nỗ lực cho đến nay của lãnh đạo hai nước Mỹ và Cuba nhằm tái lập quan hệ nhiều mặt giữa hai bên kể từ khi tiến trình được lãnh đạo hai nước thông báo vào tháng 12/2014. Đó cũng là kết quả thiết thực nhất của những tháng âm thầm đàm phán bí mật giữa hai bên nhằm tìm kiếm một sự đồng cảm, nhất trí chung. Đại sứ Mỹ đầu tiên tại Cuba sau hơn 50 năm là nhà ngoại giao Jeffrey DeLaurentis, người có nhiều năm đảm nhận vai trò Quyền Đại sứ Mỹ tại Cuba.

Tất nhiên cột mốc mới này không đồng nghĩa với việc hai bên xóa bỏ hay giải quyết những khác biệt còn rất lớn của mình để hoàn thành mục tiêu dài hạn là bình thường hóa quan hệ, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc bao vây cấm vận của Mỹ chống Cuba vẫn còn nguyên hiệu lực. Ngay trong tuyên bố chính thức về việc tái thiết lập quan hệ ngoại giao, Chính phủ Cuba cũng đã nhấn mạnh việc

xóa bỏ chính sách thù địch kéo dài hơn nửa thế kỷ trên là bước đi tất yếu tiếp theo, trong khi Tổng thống B. Obama cũng thừa nhận thực tế này và yêu cầu Quốc hội Mỹ hủy bỏ các đạo luật liên quan tới cấm vận.

Việc tái thiết lập quan hệ ngoại giao với Cuba được xem là một "*di sản*" trong chính sách đối ngoại của Tổng thống B. Obama trước khi ông rời nhiệm vào đầu năm 2017. Tuy nhiên, tiến trình đó đã và đang gặp không ít khó khăn, trở ngại và theo Tổng thống B. Obama, phần lớn xuất phát từ sự chống đối trong Quốc hội Mỹ, đặc biệt là từ các nghị sĩ đảng Cộng hòa và những nghị sĩ Mỹ gốc Cuba. Những trở ngại này có thể trở thành một tâm điểm nóng trong chiến dịch tranh cử Tổng thống năm 2016.

Tối 10/4/2015, 33 nguyên thủ quốc gia ở khu vực châu Mỹ và Tổng Thư ký LHQ Ban Ki-Moon, Tổng Thư ký tổ chức các nước châu Mỹ Jose Miguel Insulz đã tham dự lễ khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh châu Mỹ (OAS) lần thứ 7 với chủ đề "*Thịnh vượng và công bằng: Thách thức hợp tác ở khu vực châu Mỹ*" tại Trung tâm hội nghị Atlapa, thủ đô Panama. Hội nghị lần này chứng kiến sự tham dự đầu tiên của nhà lãnh đạo Cuba kể từ năm 1994. Có thể nói rằng, sự tham dự của Cuba tại Hội nghị lần này là một thông điệp mạnh mẽ mà các quốc gia ở châu Mỹ muốn nhắn nhủ tới thế giới, nhất là trong bối cảnh Mỹ - Cuba đang dần từng bước bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Trên thực tế, vấn đề Cuba từng là biểu tượng của sự chia rẽ, mất đoàn kết tại khu vực kể từ khi Hội nghị này được tổ chức năm 1994.

Ngay trong ngày hôm sau (11/4), hai nguyên thủ Mỹ và Cuba còn có một cuộc đối thoại thượng đỉnh đầu tiên sau hơn nửa thế kỷ thù địch. Dưới vai trò trung gian hòa giải của Brazil, chỉ 2 ngày sau, cuộc gặp hội đàm cấp Ngoại trưởng được thực hiện. Nhà Trắng thông báo là đang xem xét việc đưa Cuba ra khỏi danh sách các nước bảo trợ khủng bố. Trong cuộc hội đàm, hai nhà lãnh đạo đã nhất trí quyết tâm đối thoại, tiến tới tái thiết lập quan hệ ngoại giao và mở ra trang sử mới trong mối quan hệ phức tạp giữa hai nước.

Dù không đưa ra một tuyên bố chung, Hội nghị Thượng đỉnh châu Mỹ lần thứ 7 tại Panama đã kết thúc muộn hơn kế hoạch 5 tiếng, vào sáng 12/4/2015, trong không khí vui mừng nhờ cuộc gặp gỡ lịch sử giữa hai nhà lãnh đạo Cuba và Mỹ bên lề hội nghị. Cuộc hội đàm lịch sử của Chủ tịch Cuba Raúl Castro và Tổng thống Mỹ B. Obama tiếp tục nhận được sự quan tâm đặc biệt của dư luận.

Điểm đáng chú ý nhất trong Hội nghị lần này là cuộc hội đàm lịch sử của Chủ tịch Cuba Raúl Castro và Tổng thống Mỹ B. Obama - cuộc gặp trực tiếp đầu tiên của lãnh đạo hai nước trong 56 năm qua. Tiếp đó, ngày 14/4/2015, Mỹ xóa tên Cuba khỏi danh sách "*các nước tài trợ khủng bố*"¹.

Trong một cuộc họp báo diễn ra vào ngày 11/4, Tổng thống B. Obama cho biết khảo sát ý kiến của người dân cho thấy phần lớn người Mỹ đồng ý quyết định mở cửa quan hệ với Cuba của ông. Trong thư gửi tới Quốc hội Mỹ, ông B. Obama khẳng định: "*Chính phủ Cuba chưa hề cung cấp viện trợ cho bất kỳ tổ chức khủng bố quốc tế nào trong vòng 6 tháng trở lại đây*" và "*đã đảm bảo sẽ không ủng hộ các hành động khủng bố trong tương lai*" [232].

Trong một tuyên bố ngắn được đưa ra vào tối ngày 14/4/2015, bà Josefina Vidal, Giám đốc đảm trách quan hệ Cuba - Mỹ của Bộ Ngoại giao Cuba, đã đưa ra lời nhận xét: "*Chính phủ Cuba đề cao quyết định công bằng của Tổng thống Hoa Kỳ nhằm đưa Cuba khỏi một danh sách mà đất nước chưa bao giờ xứng đáng nằm trong đó*", vì, "*như Chính phủ Cuba đã từng nhiều lần đề cập, Cuba phản đối và lên án mọi hành động khủng bố dưới mọi hình thức, cũng như những hành động nhằm khuyến khích, ủng hộ, tài trợ hay chứa chấp tổ chức khủng bố*" [232].

Trong phát biểu ngày 01/7/2015, Tổng thống B. Obama cũng đã kêu gọi Quốc hội do Đảng Cộng hòa kiểm soát thôi phản đối tiến trình hòa giải với

¹ Cuba đã bị đưa vào danh sách khủng bố của Mỹ 1982, bởi vì nước này được cho là đang giúp đỡ các nhóm cách mạng vũ trang và khủng bố, như cho các thành viên của tổ chức ngầm ETA nhóm du kích vũ trang Columbia FARC trú ẩn. Do đó, Cuba không được phép mua vũ khí và nhận viện trợ kinh tế của Mỹ. Việc Cuba được gạch tên khỏi danh sách này đồng nghĩa với việc chỉ còn Iran, Sudan và Syria là những nước bị Mỹ coi là ủng hộ chủ nghĩa khủng bố.

Cuba, kêu gọi dỡ bỏ lệnh cấm vận và cấm đi lại giữa hai nước. Tuy nhiên, lời kêu gọi của ông B. Obama đã nhận được phản hồi tiêu cực từ phía Đảng Cộng hòa, trong đó có một số ứng cử viên tổng thống 2016, với tuyên bố sẽ ngăn chặn tiến trình hòa giải bằng mọi cách, trong đó có việc cản trở thông qua đại sứ Mỹ mới tại Cuba, từ chối cấp kinh phí hoạt động cho đại sứ quán mới và duy trì những hạn chế khắt khe trong giao thương giữa Mỹ và Cuba.

Ngày 20/7/2015 đi vào lịch sử thế giới là ngày Mỹ và Cuba xóa đi một trong những vết tích cuối cùng của thời kì Chiến tranh Lạnh khi hai bên khôi phục mối quan hệ ngoại giao vốn đã bị đóng băng trong một nửa thế kỷ qua. Đại sứ quán Cuba tại Mỹ đã hoạt động trở lại, đánh dấu thời điểm hai nước chính thức bình thường hóa quan hệ. Giây phút lá quốc kỳ của Cuba với 3 màu đỏ, trắng, xanh lam được kéo lên tại thủ đô Washington D.C của Mỹ có lẽ là sự kiện mang ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với người dân Cuba và Mỹ, mà còn đánh dấu một bước ngoặt mới trong quan hệ quốc tế.

Mặc dù bước ngoặt này không thể hiện chấm dứt sự khác biệt giữa hai nước, nhưng nó phản ánh thực tế rằng, hòa giải là cách tốt hơn cho lợi ích hai nước thay vì bất hòa, khi mà Chiến tranh Lạnh kết thúc từ lâu.

Ngoại trưởng Mỹ John Kerry cho rằng: *“Mỹ rất vui mừng trước khởi đầu mới trong quan hệ với nhân dân và Chính phủ Cuba. Chúng ta đã quyết định chung sống như những láng giềng tốt trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và mong muốn người dân Mỹ cũng như Cuba hướng tới tương lai với niềm hy vọng. Vì vậy, chúng ta cùng chào mừng ngày hôm nay - ngày 20/7 - ngày bắt đầu khôi phục lại những gì đã bị tổn hại và mở ra cánh cửa đã bị đóng kín quá lâu”*. Còn Ngoại trưởng Cuba Bruno Rodriguez thì nhận định: *“Việc dỡ bỏ hoàn toàn bao vây cấm vận, trả lại vùng lãnh thổ bị chiếm đóng trái phép Guantanamo cũng như tôn trọng đầy đủ chủ quyền của Cuba và đền bù những thiệt hại kinh tế và nhân đạo đối với người dân Cuba là những bước đi quyết định để thúc đẩy tiến trình bình thường hóa quan hệ song phương.”* [227].

Việc Mỹ và Cuba chính thức bình thường hóa quan hệ đã mở ra cho người dân hai nước cơ hội để hiểu hơn về nhau, cũng như tạo ra triển vọng mới cho các

doanh nghiệp hai nước trong hợp tác về kinh tế. Những nỗ lực trên của cả hai nước có thể coi là cơ sở vững chắc, tạo tiền đề tiến tới một kết quả tốt đẹp hơn. Song nếu như muốn bình thường hóa hoàn toàn quan hệ giữa Cuba và Mỹ, xa hơn nữa là nâng cấp lên tầm đối tác, còn rất nhiều vấn đề phải giải quyết. Trước mắt, hai nước phải giải quyết được những vấn đề còn tồn đọng, điển hình như Vịnh Guantanamo, lệnh cấm vận chống Cuba hay phức tạp hơn là thể chế chính trị.

Sự kiện Mỹ nói lại quan hệ với Cuba có thể coi là một dấu mốc hết sức quan trọng với cả hai nước. Đây là nền tảng quan trọng cho quan hệ chính trị - ngoại giao hai nước phát triển lên một nấc thang mới. Việc mở cửa trở lại Đại sứ quán, đồng nghĩa với việc các thông tin ngoại giao sẽ được chính phủ nói riêng và các nhà đầu tư Mỹ nói chung nắm bắt nhanh hơn, đầu tư kịp thời và hợp lý hơn. Đối với Cuba, động thái của Mỹ là sự công nhận và tôn trọng Chính phủ Cuba. Công dân và Chính phủ hai nước cũng có nhiều cơ hội tương tác với nhau hơn [312]. Nói lại quan hệ với Washington đã mở ra những cơ hội thay đổi, đồng thời sẽ tạo ra nhiều thách thức cho người dân Havana.

Sau hàng loạt các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa lãnh đạo hai nước như cuộc gặp giữa Ngoại trưởng hai nước bên lề Hội nghị Thượng đỉnh Tổ chức các nước châu Mỹ (OSA) tại Panama (tháng 4/2015), Ngoại trưởng Mỹ tham dự lễ thượng cờ tại Đại sứ quán Cuba (tháng 8/2015) và đặc biệt, chuyến thăm Cuba của Tổng thống Mỹ B. Obama (tháng 3/2016)... là minh chứng rõ rệt cho sự nỗ lực của cả hai quốc gia trong việc khôi phục lại quan hệ ngoại giao đầy đủ.

Tổng thống Mỹ B. Obama cùng phái đoàn hùng hậu 400 người đã có chuyến thăm lịch sử kéo dài 3 ngày đến Cuba vào ngày 20/3/2016, trở thành vị Tổng thống Mỹ đầu tiên đến thăm quốc đảo này kể từ năm 1959 đến nay, nhằm chấm dứt nhiều thập kỷ môi quan hệ đóng băng giữa hai nước [228].

Trong tuyên bố mở đầu chuyến thăm, Tổng thống B. Obama gọi lệnh cấm vận chống Cuba kéo dài hàng thập kỷ qua là “gánh nặng lỗi thời đè lên người dân Cuba”.

Trước cuộc hội đàm với Chủ tịch Raúl Castro, Tổng thống B. Obama đã đến đặt vòng hoa tại Tượng đài vị Anh hùng dân tộc Cuba Jose Marti ở Quảng trường Cách mạng.

Tại cuộc hội đàm, Chủ tịch Cuba Raúl Castro kêu gọi Mỹ cùng Cuba áp dụng nghệ thuật “chung sống văn minh” vì lợi ích nhân dân hai nước. Nhà lãnh đạo Cuba cho rằng hai bên “nên chú trọng vào những điều khiến chúng ta gần nhau mà không phải vào những điều gây chia rẽ”, đồng thời thừa nhận hai nước còn phải trải qua chặng đường dài trước khi bình thường hóa hoàn toàn quan hệ do “phá một cây cầu thì chỉ cần ít thời gian và sức lực, nhưng xây lại nó vất vả và mất thời gian hơn nhiều”. Chủ tịch Raúl Castro cũng nhấn mạnh trong 15 tháng qua, kể từ khi hai nhà lãnh đạo ra tuyên bố quyết định tái thiết lập quan hệ ngày 17/12/2014, những nỗ lực tiến tới bình thường hóa quan hệ hai bên đã có những kết quả cụ thể. Ông cũng đồng thời đánh giá những biện pháp mà Tổng thống B. Obama đưa ra để nói lỏng bao vây cấm vận Cuba là tích cực, tuy nhiên là chưa đủ và cho biết đã cùng người đồng cấp Mỹ thảo luận về một số biện pháp khác.

Chủ tịch Cuba nhấn mạnh: “Chính sách bao vây cấm vận (của Mỹ) chính là rào cản lớn nhất đối với quá trình phát triển kinh tế và gây dựng phúc lợi xã hội của chúng tôi” và kêu gọi Quốc hội Mỹ xóa bỏ chính sách thù địch đã được luật hóa này mà hiện tại “vẫn đang còn đầy đủ hiệu lực và có tính chất rắn đơ, trừng phạt và phạm vi pháp lý ngoài lãnh thổ” [280].

Về phần mình, Tổng thống B. Obama thừa nhận cuộc bao vây cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính mà Mỹ áp đặt lên Cuba trong hơn 50 năm qua không mang lại lợi ích cho hai nước, đồng thời cam kết “con đường tiến tới chấm dứt cấm vận sẽ vẫn tiếp tục” ngay cả khi ông kết thúc nhiệm kỳ tổng thống của mình vào cuối năm 2016. Tổng thống B. Obama đã bày tỏ hy vọng lệnh cấm vận sẽ kết thúc [280]. Người đứng đầu chính quyền Mỹ cũng thừa nhận những thành tựu phi thường trong y tế và giáo dục của Cuba, đồng thời bày tỏ vinh dự trong chuyến thăm lịch sử của mình tới đảo quốc Caribe này, được dâng hoa tưởng niệm Anh hùng dân tộc Cuba José Martí, “nhà lãnh đạo tinh thần

trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Cuba và có tư tưởng sâu sắc ủng hộ tự do mọi nơi trên thế giới”. Ông B. Obama cũng đánh giá cao vai trò trung gian hòa giải và bảo trợ của Cuba trong cuộc đàm phán hòa bình giữa Chính phủ Colombia và Lực lượng Vũ trang cách mạng Colombia (FARC). Tổng thống Mỹ tái nhấn mạnh mong muốn phát triển quan hệ với Cuba bất chấp những khác biệt rõ ràng giữa hai nước [280]. Tuy nhiên, trong lần gặp gỡ quan trọng này, Tổng thống B. Obama cũng bày tỏ quan ngại rằng lệnh cấm vận chỉ có thể được dỡ bỏ khi những người phản đối những bước tiến trong quan hệ hai nước trở nên cởi mở hơn.

Tối 22/3, tại khán phòng Nhà hát Alicia Alonso ở thủ đô Havana, với sự có mặt của Chủ tịch Raúl Castro, trong bài phát biểu về mối quan hệ song phương. Tổng thống Mỹ B. Obama đã khẳng định chính nhân dân Cuba, với những đặc tính riêng biệt của mình, đã định hình bối cảnh mới trong quan hệ giữa hai quốc gia láng giềng này. Ông B. Obama nhấn mạnh nhân dân đảo quốc Caribe này đã khơi dậy lòng khâm phục và sự thừa nhận của nước Mỹ, và đây chính là yếu tố khiến chính quyền của ông quyết định thay đổi chính sách cô lập Cuba từng áp dụng từ hơn nửa thế kỷ qua sau khi Cách mạng Cuba thành công năm 1959.

Người đứng đầu chính quyền Mỹ nêu bật khả năng sáng tạo của nhân dân Cuba, được nuôi dưỡng bằng một nền giáo dục “mang lại giá trị cho mọi bé trai và bé gái” và được minh chứng qua nhiều năm ứng phó với hoàn cảnh thiếu thốn do cuộc bao vây cấm vận gây ra và bày tỏ tin tưởng với khả năng đó, nhân dân Cuba có thể hội nhập hoàn toàn vào nền kinh tế thế giới.

Ông B. Obama cũng cho rằng giữa hai nước vẫn còn một khoảng cách lớn về tư tưởng bất chấp khoảng cách địa lý chỉ 150km và để trở thành nguyên thủ Mỹ thăm chính thức Cuba đầu tiên sau 88 năm, ông đã phải trải qua một chặng đường dài với nhiều rào cản lịch sử.

Một lần nữa, Tổng thống B. Obama thừa nhận chính sách bao vây cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính, cùng với cô lập chính trị, của Mỹ chống Cuba là lỗi thời, không chỉ người dân Cuba, mà còn với những công dân Mỹ muốn làm ăn tại Cuba và đã tới thời điểm phải xóa bỏ.

Những kết quả đạt được trong chuyến thăm Cuba của Tổng thống B. Obama đã thực sự thổi luồng gió mới vào nền chính trị Mỹ Latinh nói chung và Mỹ - Cuba nói riêng.

Sau cuộc gặp gỡ giữa nguyên thủ hai nước, quan hệ Mỹ - Cuba đã được tạo điều kiện thuận lợi với dấu ấn là lần đầu tiên trong hơn nửa thế kỷ đóng băng quan hệ.

Nhưng việc dỡ bỏ lệnh cấm vận lại không thuộc thẩm quyền của Tổng thống, mà nằm trong tay các nghị sĩ Đảng Cộng hòa đang kiểm soát cả hai viện Quốc hội Mỹ vốn là những người kịch liệt phản đối chuyến thăm cũng như bất kỳ nỗ lực nào nhằm bình thường hóa quan hệ với Cuba. Do đó, dù muốn, chính quyền B. Obama cũng chưa thể “khai tử” lệnh cấm vận phi lý và lỗi thời này.

Mặt khác, Tổng thống Mỹ bên cạnh đưa ra những lý lẽ riêng để “biện minh” cho thế kẹt đó của mình, cũng nêu lên điều kiện cho việc dỡ bỏ lệnh cấm vận, khi nói: “Cho dù chúng tôi dỡ bỏ lệnh cấm vận vào ngày mai, người dân Cuba cũng sẽ chưa thể nhận thấy những tiềm năng của mình nếu không tiếp tục thay đổi tại đây, ở Cuba” [230].

Khi chỉ còn chưa đầy 9 tháng tại nhiệm, Tổng thống B. Obama sẽ khó có thể có được những bước cải thiện về chất mối quan hệ với các nước ở khu vực Mỹ Latinh, đặc biệt là Cuba. Tổng thống B. Obama sẽ rời Nhà Trắng vào đầu năm 2017 và lãnh đạo Cuba Raúl Castro cũng sẽ thôi nắm giữ cương vị Chủ tịch Nhà nước Cuba vào năm 2018, để lại những trở ngại không nhỏ cho mối quan hệ song phương nhất là trong bối cảnh Mỹ vẫn tiếp tục duy trì lệnh cấm vận cũng như căn cứ hải quân ở Vịnh Guantanamo. Do vậy, tương lai của mối quan hệ này phụ thuộc rất nhiều vào những người lãnh đạo tiếp theo ở cả hai nước, liệu họ có muốn tiếp tục đà cải thiện hiện thời hay sẽ bước sang một khúc rẽ khác.

3.2.1.2. Quan hệ chính trị - an ninh

Mặc dù những lĩnh vực như chính trị - ngoại giao và kinh tế - thương mại Mỹ - Cuba dần được cải thiện và đạt nhiều thành tựu quan trọng nhưng trong quan hệ giữa hai nước, vẫn còn những khác biệt trong cách tiếp cận về một số vấn đề.

- *Vấn đề Nhân quyền*: Các nhà lãnh đạo trong cả hai đảng chính trị Mỹ muốn thấy Chính phủ Cuba cải thiện hồ sơ nhân quyền như một phần của cải

cách chính trị và kinh tế. Theo báo cáo của Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch) năm 2016, chính quyền Cuba tiếp tục “*đè nén những bất đồng quan điểm và làm nản lòng những lời chỉ trích công khai*” và Ủy ban Cuba về Nhân quyền và Hòa giải Quốc gia đã ghi nhận tổng cộng 9.940 vụ bắt giữ tùy tiện trong năm đó [248].

Trong vòng đàm phán thứ hai, Mỹ và Cuba đã tiến một bước quan trọng thông qua thể hiện thiện chí về cải thiện quan hệ. Việc trao trả các tù nhân chính trị đã được hai nước xem trọng và dành nhiều nỗ lực phối hợp. Đã từ rất lâu, đây là vấn đề vô cùng nhạy cảm trong quan hệ hai nước. Tháng 1/2015, Cuba đã hoàn tất việc trao trả cho Mỹ 53 tù nhân chính trị. Thiện chí này đã cho thấy rằng Cuba đã hoàn toàn sẵn sàng và chủ động trong việc rút ngắn khoảng cách giữa hai quốc gia. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ Marie Harf bày tỏ: “*Chúng tôi hoan nghênh sự phát triển rất tích cực này và rất vui mừng khi Chính phủ Cuba tiếp tục cam kết này*” [273].

Trong khuôn khổ của các vòng đàm phán, hai nước đã nhất trí khởi động các cuộc gặp cấp thấp nhằm thảo luận về vấn đề quản lý hàng không dân dụng, nạn buôn người và nhân quyền.

Từ năm 2009, Quốc hội Mỹ đã có hành động nói lỏng các hạn chế về du lịch gia đình (khôi phục các giới hạn thời kỳ Tổng thống B. Clinton trước đây) và các trao đổi trong lĩnh vực nông nghiệp, y tế của Mỹ cho Cuba.

- *Trên lĩnh vực sở hữu trí tuệ*: Hai quốc gia cũng đã có nhiều cuộc gặp gỡ để trao đổi về vấn đề này. Các chuyến thăm viếng cấp cao giữa các quan chức hai nước đã giúp hai quốc gia thỏa luận cởi mở hơn. Vòng đối thoại đầu tiên về quyền sở hữu trí tuệ vào tháng 9/2016. Tại cuộc gặp gỡ, giới chức cả hai quốc gia đã thẳng thắn trao đổi quan điểm về các quy định hiện hành trong vấn đề sở hữu trí tuệ tại mỗi nước, cũng như khung pháp chế đối với cả hai bên trong việc bảo vệ thương hiệu, bằng sáng chế và tác quyền... [249]. Trong chuyến thăm và làm việc tại Cuba, Điều phối viên Mỹ về vấn đề sở hữu trí tuệ Daniel Marti đã có các cuộc gặp với đại diện của Cơ quan Sở hữu trí tuệ Cuba,

Trung tâm Bản quyền quốc gia, Khoa Luật thuộc Đại học Havana, Bộ Ngoại giao Cuba... Cùng đi với ông Marti trong chuyến thăm Cuba lần này là các quan chức Bộ Ngoại giao Mỹ, Cơ quan Bản quyền Mỹ và Cơ quan Thương hiệu và bằng sáng chế Mỹ...[310]. Việc phía Mỹ dành nội dung quan trọng để thảo luận về vấn đề này đã cho thấy rằng vấn đề khôi phục quan hệ trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao đã mở đường cho hàng loạt các lĩnh vực khác được thực hiện.

Về y tế, trong bối cảnh quan hệ Mỹ - Cuba tiếp tục được cải thiện, Đại học bang Michigan đã trở thành trường đại học đầu tiên của Mỹ đưa ra chương trình thực tập tại các bệnh viện ở Cuba cho các sinh viên y khoa.

Trong thông báo ngày 28/10, đại diện Trường Y Osteopathic thuộc Đại học bang Michigan, ông William Cunningham cho biết đây là chương trình đầu tiên cho phép các sinh viên y khoa Mỹ được đến thực tập có chứng chỉ ở 3 bệnh viện lớn tại thủ đô Havana của Cuba. Theo đó, khóa thực tập kéo dài 2 tuần và bắt đầu từ tháng 4/2016. Cho đến nay, đã có 30 sinh viên đăng ký chương trình trên. Theo ông Cunningham, khóa thực tập là cơ hội để các sinh viên Mỹ hiểu được dù không hiện đại bằng nền y học Mỹ, quốc đảo Caribe này đã đạt được những tiến bộ vượt bậc về y tế và có một nền tảng chăm sóc y tế vững mạnh dựa trên chăm sóc sức khỏe ban đầu và y tế cộng đồng [141].

3.2.2. Quan hệ kinh tế

Những chuyển biến tích cực về chính trị đã tạo điều kiện cho các hoạt động về kinh tế. Tuy nhiên, rào cản về thương mại vẫn còn tồn tại. Cụ thể là việc bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại vẫn chưa nhận được sự chấp thuận của Quốc hội Mỹ. Nhìn chung, những khía cạnh chính trong chính sách cấm vận kinh tế, tài chính của Mỹ đối với Cuba vẫn chưa có thay đổi. Mỹ vẫn tiếp tục cấm Cuba sử dụng đồng đô la Mỹ trong các giao dịch tài chính quốc tế; không cho phép Cuba mua thiết bị và công nghệ chứa hơn 10% thành phần (hàm lượng) xuất xứ từ Mỹ tại các thị trường khác trên thế giới; không được giao dịch

với các chi nhánh của các công ty Mỹ ở các nước thứ ba, cũng như không cho phép các doanh nghiệp Mỹ nhập khẩu hàng hóa làm bằng nguyên liệu có xuất xứ từ Cuba.

Mặc dù sau khi lên nắm quyền, Tổng thống B. Obama đã có nhiều động thái tích cực nhưng quan hệ kinh tế hai nước vẫn chưa có nhiều chuyển biến căn bản. Trước thực tế là lệnh cấm vận kinh tế của Mỹ vẫn còn tồn tại, Chính phủ Cuba đã nhiều lần tố cáo bị Mỹ tiếp tục cấm vận. Bên cạnh đó, Cuba cũng khẳng định rằng Chính quyền Cuba vẫn kiên quyết bảo vệ các thành quả cách mạng và kiên trì mở rộng quan hệ kinh tế với các quốc gia khác. Nhiều hoạt động kinh tế của Mỹ cũng chỉ nhằm viện trợ cho các lực lượng chống phá Cuba. Thực tế này đã tạo nên những tranh luận trong nội bộ và đòi hỏi Chính quyền B. Obama phải có những sự chuyển biến cụ thể hơn.

Để đáp ứng lại kỳ vọng của nhân dân hai nước, sau khi nhậm chức, Tổng thống B. Obama đã có động thái cải thiện quan hệ song phương. Vào tháng 3/2009, Tổng thống B. Obama đã phê chuẩn dự luật chi tiêu cho hoạt động của Chính phủ Mỹ (trị giá 410 tỷ USD) và đồng thời luật chi tiêu còn bao gồm việc nói lỏng lệnh cấm vận đối với Cuba, mà Hạ viện Mỹ đã thông qua vào tháng 2/2009. Các chuyến thăm viếng gia đình được cho phép 12 tháng một lần để thăm viếng một người họ hàng gần gũi với thời gian lưu trú không giới hạn. Và giới hạn cho các khoản chi tiêu hàng ngày cho phép của những người đi cùng gia đình bình đẳng với những khách du lịch được phép đến Cuba (Mức tối đa của Bộ Ngoại giao Mỹ cho Havana là 179 USD/ngày). Định nghĩa về “*thân nhân gần gũi*” được mở rộng theo nghĩa là bất kỳ cá nhân nào liên quan thông qua dòng họ, hôn nhân, hoặc nhận nuôi con nuôi và người ấy không được vượt quá ba thế hệ [286]. Luật chi tiêu của Chính quyền B. Obama cũng tạo điều kiện giúp các công ty Mỹ tiếp cận thị trường Cuba thông qua nói lỏng thanh toán tiền mua thực phẩm và dược phẩm của các công ty Mỹ. Công dân Mỹ cũng được tạo điều kiện để sang Cuba làm ăn. Tổng thống B. Obama cũng quyết định dỡ bỏ một phần những hạn chế du lịch đến Cuba. Thành tựu này diễn ra trong bối cảnh

vấn đề dỡ bỏ cấm vận thương mại của Mỹ đối với Cuba đang được dư luận Mỹ và Cuba ủng hộ nhiệt tình. Các công dân và tổ chức chính trị - xã hội ở Mỹ cũng có thể gửi quà cho Cuba thông qua kênh viện trợ nhân đạo. Đây là phương cách linh hoạt để khơi thông cho những vấn đề khó khăn còn tồn tại trong quan hệ hai nước. Tuy vậy, về phía Cuba, Thứ trưởng Ngoại thương và đầu tư nước ngoài Cuba cho rằng động thái của Mỹ chỉ là “*cử chỉ nhỏ nhen*” và qua đó yêu cầu Mỹ nhanh chóng bãi bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận đối với Cuba [112]. Điều này có nghĩa là Cuba đòi hỏi phía Mỹ phải có những động thái tích cực và mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tiếp theo.

Để xúc tiến bình thường hóa quan hệ hai nước, chính quyền Tổng thống B. Obama đã có những bước cụ thể để phát triển quan hệ hai nước. Động thái có ý nghĩa quan trọng là tàu chở hàng hóa viện trợ nhân đạo của Công ty Vận tải biển International Port Corp (Mỹ) đã khởi hành từ thành phố Miami thẳng tiến tới Cuba. Chuyến tàu khởi hành vào ngày 11/7/2012. Đây là dấu hiệu quan trọng cho bước phát triển mới trong quan hệ kinh tế Mỹ - Cuba vì trước đây các tàu chở hàng đến Cuba phải qua trung gian (quốc gia thứ ba) thì nay đã có công ty cung cấp vận tải trực tiếp hàng tuần từ thành phố Miami tới Havana. Con tàu đã mang theo các nguồn cung cấp nhân đạo như thực phẩm và dược phẩm sang Cuba [261]. Đây là chuyến đi đầu tiên kể từ khi Tổng thống Mỹ John Kennedy áp đặt lệnh cấm vận thương mại đối với Cuba vào năm 1962.

Mặc dù Cuba nói nhiều khả năng “*tự lực tự cường*” nhưng lệnh phong tỏa kinh tế của Mỹ đã gây khó khăn cho việc nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa của Mỹ đến Cuba. Qua đó mà khả năng tiếp cận với các định chế thương mại toàn cầu của Cuba cũng bị hạn chế. Song song đó, người dân Cuba, đặc biệt là trẻ em đã không có điều kiện tiếp cận thuốc men và phương pháp chữa bệnh tiên tiến. Theo ước tính năm 2013, lệnh trừng phạt và cấm vận kinh tế của Mỹ đã khiến Cuba thiệt hại 3,9 tỷ USD trong giao thương với nước ngoài, nâng tổng thiệt hại của Cuba trong vòng 55 năm lên con số 116,8 tỷ USD [133]. Từng bước xóa bỏ lệnh cấm vận thương mại sẽ mang lại lợi ích to lớn cho người dân Cuba. Nguồn

lực phát triển và những cơ sở như vốn, kỹ thuật, công nghệ cũng sẽ được rót vào thị trường Cuba. Bước đi này giúp Cuba hội nhập kinh tế mạnh mẽ hơn khi mà hội nhập là con đường bắt buộc cho các quốc gia trên thế giới.

Trước sự chậm trễ trong việc nới lỏng các lệnh cấm vận kinh tế của Mỹ đối với Cuba, vào tháng 10/2014, có 188/193 quốc gia thành viên LHQ bỏ phiếu thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng lên án lệnh bao vây cấm vận của Mỹ đối với Cuba. Nghị quyết cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết phải chấm dứt lệnh cấm vận về kinh tế, thương mại và tài chính của Mỹ [282].

Sau Tuyên bố chung giữa hai quốc gia vào tháng 12/2014, quan hệ kinh tế hai nước có sự chuyển biến cụ thể trên nhiều phương diện. Tổng thống B. Obama đã tuyên bố về các biện pháp chủ yếu trong chính sách mới của Mỹ đối với Cuba. Những chính sách quan trọng là nâng hạn mức chuyển tiền đến Cuba hàng quý của người Mỹ. Số tiền gia tăng từ 500 USD lên đến 2000 USD [136]. Các hoạt động thương mại cũng được tiến hành bao gồm mở rộng vật liệu xây dựng, các trang thiết bị công nghệ, thiết bị nông nghiệp cho các công ty tư nhân Cuba [143].

Nhận thức rằng tài chính là lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển của quan hệ Mỹ - Cuba, ngày 20/5/2015, Ngân hàng Stonegate có trụ sở chính tại Pompano Beach (Tiểu bang Florida) đã trở thành ngân hàng đầu tiên tại Mỹ mở tài khoản của Chính phủ Cuba và góp phần vào việc xóa bỏ một trở ngại trên đường mà hai nước khôi phục quan hệ ngoại giao sau hơn 50 năm [255]. Ngay sau khi đi vào hoạt động, Ngân hàng Stonegate đã đạt được một thỏa thuận với Ngân hàng Banco Internacional de Comercio (BICSA) của Cuba, mở ra những cơ hội lớn hơn cho các công ty Mỹ làm ăn với Cuba. Công dân Mỹ đến Cuba được phép sử dụng thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng của họ theo quy định mới. Việc này cũng tạo điều kiện thuận lợi để các nhà ngoại giao Cuba sử dụng dịch vụ ngân hàng một cách bình thường. Động thái này là cơ sở quan trọng giúp phá bỏ một trong những trở ngại lớn về tài chính trong quan hệ hai nước.

Cho đến thời điểm năm 2016, vẫn tồn tại những bất đồng về cách thức mà Washington khuyến khích tiến trình thúc đẩy quan hệ kinh tế hai nước. Vấn đề cấm vận là trở ngại cuối cùng trên con đường bình thường hóa hoàn toàn quan hệ Mỹ - Cuba. Đây vẫn là vấn đề khá nhạy cảm. Hầu hết các đảng viên đảng Dân chủ cùng với một số đảng viên Cộng hòa ủng hộ chấm dứt lệnh cấm vận vì những người này hy vọng bước đi chiến lược này sẽ thúc đẩy tự do hóa và cải tiến nhân quyền ở Cuba. Mặt khác, nhiều nhà lập pháp của đảng Cộng hòa nói rằng Chính phủ Cuba cần tiến hành cải cách nhiều hơn nữa trước khi Mỹ thực hiện thêm bất kỳ nhượng bộ nào.

Theo tài liệu của Cục Thống kê Mỹ, thương mại hàng hóa của Mỹ với Cuba từ năm 2009 đến giữa năm 2016 được thể hiện trong bảng 3.1.

Bảng 3.1. Thống kê quan hệ thương mại Mỹ - Cuba từ năm 2009 đến năm 2016

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
2009	532,8	0,0	532,8
2010	363,1	0,3	362,8
2011	363,3	0,0	363,3
2012	464,5	0,1	464,4
2013	359,6	0,0	359,6
2014	299,1	0,0	299,1
2015	180,2	0,0	180,2
2016	245,5	0,0	245,5
Tổng cộng	2.808	0,4	2.807

Nguồn: Cục Thống kê Mỹ (7/2017), [Xem Phụ lục 4]

Từ bảng thống kê trên cho thấy, xuất khẩu từ Mỹ là chủ yếu, còn nhập khẩu từ Cuba không đáng kể.

Quan hệ hai nước trong lĩnh vực nông nghiệp cũng bắt đầu có sự chuyển biến theo hướng tích cực hơn. Cụ thể là từ khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba, các mặt hàng nông sản Mỹ cũng được tạo điều kiện thuận lợi

hơn để xuất khẩu sang thị trường Cuba. Theo lệnh cấm vận của Mỹ thì các công ty nông sản của Mỹ vẫn có thể xuất khẩu sang Cuba nhưng phải chịu những điều kiện ngặt nghèo về tài chính. Sự khó khăn này là nguyên nhân trực tiếp gây ảnh hưởng lên sức cạnh tranh của Mỹ so với các quốc gia châu Âu [279]. Trong năm 2015, Bộ trưởng Nông nghiệp Cuba Gustavo Rodríguez và người đồng cấp Mỹ Thomas Vilsack đã hội đàm tại thủ đô Havana. Phái đoàn Mỹ bày tỏ mong muốn tìm hiểu kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của Cuba theo mô hình hợp tác xã kiểu mới trong quá trình cập nhật mô hình kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, Bộ trưởng Rodríguez Rollero nhấn mạnh rằng Cuba cần chú ý đến việc tăng sản lượng nông nghiệp vì trong tương lai lưu lượng khách du lịch đến Cuba sẽ gia tăng [247]. Việc du lịch giữa hai nước sẽ được tạo điều kiện thuận lợi hơn sau khi Chính quyền B. Obama đã ký quyết định cấp phép cho việc mở các dịch vụ tàu thủy thương mại của Mỹ tới Cuba vào năm 2015. Để khắc phục những hạn chế còn tồn tại và đưa nông nghiệp trở thành nội dung hợp tác quan trọng trong quan hệ hai nước, vào giữa tháng 5/2017, Bộ trưởng Nông nghiệp Mỹ Sonny Perdue cam kết sẽ ủng hộ dự luật đang được đưa ra thảo luận tại Quốc hội nhằm mở rộng khả năng hợp tác thương mại nông nghiệp với Cuba. Cụ thể là Mỹ đang xem xét đề nghị xóa bỏ những hạn chế về cung cấp vốn tư nhân để xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Mỹ sang Cuba [311]. Việc hủy bỏ bỏ luật cấm các ngân hàng và doanh nghiệp Mỹ khác tài trợ bán hàng nông nghiệp xuất khẩu sang Cuba sẽ làm giảm áp lực lên doanh nghiệp hai nước và tạo điều kiện để ngành nông nghiệp hai nước phát triển tương xứng với thành tích bình thường hóa. Có thể nói, nông nghiệp là lĩnh vực kém nhạy cảm hơn so với chính trị và kinh tế nên trong quan hệ Mỹ - Cuba thì đây là lĩnh vực có nhiều triển vọng.

Về truyền thông và giao thông vận tải

Việc xây dựng *cơ sở hạ tầng viễn thông* cũng được hai nước quan tâm. Vào ngày 11/3/2015, Công ty Viễn thông Nhà nước Cuba tuyên bố Mỹ và Cuba đã tái lập một đường dây điện thoại trực tiếp giữa hai quốc gia. Thành tựu này

có ý nghĩa quan trọng vì đây là lần đầu tiên kể từ năm 1999 các cuộc gọi có thể được thực hiện trực tiếp từ Mỹ đến Cuba và ngược lại mà không cần thông qua một nước thứ ba [264]. Sang tháng 11/2015, Công ty Viễn thông quốc doanh Etecsa (Cuba) và Hãng Viễn thông Sprint (Mỹ) đã ký kết thỏa thuận về dịch vụ chuyển vùng điện thoại di động quốc tế. Đây là thỏa thuận trực tiếp đầu tiên về dịch vụ chuyển vùng điện thoại di động quốc tế giữa các doanh nghiệp viễn thông hai nước [237]. Thành tựu này đã tạo điều kiện thuận lợi để sang tháng 1/2016, hai nước đã trao đổi quan điểm về việc sử dụng Internet vì sự tiến bộ và phát triển kinh tế - xã hội. Trên phương diện phát triển khoa học kỹ thuật, đây là thành tựu khá tiêu biểu. Trên cơ sở những điều kiện mới, các công ty của Mỹ sẽ thuận lợi hơn trong việc cung cấp dịch vụ Internet, xuất khẩu điện thoại di động, phần mềm tới Cuba. Việc Cuba hiện là một trong những quốc gia có tỷ lệ sử dụng Internet thấp nhất trên thế giới sẽ càng giúp Mỹ thể hiện vai trò và những đóng góp của mình hơn.

Mặc dù quan hệ kinh tế Mỹ - Cuba đã có những bước phát triển nhưng trên thực tế Mỹ vẫn chưa dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận kinh tế với Cuba. Trong tương lai, việc Mỹ có dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận Cuba hay không và khi nào là cả một chặng đường dài. Những khoảng cách trong nhận thức giữa hai quốc gia vẫn là những trở ngại khá lớn cho quan hệ kinh tế song phương. Không loại trừ khả năng Mỹ vẫn xem việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao là cách tiếp cận nhằm tạo sự chuyển biến về chính trị ở Cuba, mà cụ thể là thay đổi chế độ chính trị của Cuba.

Tiểu kết Chương 3

Kể từ khi ông B. Obama trở thành Tổng thống Mỹ và Đại tướng Raúl Castro chính thức trở thành người lãnh đạo Cuba, quan hệ Mỹ - Cuba trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2016 có những chuyển biến quan trọng về chất. Sự chuyển biến đó trước hết xuất phát từ việc thay đổi chính sách đối ngoại của cả hai phía. Trong nhiệm kỳ Tổng thống thứ 44 của nước Mỹ (từ tháng 1/2009 đến cuối năm 2016), chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời B. Obama có nhiều chuyển biến so với nhiệm kỳ của Tổng thống G. W. Bush. Rõ nét là chính sách của Tổng thống B. Obama nhìn chung là ôn hòa và mang tính xây dựng hơn so với những chính sách của người tiền nhiệm. Bên cạnh đó, nếu chính sách của G. W. Bush tập trung vào tiêu diệt lực lượng khủng bố trên thế giới, tập trung ở khu vực Trung Đông, thì chính sách của B. Obama phản ánh những nỗ lực cân bằng giữa những vấn đề bên trong (đối nội) và những vấn đề bên ngoài (đối ngoại). Sự điều chỉnh này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quy định cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề quan hệ quốc tế trong đó có vấn đề Cuba. Sự chuyển hướng chiến lược này thể hiện rõ trong suốt quá trình từ khi ông lên cầm quyền trong nhiệm kỳ đầu cho đến khi bình thường hóa quan hệ. Về phía Cuba, ban lãnh đạo nước này do Raúl Castro đứng đầu cũng đã có một số thay đổi quan trọng trong chính sách đối ngoại nói chung và chính sách đối với Mỹ nói riêng.

Sự chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Cuba trong những năm 2009 - 2014 diễn ra tuy chậm, nhưng là sự chuẩn bị cần thiết cho bước đột phá từ cuối năm 2014. Chỉ 5 năm sau, ngày 17/12/2014, Tổng thống B. Obama và Chủ tịch Raúl Castro tuyên bố khởi đầu của quá trình bình thường hóa quan hệ giữa Cuba và Mỹ. Sau gần 5 thập kỷ bị bao vây về kinh tế, cô lập về chính trị, bình thường hóa quan hệ của Mỹ với Cuba đã mở ra một trang mới trong lịch sử của hai nước. Tháng 4/2015, lần đầu tiên Cuba tham dự Hội nghị Thượng đỉnh châu Mỹ, cũng là lần gặp mặt chính thức đầu tiên giữa B. Obama với Raúl Castro và đặc biệt là chuyến thăm Cuba của Tổng thống Mỹ vào tháng 3/2016.

Mặc dù vẫn có nhiều khác biệt, nhưng cả hai nhà lãnh đạo thống nhất sự cần thiết mở trang sử mới trong quan hệ hai nước. Sau các sự kiện trên, nhiều cuộc gặp mặt giữa Cuba và Mỹ bắt cháp những khác biệt, mở cửa trở lại các đại sứ quán, Mỹ đã xóa tên Cuba khỏi danh sách khủng bố. Với những tiến triển đạt được trong 8 năm, nhất là từ cuối năm 2014 đến 2016, người dân Cuba, người dân Mỹ cũng như những ai ưa chuộng hòa bình đều có quyền hy vọng vào một tương lai gần sáng sủa trong quan hệ giữa hai “cựu thù”, vì việc bình thường hóa quan hệ, gỡ bỏ lệnh cấm vận sẽ đem lại lợi ích cho cả Cuba và Mỹ.

Chương 4

NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ MỸ - CUBA (1991 - 2016)

4.1. Kết quả tích cực và hạn chế của quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016)

4.1.1. Kết quả tích cực

Quan hệ Mỹ - Cuba đã diễn ra căng thẳng trong hơn 5 thập kỷ trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Hai nước láng giềng ở Thái Bình Dương có quan hệ gần gũi về văn hóa và dân tộc, nhưng do theo đuổi lập trường chính trị và đường lối đối ngoại đối lập nhau đã làm cho mối quan hệ hai nước trở nên căng thẳng, đối đầu, thù địch. Quan hệ hai nước thật sự đột phá trong thời kỳ B. Obama làm tổng thống, đã tạo nên một dấu ấn đậm nét trong lịch sử chính sách đối ngoại của Mỹ. Sự phát triển trong quan hệ Mỹ - Cuba đã được cộng đồng quốc tế hoan nghênh và đánh dấu một kỷ nguyên mới trong quan hệ giữa hai nước. Kể từ khi tuyên bố tái thiết lập quan hệ, hai nước đã và đang có những nỗ lực tích cực để thúc đẩy tiến trình bình thường hóa với những bước tiến mới trên nhiều lĩnh vực, như bảo vệ môi trường, hàng không dân sự, bưu điện, an ninh hàng hải, sức khỏe, nông nghiệp, trao đổi giáo dục và văn hóa cũng như các vấn đề về pháp lý.

Về chính trị, trong suốt tiến trình quan hệ Mỹ - Cuba phản ánh tính thách thức nhiều hơn là kết quả và thành tựu. Tuy nhiên, ở một số khía cạnh, quan hệ Mỹ - Cuba đã đạt được một số kết quả đáng kể.

Cả Mỹ và Cuba có xu hướng hướng đến cải thiện mối quan hệ, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI, điều này thể hiện qua các chuyến viếng thăm lẫn nhau giữa hai nước, nhất là từ phía Mỹ. Vào giữa năm 2002, cựu Tổng thống Mỹ Jimmy Carter đã thăm Cuba. Qua đó, ông đã lên tiếng kêu gọi Mỹ nới lỏng các biện pháp trao đổi thương mại với Cuba. Tiếp đó, năm 2006, phái đoàn Quốc hội Mỹ do Nghị sĩ Đảng Cộng hòa Jeff Flake dẫn đầu đã tới thăm Cuba, chuyến thăm này đã dần mở ra “một kỷ nguyên mới trong quan hệ Mỹ - Cuba”. Dấu hiệu được coi là bước chuyển biến tích cực nhất trong quan hệ hai nước trong thập kỷ

đầu thế kỷ XXI khi Thượng viện Mỹ thông qua dự luật nói lỏng các biện pháp bao vây cấm vận đối với Cuba vào tháng 3/2009. Những sự kiện này mặc dù không tạo nên bước đột phá trong quan hệ hai nước, nhưng là những dấu hiệu đặt cơ sở quan trọng thúc đẩy hai nước tìm hiểu và xích lại gần nhau.

Đến tháng 4/2009, phái đoàn Mỹ đầu tiên đến Cuba kể từ khi Tổng thống Mỹ B. Obama nhậm chức, nhằm nỗ lực chấm dứt việc Mỹ cấm vận Cuba và thảo luận về tiến trình bình thường hóa quan hệ hai nước. Tổng thống B. Obama dỡ bỏ những hạn chế về việc đi lại, chuyển tiền và mở ra cơ hội đầu tư đến Cuba. Nhưng hành động ban đầu này đã bị đình trệ do việc Cuba bắt giữ một nhân viên của USAID là Alan Gross ở Havana với lý do là gián điệp Washington.

Ngày 17/12/2014, Tổng thống B. Obama đã có một dấu ấn lịch sử bằng cách đạt được một bước đột phá trong việc thay đổi chính sách đối với Chính phủ Cuba. Đây là một trong những thành tựu lớn nhất của chính quyền B. Obama trong chính sách đối ngoại. Cộng đồng người Latino, một số người từ Cuba đã đóng một vai trò quan trọng trong chiến thắng Tổng thống của B. Obama, khiến nhóm thiểu số này trở thành mối quan tâm chính đối với chính quyền Mỹ. Mối quan hệ ấm lên hơn nữa khi Tổng thống B. Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro gặp nhau tại lễ tang nhà lãnh đạo Nam Phi Nelson Mandela vào tháng 12/2013 dẫn đến việc bắt tay thứ hai giữa các nhà lãnh đạo Mỹ - Cuba trong năm thập kỷ và đã được dư luận thế giới đánh giá tích cực. Nhưng đỉnh cao trong mối quan hệ này vào năm 2014 khi Chính phủ Cuba quyết định giải phóng Alan Gross để đổi lấy việc giải phóng 3 tình báo Cuba trong nhóm 5 người bị Mỹ kết án tù giam từ năm 2001 (trước đó, Rene Gonzalez và Fernando Gonzalez đã được trả tự do sau khi hoàn thành bản án tù giam).

Bước nhảy vọt trong mối quan hệ hai bên là kết quả của 18 tháng đàm phán bí mật được tổ chức chủ yếu bởi tác động của Canada. Động thái này đã được Đức Giáo Hoàng khuyến khích và đứng ra tổ chức cuộc họp cuối cùng tại

Vatican. Tổng thống B. Obama đã nói chuyện với Raúl Castro qua điện thoại trong hơn 45 phút, để hoàn tất thỏa thuận [283].

Chính quyền B. Obama đã tiến một bước xa hơn trong mối quan hệ bằng cách loại bỏ Cuba khỏi danh sách các quốc gia tài trợ cho chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Nhưng tất cả những phát triển này đã không được hoan nghênh bởi nhiều thành viên trong hệ thống chính quyền Mỹ. Ứng cử viên đảng Cộng hòa Jeb Bush, đã lên án B. Obama vì “quan tâm nhiều hơn đến việc đầu hàng đối thủ hơn là đối đầu với họ” [289]. Marc Rubio, Thượng nghị sĩ người Mỹ gốc Cuba tiểu bang Florida, đã lên án Tổng thống Mỹ “vì đã nhượng bộ chế độ Cuba sau khi nhượng bộ để đổi lấy điều gì đó thậm chí không giống như tiến trình tự do và dân chủ cho người dân Cuba” [289].

Trong giai đoạn đầu, nhiệm vụ trước hết của các cuộc đàm phán giữa hai nước là giữ bí mật. Đây là điều cần thiết để B. Obama không phải đối mặt với phe đối lập luôn “lên án chế độ độc tài, tham nhũng ở Cuba”. Tháng 4/2015, Tổng thống B. Obama chính thức có cuộc hội đàm lịch sử với Chủ tịch Cuba Raúl Castro, bên lề Hội nghị Thượng đỉnh các quốc gia châu Mỹ (OAS) tổ chức tại Panama. Đây là lần gặp mặt đầu tiên của lãnh đạo hai nước sau Tuyên bố ngày 17/12/2014, nhằm tìm cách khôi phục hoàn toàn quan hệ ngoại giao. Tháng 4/2015, Tổng thống B. Obama đã đồng ý đưa Cuba ra khỏi danh sách các quốc gia tài trợ chủ nghĩa khủng bố bất chấp nhiều phản ứng từ phe đối lập. Sau gần 7 tháng thương lượng, trải qua 4 vòng đàm phán, tiến trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba đã đạt được bước tiến mang dấu mốc lịch sử với việc Mỹ tuyên bố nhất trí tái thiết lập quan hệ ngoại giao với Cuba vào ngày 01/7/2015, hai bên nhất trí mở lại Đại sứ quán tại mỗi nước. Ngày 20/7/2015, Đại sứ quán Cuba chính thức được mở lại tại Washington; và ngày 14/8/2015, Đại sứ quán của Mỹ chính thức được mở lại tại Havana. Ngày 16/2/2016, Mỹ - Cuba thiết lập các chuyến bay thương mại trực tiếp giữa hai nước sau hơn 50 năm gián đoạn. Ngày 16/3/2016, dịch vụ bưu chính trực tiếp giữa hai nước được khôi

phục. Ngày 19/3/2016, hai bên ký Bản ghi nhớ về hợp tác trực địa, thủy văn và các dịch vụ liên quan. Ngày 20/3/2016, Tổng thống Mỹ B. Obama đã có chuyến thăm đầu tiên đến Cuba. Chuyến thăm có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là bước khởi đầu cho những quan hệ. Nó cũng là sự kiện bảo đảm tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước là “không thể đảo ngược”, mở ra một kỷ nguyên mới trong quan hệ giữa hai nước: cùng tồn tại hòa bình, hợp tác và phát triển. Trong cuộc hội đàm với Chủ tịch Cuba Raúl Castro, Tổng thống Mỹ B. Obama không chỉ bàn bạc về chủ đề thương mại, cải tổ chính trị mà còn đề cập nhiều vấn đề nhạy cảm khác như nhân quyền, tự do ngôn luận [72].

Qua đó cho thấy, những thành tựu bước ngoặt trong quan hệ Mỹ - Cuba trong giai đoạn này là thực tế phản ánh những nỗ lực xích lại gần nhau từ cả hai phía. Dù còn nhiều thử thách, đây là những kết quả bước ngoặt sau hơn 50 năm quan hệ hai nước luôn đứng trước tình trạng căng thẳng. Sự kiện thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp Đại sứ, chuyến thăm Cuba đầu tiên của một vị Tổng thống Mỹ kể từ sau năm 1961 rõ ràng đã mở ra một chương mới trong quan hệ giữa hai quốc gia. Rõ ràng, bối cảnh quốc tế và nhu cầu thiết lập quan hệ của hai nước, những cải cách có xu hướng tiến bộ ở Cuba và nỗ lực của nguyên thủ hai nước, đặc biệt là Mỹ là những nhân tố động thúc đẩy quá trình bình thường hóa mối quan hệ này có những đột phá.

Về kinh tế, mặc dù luôn bị chính sách cấm vận chi phối, nhưng kim ngạch thương mại hai nước tăng nhanh từ 1,3 triệu USD năm 1992 lên 245,5 triệu USD vào năm 2016, tăng hơn 188 lần, với cán cân nghiêng hẳn về phía Mỹ. Tức là Mỹ xuất khẩu chủ yếu sang Cuba. Xuất khẩu của Mỹ sang Cuba chủ yếu thuộc lĩnh vực nông nghiệp như đậu nành, ngô, thức ăn gia súc, thịt, gia cầm... Kể từ năm 2015, Mỹ đã tuyên bố hàng loạt biện pháp nhằm nới lỏng lệnh cấm vận đối với Cuba, cụ thể: cho phép Cuba mở rộng các hoạt động du lịch, thương mại và tài chính. Theo những quy định mới do Bộ Tài chính và Thương mại Mỹ đưa ra, nước này sẽ cung cấp dịch vụ Internet, xuất khẩu nông nghiệp, xây dựng

và thiết bị viễn thông sang Cuba; cho phép các hãng hàng không Mỹ mở các chuyến bay đến đây, công dân Mỹ có thể sang Cuba du lịch, thăm gia đình, học tập... mà không cần phải xin giấy phép đặc biệt từ Chính phủ Mỹ như trước đây. Về giao dịch ngân hàng, người Mỹ được phép gửi 8.000 USD sang Cuba mỗi năm, tăng gấp 4 lần so với số tiền quy định trước đây, còn nếu đến Cuba sẽ được mang theo 10.000 USD; các loại thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ cũng sẽ được sử dụng tại Cuba; Cuba được tiếp cận lại hệ thống ngân hàng tại Mỹ... Bộ Tài chính Mỹ cũng dỡ bỏ lệnh cấm nhiều thập kỷ đối với 4 công ty ở bang Florida (cách Cuba 150 km về phía Nam), cho phép họ mở tuyến phà chở hành khách và hàng hóa tới Cuba. Hành động này được coi “là một bước tiến lớn về phía trước”. Hãng Hàng không JetBlue của Mỹ cũng tuyên bố mở đường bay trực tiếp từ New York tới thủ đô Havana. Tập đoàn khách sạn Starwood trở thành công ty Mỹ đầu tiên đạt thỏa thuận với Chính phủ Cuba kể từ năm 1959, theo thỏa thuận, Starwood sẽ đầu tư nhiều triệu USD cho dự án cải tạo và điều hành 3 khách sạn ở Havana, Cuba.

Kể từ khi hai nước công bố quyết định bình thường hóa quan hệ, ngành công nghiệp du lịch ở Cuba bùng nổ chưa từng có nhờ sự gia tăng mạnh mẽ của số lượng du khách Mỹ, cũng như nhờ sự nới lỏng những hạn chế từ phía Mỹ. Ngày 9/5/2016, Công ty viễn thông Nhà nước Cuba (ETECSA) và Tập đoàn T-Mobile của Mỹ đã ký thỏa thuận kết nối trực tiếp để chuyển vùng cuộc gọi quốc tế. Theo đó, ETECSA sẽ cung cấp các dịch vụ chuyển vùng quốc tế gọi thoại, tin nhắn văn bản và truyền tải dữ liệu cho những khách hàng Mỹ của T-Mobile tới thăm Cuba. Thỏa thuận này cho phép T-Mobile giảm 65% cước cuộc gọi từ thuê bao của T-Mobile tại Mỹ tới điện thoại cố định và di động tại Cuba, xuống còn 0,6 USD/phút. Đây là thỏa thuận chuyển vùng quốc tế thứ hai mà ETECSA ký với một công ty viễn thông của Mỹ, sau thỏa thuận với hãng Verizon ngày 14/3/2016. Công ty viễn thông AT&T của Mỹ cũng tiếp tục đàm phán về một thỏa thuận tương tự với đối tác Cuba.

Như vậy, việc thiết lập mối quan hệ Mỹ - Cuba sẽ mang lại những cơ hội cho cả hai phía. Đối với Cuba, quan hệ song phương Mỹ và Cuba quan trọng cho nhân dân Cuba, nhất là về lĩnh vực kinh tế và thương mại. Đồng thời, việc dỡ bỏ lệnh cấm vận đối với Cuba sẽ tạo điều kiện cho nước này thúc đẩy quan hệ gắn kết với các đối tác bên ngoài, góp phần cạnh tranh hàng hóa trên thị trường thế giới, chẳng hạn như EU. Đối với Mỹ, việc bình thường hóa quan hệ với Cuba sẽ cho phép một số ngành công nghiệp Mỹ như công nghệ và xây dựng có thể được hưởng lợi từ những thay đổi thẩm quyền để xuất khẩu. Các doanh nghiệp Mỹ có thể xuất khẩu vật liệu xây dựng, nhà ở tư nhân và thiết bị nông nghiệp cho Cuba. Mỹ cũng được phép xuất khẩu các mặt hàng viễn thông như các phần mềm, ứng dụng và phần cứng. Nhà cung cấp cũng sẽ được phép thành lập các cơ sở hạ tầng cần thiết cho các hệ thống này hoạt động.

4.1.2. Hạn chế

Mặc dù cả hai quốc gia đã triển khai các hoạt động để có được bước đột phá đáng kể trong mối quan hệ, tuy nhiên con đường phía trước vẫn còn nhiều thách thức cho cả hai bên. Sự bế tắc chính trị kéo dài nhiều thập kỷ giữa hai quốc gia đã kết thúc, nhưng những bất đồng lịch sử lâu dài không dễ giải quyết một cách nhanh chóng. Quá trình bình thường hóa quan hệ đã có những bước tiến dài không có nghĩa là Mỹ đã hết lo lắng về những mối quan tâm chiến lược lâu dài ở Cuba.

Về chính trị - ngoại giao, chính quyền B. Obama thừa nhận rằng chính sách cấm vận đối với Cuba đã lỗi thời. Và sự lỗi thời ấy tiếp tục kéo dài trong suốt hơn 2 thập kỷ kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Đến thời kỳ của chính quyền B. Obama, nút thắt lớn nhất trong mối quan hệ này đã được cởi mở, nhưng các nhà lãnh đạo hai bên còn phải đối mặt với hàng loạt khó khăn cần tháo gỡ.

Một trong những trở ngại ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Cuba là bất đồng chính trị và vấn đề nhân quyền ở Cuba. Mỹ và Cuba luôn luôn tồn tại những quan điểm khác biệt về thể chế chính trị và các di sản của Chiến

tranh Lạnh. Về phía Mỹ, Chính phủ Mỹ đưa ra những điều kiện yêu cầu Cuba cần phải có những thay đổi và cải thiện rõ ràng trong vấn đề nhân quyền, chấm dứt việc cầm tù những công dân có bất đồng chính kiến với chính quyền. Trong khi Cuba nói rằng quan điểm về nhân quyền của Cuba khác biệt với Mỹ. Cuba đã chỉ ra các thành tựu mà Cuba đã đạt được, nhằm bảo vệ quyền lợi của người dân như giáo dục miễn phí, chăm sóc sức khỏe, y tế. Chủ tịch Raúl Castro đã trả lời khi được hỏi về vấn đề nhân quyền như sau: *“Còn có quyền lợi gì thiêng liêng hơn quyền được chăm sóc sức khỏe, nhờ vậy mà hàng tỷ trẻ em không bị chết vì thiếu vắc xin, thuốc hay sự chăm sóc y tế? Chúng tôi có rất nhiều quyền khác - quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được tiếp cận với giáo dục”* [315]. Phát biểu này của Raúl Castro thể hiện rõ sự khác biệt trong quan điểm về nhân quyền của Cuba và Mỹ. Dẫu sao, vấn đề nhân quyền ở Cuba đóng vai trò quan trọng trong quá trình Quốc hội Mỹ xem xét dỡ bỏ lệnh cấm vận mà Mỹ đã áp đặt lên đảo quốc Caribe này.

Ngoài ra, Mỹ cũng muốn Cuba thay đổi hệ thống chính trị một đảng, tuy nhiên Cuba đã khẳng định Cuba sẽ không chấp nhận những đòi hỏi này của Mỹ. Là một quốc gia chỉ có duy nhất một chính đảng, Cuba thường xuyên bày tỏ thái độ cứng rắn trước những bất đồng chính trị, bắt giam những người có quan điểm đối kháng với Chính phủ. Vấn đề thay đổi hệ thống chính trị gắn liền với vấn đề nhân quyền là một trong những trở ngại không dễ dàng được giải quyết nếu không có sự nỗ lực tìm kiếm tiếng nói chung từ cả hai phía.

Ngoài nhân quyền, Chính phủ Cuba cũng đưa ra yêu cầu với Mỹ về vấn đề nhà tù Guantanamo. Cuba đã kêu gọi Mỹ đóng cửa nhà tù quân sự ở Guantanamo trong rất nhiều năm và yêu cầu Mỹ trao trả lại vùng lãnh thổ được Mỹ sử dụng làm căn cứ hải quân này từ năm 1903. Bên cạnh đó, tiến trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba còn vấp phải thách thức đến từ chính trị nội bộ Mỹ. Một bộ phận trong cộng đồng người Mỹ gốc Cuba vẫn phản đối quyết liệt việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba. Các nghị sĩ đảng Cộng hòa và nghị sĩ Mỹ gốc Cuba không ủng hộ quyết định của Tổng thống B. Obama. Điều này cho thấy nội bộ Mỹ chưa thống nhất đối với vấn đề này.

Nhiều ý kiến còn cho rằng Tổng thống B. Obama đã có những nhượng bộ hết sức cơ bản đối với sự “trỗi dậy” của các quốc gia ở khu vực Nam Mỹ. Bên cạnh đó, nhiều tranh luận cho rằng đường lối ngoại giao của nước Mỹ hiện nay là không quyết đoán hoặc không tạo nên những ảnh hưởng mang tính chất bước ngoặt mà việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Cuba có thể được xem là một bước lùi trong chính sách ngoại giao thực dụng của nước Mỹ. Một số nhà lập pháp đã cho rằng Tổng thống B. Obama tìm cách can dự vào những gì họ coi là một chính phủ tham nhũng, Thượng nghị sĩ Bob Menendez, một đảng viên đảng Dân chủ đã từng làm Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại đã cảnh báo: *“Một khuyến nghị để loại bỏ Cuba khỏi danh sách các nhà tài trợ cho chủ nghĩa khủng bố sẽ đại diện cho một sai lầm đáng kể trong một chính sách thất bại”* [275]. Đây là một thách thức lớn đối với tiến trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba, đặc biệt là sau khi Tổng thống Donald Trump thuộc Đảng Cộng hòa lên nắm quyền.

Có ý kiến cho rằng Tổng thống B. Obama đã dựa trên việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Cuba để tạo nên một di sản chính trị có lợi cho mình và từ đó gây khó khăn cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các quốc gia thuộc khu vực Nam Mỹ và các quốc gia có những mâu thuẫn về lập trường cũng như quan hệ với Mỹ trong tương lai. Tuy nhiên, về cơ bản, những thách thức này không tạo nên sự chia rẽ trong lòng nước Mỹ và cũng không phải là quan niệm phổ biến. Do đó, các tác động này nhìn chung là không thật sự mạnh mẽ.

Vấn đề di cư cũng là một trong những thách thức trong quan hệ Mỹ - Cuba. Ước tính có khoảng 8.000 người Cuba bị kẹt lại ở biên giới Costa Rica sau khi Nicaragua từ chối không cho họ băng qua lãnh thổ Nicaragua để đến Mỹ. Những người này muốn lợi dụng Đạo luật Điều chỉnh Cuba để trở thành công dân Mỹ. Đạo luật này được Quốc hội Mỹ thông qua vào năm 1966, quy định mọi công dân Cuba, dù là người nhập cư bất hợp pháp, chỉ cần đặt được chân lên lãnh thổ Mỹ thì sẽ được phép định cư hợp pháp và sẽ có cơ hội trở thành công dân Mỹ sau một năm. Lâu nay, Cuba luôn yêu cầu Mỹ phải bãi bỏ Đạo luật này vì Chính phủ Cuba cho rằng

đây là một dấu tích của Chiến tranh Lạnh. Bên cạnh đó, Đạo luật này cũng gây kích động những người dân Cuba, khiến họ rời bỏ Tổ quốc.

Dù đã có những bước đột phá, hàng loạt các chính sách thù địch trong quá khứ như Radio và TV Martí, cũng như các chương trình can thiệp và lật đổ cũng chưa được tháo dỡ, chính sách cấm vận vẫn chưa được tháo dỡ hoàn toàn do nhiều bất đồng chưa được giải quyết. Các vấn đề thách thức đã tích tụ lâu ngày không dễ cho cả hai bên có thể giải quyết trong một thời gian ngắn. Dù vậy, với những chuyển biến căn bản về cách tiếp cận khung trong quá trình bình thường hóa quan hệ vì lợi ích của cả hai dân tộc, quá trình thu hẹp bất đồng thúc đẩy quan hệ sẽ có những bước tiến trong tương lai. Điều này đòi hỏi ý chí chính trị mạnh mẽ của chính quyền cả hai nước.

Việc mở cửa ngoại giao trong quan hệ Mỹ - Cuba có tác động ở ba cấp độ: *Một là*, trong quan hệ song phương, sự chuyển biến trong quan hệ với Cuba cho phép chính quyền B. Obama có cơ hội để đảm bảo được những lợi ích chiến lược trong nhiều lĩnh vực khác nhau như an ninh hàng hải, cứu trợ thiên tai, chống buôn bán người và di cư; *Hai là* mối quan hệ kinh tế giữa hai nước được thắt chặt tạo điều kiện cho Cuba phụ thuộc ít hơn vào Venezuela về năng lượng; và *ba là* yếu tố quốc tế, Nga và Trung Quốc tiếp tục đóng vai trò ngày càng phức tạp như các chủ nợ và các nhà đầu tư ở Cuba [211].

Sự hồi sinh của mối quan hệ giữa hai nước không chỉ có lợi đối với Mỹ, mà còn cho Cuba. Qua đó, Cuba có thể tháo gỡ mô hình kinh tế kiểu Liên Xô cũ (được áp dụng từ năm 1976 và có cải cách một phần vào năm 1992) [211].

Về kinh tế, thương mại, mặc dù Washington và Havana đã đánh dấu sự phục hồi quan hệ ngoại giao. Điều này đã dẫn đến một số kết quả nhất định liên quan đến kiều hối và du lịch, nhưng các hạn chế tài chính, kinh tế và thương mại vẫn còn. Cho đến nay, lệnh cấm vận của Mỹ về thương mại vẫn đang đè nặng lên nền kinh tế của Cuba. Đây được coi là trở ngại lớn nhất trong quan hệ ngoại giao giữa Mỹ - Cuba. Hơn 50 năm qua, chính sách bao vây cấm vận của Mỹ đối với Cuba đã gây thiệt hại nặng nề về nhiều mặt đối với Cuba, nhất là

trong lĩnh vực kinh tế. Theo thống kê của Chính phủ Cuba, hơn nửa thế kỷ bị bao vây cấm vận đã khiến nền kinh tế Cuba thiệt hại khoảng 1.126 tỷ USD. Mặc dù, Tổng thống B. Obama đã thể hiện mong muốn lệnh cấm vận thương mại của Mỹ với Cuba sẽ được chấm dứt trong nhiệm kỳ cuối của ông. Tuy nhiên, việc dỡ bỏ lệnh cấm vận còn gặp nhiều cản trở. Trong đó, rào cản lớn nhất chính là Quốc hội Mỹ. Sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ 2014, Quốc hội Mỹ được kiểm soát bởi đa số thành viên thuộc Đảng Cộng hòa, vốn xưa nay vẫn giữ thái độ thù địch với Cuba. Chính trị nội bộ Mỹ và vấn đề dân chủ nhân quyền được coi là rào cản lớn nhất trong việc dỡ bỏ cấm vận kinh tế với đảo quốc này. Thực tế các công ty của Mỹ không thể đầu tư vào Cuba ngoại trừ việc bán thực phẩm hoặc thuốc y dược, ngược lại, các doanh nghiệp Cuba cũng không thể bán bất cứ thứ gì sang Mỹ. Mặc dù ông B. Obama đã cho phép nới lỏng các quy định quản lý du lịch, giáo dục, nhưng du lịch lữ hành vẫn bị cấm. Việc dỡ bỏ toàn bộ lệnh cấm vận sẽ cần tới những thay đổi lập pháp đối với Đạo luật dân chủ Cuba, đạo luật cấm các công ty con của các tập đoàn của Mỹ tại nước ngoài bán hàng hóa cho Cuba; Đạo luật cải cách các biện pháp trừng phạt thương mại và tăng cường xuất khẩu đã cấm du lịch lữ hành... Chẳng hạn, tư cách thành viên của Cuba trong các thể chế tài chính quốc tế: Đạo luật Helms - Burton yêu cầu Mỹ bỏ phiếu chống lại tư cách thành viên của Cuba trong Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB). Để trở thành thành viên của WB, trước tiên phải gia nhập IMF, điều này đòi hỏi phải có 85% số phiếu ủng hộ từ các nước thành viên. Do Mỹ nắm 17% số phiếu bầu, nên sự phản đối của Mỹ làm cho Cuba không gia nhập được IMF và WB. Giải quyết vấn đề này sẽ đòi hỏi phải thay đổi hoặc hủy bỏ Đạo luật Helms - Burton. Trong Thông điệp Liên bang cuối cùng của mình, Tổng thống B. Obama cũng thể hiện mong muốn điều này sẽ được chấm dứt khi ông rời Nhà Trắng, vì theo ông, “Chiến tranh Lạnh đã chấm dứt. Hãy dỡ bỏ lệnh cấm vận đối với Cuba”. Ông đã cam kết: “Bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào tôi có thể thực hiện các bước đi mà không cần luật... đó là những gì

tôi sẽ làm”. Song, mong muốn này nằm ngoài khả năng của ông B. Obama, nó phụ thuộc vào quyết định của Quốc hội Mỹ [72].

Mặc dù bình thường hóa quan hệ hai nước tạo ra nhiều tác động tích cực nhưng vẫn còn đó những tác động chưa thật sự thuận chiều cho quan hệ. Rào cản khá rõ nét là lệnh cấm vận thương mại vẫn chưa nhận được sự chấp thuận của Quốc hội Mỹ, khi Đảng Cộng hòa chiếm đa số. Mọi quan hệ giữa Mỹ với Cuba vẫn còn nhiều vấn đề chưa đạt được các bước tiến mạnh mẽ.

4.2. Một số đặc điểm của quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến năm 2016

Thứ nhất, quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2016 là sự tiếp nối mối quan hệ phức tạp, căng thẳng giữa hai nước trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh

Mỹ và Cuba là hai nước láng giềng, có vị trí chiến lược rất quan trọng trong chính sách đối với nhau, nhất là từ phía Mỹ. Trong lịch sử nhiều thế kỷ, kể từ khi có nước Mỹ xuất hiện trên bản đồ thế giới vào nửa cuối thế kỷ XVIII, đặc biệt từ thế kỷ XIX, các nhà lãnh đạo Mỹ luôn muốn đưa Cuba vào tầm ảnh hưởng trong tham vọng mở rộng lãnh thổ của mình.

Chiếm Cuba sau cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha năm 1898, Mỹ dần dần giành được một vị trí thống trị về kinh tế và chính trị đối với đảo này. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, sau cuộc cách mạng Cuba năm 1959, mối quan hệ hai nước xấu đi đáng kể và đã được đánh dấu bởi sự căng thẳng và đối đầu kể từ đó. Mỹ không có quan hệ ngoại giao chính thức với Cuba và đã duy trì lệnh cấm vận, quy định các công ty Mỹ làm ăn với nước láng giềng này là bất hợp pháp. Đại diện ngoại giao Mỹ tại Cuba thuộc quyền quản lý của Văn phòng Lợi ích Mỹ ở Havana và có một cơ quan tương tự của Cuba ở Washington DC.

Quan hệ Mỹ - Cuba trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh là quan hệ đối đầu, trong đó, Mỹ dùng nhiều biện pháp để tiêu diệt nước Cuba XHCN, còn Cuba thì dựa vào các nước XHCN do Liên Xô đứng đầu để đối phó với Mỹ. Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc vào cuối năm 1991, quan hệ quốc tế có nhiều biến đổi lớn lao, song di sản của cuộc chiến tranh này vẫn tác động sâu đậm, toàn diện đến

quan hệ Mỹ - Cuba. Sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, giới lãnh đạo Mỹ (G. Bush, B. Clinton) vẫn tiếp tục thi hành và tăng cường lệnh cấm vận bởi các Đạo luật Dân chủ Cuba và Đạo luật Helms - Burton làm cho Cuba liên tục đối mặt với những khó khăn chính trị và kinh tế.

Thứ hai, quan hệ Mỹ - Cuba từ năm 1991 đến 2016 vừa tiếp tục diễn tiến của quan hệ thời kỳ Chiến tranh Lạnh, đồng thời có sự chuyển biến rất quan trọng, nhất là dưới thời Tổng thống B. Obama (2009 - 2016).

Trong suốt 3 nhiệm kỳ tổng thống Mỹ, từ B. Clinton qua G. W. Bush đến B. Obama, quan hệ Mỹ - Cuba tiếp tục đối đầu, như trong thời Chiến tranh Lạnh. Trong đó nổi bật hai vấn đề chủ yếu là cấm vận và xúc tiến dân chủ đối với Cuba. Với Đạo luật Dân chủ Cuba CDA (1992) và Đạo luật Helms - Burton (1996), chiến lược của Mỹ đối với Cuba đã có một sự tăng cường đáng kể trong chính sách cấm vận của nước này đối với Cuba.

Sau hơn nửa thế kỷ, quan hệ Mỹ - Cuba đã bước sang một chương mới. Trên cơ sở các cuộc đàm phán bí mật và nhất trí về việc trao đổi tù nhân và thành lập các đại sứ quán giữa Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro đã chính thức tuyên bố về việc tái thiết lập quan hệ ngoại giao đã bị gián đoạn từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX, khi Mỹ tiến hành cắt đứt quan hệ ngoại giao và áp đặt lệnh cấm vận thương mại với Cuba. Tổng thống B. Obama nhấn mạnh rằng “*chúng ta sẽ kết thúc một đường hướng lối thời mà trong nhiều thập kỷ không thúc đẩy lợi ích của chúng ta, và thay vào đó sẽ bắt đầu bình thường hóa quan hệ giữa hai nước*” [5]. Cách tiếp cận này cho thấy sự cởi mở trong chính sách đối ngoại của Tổng thống B. Obama.

Sự kiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba là rất đáng chú ý vì Tổng thống B. Obama đã bước qua “lời nguyền của lịch sử” - khi các vị Tổng thống Mỹ trước đó đều nhất quán cấm vận và cô lập Cuba từ khi quốc gia này giành được độc lập. Mặc dù đây là một bước đi khó khăn nhưng động thái này thể hiện sự quyết đoán trong chính sách của Mỹ. Như trong bài phát biểu vào tháng

3/2016, Tổng thống B. Obama đã bày tỏ thái độ thân thiện và mong muốn xích lại gần với nhân dân Cuba: *“Và như bạn, tôi cũng tin tưởng rằng Cuba có thể tiếp tục đóng một vai trò quan trọng ở bán cầu và trên toàn cầu. Và hy vọng của tôi là, các bạn có thể thực hiện điều đó với tư cách là một đối tác của Mỹ. Chúng ta đã đóng những vai trò rất khác nhau trên thế giới. Nhưng không ai có thể phủ nhận thực tế là hàng ngàn bác sĩ Cuba đã cung cấp các dịch vụ cho người nghèo và đau khổ”* [297]. Có thể nhận thấy là Tổng thống B. Obama đã hy vọng rằng bước chuyển biến này sẽ mang đến sự thịnh vượng và tốt đẹp hơn không chỉ cho người dân Mỹ và Cuba mà còn là cho người dân của khu vực Nam Mỹ.

Về phía Cuba, có thể khẳng định rằng đây là một “thắng lợi chính trị” cho Chủ tịch Cuba Raúl Castro. Sự kiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao cho thấy Raúl Castro đã bước ra khỏi cái bóng của người anh trai Fidel Castro và Chủ tịch Raúl Castro đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi của người dân Cuba với thỏa thuận chấm dứt hàng thập niên thù địch công khai với Mỹ, trên cơ sở đó được ghi được một thắng lợi ngoại giao quan trọng. Việc bình thường hóa quan hệ hai nước đã mang lại tín hiệu tốt đẹp khi người dân Cuba đã ủng hộ nhà lãnh đạo của mình qua các cuộc tuần hành tại thủ đô Havana. Những người tuần hành đã hô vang khẩu hiệu “Viva Raúl!” [250]. Có thể nói, đây là một sự thay đổi đáng kể trong một quốc gia mà trong một thời gian dài bị chi phối bởi tính cách vượt trội của nhà lãnh đạo Fidel Castro. Nhờ vào quyết định mang tầm chiến lược mà giờ đây, nhiều người dân Cuba đã đánh giá cao khả năng lãnh đạo và tầm nhìn của Raúl Castro. Jose Fernandez, một giáo viên toán học 55 tuổi nhận định rằng: *“Raúl Castro đang làm những gì mà Cuba cần. Rất nhiều người không tin vào ông ấy, nhưng công việc của ông ấy vẫn đang tiếp diễn. Ông ấy đang thay đổi đất nước một cách lặng lẽ, không diễn thuyết, và không khoe khoang về nó”* [253]. Thành công của Raúl Castro cũng giúp hợp thức hóa chế độ cộng sản khi người dân Cuba dần thích ứng với cải cách kinh tế và bây giờ là một mối quan hệ mới với Mỹ.

Sự kiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba đã cho thấy rằng

hai quốc gia trên thực tế đã vượt qua những rào cản ý thức hệ vốn đã tồn tại khá lâu và bắt rễ trong nhận thức của nhiều nhà lãnh đạo hai nước. Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, lãnh đạo Mỹ và Cuba nhận thấy rằng cần phải tạo một bước chuyển biến quan trọng để giúp nhân dân hai nước hưởng lợi từ những thành quả sẽ được tiến hành qua các hoạt động hợp tác sau khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao.

Thật vậy, bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba là sự kiện có ý nghĩa quan trọng vì đã bước đầu cải thiện sự phức tạp trong quan hệ hai nước trong suốt năm thập kỷ đối đầu. Sự phức tạp này là hệ quả của lịch sử và đòi hỏi nhận thức lịch sử để giải quyết. Bên cạnh đó, xung đột trong quan hệ hai nước còn chịu sự tác động của nhiều nhân tố. Tuy vậy, nhìn nhận đầy đủ hơn để thấy rằng quá trình bình thường hóa quan hệ hai nước đòi hỏi rất nhiều nỗ lực và phải chờ đợi thời gian chín muồi để giải quyết. Cụ thể là khi bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều thay đổi với những chuyển biến tích cực và bên cạnh đó thì sự chuyển dịch quyền lực đã khiến Mỹ phải cân nhắc thêm về các quan hệ đối ngoại thì quan hệ hai nước mới có điều kiện để phát triển. Bên cạnh xu thế hòa bình và hợp tác trở thành xu thế chi phối quan hệ quốc tế giữa các quốc gia thì cần chú ý rằng cả Mỹ và Cuba đã nhận thức được xu thế này. Từ nhu cầu đưa đất nước phát triển lên một tầm cao mới thì sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ và Cuba là kịp thời và phù hợp với thời đại. Quyết tâm của các lãnh đạo hai nước là nhân tố quan trọng và cần được xem xét đầy đủ hơn.

Thứ ba, quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2016 chủ yếu tập trung trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế và diễn tiến không bền vững

Về hình thức, quan hệ Mỹ - Cuba diễn ra trên nhiều lĩnh vực tuy nhiên nó không đầy đủ mà chủ yếu là về chính trị - ngoại giao và kinh tế. Nhận thấy sự gắn gũi về địa lý của hai quốc gia, Cuba rất quan trọng đối với các lợi ích về kinh tế và ngoại giao của Mỹ. Điều này xuất phát từ lợi ích của hai phía, nhất là từ phía Mỹ (lợi ích về kinh tế, ngoại giao và lợi ích chính trị trong nước). Cùng

với sự biến mất của Chiến tranh Lạnh, lợi ích an ninh đã có sự thay đổi, lợi ích kinh tế ngày càng trở nên quan trọng hơn trong quan hệ giữa Mỹ và Cuba. Thực tế cho thấy, trong giai đoạn 1991 - 2016, nhất là dưới thời Tổng thống Mỹ B. Obama, quan hệ Mỹ - Cuba đã có những thay đổi tích cực. Việc thay đổi người đứng đầu đất nước ở Cuba (Raúl Castro thay thế Fidel Castro) cùng những thay đổi kinh tế và chính trị diễn ra ở Cuba là những yếu tố này đóng vai trò lớn trong việc thay đổi chính sách của Mỹ. Tuy nhiên, sự thay đổi mang tính cách mạng trong chính sách của Mỹ đối với Cuba sẽ không thể thực hiện được nếu Cuba không mở cửa. Điều này cho thấy: những lợi ích của Mỹ một lần nữa sẽ dẫn đầu trong mối quan hệ Cuba - Mỹ. Điều này thể hiện khá rõ khi Donal Trump (nổi tiếng vì những lợi ích thương mại của mình với khẩu hiệu “Nước Mỹ trên hết”) trở thành Tổng thống Mỹ vào đầu năm 2017, không ủng hộ những việc làm của Tổng thống tiền nhiệm B. Obama trong việc bình thường hóa các mối quan hệ, ngược lại, còn hạn chế tối đa các kết quả thu được trong lĩnh vực này.

4.3. Một số nhận xét về việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba

4.3.1. Nguyên nhân thúc đẩy bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba

Hòa cùng xu thế tiến bộ của thời đại và đặc biệt là những thiện cảm dành cho quá trình đấu tranh vươn lên của Cuba, nhiều tổ chức, quốc gia trong khu vực và thế giới đã bày tỏ sự ủng hộ đối với đường lối phát triển của Cuba. Nhiều quốc gia vẫn duy trì và phát triển mối quan hệ với Cuba, đặc biệt là trên phương diện chính trị - ngoại giao và kinh tế. Bên cạnh đó, LHQ cũng nhiều lần bỏ phiếu đề nghị Mỹ chấm dứt cấm vận về kinh tế, thương mại đối với Cuba. Việc LHQ phải nhiều lần thông qua các nghị quyết phản đối chính sách cô lập của Mỹ đối với Cuba đã cho thấy rằng cộng đồng quốc tế đã không đồng tình với chính sách của Mỹ. Trong bối cảnh đó, chính sách của Mỹ có sự thay đổi là bởi những nguyên do sau:

Thứ nhất, chính sách của Mỹ đối với Cuba (bao vây, cấm vận) tồn tại những hạn chế và tỏ ra không hiệu quả. Có thể nhận thấy rằng, trải qua nhiều

đời Tổng thống Mỹ (John F. Kennedy, Lyndon B. Johnson, Richard Nixon, Gerald Ford, Ronald Reagan, George H. W. Bush, B. Clinton, George W. Bush) thì chính sách của Mỹ về căn bản vẫn là bao vây, cô lập Cuba. Sự điều chỉnh các chính sách có thể khác nhau qua từng thời kỳ nhưng Mỹ đều nhất quán những vấn đề căn bản là áp dụng “quyền lực cứng” - mà chủ yếu là các lệnh trừng phạt kinh tế lên Cuba. Bên cạnh đó, Mỹ còn tập hợp lực lượng các quốc gia đồng minh ở châu Âu và cả Mỹ Latinh để gây sức ép lên Chính phủ Cuba. Mặc dù nhân dân Cuba gặp rất nhiều khó khăn từ vòng kiểm tỏa của Mỹ và các đồng minh nhưng Cuba vẫn quyết tâm tự lực và kết quả là qua nhiều thập kỷ thì Cuba vẫn đứng vững. Tinh thần đó được nhiều quốc gia yêu chuộng hòa bình trên thế giới đánh giá cao và ủng hộ.

Bên cạnh đó, việc bao vây cô lập Cuba của Chính phủ Mỹ cũng không được lòng dân. Những nhà đầu tư của Mỹ nhận thấy ở Cuba một thị trường rất thuận lợi cho các hoạt động buôn bán và đầu tư. Tuy nhiên, chính sách của chính quyền Mỹ đã khiến thương nhân và giới đầu tư không thể tiến vào thị trường đầy tiềm năng này. Đồng thời, những chỉ trích về chính sách của Mỹ đối với Cuba của LHQ và các quốc gia yêu chuộng hòa bình cũng khiến người dân Mỹ ngày càng nhận thức rõ ràng cấm vận Cuba không phải là một chính sách tốt. Thậm chí, đây còn là bước đi hoàn toàn sai lầm. Trên cơ sở nhận thức đó mà người dân Mỹ đã kêu gọi Chính phủ nên thay đổi chính sách đối với Cuba [95]. Bên cạnh đó, các tờ báo của Mỹ như *New York Times* hay *Wall Street Journal*... cũng có những bài viết phê phán chính sách của Mỹ. Nhận thức rằng chính sách của Mỹ đối với Cuba chứa đựng nhiều hạn chế, Tổng thống B. Obama cũng đã công nhận rằng chính sách này trên thực tế không mang lại nhiều lợi ích mà thậm chí còn khiến lợi ích của Mỹ bị tổn hại nghiêm trọng. Tổng thống B. Obama đã khẳng định cách tiếp cận hoàn toàn mới mẽ đối với vấn đề Cuba: “*Một trong những thay đổi quan trọng nhất trong chính sách của Mỹ trong hơn 50 năm là, chúng ta sẽ kết thúc một cách tiếp cận đã lỗi thời mà trong nhiều thập kỷ đã không thúc đẩy các lợi*

ích của chúng ta và thay vào đó chúng ta sẽ bắt đầu bình thường hóa quan hệ hai nước. Thông qua những thay đổi này, chúng ta hy vọng sẽ tạo nhiều cơ hội hơn cho người Mỹ và Cuba, và bắt đầu một chương mới giữa các quốc gia châu Mỹ” [300]. Điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Cuba sẽ giúp Mỹ thúc đẩy lợi ích của mình tại Cuba nói riêng và Mỹ Latinh nói chung. Những thiện cảm của người dân Cuba cho Mỹ cũng giúp thúc đẩy các dòng thương mại vào khu vực. Nhờ đó mà quan hệ Mỹ - Cuba sẽ có nhiều triển vọng hơn.

Thứ hai, phục hồi uy tín và ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực. Bối cảnh địa chính trị của Mỹ tại khu vực Mỹ - Latinh đã có nhiều thay đổi. Thắng lợi liên tục của các đảng cánh tả trong 10 năm qua đã giúp khu vực Mỹ Latinh có những động thái tích cực trong đời sống chính trị theo xu hướng tiến bộ, hướng tới mục tiêu Chủ nghĩa xã hội theo mô hình thế kỷ XXI. Đây là hiện tượng tích cực của chính trị thế giới trong những năm đầu của thế kỷ XXI và đang trở thành tâm điểm chú ý của cả thế giới. Theo đó mà ảnh hưởng của Mỹ cũng suy giảm. Trong bối cảnh chính sách của Mỹ đối với “sân sau chiến lược” là chưa thật sự hiệu quả thì Trung Quốc đã tranh thủ để tăng cường quan hệ và ảnh hưởng tại khu vực [242]. Cụ thể là Trung Quốc đã thâm nhập vào thị trường các quốc gia có nhiều tiềm năng như Brazil, Venezuela, Argentina, Peru, Mexico, Cuba, Nicaragua... Các quan hệ cũng được nâng cấp nhằm giúp Trung Quốc phát triển quan hệ với các quốc gia này. Sự suy giảm vai trò của Mỹ và ngược lại là sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc đã khiến lợi ích và uy tín của Mỹ giảm sút [175]. Trước thực tế đó, Chính phủ Mỹ vẫn chưa có giải pháp mang tính bước ngoặt.

Tận dụng sự suy giảm vai trò của Mỹ, Cuba đã nhanh chóng phát triển quan hệ với các quốc gia trong khu vực. Với vai trò là quốc gia xã hội chủ nghĩa duy nhất ở Tây bán cầu và là một trong những ngọn cờ đầu của phong trào cánh tả Mỹ Latinh, Cuba đã gia tăng uy tín với các quốc gia trong và ngoài khu vực. Cùng lúc đó, nhiều quốc gia trong khu vực cũng tranh thủ thời cơ này để thể hiện vai trò và tiếng nói. Trong đó, có những động thái phản đối và lên án Mỹ.

Nhiều quốc gia Mỹ Latinh đã phản đối Mỹ đe dọa dùng vũ lực với Venezuela hay áp đặt chính sách cấm vận lên Cuba và yêu cầu Mỹ tuân theo các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương LHQ. Việc Mỹ sử dụng sức mạnh cứng như cấm vận kinh tế hay quân sự đã làm suy yếu vai trò và uy tín của Mỹ. Theo đó mà những lợi ích kinh tế của Mỹ tại khu vực cũng bị tổn thương nghiêm trọng. Thực tế, lợi thế của Mỹ tại khu vực đang suy giảm khá nhiều so với Trung Quốc. Như vậy, trước sự suy yếu tương đối quyền lực của Mỹ tại khu vực và sự trỗi dậy của Trung Quốc thì việc duy trì chính sách ngoại giao của Mỹ không những không thúc đẩy lợi ích của Mỹ mà còn khiến Mỹ suy giảm ảnh hưởng. Tiếp tục duy trì chính sách áp đặt sẽ không phải là lựa chọn tối ưu. Về chiều sâu chiến lược, bình thường hóa quan hệ với Cuba là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và giúp Mỹ giành lại ảnh hưởng tại khu vực Mỹ Latinh. Đồng thời, đây còn là bước đi chiến lược giúp Mỹ tăng cường thế cạnh tranh trước ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc và các cường quốc khác.

Thứ ba, Tổng thống B. Obama cần thúc đẩy hình ảnh bản thân và thành quả chính trị. Về tình hình trong nước, Tổng thống B. Obama lên cầm quyền năm 2009 trong bối cảnh phải thừa hưởng di sản chiến tranh hết sức nặng nề của Tổng thống George Bush trong hai nhiệm kỳ trước đó. Các món nợ kinh tế cũng là gánh nặng cho Chính phủ Mỹ. Khủng hoảng kinh tế và mức tăng trưởng thấp đã khiến vị thế của Mỹ bị ảnh hưởng nghiêm trọng [262]. Nước Mỹ ngày càng khó gia tăng khoảng cách phát triển với Tây Âu. Bên cạnh tình hình trong nước thì hình ảnh và vị thế quốc tế của Mỹ cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hệ quả này xuất phát từ chính sách của Mỹ đối với khu vực Trung Đông. Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại hai chiến trường chính là Iraq và Afghanistan đã buộc Mỹ chi hàng tỷ đôla. Số lượng binh lính mất đi cũng lên đến con số hàng ngàn [293]. Đặc biệt là việc Nga sáp nhập bán đảo Crime năm 2014 cũng khiến Mỹ và các đồng minh suy giảm hình ảnh. Các biện pháp gây sức ép của Mỹ và phương Tây đối với Nga cũng không tạo được kết quả khả quan.

Tại châu Á - Thái Bình Dương, chính sách “xoay trục” (pivot) (2011) và sau điều chỉnh thành “tái cân bằng” (rebalancing) (2012) của Mỹ nhằm kiềm chế và ràng buộc Trung Quốc cũng không mang lại kết quả và triển vọng rõ rệt. Những nghi ngờ và tranh cãi về vai trò và địa vị của Mỹ cũng khiến Mỹ phải chịu nhiều thách thức. Tại châu Phi, sự lan tỏa ảnh hưởng của Trung Quốc đến khu vực cũng khiến Mỹ phải chịu nhiều thiệt hại. Phạm vi ảnh hưởng kinh tế của Mỹ bị rút ngắn trong khi đó với Trung Quốc là mở rộng. Điều này đã khiến Mỹ chịu nhiều tổn thương về kinh tế.

Những khó khăn mà Mỹ đối diện đã đặt ra trách nhiệm cho Tổng thống B. Obama là phải khôi phục lại hình ảnh của nước Mỹ và thúc đẩy lợi ích của Mỹ. Tổng thống B. Obama đứng trước nhiều thách thức. Trước tiên là phải xây dựng hình ảnh bản thân khác với người tiền nhiệm. Sau nữa là phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ để làm sao có thể khôi phục vị thế quốc gia trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn. Sau nhiệm kỳ đầu tiên, nhiều người dân Mỹ vẫn cho rằng Tổng thống B. Obama còn quá do dự trong nhiều vấn đề quốc tế và trên thực tế chưa tạo được những dấu ấn thật sự đặc biệt [256]. Trước những thách thức đó, việc nhanh chóng đi đến quyết định trong vấn đề Cuba sẽ giúp Tổng thống B. Obama giành được nhiều thiện cảm của công chúng Mỹ và Cuba. Bên cạnh đó, đây cũng có thể xem là bước ngoặt quan trọng ghi dấu ấn của Tổng thống B. Obama trong lĩnh vực đối ngoại. Ổn định khu vực Mỹ Latinh cũng giúp Mỹ tự tin và “rảnh tay” hơn trong các hoạt động đối nội và đối ngoại khác. Trước kỳ bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2016, bình thường hóa quan hệ với Cuba là sự điều chỉnh quan trọng và sẽ giúp Tổng thống B. Obama gặt hái được nhiều thành quả chính trị. Thành tựu này cũng không chỉ giúp ích cho hình ảnh của Tổng thống mà còn giúp Đảng Dân chủ giành được thiện cảm và sự ủng hộ của công chúng Mỹ trong cuộc bầu cử sắp đến.

Thứ tư, vai trò của các lực lượng chính trị trong và ngoài nước

Quá trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba là nhờ vào sự đóng góp của nhiều lực lượng chính trị khác nhau. Bắt đầu từ tháng 6/2013, các cuộc đàm

phán đã diễn ra với hàng loạt cuộc gặp gỡ. Sau 18 tháng đàm phán bí mật, hai nước đã thống nhất về quyết định bình thường hóa. Trước tiên là lời đề nghị đàm phán từ phía Mỹ (gửi đến chính quyền Cuba), 9 cuộc gặp gỡ tiếp theo đã được tổ chức tại Canada. Có thể nói, chính sách của Tổng thống B. Obama đạt được nhiều hiệu quả là nhờ vào việc triển khai từng bước và nhận được sự hỗ trợ bởi nhiều kênh chính trị. Trong đó, đóng vai trò then chốt là Cơ quan hoạch định và điều phối chính sách ngoại giao của Tổng thống Mỹ, Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ. Hai cơ quan chủ chốt này đã nhiều lần trưng cầu ý kiến về các đề xuất chính sách với tổ chức người Mỹ gốc Cuba như “Nguồn hy vọng”, “Cuba ngày nay” về “bất cứ hành động nào có thể làm tăng mức độ mở cửa ở Cuba”. Nhiều nhóm nghị sĩ Mỹ cũng tích cực tham gia vào quá trình bình thường hóa quan hệ hai nước. Tiêu biểu có thể kể đến là phái đoàn do bà Barbara Lee, Chủ tịch nhóm Nghị sĩ Quốc hội dẫn đầu đã lần đầu tiên tới Cuba và gặp gỡ Bộ trưởng Ngoại giao Cuba Bruno Rodriguez [253]. Đây là phái đoàn đến Cuba đầu tiên kể từ khi Tổng thống B. Obama nhậm chức.

Bên cạnh sự giúp đỡ và làm việc tích cực của các cơ quan đối ngoại và đối nội của Mỹ thì nước Mỹ còn được sự hỗ trợ của Chính phủ Canada, Tòa thánh Vatican để tiến hành đàm phán một cách mềm mỏng với Cuba. Đảm nhiệm vai trò trung gian, Canada và Tòa thánh Vatican đã phối hợp cùng tổ chức hàng loạt các cuộc đàm phán bí mật trong suốt hơn một năm [257]. Qua các cuộc đàm phán tích cực mà Canada và Vatican trở thành nhân tố chủ chốt giúp tiến trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba diễn ra tích cực.

Về phía Canada, với tư cách là một trong những quốc gia có quan hệ mật thiết với Mỹ, Thủ tướng Stephen Harper cũng nhiều lần bày tỏ sự ủng hộ đối với tương lai chính trị mới cho Cuba. Thủ tướng Canada đã tích cực ủng hộ về hậu cần cho đối thoại Mỹ - Cuba. Để thể hiện sự tin cậy đối với Canada, các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Cuba đã diễn ra trong nhiều tháng liền ở Canada [270]. Cuộc đối thoại trực tiếp đầu tiên giữa tại Canada diễn ra vào tháng 6/2013. Dẫn

đầu phái đoàn Mỹ là Ben Rhodes, phó Cố vấn an ninh quốc gia Mỹ, trợ lý thân cận của ông B. Obama, và Ricardo Zuniga, chuyên gia về Mỹ Latinh trong Hội đồng An ninh Quốc gia của Mỹ. Bên cạnh đó, Ngoại trưởng Mỹ John Kerry cũng đã có nhiều đóng góp cho quá trình bình thường hóa khi ông thường xuyên điện đàm với người đồng cấp Cuba là Bruno Rodriguez về vấn đề trao trả tù nhân Alan Gross. Cũng trong năm 2015, Ngoại trưởng John Kerry và người đồng cấp Bruno Rodriguez có cuộc hội đàm mang tính lịch sử tại thủ đô Panama [291]. Cuộc tiếp xúc cấp cao nhất của quan chức hai nước đã mở đường cho hàng loạt các hoạt động hợp tác, bao gồm ngoại giao nhân dân.

Về phía Vatican, Vatican đã phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với cả Mỹ và Cuba và tổ chức các cuộc gặp giữa giới chức hai quốc gia. Giáo hoàng Francis đã hỗ trợ Mỹ và Cuba tái thiết lập quan hệ ngoại giao sau nhiều năm căng thẳng trong quan hệ hai nước. Từ tháng 3/2012, Vatican đã xúc tiến những nỗ lực cụ thể để phối hợp tích cực trong việc gắn kết Mỹ và Cuba. Khi một nhóm nhà lập pháp Mỹ đến văn phòng Đại sứ Giáo hoàng ở Mỹ và tìm kiếm sự giúp đỡ thì Tòa thánh Vatican đã có nhiều động thái giúp đỡ [281]. Cụ thể là Tòa thánh Vatican đã bắt đầu tham gia vào quá trình đàm phán nhằm tiến đến bình thường hoá quan hệ giữa Mỹ và Cuba.

Đức Giáo hoàng Francis, vị Giáo hoàng đầu tiên của Mỹ Latinh, đã đóng vai trò quan trọng trong việc tái lập lại lịch sử giữa Mỹ và Cuba. Vào đầu mùa hè năm 2014, Giáo hoàng Francis đã gửi thư tới Tổng thống B. Obama và Chủ tịch Raúl Castro kêu gọi hai nhà lãnh đạo trao đổi tù nhân, giải quyết trường hợp của tù nhân Alan Gross và đề trên cơ sở đó thúc đẩy quan hệ song phương. Kenneth Hackett, đại sứ Mỹ tại Vatican khẳng định rằng Washington rất biết ơn “vai trò then chốt” của Vatican trong việc giúp đỡ hơn một năm đàm phán bí mật “kết thúc thành công” [284]. Năm 2014, sau khi nhận mạnh vai trò của Vatican trong việc thúc đẩy bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba, Tổng thống B. Obama đã bày tỏ sự cảm ơn đối với những đóng góp to lớn của Giáo hoàng

trong vai trò trung gian: “*Tôi muốn cảm ơn Đức Giáo hoàng Francis. Ngài là một tấm gương đạo đức, người đã chỉ ra cho chúng ta thấy về tầm quan trọng của việc hướng tới một thế giới mà chúng ta hằng mong ước, chứ không chỉ bằng lòng với thế giới hiện tại*” [272]. Cần lưu ý rằng cũng trong tháng 10/2014, hai đoàn đàm phán của Mỹ và Cuba đã gặp nhau tại Tòa thánh Vatican để thống nhất thỏa thuận trao đổi tù nhân. Trong đó, vai trò của người đứng đầu Giáo hội Công giáo La Mã là quá rõ ràng.

Cũng cần phải kể đến động thái của LHQ từ sau quyết định tái thiết lập quan hệ ngoại giao, mở đường cho việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba. Tổng Thư ký LHQ Ban Ki Moon cũng đã có nhiều lần gặp gỡ Chủ tịch Cuba Raúl Castro để thảo luận về việc bình thường hóa quan hệ giữa Havana và Washington. Ông Ban Ki Moon đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của Cuba trong việc tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc đàm phán hòa bình ở Colombia và những thành tựu đáng ghi nhận trong việc phát triển đất nước. Tổng thư ký LHQ Ban Ki Moon đã mô tả việc Mỹ và Cuba tiến một bước quan trọng trên con đường tiến tới bình thường hóa quan hệ có ý nghĩa vô cùng quan trọng và đồng thời tuyên bố LHQ sẵn sàng hỗ trợ hai nước phát triển những bước đi mới trong quan hệ sắp tới [295].

Thứ năm, quá trình chuyển giao quyền lực của Fidel Castro sang cho Raúl Castro và những chuyển biến bước đầu trong quá trình cải cách của Cuba đã có tác động không nhỏ đến lập trường của Mỹ. Xét trên phương diện cá nhân, lập trường của Raúl Castro có phần mềm dẻo hơn Fidel Castro. Về mặt lập trường chính trị, Raúl có quan điểm mà người Mỹ coi là “cứng rắn” như người anh Fidel. Tuy nhiên về mặt kinh tế, Raúl lại thể hiện sự mềm dẻo. Ông coi trọng vai trò quan trọng của kinh tế trong sự phát triển đất nước [107].

4.3.2. Tác động của việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba

Sự phức tạp quan hệ Mỹ - Cuba diễn ra nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, sự kiện Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro tuyên bố bình thường hóa quan hệ song phương vào ngày 17/12/2014 đã mở ra một trang mới trong

quan hệ hai nước. Hai quốc gia cách nhau 150km đã xích lại gần nhau và sự kiện này đã mở ra thời kỳ đối thoại, hợp tác hiệu quả và thực chất hơn so với giai đoạn trước đây. Các quy định nghiêm ngặt được thực thi cho đến khi Tổng thống B. Obama bắt đầu tiến tới bình thường hóa mối quan hệ có nhiều thăng trầm này. Vào ngày 20/7/2015, Mỹ và Cuba đã phục hồi quan hệ ngoại giao. Sự kiện này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kiều hối và du lịch, nhưng các hạn chế tài chính, kinh tế và thương mại vẫn còn duy trì.

4.3.2.1. Đối với Mỹ

Quan hệ Mỹ - Cuba đã đưa đến tác động tích cực lẫn tiêu cực đối với Mỹ, đặc biệt, việc tích cực hơn trong việc Mỹ - Cuba cải thiện quan hệ. Bình thường hoá quan hệ Mỹ - Cuba mang lại lợi ích cho cả hai bên.

- **Mặt tích cực:** Bước tiến này là phù hợp với xu thế của thời đại là hòa dịu và thúc đẩy hợp tác. Bên cạnh đó, trước việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao hai nước, người dân Mỹ và Cuba cũng như cộng đồng quốc tế phần đông đã hoan nghênh kết quả này. Do đó có thể xem trang sử mới trong quan hệ Mỹ - Cuba đã đáp ứng sự mong đợi của người dân hai nước, các quốc gia trong khu vực cũng như cộng đồng quốc tế. Đa số người dân Mỹ ủng hộ việc khôi phục quan hệ ngoại giao với Cuba vì tin rằng sự kiện trọng đại này sẽ hàn gắn những vết thương trong quá khứ cũng như mang đến những lợi ích lớn hơn cho Mỹ.

Thậm chí là, việc bình thường hóa quan hệ được tán thành và hoan nghênh ở cả Mỹ và Cuba. Một cuộc thăm dò nghiên cứu của “Pew Research Center” - được cho là “think-tank” lớn thứ 3 ở Mỹ, được tiến hành vào cuối năm 2016 cho thấy 75% người Mỹ đã chấp thuận quyết định của Tổng thống B. Obama về việc tiếp tục quan hệ ngoại giao [239]. Cuộc thăm dò ý kiến vào tháng 3/2016, được tiến hành qua điện thoại từ ngày 11 đến ngày 15/3/2016 gồm 1.022 người trưởng thành trên toàn quốc cho thấy rằng đa số người Mỹ ủng hộ chấm dứt lệnh cấm vận thương mại với Cuba [132], [245].

Những lợi ích mà nước Mỹ thu nhận được không chỉ có giá trị trên phương diện chính trị mà còn mang lại các lợi ích trong nhiều lĩnh vực khác. Trên cơ sở mối quan hệ mới này, Mỹ có thể phát triển quan hệ với Cuba trên các kênh khác như kinh tế, du lịch, giáo dục... Theo số liệu từ một tổ chức nghiên cứu thị trường Mỹ, việc số lượng người Mỹ đến thăm quốc đảo Caribe này tăng đều đặn thời gian qua đã khiến khoảng 10.000 việc làm trong ngành hàng không và tàu biển Mỹ phụ thuộc vào Cuba [233]. Hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Mỹ sang Cuba trở nên dễ dàng hơn và một số cảng biển và cơ sở hạ tầng của Cuba sẽ thu hút các công ty Mỹ tiến vào thị trường Cuba [234]. Đồng thời, sau sự dẫn dắt của Venezuela, một số các quốc gia đang áp dụng lập trường chống Mỹ, đặc biệt là dưới các tác động của chính sách cứng rắn từ nhiệm kỳ của chính quyền Bush. Tuy nhiên, chuyển biến đã thể hiện trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống B. Obama. Với sự kiện Mỹ và Cuba xích lại gần nhau, nhận thức và thái độ của các quốc gia trong khu vực đối với Mỹ dần được cải thiện hơn rất nhiều.

Bầu không khí mới đã xuất hiện sau những cải thiện trong quan hệ giữa Mỹ và Brazil. Vào tháng 6/2015, trong một chuyến viếng thăm đến Mỹ, Tổng thống Brazil Dilma Rousseff đã nhấn mạnh mong muốn làm sâu sắc thêm những mối hợp tác với Mỹ, Tổng thống Brazil D. Rousseff coi hành động tích cực của Tổng thống B. Obama đối với Cuba là *“một cử chỉ quan trọng, tác động của nó là rất lớn đối với các mối quan hệ với Mỹ Latinh”* [301]. Đây là cột mốc trong quan hệ giữa Mỹ với Cuba, đánh dấu bước tiến trong quan hệ giữa Mỹ với Mỹ Latinh, cũng như thực sự chấm dứt các di sản kéo dài của Chiến tranh Lạnh để giúp nâng cao mức độ quan hệ giữa Mỹ với toàn bộ khu vực. Sự tiến hóa trong quan hệ giữa Mỹ với Cuba cũng phản ánh chính sách cởi mở hơn của Mỹ đối với các chính phủ của khu vực Mỹ Latinh [258].

Ở một tầm nhìn chiến lược hơn, tác động của việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao lên Cuba là rất lớn và mang lại lợi ích lâu dài [142]. Những lợi ích không chỉ có thể thông qua các tác động thấy rõ mà còn thể hiện ở nhiều chiều.

Danh tiếng của Mỹ ở Tây bán cầu đã bị chính sách cấm vận Cuba cản trở trong gần như một thế hệ, nhưng với những hành động mang tính thiện chí và có tính xây dựng, Mỹ có thể giảm bớt gánh nặng tài chính từ chính sách lạc hậu này. Trong bối cảnh ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực Mỹ Latinh đang có nguy cơ giảm mạnh vì sự hiện diện của các tập đoàn Trung Quốc thì bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Cuba tạo điều kiện thuận lợi để Mỹ từng bước củng cố mối quan hệ với các quốc gia chủ chốt tại khu vực, bên cạnh đó là tạo dựng thế cân bằng ảnh hưởng kinh tế với Trung Quốc. Việc Mỹ sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Cuba giúp Mỹ tối đa hóa lợi ích kinh tế của Mỹ với các quốc gia Mỹ Latinh, trước tiên là với Cuba, quốc gia có vị trí địa chính trị quan trọng tại khu vực [182].

Về tác động lên quan hệ hai nước, bình thường hóa giúp rút ngắn các rào cản về ý thức hệ, qua đó, việc đi lại của người dân hai nước không còn gặp quá nhiều trở ngại như giai đoạn trước mà đã được nói lỏng đáng kể, tác động tích cực là các công ty lữ hành của Mỹ có thể mở văn phòng tại Cuba, các công ty viễn thông được mở dịch vụ chuyển vùng quốc tế, các ngân hàng được phép mở dịch vụ tín dụng và các hãng hàng không được mở các chuyến bay thương mại tại Cuba. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao cũng giúp mở ra các cơ hội hợp tác giữa hai nước trên hàng loạt các vấn đề quan trọng như dòng nhập cư, xuất khẩu nông nghiệp, chính sách môi trường, chất ma túy và buôn bán người. Trên thực tế, thành tựu này phản ánh rằng việc bình thường hóa xuất phát từ nhu cầu của cả hai phía, với những thỏa hiệp chung và thậm chí là nhượng bộ lẫn nhau.

Nhiều chuyên gia cũng nhận định rằng trong một số tình huống, quyết định liên quan đến chính sách đối ngoại của Tổng thống B. Obama đã bị chỉ trích nặng nề vì những giá trị chiến lược và thiếu sự mạch lạc, nhưng trong trường hợp của Cuba, quyết định của Tổng thống B. Obama phản ánh rõ nét chủ nghĩa hiện thực (realism). Bởi lẽ, lệnh cấm vận chống lại Cuba sẽ mang lại rất ít kết quả và có thể sẽ phản tác dụng trong việc đạt được một Chính phủ công bằng và dân chủ hơn ở quốc đảo này. Dan Glickman, phó Chủ tịch và giám đốc điều hành của Viện Aspen, cựu Bộ trưởng Nông nghiệp và Dân biểu Mỹ nhận định

rằng hầu như tất cả các quốc gia cộng sản trước đây đã xa rời chính sách kinh tế cộng sản do khuyến khích sự tham gia của thị trường tự do. Điều này cũng thường dẫn đến các xã hội dân chủ hóa và tự do hơn trên toàn thế giới. Áp dụng biện pháp trừng phạt có thể hữu ích trong một số trường hợp, như vấn đề chủ nghĩa Apartheid ở Nam Phi, và gần đây là đưa Iran đến bàn đàm phán hạt nhân. Nhưng ở Cuba, cấm vận đã ngăn cản người dân Cuba nhìn thấy và hiểu được lợi ích của các chính sách kinh tế tự do hóa và xã hội tự do [251]. Do đó, tiếp cận cởi mở với Cuba lựa chọn rất tốt để đưa hai nước xích lại gần nhau.

Mặc dù vẫn có nhiều vấn đề còn lại giữa Mỹ và Cuba mà hai nước phải chung tay giải quyết nhưng việc thay đổi khung chính sách của Mỹ từ quốc gia duy trì sự thù địch và mong muốn thay đổi chế độ Cuba thì sự kiện bình thường hóa giúp nước Mỹ thoát ra khỏi những “xiềng xích của quá khứ” để phát triển chính sách đối ngoại cởi mở hơn với khu vực Mỹ Latinh.

Mặt tiêu cực: Những chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Cuba, nhất là sự kiện bình thường hóa quan hệ gây ra nhiều tranh cãi trong bản thân nước Mỹ [142]. Nhiều người cho rằng ông B. Obama đã có những nhượng bộ hết sức cơ bản đối với Cuba và các quốc gia cánh tả ở Nam Mỹ. Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Cuba bị xem là một bước lùi trong chính sách ngoại giao thực dụng truyền thống của nước Mỹ [134].

Trong bối cảnh phe Cộng hòa chiếm đa số trong Quốc hội Mỹ, nhất là từ khi Donald Trump lên cầm quyền vào đầu năm 2017, quan hệ hai nước diễn tiến với nhiều phức tạp mặc dù đã được tạo tiền đề từ thời Tổng thống B. Obama. Chẳng hạn, trong chuyến thăm Miami vào tháng 6/2017, Tổng thống D. Trump thông báo rằng ông sẽ không phá vỡ quan hệ ngoại giao với Cuba, nhưng sẽ khôi phục một số hạn chế về du lịch và thương mại đã được chính quyền B. Obama nói lỏng.

4.3.2.2. Đối với Cuba

Tác động chính của những thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Cuba là tăng cường sự tiếp xúc chính thức giữa Chính phủ Mỹ và Chính phủ Cuba ở

mọi cấp, từ chuyến thăm Cuba của Tổng thống Mỹ tới một số cuộc gặp gỡ của các nghị sĩ Mỹ tại Cuba đã mang lại một tín hiệu dẫn tới bình thường hóa quan hệ song phương và việc bãi bỏ cấm vận của Mỹ đối với Cuba sẽ có lợi cho cả hai nước. Một số thỏa thuận đã được ký kết góp phần tạo nên sự thay đổi lớn trong quan hệ hai nước, đặc biệt khi các đại sứ quán Mỹ và Cuba được mở lại ở hai thủ đô.

Một cuộc thăm dò từ một năm trước đó cho thấy 97% người Cuba nghĩ rằng việc bình thường hóa quan hệ là một điều tích cực cho hòn đảo này [265]. Việc bình thường hóa tạo nên chuyển biến tích cực trong đời sống chính trị - xã hội của quốc gia này. Trước tiên và cũng là đáng kể nhất chính là việc nới lỏng hạn chế về đi lại và thương mại giúp thúc đẩy các hoạt động thương mại và đầu tư, đây cũng chính là xương sống cho sự phát triển của Cuba trong thế kỷ XXI khi mà kinh tế giữ vai trò hết sức quan trọng vực dậy nền kinh tế quốc đảo Caribe vốn đã có nhiều hạn chế trong thời gian qua. Khi Cuba tái hòa nhập vào nền kinh tế thế giới, Mỹ sẽ là quốc gia đóng góp nhiều khía cạnh tích cực về du lịch, thương mại và đầu tư. Mặt khác, Chủ tịch Raúl Castro mong muốn bình thường hóa quan hệ với Mỹ sẽ giúp Cuba có thể tập trung vào việc cải cách nền kinh tế ở quốc đảo này [313].

Cuba nhận thức rằng khả năng bảo vệ thành quả xã hội của cuộc cách mạng nước này phụ thuộc vào việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Trong đó, tiến trình cải cách, hiện đại hoá nền kinh tế và thúc đẩy hội nhập của Cuba cần có sự hỗ trợ của về nguồn vốn, công nghệ, nhân lực từ bên ngoài mà Mỹ là một trong những quốc gia có tiềm lực mạnh nhất, lại gần gũi về mặt địa lý. Những doanh nghiệp gia đình, người nông dân, thế hệ trẻ và các chuyên gia trong lĩnh vực phần mềm, công nghệ sinh học của Cuba cũng đã sẵn sàng để gặt hái thành quả từ những thay đổi này [234].

Về cơ bản, Cuba có nhiều lợi ích từ việc bắt đầu một quá trình phát triển quan hệ với Mỹ, đặc biệt là tại một thời điểm khi đối tác khu vực của nó, Venezuela, phải đối mặt với sự bất ổn nghiêm trọng. Cuba lo sợ rằng nền kinh tế

Venezuela đang suy giảm sẽ hạn chế một trong những nguồn tài chính và các chuyến hàng xăng dầu giá rẻ của quốc đảo trong khi đang cố gắng chuyển sang hình thức lãnh đạo và mô hình kinh tế mới. Tuy nhiên, việc kết thúc chính thức lệnh cấm vận kinh tế Cuba còn là một chặng đường dài ở phía trước. Đạo luật Đoàn kết Dân chủ và Tự do Cuba của Mỹ năm 1996 đòi hỏi những tiến bộ rõ rệt đối với các nhượng bộ của Cuba như tự do hóa hoạt động chính trị, tổ chức bầu cử tự do và giải thể các cơ quan an ninh quốc gia [267]. Bất kể những khó khăn vẫn còn rất nhiều, sự phát triển trong quan hệ hai nước báo hiệu bước đầu tiên trong một quá trình hòa giải lâu dài. Trong khi các chi tiết về việc tái tổ chức mối quan hệ theo một đường hướng thống nhất vẫn chưa được củng cố, sự chuyển hướng của Mỹ đặt ra một mục tiêu rõ ràng cho các mối quan hệ giữa Mỹ với Cuba, một quan điểm có thể có ý nghĩa rộng lớn hơn trong khu vực [303].

Một tác động rất quan trọng từ những thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Cuba là tăng cường sự tiếp xúc chính thức giữa Mỹ và Chính phủ Cuba ở mọi cấp, từ chuyến thăm Cuba của Tổng thống B. Obama cho đến hàng loạt các liên hệ cấp thấp hơn nhưng vẫn có ý nghĩa đại diện cho cả hai Chính phủ. Một số thỏa thuận đã được ký kết để tiến hành và thêm vào đó là các hoạt động nghiên cứu khoa học, ví dụ, là nhiều vấn đề định hướng về chính sách như buôn bán ma túy, di cư không có giấy tờ... Ngoài ra, đã có một số tác động đến thương mại, giao lưu và du lịch. Một số lĩnh vực khác vẫn chưa tạo ra các kết quả đáng kể. Ví dụ, đã có một đề nghị xây dựng máy kéo ở Cuba bởi một doanh nhân người Do Thái gốc Cuba, nhưng đáng tiếc là đã không được chấp thuận. Đây là lần đầu tiên có sự hiện diện của các hoạt động đầu tư trực tiếp vào Cuba trong nhiều thập kỷ qua [298]. Vì vậy, có thể khẳng định rằng bên cạnh một số thành tựu đáng kể thì cũng còn hạn chế trong quan hệ hai nước mặc dù quan hệ Mỹ - Cuba đã được bình thường hóa về ngoại giao.

Sau sự kiện bình thường hóa quan hệ, nhiều công ty nước ngoài, đặc biệt là các công ty từ Mỹ, đã đánh giá đầy đủ hơn về tiềm năng của thị trường thương mại và đầu tư tại Cuba, trên cơ sở những đánh giá tích cực nhằm đẩy mạnh việc

đầu tư vào Cuba - một quốc gia còn nhiều tiềm năng nhưng vẫn chưa được đánh giá đúng mức. Trước việc các công ty Mỹ rút vốn vào đầu tư các hạng mục công trình tại Cuba, quốc gia này đã có thể hòa vào làn sóng thương mại toàn cầu, vốn trước đây đã được thúc đẩy bởi toàn cầu hóa, để có thể thu hút thêm nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đặc biệt là các quốc gia phát triển để thúc đẩy nền kinh tế - vốn gặp nhiều khó khăn do lệnh cấm vận của Mỹ.

Bên cạnh đó, du lịch cũng là nội dung được hưởng lợi từ sự phát triển của quan hệ hai nước. Cuba trở thành điểm đến ngày càng ưu thích của khách du lịch, đặc biệt là nhiều người dân mong muốn tìm hiểu thêm về quốc gia có truyền thống lịch sử và văn hóa phong phú mà trước đó họ chưa có dịp ghé thăm vì chịu tác động bởi các vấn đề chính trị, đặc biệt là quan điểm và góc nhìn của Mỹ. Chỉ tính riêng trong năm 2015, có 91.254 người Mỹ tới Cuba, trong khi đó lượng người Mỹ tới Cuba trong 10 tháng đầu năm 2016 cũng tăng 68% lên 208.000 người [235]. Đây là sự gia tăng tích cực, góp phần quan trọng vào thúc đẩy quan hệ song phương.

Đầu năm 2017, Tổng thống B. Obama đã tuyên bố chấm dứt chế độ ưu đãi nhập cư “chân ướt, chân ráo” (wet foot, dry foot) dành cho người dân Cuba, vốn được ban hành vào năm 1995 dưới thời Tổng thống B. Clinton [238], đánh dấu việc mọi công dân Cuba nhập cư bất hợp pháp đến Mỹ có thể bị trục xuất như người những ở các quốc gia khác. Sự chuyển biến này đã tạo điều kiện để Chính phủ hai nước đồng thuận để bình thường hóa quan hệ về di trú. Đây cũng là bước tiến quan trọng, thể hiện việc Mỹ muốn làm sâu sắc những thành quả đã đạt được trên phương diện ngoại giao.

Về phía Cuba, hỗ trợ cho sự hợp tác liên tục đã được chứng minh qua các quan sát ngày càng thể hiện mạnh mẽ. Vào năm 2017, chính quyền Cuba đã phối hợp thực hiện một loạt các cuộc phỏng vấn với báo chí Mỹ về hợp tác chống thuốc phiện. Các quan chức từ Bộ Nội vụ Cuba, vốn hiếm khi nói chuyện với báo chí nước ngoài, đã bàn về giá trị của hợp tác liên quan đến an ninh trong quan hệ hai nước. Bài phát biểu của Tổng thống D. Trump, được phát hành vào

tháng 6/2017, đã gửi một thông điệp về mối quan hệ Mỹ - Cuba với nhấn mạnh vào vấn đề nhân quyền, nhưng không có bất kỳ tác động trực tiếp nào đến hợp tác an ninh. Đáng chú ý, không có sự đề cập đến hạn chế sự hợp tác hiện có, hoặc ngăn cản các cơ quan tiếp tục đối thoại kỹ thuật.

Tóm lại, quan hệ Mỹ - Cuba cải thiện sẽ giúp cho quốc đảo này cải cách kinh tế vốn đang gặp khó khăn, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng mà Cuba có thế mạnh: xì gà, rượu rum, công nghệ sinh học và phát triển du lịch. Đồng thời, có thể tiếp nhận các nhà đầu tư quốc tế trong đó có Mỹ đến khai thác tiềm năng dầu khí. Nguồn ngoại tệ và kiều hối của cộng đồng Cuba tại Mỹ sẽ được chuyển về không hạn chế. Tuyên bố chung Mỹ - Cuba có ảnh hưởng lớn tới đất nước Cuba bởi nếu quan hệ giữa hai nước được cải thiện sẽ tạo cơ hội giúp cho người dân, doanh nghiệp và lãnh đạo hai nước có cơ hội đẩy mạnh hợp tác, xóa bỏ những tàn dư, hận thù đã tồn tại trong suốt hơn nửa thế kỷ qua.

4.3.2.3. Đối với khu vực và thế giới

Bình thường hóa quan hệ với Mỹ cũng tạo ra một môi trường hòa bình, ổn định của *khu vực châu Mỹ*. Sau khi quan hệ Mỹ và Cuba “tan băng”, đi đến thiết lập mối quan hệ song phương, hy vọng sẽ chấm dứt hoặc làm dịu đi sự đối đầu về hệ tư tưởng, sự chia rẽ giữa các nước Mỹ Latinh trong nhiều thập niên qua. Thúc đẩy hòa giải mối quan hệ Mỹ - Cuba là yêu cầu bức thiết của cộng đồng thế giới nói chung, nhân dân khu vực Tây Bán cầu nói riêng là phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, nhân dân Mỹ và Cuba. Quyết tâm chính trị giữa Chính phủ hai nước sẽ thúc đẩy hai nước nâng cao hơn nữa vị thế tại khu vực như là những quốc gia có trách nhiệm với tiến trình hội nhập và phát triển tại châu Mỹ.

Đối với thế giới: Sự kiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba đánh dấu một bước tiến mạnh mẽ hơn của các xu thế hòa bình, tiến bộ trên thế giới và bên cạnh đó là đáp ứng những mong mỏi của người dân hai nước cũng như cộng đồng quốc tế [130]. Chỉ riêng trong năm 2016, Đại hội đồng LHQ đã thông qua một nghị quyết lên án lệnh cấm vận của Mỹ trong năm thứ 25 liên tiếp, cáo buộc Mỹ gây ra hơn 1,126 nghìn tỷ USD thiệt hại do hậu quả của hơn

50 năm xử phạt thương mại, với 191 quốc gia thành viên ủng hộ nghị quyết [290]. Đại đa số các nước cho rằng, Mỹ và Cuba đã hòa vào sự vận động của quan hệ quốc tế trong thế kỷ XXI, đặc biệt là những đổi thay trong môi trường quốc tế và khu vực, xu hướng nổi trội là hòa bình, hợp tác và đối thoại trở thành kênh hiệu quả để giải quyết các mâu thuẫn và bất đồng. Mỹ và Cuba cải thiện quan hệ sau hơn nửa thế kỷ mà Mỹ đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với Cuba đã chứng minh rằng hai quốc gia đã có nhiều bất đồng nhưng vẫn có thể từng bước phát triển quan hệ và đưa quan hệ hai nước lên một tầm cao ý nghĩa hơn. Nhờ vào bước tiến này mà quan hệ Mỹ - Cuba trở thành điểm nhấn trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI và đánh dấu những bước tiến hết sức quan trọng trong việc bình thường hóa quan hệ giữa các quốc gia vốn tồn tại nhiều bất đồng, mâu thuẫn, đặc biệt là những vấn đề về ý thức hệ.

Vào tháng 4/2015, tại Hội nghị Thượng đỉnh các Quốc gia Châu Mỹ tại Panama, Chủ tịch Cuba Raúl Castro và Tổng thống Mỹ B. Obama đều được tôn vinh vì lòng can đảm của họ trong việc cố gắng vượt qua hơn nửa thế kỷ thù địch, để tiến hành bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Theo đó, các nhà lãnh đạo của khu vực đã đánh giá cao ảnh hưởng của Mỹ ở Mỹ Latinh, cũng như bày tỏ niềm tin về một tương lai hai nước hợp tác sâu sắc và bền bỉ hơn [271].

Với một ý nghĩa nhất định, sự kiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba cũng tạo nên những tiền đề và kênh tham chiếu hữu ích để Mỹ có những bước tiến giúp thúc đẩy mối quan hệ liên Triều giữa Hàn Quốc và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Sự kiện Hàn Quốc và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, dưới sự hậu thuẫn và hỗ trợ của Mỹ, đã có những nỗ lực để làm giảm nhiệt những căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên vào năm 2018 là một minh chứng rất quan trọng cho thấy ngoại giao trở thành một kênh tham chiếu hữu ích để phát triển các quan hệ về kinh tế và xã hội. Trong đó, những kinh nghiệm từ việc Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Cuba ít nhiều đã mang lại những gợi ý và những đường hướng về việc hòa giải mối quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới.

KẾT LUẬN

1. Quan hệ Mỹ - Cuba đã có lịch sử lâu đời và quá trình phát triển của nó đã trải qua không ít thăng trầm theo thời gian. Trong lịch sử hiện đại, chưa có mối quan hệ nào diễn tiến căng thẳng, phức tạp và khó khăn như mối quan hệ Mỹ - Cuba. Điều này do sự chi phối của các nhân tố quốc tế, khu vực và của từng nước thời kì sau Chiến tranh Lạnh. Do đó có thể nói rằng, mối quan hệ giữa hai nước Mỹ và Cuba là khá đặc biệt.

Kể từ khi Fidel Castro lên nắm quyền, mối quan hệ hai nước trở nên căng thẳng hơn. Mỹ xem hành vi của Cuba và sự liên kết của nước này với Liên Xô được đặc trưng bởi hành động chống lại Mỹ. Điều này có thể được minh họa bằng việc Cuba quốc hữu hoá các công ty của Mỹ và các hoạt động của họ ở khu vực Trung Mỹ và châu Phi về việc hỗ trợ các nhóm cánh tả hoặc cộng sản. Mỹ đã áp đặt lệnh cấm vận đầy đủ sau khi Fidel Castro tuyên bố Cuba đi theo con đường XHCN. Sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, giới lãnh đạo Mỹ (G. Bush, B. Clinton) vẫn tiếp tục thi hành và tăng cường lệnh cấm vận được bởi các Đạo luật Dân chủ Cuba và Đạo luật Helms - Burton, làm cho Cuba liên tục đối mặt với những khó khăn về chính trị và kinh tế. Mặt khác, cũng phải thấy rằng, một số động thái nới lỏng lệnh cấm vận cũng có xuất hiện như Đạo luật Cải cách và Cạnh tranh Thương mại cho phép vận chuyển thực phẩm và thuốc men đến Cuba...

Tiến trình tiến tới thiết lập và bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba dưới thời Tổng thống B. Obama là một bước ngoặt lớn trong quan hệ giữa hai nước. Tình hình khu vực và quốc tế thay đổi tác động mạnh đến mối quan hệ Mỹ - Cuba sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh, nhất là những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ Mỹ - Cuba cũng có những chuyển biến tích cực.

Năm 2008, mối quan hệ hai nước bắt đầu có sự thay đổi đáng mừng khi cả hai đều có người lãnh đạo mới, khi Barack Obama nhậm chức Tổng thống

thứ 44 của Nhà Trắng (01/2009) và Raúl Castro chính thức trở thành Chủ tịch Cuba thay cho Lãnh tụ Fidel Castro (2/2008). Các sự kiện đã diễn ra nhanh chóng kể từ khi Tổng thống B. Obama và Chủ tịch Raúl Castro thông báo thỏa thuận của họ về bình thường hoá các mối quan hệ vào ngày 17/12/2014, đây là hành động thể hiện một cách nhanh chóng khi so sánh với mức độ tiến bộ đã đạt được trong suốt 54 năm qua.

Mỹ và Cuba đã thiết lập lại đại sứ quán ở cả hai nước và Mỹ đã đưa Cuba ra khỏi danh sách các nhà tài trợ cho khủng bố. B. Obama là tổng thống Mỹ đầu tiên thăm Cuba trong vòng 88 năm qua vào ngày 20/3/2016.

2. Quan hệ Mỹ - Cuba sau năm 1991 nổi bật lên hai vấn đề chủ yếu là cấm vận và xúc tiến dân chủ đối với Cuba. Với Đạo luật Dân chủ Cuba (CDA) (1992) và Đạo luật Helms - Burton (1996), chiến lược của Mỹ đối với Cuba đã có một sự tăng cường đáng kể trong chính sách cấm vận của nước này đối với Cuba. Mục tiêu chủ yếu của cấm vận có sự thay đổi: từ việc giải quyết yêu sách về thu hồi của các doanh nghiệp và cá nhân của Mỹ vào đầu những năm 60 của thế kỷ XX, để gây bất ổn (thập niên 1960) sang phá vỡ sự viện trợ quân sự ở châu Phi và những nơi khác của Cuba (thập niên 1970, 1980), đến nỗ lực đưa nền dân chủ và tự do ở Cuba và khôi phục quyền sở hữu (đầu thập niên 1990). Trong những năm 90 của thế kỷ XX, vấn đề thúc đẩy dân chủ và tôn trọng nhân quyền đã trở thành trọng tâm trong việc củng cố lệnh cấm vận của Mỹ cho thấy sự nhất quán trong chính sách cấm vận của Mỹ [268, pp.53-54].

3. Trên bình diện quan hệ quốc tế, các lợi ích về chính trị - ngoại giao và chính trị đã xác định, chi phối mối quan hệ Cuba - Mỹ từ lịch sử đến hiện đại. Sự khẳng định này đã đóng vai trò chủ đạo hàng đầu trong tổng quan lịch sử quan hệ Mỹ và Cuba. Nhận thấy sự gần gũi về địa lý của hai quốc gia, Cuba rất quan trọng đối với các lợi ích về kinh tế và ngoại giao của Mỹ. Theo chúng tôi, những thay đổi của bối cảnh đã ảnh hưởng và thay đổi ba lợi ích chính của Mỹ là lợi ích về kinh tế, ngoại giao và lợi ích chính trị trong nước, vốn luôn có ý

nghĩa quyết định trong chính sách của Mỹ đối với Cuba. Những thay đổi sau đây đã dẫn đến sự tan băng mối quan hệ Cuba - Mỹ: *Thứ nhất*, lợi ích chính trị trong nội bộ nước Mỹ đã thay đổi so với trước. Vị thế của cộng đồng người Mỹ gốc Cuba chống Fidel Castro do một số nhân vật nổi tiếng dẫn đầu đối với nền chính trị Mỹ thời kỳ này đã sụt giảm, ảnh hưởng tích cực đến chính sách của Mỹ đối với Cuba. Sự suy giảm giá trị của cộng đồng này trong cuộc bỏ phiếu ở bang Florida do dòng chảy người nhập cư Cuba mới vào Mỹ bị hòa tan bởi dòng người nhập cư ồ ạt ở các nước Mỹ Latinh khác làm cho chủ nghĩa chống Castroism trong cộng đồng Cuba phai nhạt. *Thứ hai*, với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, các mối quan tâm của Mỹ ở Cuba đã thay đổi. Lợi ích an ninh đã chuyển đổi và tầm quan trọng của nó đã giảm. Các lợi ích thương mại ngày càng trở nên quan trọng trong quan hệ giữa Cuba và Mỹ. *Thứ ba*, mối quan hệ với Mỹ Latinh, trong đó Cuba đóng một vai trò quan trọng, đã thay đổi rất nhiều kể từ cuối thế kỷ XX. Sự thay đổi trong mối quan hệ này là do sự phát triển kinh tế của Mỹ Latinh, sự tham gia của các đối tác thương mại mới như Trung Quốc, Nga và Iran. Động thái độc lập của Mỹ Latinh này là mối đe dọa đối với an ninh và lợi ích kinh tế của Mỹ. Hơn nữa, cuộc khủng hoảng nhập cư mà Mỹ đang gặp phải là cần có sự hợp tác với Mỹ Latinh. Để giải quyết những mối quan tâm này, việc chấp nhận Cuba là một trong những điểm mâu thuẫn chính giữa hai bên, dẫn đến bất hợp pháp trong hợp tác. *Thứ tư*, thay đổi sẽ không thể thực hiện được nếu Cuba không mở cửa. Việc Raúl Castro thay thế Fidel Castro cùng những thay đổi kinh tế và chính trị đã diễn ra ở Cuba là những yếu tố đóng vai trò lớn trong việc thay đổi chính sách của Mỹ. Điều này cho thấy: những lợi ích của Mỹ một lần nữa sẽ là điều kiện tiên quyết trong mối quan hệ Cuba - Mỹ, giống như họ đã làm trong thế kỷ XX.

4. Quan hệ Mỹ - Cuba còn nhiều vấn đề tồn đọng và phức tạp. Con đường tiến tới bình thường hóa quan hệ trong tương lai giữa Mỹ và Cuba gặp không ít trở ngại và khó đoán định. Chính vì mối quan hệ Mỹ - Cuba là đặc biệt, mặc dù

Tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao đã chính thức mở ra một chương mới trong lịch sử mối quan hệ giữa hai nước. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà con đường bình thường hóa đã “thuận buồm xuôi gió” khi mà còn quá nhiều rào cản đang ngăn cách tiến trình này như các vấn đề về cấm vận, trừng phạt của Mỹ; quan điểm của Mỹ đối với Cuba về vai trò trong các tổ chức tài chính quốc tế; vấn đề con người/nhân quyền; giải quyết các yêu sách về tài sản ở Cuba; vấn đề du lịch; chính sách nhập cư; các tác động của bình thường hóa với Cuba đối với thế giới và khu vực; ... Khi những bất đồng giữa Tổng thống và Quốc hội trong các vấn đề liên quan; sự phản đối của cử tri bang Florida, nơi có rất đông người Mỹ gốc Cuba luôn muốn tìm cách ngăn cản quyết định này; những khác biệt về ý thức hệ, mục tiêu thay đổi thể chế chính trị Cuba của Mỹ... Tất cả đều vẫn đang là những câu hỏi được bỏ ngỏ, chưa lời giải đáp.

Xem xét dưới góc độ địa - chính trị, việc bình thường hóa quan hệ giữa hai bên còn tồn tại nhiều vấn đề, khó có thể hóa giải trong một sớm, một chiều. Vì ngoài mặt tích cực, sẽ có những toan tính về các phương diện địa - chính trị, kinh tế thương mại và tranh giành ảnh hưởng đối với khu vực và quốc tế; trong đó, vấn đề địa - chính trị luôn là mục tiêu hàng đầu. Thông qua bình thường hóa quan hệ, Washington muốn không chế, lôi kéo Cuba đi theo quỹ đạo của Mỹ, Mỹ cũng có thể lấy lại ảnh hưởng và uy tín đã bị suy giảm đáng kể ở khu vực, Mỹ còn tranh giành ảnh hưởng với các nước, nhất là với Nga và Trung Quốc, đồng thời làm dịu mối bất hòa với các đồng minh. Thực tiễn quan hệ quốc tế cho thấy, các nước có quan hệ ngoại giao bình thường nhưng giữa họ vẫn tồn tại mâu thuẫn mang tính kết cấu, thậm chí xung đột không phải là ít. Đặc biệt đến nhiệm kỳ của Tổng thống D. Trump (nổi tiếng vì những lợi ích thương mại của mình) từ đầu năm 2017 đến nay sẽ phải đối phó với một số khó khăn: bình thường hóa quan hệ với Cuba với một chính sách cấm vận không hiệu quả trong khi Quốc hội ngăn chặn mọi nỗ lực để dỡ bỏ lệnh cấm vận này. D. Trump đối phó với Cuba như thế nào? Khi D. Trump không ủng hộ chính quyền B. Obama trong nỗ

lực của họ để bình thường hóa các mối quan hệ. Do đó, triển vọng quan hệ Mỹ - Cuba còn rất khó khăn.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều chông gai phía trước, song bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba về toàn cục là có lợi cho cả hai bên, khu vực và thế giới, đòi hỏi hai nước không chỉ dừng cảm xóa bỏ oán thù trong quá khứ, mà còn phải mở rộng tấm lòng trên tinh thần bình đẳng cùng có lợi để tích lũy niềm tin và hướng tới tương lai tốt đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Abraham F.Lowenthal (1996), “Mỹ Latinh những năm 90 - vấn đề và triển vọng”, *Châu Mỹ ngày nay*, số 2, tr. 40.
2. Admi Valhuerdi Cepero (2013), “Đại hội VI Đảng Cộng sản Cuba và công cuộc cập nhật hóa mô hình kinh tế Cuba”, *Tạp chí Lí luận chính trị* số 1, tr. 103-108
3. Mai Hoài Anh (2001), “Những nét cơ bản trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Bush”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 4.
4. Lê Lan Anh (2009), “Quan điểm của Cuba về việc Tổ chức các quốc gia châu Mỹ bãi bỏ nghị quyết cắt đứt quan hệ với Cuba”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 7.
5. Nguyễn Ngọc Ánh (2015), “Mỹ - Cuba: Triển vọng bình thường hóa quan hệ”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng*, số 30, tr. 30-36.
6. Lê Hải Bình (2009), “Quan hệ Mỹ - Mỹ Latinh dưới thời B. Obama: Những bước đi ban đầu”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 9, tr. 46-51.
7. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2002), “Vai trò của các cơ quan tham mưu trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ”, *Tạp chí điện tử*, số 3.
8. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2003), *Chủ nghĩa quốc tế*, Chương trình nghị sự chính sách đối ngoại Mỹ, *Tạp chí Điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, T. 8, số 1.
9. Jetleson Bruce W. (2004), *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ - động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*, Nxb CTQG, Hà Nội.
10. Castro Ruz Fidel (1978), *Cuba trên con đường đi lên CNXH*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
11. Castro Fidel & Ignacio Ramonet (2008), *Một trăm giờ với F.Castro*, Hồi ký qua lời kể, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
12. Phí Như Chanh (1995), “Cuba trên con đường phát triển”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, tháng 1, tr.18-20.
13. Hồ Châu (2002), “Mỹ điều chỉnh chính sách đối với Mỹ Latinh”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 4, tr 45-47.
14. Degregorio W.A, (1998), *42 đời Tổng thống Hoa Kỳ*, Nxb CTQG, Hà Nội.
15. Demosfenovich B.A và Viktorovich A.V (2015), *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Nxb CTQG, Hà Nội.

16. Nguyễn Thùy Dương (tổng hợp, 2011), “Vấn đề cải cách kinh tế ở Cuba”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 05, tr. 64-66.
17. Nguyễn Thùy Dương (2014), “Quan hệ giữa Mỹ và Cuba”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 11, tr. 44-50.
18. Nguyễn Thùy Dương (2016), “*Triển vọng sau bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba*”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay* số tháng 3.
19. Escalante, Fabían (2004), *Fidel - Cuộc đời đầu 10 đời Tổng thống Mỹ và những âm mưu ám sát của CIA*, Nxb Trẻ, Tp.Hồ Chí Minh.
20. Hoàng Hà (2013), “Cuba: Cập nhật hóa mô hình phát triển kinh tế - xã hội trên con đường đi lên CNXH”, *Tạp chí Cộng sản* số 843, tr.107-111
21. Đỗ Sơn Hải (2015), “Dấu ấn cá nhân trong bước ngoặt của quan hệ Cuba - Mỹ”, *Tạp chí Hồ sơ sự kiện*, số 295, tr. 39-40.
22. Lê Thị Thu Hằng (2012), “Chính sách đối ngoại của Mỹ với Mỹ Latinh dưới chính quyền B. Obama”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 1, tr. 18-29.
23. Vũ Văn Hòa (2002), “Chính sách đối ngoại cứng rắn của Chính phủ Bush và những hệ lụy”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 3, tr.32 - 39.
24. Nguyễn Anh Hùng (2010), “Chính sách đối ngoại của Mỹ hiện nay”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, Số 1, tr.37 - 44.
25. Nguyễn Anh Hùng (2015), “Những nhân tố tác động tới vai trò và quyền lực của Tổng thống Mỹ”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, số tháng 1, tr.33-41.
26. Hà Mỹ Hương (2002), “Chiến lược toàn cầu của Mỹ từ Bush (cha) đến B. Clinton”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 4.
27. Nguyễn Thái Yên Hương (cb, 2003), *Vấn đề trừng phạt kinh tế trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ*, Nxb CTQG, Hà Nội.
28. Nguyễn Thái Yên Hương (2007), “Chính sách đối ngoại Mỹ trong những năm cuối nhiệm kỳ của Tổng thống G.W.Bush”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 2, tr.21-33.
29. Nguyễn Thái Yên Hương (2008), “Mỹ và các vấn đề toàn cầu thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 1.
30. Nguyễn Thái Yên Hương (2005), *Can thiệp nhân đạo trong chính sách đối ngoại của Mỹ*, Nxb Thế giới.
31. Nguyễn Thái Yên Hương, Tạ Minh Tuấn (Đồng cb, 2011), *Các vấn đề nghiên cứu về Hoa Kỳ*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

32. Trần Thị Lan Hương (2012), “Vai trò hiện nay của Mỹ ở khu vực Mỹ Latinh”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 6, tr. 33-44.
33. Trần Bá Khoa (2001), “Chiến lược an ninh Quốc gia Mỹ cho thế kỷ XXI”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, Số 4, tr.51 - 55.
34. Tăng Văn Khuy (2001), “Chính sách của Mỹ đối với Cuba trong thế kỷ XXI”, *Kiến thức Quốc phòng*, số 6, tr. 22-25.
35. Lê Linh Lan (cb, 2004), *Về chiến lược an ninh của Mỹ hiện nay*, Nxb CTQG, Hà Nội.
36. Nguyễn Văn Lan (2006), “Chiến lược toàn cầu mới của Mỹ và tác động của nó đối với tình hình thế giới”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 2, tr. 22 - 34.
37. Cù Chí Lợi (2013), “Điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ dưới thời tổng thống B. Obama”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 10, tr. 3-12.
38. Nguyễn Ngọc Long (chủ nhiệm, 2006), *Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước.
39. Thái Văn Long (2009), “Quan hệ của Cuba với lực lượng cánh tả ở Mỹ Latinh hiện nay”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 2.
40. Lê Thế Mẫu (2015), “Bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba nhìn từ góc độ địa chính trị”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 8, tr 49-51.
41. Vũ Quang Minh (cb, 2008), *Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong quan hệ quốc tế*, Nxb CTQG, Hà Nội.
42. Trương Tiểu Minh (2002), *Chiến tranh Lạnh và di sản của nó*, Nxb CTQG, Hà Nội.
43. Nguyễn Tuấn Minh (2012), “Nước Mỹ và những thay đổi tổng quan địa chính trị thế giới”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 1, tr. 3-17.
44. Vũ Trung Mỹ (2016), “Đại hội VII của Đảng Cộng sản Cuba: tiếp tục hướng tới mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội thịnh vượng và bền vững”, *Tạp chí Cộng sản* số 883 (tháng 5), tr. 107-111.
45. Phan Doãn Nam (2007), “Về sự điều chỉnh chiến lược của một số nước lớn sau Chiến tranh Lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 20.
46. Hoàng Khắc Nam (2012) “Nước Mỹ - nhân tố quan trọng trong trật tự thế giới”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 3/2012
47. Phạm Xuân Nam (1998), “100 năm đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân Cuba anh hùng”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Tháng 10, tr.39-43.

48. Phạm Xuân Nam (2009), “50 phát triển kinh tế xã hội của nước Cộng hòa Cuba dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Tháng 1, tr.20-26.
49. Lê Hữu Nghĩa (2009), “50 năm cách mạng Cuba và quan hệ Việt Nam - Cuba”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 1, tr.14-19.
50. Nguyễn Trinh Nghiệu (2007), Cuba với “thời kì đặc biệt trong hoà bình” (1990 - 2005), *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 5, tr.49-54.
51. Ngô Chí Nguyễn (2007), “Sự phát triển của Cuba từ năm 1991 đến nay và quan hệ với các nước đang phát triển”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 1, tr. 42-44.
52. Vũ Dương Ninh (cb, 2000), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
53. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (cb, 2007), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, Tập II, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
54. Vũ Dương Ninh (cb, 2006), *Lịch sử Quan hệ quốc tế*, Tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
55. Nguyễn Xuân Ninh (2009), “Quan hệ Mỹ - Cuba dưới thời Tổng thống B. Obama”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 9, tr. 66-68.
56. Nozemsev N.I. (1961), *Chính sách đối ngoại của Mỹ*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
57. Duy Phong (2004), “Mỹ sử dụng Luật cấm vận Cuba để trừng phạt các công ty châu Âu”, *Tạp chí Thương mại*, số 44
58. Hữu Phúc (2007), “Dầu mỏ Cuba với lệnh chống cấm vận thương mại của Mỹ”, *Ngoại thương*, số 30, tr.12-13.
59. Nguyễn Văn Phước (204), *Fidel - Cuộc đời đầu 10 đời Tổng thống Mỹ và những âm mưu ám sát của CIA*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
60. Nguyễn Hồng Quang (2009), “Một số đánh giá bước đầu về học thuyết B. Obama”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 8, tr. 38-43.
61. Randall B. Ripley, James M. Lindsay (2002), *Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau Chiến tranh Lạnh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
62. Nguyễn Minh Sơn (2008), *Chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
63. Nguyễn Thanh Sơn (2013), “Sức sống Cuba”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 1, tr 60-62.
64. Nguyễn Thiết Sơn (cb, 2002), *Chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

65. Nguyễn Thiết Sơn (2002), *Nước Mỹ năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb KHXH, Hà Nội.
66. Nguyễn Thiết Sơn (2003), *Mỹ điều chỉnh chính sách kinh tế*, Nxb KHXH, Hà Nội.
67. Nguyễn Xuân Sơn, Nguyễn Việt Thảo (1997), “Công cuộc cải cách bảo vệ XHCN ở Cuba”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, tháng 1, tr. 21-23.
68. Võ Minh Tập (2017), “Bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 2, tr.69-78.
69. Lê Duy Thắng, Trần Tuấn Sơn (2015), “Bước ngoặt lịch sử trong quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 9.
70. Kiều Thị Thanh (2007), “Toàn cầu hóa và một số luận điểm về toàn cầu hóa”, *Tạp chí Luật học*, Số 5, tr. 34-42.
71. Văn Ngọc Thành, Nguyễn Thanh Tuấn (2009), “Những thành tựu của cải cách kinh tế, xã hội của Cộng hòa Cuba từ 1993 đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 5.
72. Đỗ Thị Thảo (2016), “Quan hệ Mỹ - Cuba: những tiến triển và trở ngại”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 9
73. Trần Thiết (2016), “Cuba kiên định con đường đi lên CNXH”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 5, tr.62-64.
74. Lê Khương Thùy (2009), “Chính sách đối ngoại của các nước Mỹ Latinh”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, số 7, tr.25-32.
75. Lộc Thị Thủy (2015), “Công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc của Cuba dưới thời Chủ tịch Raúl Castro từ năm 2006 đến nay”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, Số 1, tr.15-25.
76. Lộc Thị Thủy (2015), “Tác động của tuyên bố bình thường hóa đến quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, Số tháng 3, tr.16-23.
77. Lộc Thị Thủy (2015), “Chính sách của Mỹ đối với Cuba dưới thời Tổng thống B. Obama từ 2009 đến nay”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, Số tháng 11, tr.12-23.
78. Lộc Thị Thủy (2016), “Chuyến thăm lịch sử của Tổng thống Mỹ đến Cuba”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, số tháng 3.
79. Lộc Thị Thủy (2018), *“Quá trình đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc ở Cuba từ năm 1991 đến năm 2016”* Luận án Tiến sĩ tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
80. Lê Bá Thuyên (1997), *Hoa Kỳ: Chiến lược cam kết và mở rộng* (Chiến lược toàn cầu mới của Mỹ), Nxb KHXH, Hà Nội.

81. Nguyễn Thị Toan (2014), “Mô hình CNXH của các phong trào Cánh tả Mỹ Latinh hiện nay: Triển vọng và thách thức”, Tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, Số 6 (79), tr. 63-72.
82. Lê Thu Trang (2012), “Quan hệ Hoa Kỳ - Mỹ Latinh năm 2011”, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 4, tr. 10-19.
83. Nguyễn Xuân Trung (2006), “Tình hình kinh tế Mỹ Latinh đầu thế kỷ XXI”, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, Số 03, tr. 3-9.
84. Nguyễn Trường (2013), *Quan hệ quốc tế trong kỷ nguyên Á châu - Thái Bình Dương*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
85. TTX VN (1997), “Cuba mong muốn bình thường hóa quan hệ với Mỹ trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau”, *Tin Thế giới*, ngày 24/5.
86. TTX VN (1997), “Quyền Chủ tịch Hội đồng Ca-ri-bê chỉ trích Mỹ bao vây, cấm vận Cu-ba”, *Tin Thế giới*, ngày 11/5.
87. TTX VN (1997), “Mỹ với vấn đề Cuba”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 10/10.
88. TTX VN (1999), “Lịch trình cuộc cấm vận của Mỹ chống Cuba”, *Thông tin tư liệu*, ngày 9/1/1999.
89. TTX VN (2004), “Havana tố cáo Bush tìm cách thay đổi chính quyền Cuba”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 5/2.
90. TTX VN (2004), “Cuba tăng cường buôn bán với Mỹ”, *Tin Thế giới*, ngày 22/2.
91. TTX VN (2004), “Bush tăng cường chiến dịch tuyên truyền chống Cuba”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 8/5.
92. TTX VN (2004), “Quan hệ Mỹ - Cuba ngày càng căng thẳng khi ngày bầu cử tổng thống Mỹ đến gần”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 23/6.
93. TTX VN (2004), “Cuba - Mỹ: Cuộc chiến trên làn sóng truyền thông”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 31/7.
94. TTX VN (2005), “Cuba ký hợp đồng nhập khẩu lương thực của Mỹ”, *Tin Thế giới*, ngày 10/3/2005.
95. TTX VN (2005), “Giới doanh nghiệp Mỹ phản đối siết chặt cấm vận chống Cuba”, *Tin Thế giới*, ngày 24/6.
96. TTX VN (2006), Chủ tịch F. Castro lên án âm mưu của Mỹ chống Cuba, *Tin Tham khảo*, ngày 25/1.

97. TTX VN (2006), “Âm mưu bôi nhọ hình ảnh lãnh tụ F.Castro”, *Tin Tham khảo*, ngày 17/5.
98. TTX VN (2006), Mỹ chuẩn bị kế hoạch cho “thời kỳ quá độ” ở Cuba, *Tin Tham khảo*, ngày 1/7.
99. TTX VN (2006), “Về ý đồ của Mỹ đối với Cuba”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 18/8.
100. TTX VN (2006), “Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua nghị quyết thứ 14 yêu cầu Mỹ dỡ bỏ cấm vận chống Cuba”, *Tin Thế giới*, ngày 9/11.
101. TTX VN (2006), “Quan hệ Cuba - Mỹ có được cải thiện?”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 10/12.
102. TTX VN (2007), “Raúl Castro: đương đầu với di sản của Fidel ở Cuba”, *Tin Tham khảo chủ nhật*.
103. TTX VN (2007), “Thành tựu và thách thức của kinh tế Cuba”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 2/4.
104. TTX VN (2007), “Quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 25/4.
105. TTX VN (2007), “Mỹ thất bại trong chính sách bao vây cấm vận nhằm cô lập Cuba”, *Tin Thế giới*, ngày 23/5.
106. TTX VN (2007), “Cuba chìa cánh ô liu cho Mỹ”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 28/7.
107. TTX VN (2007), “Vai trò của Raúl Castro”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, Ngày 23/8.
108. TTX VN (2008), “EU dỡ bỏ lệnh trừng phạt Cuba là thất bại ngoại giao của Mỹ”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 27/6.
109. TTX VN (2008), “Mỹ: Tiếp tục hay thôi cấm vận Cuba”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 1/11/2008.
110. TTX VN (2009), “Cuba xúc tiến kế hoạch cải cách ruộng đất”, *Tin Thế giới*, ngày 4/2, tr.7-11.
111. TTXVN (2009), “Các nước Nam Mỹ yêu cầu Oa-sinh-ton chấm dứt cấm vận chống Cu-ba”, *Tin Thế giới*, 11/3, tr. 9.
112. TTXVN (2009), Ủy ban Thượng viện Mỹ hối thúc thực hiện nói lỏng cấm vận Cuba, *Tin Thế giới*, 19/3, tr. 36.
113. TTX VN (2009), “Về quyết định của Tổng thống Mỹ nói lỏng chính sách cấm vận đối với Cuba - Những sự kiện đáng nhớ trong quan hệ Cuba - Mỹ”, *Thông tin tư liệu*, ngày 18/4.

114. TTX VN (2009), “Quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 2/5.
115. TTX VN (2009), “Đằng sau chính sách cấm vận của Mỹ đối với Cuba”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 29/5, tr. 4-9
116. TTX VN (2009), “Chính sách của Mỹ chống Cuba: “gậy ông đập lưng ông”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, tháng 6.
117. TTX VN (2009), “Mỹ và Cuba đàm phán nối lại dịch vụ bưu chính trực tiếp”, *Tin Thế giới*, ngày 18/9.
118. TTX VN (2010), “Cuba và Mỹ tiến hành vòng đàm phán thứ hai về vấn đề di cư”, *Tin Thế giới*, 20/2, tr.6.
119. TTX VN (2010), “Kinh tế Cuba tăng trưởng 2,1% trong năm 2010”, *Tin Thế giới*, ngày 17/12, tr.12-14.
120. TTX VN (2010), “Theo dòng thời sự: Cuba - những bước đi quyết liệt tháo gỡ khó khăn kinh tế”, *Tin Thế giới*, ngày 22/12, tr.26-28.
121. TTX VN (2011), “Sự khởi đầu của thời kỳ tan băng trong quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tin Tham khảo thế giới*, ngày 19/1.
122. TTX VN (2011), “Kinh tế Cuba: những nhiệm vụ và thách thức ở phía trước”, *Tin Kinh tế*, số 182, tr. 4-8.
123. TTX VN (2012), “Cuba tìm hướng hợp tác với các đồng minh cũ”, *Thông tin tư liệu*, ngày 17/7, tr.11.
124. TTX VN (2012), “Cuba khởi sắc với lộ trình cập nhật hóa kinh tế”, *Tin Kinh tế*, ngày 17/7, tr.16-20.
125. TTX VN (2012), “Những thách thức trong chính sách đối ngoại nhiệm kỳ hai của Tổng thống B. Obama”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 15/11.
126. TTX VN (2012), “Thế giới tiếp tục lên án Mỹ cấm vận chống Cuba”, *Thông tin tư liệu*, ngày 17/11.
127. TTX VN (2013), “Chính sách bao vây cấm vận của Mỹ đối với Cuba không được cộng đồng quốc tế chấp nhận”, ngày 5/2, tr. 23-27.
128. TTX VN (2013), “Bầu cử Quốc hội thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân Cuba trong thời kỳ đổi mới”, ngày 31/10, tr. 20-22
129. TTX VN (2013), “Kinh tế Cuba tiếp tục chuyển mình”, ngày 26/12, tr. 6-8.
130. TTX VN (2014), “Dư luận Mỹ hoan nghênh quyết định bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tin Thế giới*, ngày 18/12, tr. 29-30.

131. TTX VN (2014), “Mỹ và Cuba nhất trí khởi động đối thoại chính thức”, *Tin Thế giới*, ngày 19/12, tr. 23.
132. TTX VN (2014), “Cải thiện quan hệ với Cuba mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp Mỹ”, *Tin Thế giới*, ngày 19/12, tr. 14.
133. TTX VN (2014), “Bước đột phá lịch sử trong quan hệ Cuba - Mỹ”, *Thông tin tư liệu*, ngày 20/12, tr. 16-21.
134. TTX VN (2015), Các rào cản trong quan hệ Mỹ - Cuba, *Tin Tham khảo thế giới*, 19/3, tr. 19-21.
135. TTX VN (2015), “Chấm dứt cấm vận Cuba: Ba lợi ích lớn dành cho Mỹ”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, 10/4.
136. TTX VN (2015), “Chủ nghĩa B. Obama” với việc bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, 2/7.
137. TTX VN (2015), “Quỹ đạo mới trong quan hệ Cu-Ba và Mỹ”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, 22/7.
138. TTX VN (2015), “Tiết lộ mới về đàm phán bí mật giữa Cu-Ba và Mỹ”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 20/8.
139. TTX VN (2015), “Thêm sức mạnh trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba”, *TTXVN/VIETNAM+*, ngày 28/09.
140. TTX VN (2015), “Mỹ, Cuba thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực thương mại và du lịch”, *TTXVN/VIETNAM+*, ngày 27/10.
141. TTX VN (2015), “Đại học Mỹ lần đầu cử sinh viên y khoa đến Cuba thực tập”, *TTXVN/VIETNAM+*, ngày 29/10.
142. TTX VN (2015), “Mỹ - Cuba xích lại gần nhau song vẫn còn trở ngại”, *Tài liệu Tham khảo đặc biệt*, ngày 1/11.
143. TTX VN (2015), “Mỹ, Cuba thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực thương mại và du lịch”, *TTXVN/VIETNAM+*, ngày 27/10/2015.
144. **TTXVN (2016), *Cuba và Mỹ trên hành trình tìm kiếm sự “bình thường”*, Lê Hà (P/v TTX VN tại Cuba), ngày 18/03.**
145. **TTXVN (2016), Hội đàm cấp cao Cuba - Mỹ, ngày 21/03.**
146. **TTXVN (2016), Cuba kêu gọi Mỹ “chung sống văn minh”; Mỹ mời Cuba dự hội nghị thượng đỉnh năng lượng, ngày 22/03.**

Tài liệu Tiếng Anh

147. Alessandro Badella, “*B. Obama and US Democracy Promotion in Cuba: New Strategies, Old Goals?*”, Caribbean Journal of International Relations & Diplomacy, University of Genoa, Italy (Vol. 3, No. 2, June 2015).
148. Alessandro Badella: “*US Democracy Promotion in Cuba after the Cold War*” - Part 1 and 2. International Journal of Cuban Studies, Pluto Journals, United Kingdom (Vol. 6, No. 2, 2014 và vol.7, No.1, 2015).
149. Appleman Williams, W. (1962), *The United States, Cuba and Castro: An Essay on the Dynamics of Revolution and the Dissolution of Empire*, New York: MR Press.
150. Aronson, Bernard W. and William D.Rogers (1999), *US - Cuban Relations in the 21st Century, The Council on Foreign Relations*, United States of America.
151. Asa McKercher (2015), *Canadian Mediation in the U.S. Confrontation with Cuba*, Harvard College and the Massachusetts Institute of Technology.
152. Bernell, David (2012), *Constructing US Foreign Policy: The Curious Case of Cuba (Routledge Studies in US Foreign Health)*,Routledge; Reprint edition
153. Birnbaum, Ben, Sara Elsayed, Bonnie Krenz, Eduardo Massieu Paredes, Christopher Page, Alejandro Rodriguez Ramirez, Andrei Seeto, Mike Weber, Jennifer Williams (2016), *United States-Cuba Relations: Policy Recommendations to Advance Normalization*, Woodrow Wilson School of Public and International Affairs.
154. Brenner, P. (1988), *From Confrontation to Negotiation: U.S. Relations with Cuba*, Colorado: Westview Press, pp.6.
155. Burton Guy (2010), “*US-Cuban Relations: Prospects for Improvement?*” *International Affairs at LSE*.
156. Canberk Koçak (2016), “*Interest Groups and U.S. Foreign Policy towards Cuba: the Restoration of Capitalism in Cuba and the Changing Interest Group Politics*” Institute of Social Sciences of the University of Lisbon, Portugal
157. Collin Lavery (2011), *Cuba’s New Resolve Economic Reform and its Implications for U.S. Policy*, Center for Democracy in the Americas - CDA, Washington, DC.
158. Department of Commerce (2007), “*Commerce Secretary Carlos M. Gutierrez Remarks at the Heritage Foundation, Washington, D.C.,*” September 17.

159. Dominguez, J. I. (1978), *Cuba: Order and Revolution*, Cambridge: The Belknap Press of Harvard University Press
160. Eckstein Susan Eva (2009), *The Immigrant Divide: How Cuban Americans Changed the U.S. and Their Homeland*, New York: Routledge.
161. "English Transcript of Raúl Castro's Speech," *Miami Herald*, December 2, 2006.
162. Eric Hershberg & William M.Leo Grande (2016), *A New Chapter in US-Cuba Relations: Social, Political, and Economic Implications*. Palgrave Macmillan
163. Feinberg, Richard E. (2011), *Reaching Out: Cuba's New Economy and the International Response*, Latin America Initiative at Brookings, pp.10-14
164. Figueiredo, J. (2007), "U.S. Foreign Policy in Latin America: Time for a Change", *Orbis*, 51 (4), pp. 697-709.
165. Frances Robles (2007), "Raúl Again Offers 'Olive Branch' to U.S.," *Miami Herald*, July 27, 2007.
166. Jane Franklin (1996), *Cuba and the United States: A Chronological History*, Ocean Press.
167. Jason Poblete and Jamie Suchlicki (2007), "When Should the U.S. Change Policy Toward Cuba," *Institute for Cuban and Cuban-American Studies*, University of Miami, Cuba Brief, August 13.
168. José Raúl Perales (2010), Engaging Cuba: Policy Options for the United States, Europe, and the Western Hemisphere, *Woodrow Wilson Center Latin American Program*, pp. 1-9.
169. Julia E. Sweig (2007), "Fidel's Final Victory," *Foreign Affairs*, January/February.
170. Garrett Graddy-Lovelace (2016), "United States-Cuba Agricultural Relations and Agrarian Questions", *Journal of Agrarian Change*, pp.1-24.
171. Giscard, John C. (2002) *U.S.-Cuba Relations: Revisiting the Sanctions Policy*, Amazon Digital Services, Inc.
172. Grabowski R.L. (2004), *Cuban-American Relations*, U.S. Army War College.
173. Gunn G. (1993), *Cuba in Transition: Options for US Policy*, New York: The Twentieth Century Fund;
174. Haney J.P. & Vanderbush, W. (2005), *The Cuban Embargo: The Domestic Politics of an American Foreign Policy*, University of Pittsburgh Press.
175. Haibin Niu (2015), *A New Era of China-Latin America Relations*, Anuario de Integración 11, 2015, pp. 39-51.

176. Henken T. (2007) *Cuba*, A global Studies Handbook,
177. Hershberg Eric and William M. LeoGrande (2016), *A New Chapter in US-Cuba Relations Social, Political, and Economic Implications*, Studies of the Americas, Palgrave Macmillan, New York.
178. Huddleston, Ambassador Vicki and Carlos Pascual (2010), *Learning to Salsa - New steps in US-Cuba Relations*, R.R Donnelley Harrisonburg, Virginia.
179. Hufbauer, G.C., Schott J.J., Kimberly, Elliott A. and Oegg B. (2008), *Economic Sanctions Reconsidered*, Washington, DC: Peterson Institute for International Economics.
180. Kaplowitz Darlene Rich (1998), *Anatomy of a Failed Embargo: U.S. Sanctions Against Cuba*. Boulder: Lynne Rienner Publishers, pp.123-124.
181. Koçak Canberk (2016), “*Interest Groups and U.S. Foreign Policy towards Cuba: the Restoration of Capitalism in Cuba and the Changing Interest Group Politics*”, *Class, Race and Corporate Power*, Volume 4, Issue 2, pp.1-20.
182. Lacinski Piotr (2015), “*Normalization of US-Cuban Relations: B. Obama Doctrine and International Security in the Western Hemisphere*”, *Securitologia*, No.2, 2015.
183. Lamrani Salim (2004), *U.S. Economic sanctions against Cuba: objectives of an imperialist policy*, La Sorbonne University, Paris.
184. Latner A.T. (2015), *Take Me to Havana! Airline Hijacking, U.S.-Cuba Relations, and Political Protest in Late Sixties' America*, University of California, Irvine.
185. Laverty Collin (2011), *Cuba's New Resolve Economic Reform and its Implications for U.S. Policy*, Center for Democracy in the Americas, Washington, DC.
186. Laura Puccio (2015), “*Future scenarios for US-Cuba relations*” European Parliamentary Research Service
187. Lowenthal A.F. (2012), “*Rethinking U.S.-Latin American Relations: Thirty Years of Transformations*”, In: *Inter-American Dialogue (Ed.), The Americas in motion: looking ahead*, Washington: Inter-American Dialogue, pp.5.
188. Luis E. Rumbaut & Rubén G. Rumbaut (2007), “*If That Is Heaven, We Would Rather Go to Hell:” Contextualizing U.S.-Cuba Relations*”, *Societies Without Borders*, Vol. 2, 2007, pp.131-152.
189. Mario Loyola, "After Fidel," *The Weekly Standard*, October 15, 2007.

190. Mastanduno M. (1997), *Preserving the unipolar moment: realist theories and US grand strategy after the cold war*, *International Security*, 21: 4, pp.49-88.
191. McKercher, Asa (2015), "A Helpful Fixer in a Hard Place Canadian Mediation in the U.S. Confrontation with Cuba", *Journal of Cold War Studies*, Vol. 17, No. 3, pp. 4-35.
192. Michael J. O'Neil, Darrell L. Conner, and Sarah Moser Beason (2015), *Ferry Service Between The United States And Cuba-Imminent Or Not?*, *Policy Insight*, June 8.
193. Mitchell David L., Lieutenant Colonel, U.S. Army (2000), "Sanctions Against Cuba: A Flawed U.S. Policy", *U.S. Army War College*, pp.9.
194. Morley Morris H. (1987), *Imperial State and Revolution. The United State and Cuba, 1952 - 1986*, Cambridge University.
195. "No Enemy Can Defeat Us," interview of Raúl Castro by Laszar Barredo Medina, *Diario Granma*, August 18, 2006.
196. Pérez L. A. Jr. (1998), *The War of 1898*, North Carolina: The University of North Carolina Press, pp.5.
197. Pérez L. A. Jr. (2002), *Cuba and the United States: Ties of Singular Intimacy*, Georgia: University of Georgia Press, pp.227.
198. Piccone Ted (2015), "United States-Cuba Normalizations: Strategic Implications for U.S. National Security", *Latin American and Caribbean Center*, Florida International University.
199. Puccio Laura (2015), "Future scenarios for US-Cuba relations", European Parliamentary Research Service (EPRS), *Briefing*, February 2015, pp.1-10.
200. Ratliff W (2009), "In search of a Balanced Relationship: China, Latin America, and the United States", *Asian politics & Policy*, 1 (1), pp.1-30.
201. Richard E. Feinberg (2011), *Reaching Out Cuba's New Economy and the International Respons*, Latin America Initiative at Brookings.
202. Roberg J. L. & Kuttruff, A. (2007), "Cuba: Ideological Success or Ideological Failure?", *Human Rights Quarterly*, 29, pp.779-795.
203. Roy Joaquín (2000), *Cuba, the United States, and the Helms-Burton Doctrine: International Reactions*, Gainesville, Florida: University of Florida Press, pp.103.

204. Rumbaut L. E. & Rumbaut, R. G. (2007), "*If That is Heaven, We Would Rather Go to Hell: Contextualizing U.S.-Cuba Relations*", *Societies Without Borders*, 2, pp.133.
205. Rumbaut Luis E. and Rubén G. Rumbaut (2015), *The U.S. and Cuba: Making up is hard to do*, To appear in *Global Dialogue*, 5 (4), *International Sociological Association Quarterly*.
206. Seidman Sarah J. (2015), "U.S.-Cuba Relations from the Top Down and the Bottom Up", *Reviews in American History* 43 (2015), Johns Hopkins University Press, pp.184-192.
207. Schoultz L. (1998), *Beneath the United States: A History of U.S. Policy Toward Latin America*, Harvard: Harvard University Press.
208. Steven Zahniser, Bryce Cooke, Jerry Cessna, Nathan Childs, Mildred Haley, Michael McConnell, and Carlos Arnade (2015) *U.S.-Cuba Agricultural Trade: Past, Present and Possible Future*, USDA, Economic Research Service, June
209. Sullivan M. P. (2011), *Cuba: U.S. Restrictions on Travel and Remittances*, Congressional Research Service, 7-5700, www.crs.gov, RL31139.
210. Sullivan M. P. (2014), *Cuba: U.S. policy and Issues for the 113th Congress*, Congressional Research Service, pp.12-58.
211. Ted Piccone (2015), "*United States-Cuba Normalizations: Strategic Implications for U.S. National Security*", Brookings studies.
212. Thomas H. Henriksen (2001), *Foreign Policy for America in the Twenty-first Century: Alternative Perspectives*, Hoover University Press.
213. Thomas J. Mc Cormick (1995), *America's Half-Century - United States Foreign Policy in the Cold War and After*, Johns Hopkins University Press
214. Tim Lynch, Necati Aydin & Julie Harrington (2004), *Estimation of Alternative Economic Scenarios of the Future Emergence of Cuba into the Global Economy in a Post U.S. Trade Embargo Era - Economic Impacts on the U.S. Economy*, Center for Economic Forecasting and Analysis (CEFA), Washington, D.C.
215. Zahniser Steven, Bryce Cooke, Jerry Cessna, Nathan Childs, David Harvey, Mildred Haley, Michael McConnell, and Carlos Arnade (2015), *U.S.-Cuba*

Agricultural Trade: Past, Present, and Possible Future, A Report from the Economic Research Service, Foreign Agricultural Trade of the United States (FATUS).

216. Kindred Motes (2017), *Shifting from 'Do they work?' to 'What do they want?'* How US economic sanctions against Cuba alter the field of sanctions studies, Department of Government, University of Essex, United Kingdom.
217. Thomas Shannon (2006), "U.S. Policy Toward Cuba," Assistant Secretary for Western Hemisphere Affairs, August 23, U.S. Department of State.
218. William M. LeoGrande (1998), "From Havana to Miami: U.S. Cuba Policy as a Two-Level Game", *Journal of Interamerican Studies and World Affairs*, 40: 1, pp.67-86.
219. William M. Leogrande (2015), Normalizing US-Cuba relations: escaping the shackles of the past, *International Affairs*, Vol. 91, No. 3, pp. 473-488.

Tài liệu tiếng Tây Ban Nha

220. Dominguez, J. I. (2004), "El Sistema Político Cubano en los Noventa", In: Bobes, V.C. & Rojas R. (Eds.), *La Transición Invisible: Sociedad y Cambio Político en Cuba*, México D.F.: Editorial Oceano De Mexico, pp. 21-84.
221. Dominguez, J. I. (2010), "Reconfiguración de las Relaciones de los Estados Unidos y Cuba", *Temas*, 62, pp.4-15.

Websites Tiếng Việt

222. 116 năm quan hệ Mỹ - Cuba <https://vnexpress.net/the-gioi/116-nam-quan-he-my-cuba-3122186.html>
223. Cuba trên đường cập nhật mô hình phát triển mới. <https://baoquocte.vn/cuba-tren-duong-cap-nhat-mo-hinh-phat-trien-moi-68587.html>/ 31/3/2018
224. Mỹ - Cuba bình thường hóa quan hệ. <https://vnexpress.net/topic/my-cuba-binh-thuong-hoa-quan-he-18423>
225. Mỹ, Cuba chính thức tái lập quan hệ ngoại giao. <https://vietnamnet.vn/vn/the-gioi/my-cuba-chinh-thuc-tai-lap-quan-he-ngoai-giao-248131.html>/01/07/2015
226. Mỹ nỗ lực bình thường hóa quan hệ với Cuba. <https://baotintuc.vn/the-gioi/my-no-luc-binh-thuong-hoa-quan-he-voi-cuba-20170527112712597.htm>/27/5/2017

227. “Chương mới” trong quan hệ Mỹ - Cuba, <https://baophapluat.vn/the-gioi/chuong-moi-trong-quan-he-my-cuba-225669.html>
228. *Chuyến thăm lịch sử “phá băng” quan hệ Mỹ - Cuba*. [http:// daidoanket.vn/quoc-te/chuyen-tham-lich-su-pha-bang-quan-he-my-cuba-tintuc93339/21/3/2016](http://daidoanket.vn/quoc-te/chuyen-tham-lich-su-pha-bang-quan-he-my-cuba-tintuc93339/21/3/2016)
229. Hoàng Nguyên (2016), Cuba vững bước theo con đường đã lựa chọn 27/1/2016, *Tạp chí Cộng sản điện tử 27/10*
230. *Bốn điều cần biết về chuyến thăm Cuba của Tổng thống B. Obama*. <https://baotintuc.vn/phan-tichnhan-dinh/bon-dieu-can-biet-ve-chuyen/27/3/2016>
231. *Bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba: Cần xuất phát từ sự tôn trọng, bình đẳng* <https://www.nhandan.com.vn/thegioi/item/25125302-binh-thuong-hoa-quan-he-my-cuba-can-xuat-phat-tu-su-ton-trong-binh-dang.html>
232. *Mỹ xóa tên Cuba khỏi danh sách "các nước tài trợ khủng bố"* <https://infonet.vietnamnet.vn/my-xoa-ten-cuba-khoi-danh-sach-cac-nuoc-tai-tro-khung-bo-post162306.info>
233. *Quan hệ kinh tế - thương mại giữa Mỹ và Cuba*, VTV, <https://vtv.vn/kinh-te/quan-he-kinh-te-thuong-mai-giua-my-va-cuba-20171010155117904.htm/10/10/2017>.
234. Ngọc Hùng (2016), Mỹ - Cuba: Lịch sử sang trang mới, *Thế giới & Việt Nam*, <http://baoquocte.vn/my-cuba-lich-su-sang-trang-moi-28389.html/25/03>.
235. Thùy Linh (2016), *Mỹ - Cuba: Nhìn lại 2 năm từ khi tuyên bố bình thường hóa quan hệ*, <https://vov.vn/the-gioi/my-cuba-nhin-lai-2-nam-tu-khi-tuyen-bo-binh-thuong-hoa-quan-he-578708.vov/18/12>.
236. Hà Thủy (2008), Việt Nam - Cuba: “Hai anh em sinh đôi”, *Thế giới & Việt Nam*, <http://baoquocte.vn/viet-nam-cuba-hai-anh-em-sinh-doi-14795.html/15/12>.

Websites Tiếng Anh

237. Alan Gomez (2015), Sprint signs agreement with Cuban officials in Havana, *USA Today*, Nov. 2, 2015, <https://www.usatoday.com/story/money/business/2015/11/02/sprint-cuba-havana-international-trade-fair/75047048/>.
238. Alan Gomez (2017), *B. Obama ends 'wet foot, dry foot' policy for Cubans*, Jan. 12, 2017, <https://www.usatoday.com/story/news/world/2017/01/12/B.Obama-ends-wet-foot-dry-foot-policy-cubans/96505172/>.

239. Alec Tyson (2016), “*Americans still favor ties with Cuba after Castro’s death*”, U.S. election, Pew Research Center, <http://www.pewresearch.org/fact-tank/2016/12/13/americans-still-favor-ties-with-cuba-after-castros-death-u-s-election/>.
240. Amnesty International (2009), *The U.S. Embargo against Cuba: Its Impact on Economic and Social Rights*, Accessed on May 24th 2015 on <http://www.amnestyusa.org>
241. BBC On This Day (1998), “*1998: Pope Calls for Reform in Cuba*”, http://news.bbc.co.uk/onthisday/hi/dates/stories/january/25/newsid_4041000/4041643.stm
242. Benjamin Creutzfeldt, “Latin American Views of Chinese and U.S. Policy”, in David B.H. Denoon (2017), *China, The United States, and the Future of Latin America*, U.S.-China Relations, Volume III, NUS Press, pp. 83-106.
243. Bush, G. (1992), “Statement on the 90th Anniversary of Cuban Independence”, *The American Presidency Project*, May 20, Available at <http://www.presidency.ucsb.edu/ws/?pid=20991>.
244. Castaneda J. G. (2006), *Latin America’s Left Turn*, Accessed on April 24th, 2015 on <http://www.foreignaffairs.com>
245. CBS/NYT Poll: Majority of Americans support restoring U.S.-Cuba ties, *CBS News*, March 21, 2016, <https://www.cbsnews.com/news/cbsnyt-poll-majority-of-americans-support-restoring-us-cuba-ties/>.
246. *Cuban Liberty and Democratic Solidarity (Libertad) Act of 1996*, (Codified in Title 22, Sections 6021-6091 of the U.S. Code), P.L. 104-114, <https://www.treasury.gov/resource-center/sanctions/Documents/libertad.pdf>.
247. Cuban agriculture minister seeks to increase bilateral cooperation with U.S., *Agencia EFE*, 2 Jun 2016, <https://www.efe.com/efe/english/business/cuban-agriculture-minister-seeks-to-increase-bilateral-cooperation-with-u-s/50000265-2944475>.
248. Cuba arbitrary arrests soared in 2016, dissidents say, *Deutsche Welle*, <http://www.dw.com/en/cuba-arbitrary-arrests-soared-in-2016-dissidents-say/a-37033489>.
249. Cuba, US hold first talks on intellectual property, *Business Standard*, September 13, 2016, http://www.business-standard.com/article/international/cuba-us-hold-first-talks-on-intellectual-property-116091300086_1.html.

250. “Cuba’s Raúl Castro steps out of brother’s shadow”, *Alanbaa*, 21 December 2014.
251. Dan Glickman (2014), “Why Normalized US-Cuba Relations Benefit Both Countries”, *The Aspen Institute*, December 17, 2014, <https://www.aspeninstitute.org/blog-posts/why-normalized-us-cuban-relations-benefits-both-countries/>.
252. Dan Roberts - Richard Luscombe (2013), B. Obama shakes hands with Raúl Castro for first time at Mandela memorial, *The Guardian*, 10/12, <https://www.theguardian.com/world/2013/dec/10/B.Obama-shakes-hands-raul-castro-mandela-memorial>.
253. Daniel Trotta (2014), U.S. delegation urges talks to free American jailed in Cuba, *Reuters*, 6/5/2014, <https://www.reuters.com/article/us-cuba-usa/u-s-delegation-urges-talks-to-free-american-jailed-in-cuba-idUSBREA4500W20140506>.
254. Daniel Trotta, Rosa Tania Valdés (2014), “Cuba's Raúl Castro steps out of brother's shadow with U.S. deal, support surges”, *Reuters*, December 20, 2014, <http://www.reuters.com/article/us-cuba-usa-castro/cubas-raul-castro-steps-out-of-brothers-shadow-with-u-s-deal-support-surges-idUSKBN0JX1XD20141219>.
255. David Adams (2015), Stonegate Bank opens bank account for Cuban government, *Reuters*, May 21, <http://www.reuters.com/article/us-cuba-stonegate-bank/stonegate-bank-opens-bank-account-for-cuban-government-idUSKBN0O52GA20150520>.
256. David Unger (2016), The Foreign Policy Legacy of B. Obama, *The International Spectator*, Vol. 51, No. 4, 2016, pp. 1-16.
257. Ethan Zawatsky - Ashley Gemma (2015), Diplomatic Normalization between the US and Cuba in Light of Recent Changes in US Foreign Policy More Generally, *Senior Honors Projects*, pp. 1-23.
258. Eric Hershberg and Jacquelyn Dolezal (2016), “The Impact on U.S.-Cuba Latin America Relations of Rapprochement between Washington and Cuba”, *Anuario de Integración*, Edición especial, Año 2016, pp. 89-102.
259. Felter, Claire, Brianna Lee, James McBride & Danielle Renwick (2017), “U.S.-Cuba Relations”, See at <https://www.cfr.org/backgrounders/us-cuba-relations>
260. Friedman, George (2014), “*The Geopolitics of U.S.-Cuba Relations*”, see at <http://www.forbes.com/sites/stratfor/2014/12/23/the-geopolitics-of-u-s-cuba-relations/>

261. First Miami-Cuba cargo ship in 50 years reaches Havana, 13 July 2012, *BBC News*, see at: <http://www.bbc.com/news/world-latin-america-18835595>.
262. Gary C. Jacobson (2010), "George W. Bush, the Iraq War, and the Election of B. Obama", *Presidential Studies Quarterly*, Vol. 40, No. 2, 2010, pp. 207-224.
263. Gosse, Van (2014), "*The Forgotten History of U.S.-Cuba Friendship*", see at http://www.huffingtonpost.com/van-gosse/the-forgotten-history-of-_1_b_6377150.html
264. Harriet Alexander (2015), How the US and Cuba have been rebuilding their relationship, *Telegraph*, 14 Aug,,: <http://www.telegraph.co.uk/news/worldnews/centralamericaandthecaribbean/cuba/11802835/How-the-US-and-Cuba-have-been-rebuilding-their-relationship.html>.
265. *Historic Poll: Top 25 findings from major Cuba survey*, *Splinter*, <https://splinternews.com/historic-poll-top-25-findings-from-major-cuba-survey-1793846944>.
266. Holpuch, A (2014), "*What do improved US-Cuba relations mean for the average American?*" See at <http://www.theguardian.com/world/2014/dec/17/improved-us-cuba-relations-average-american>.
267. *H.R.927 - Cuban Liberty and Democratic Solidarity (LIBERTAD) Act of 1996*, <https://www.congress.gov/bill/104th-congress/house-bill/927>.
268. Hufbauer, G.C., Schott J.J., Kimberly, Elliott A. and Oegg B. (2008), *Economic Sanctions Reconsidered*, Washington, DC: Peterson Institute for International Economics, pp.53-54.
269. Jim Rutenberg - Jeff Zeleny, B. Obama Seeks to Clarify His Disputes Comments on Diplomacy, *The New York Times*, May 29, 2008, see at: <http://www.nytimes.com/2008/05/29/us/politics/29B.Obama.html>.
270. John M. Kirk & Peter McKenna (2009), Stephen Harper's Cuba policy: From autonomy to Americanization?, *Canadian Foreign Policy Journal*, Vol. 15, No. 1, 2009, pp. 21-39.
271. Julie Hirschfeld David and Randal C. Archobold (2015), "*Obama Meets Raúl Castro, Making History*", *The New York Times*, April 11, 2015, <https://www.nytimes.com/2015/04/12/world/americas/obama-cuba-summit-of-the-americas.html>.
272. Joshua J. McElwee (2014), *B. Obama thanks Pope Francis for help in US-Cuba deal*, *National Catholic Reporter*, Dec 17, 2014, see at: <https://www.ncronline.org/blogs/ncr-today/B.Obama-thanks-pope-francis-help-us-cuba-deal>

273. Karen DeYoung (2015), “Cuba completes prisoner release agreed to under U.S. pact”, *The Washington Post*, January 12 https://www.washingtonpost.com/world/national-security/us-official-cuba-frees-political-prisoners-under-diplomatic-pact-with-washington/2015/01/12/70440abe-9a61-11e4-a7ee-526210d665b4_story.html?utm_term=.5e7dcc32bdd7.
274. Kennedy J.F.(1962), “Proclamation 3447-Embargo on All Trade with Cuba”, *The American Presidency Project*, <http://www.presidency.ucsb.edu/ws/?pid=58824>
275. Kevin Liptak and Jim Acosta (2015), “B. Obama and Raúl Castro meet, launch new era of U.S-Cuba ties”, CNN, April 12, 2015, <https://edition.cnn.com/2015/04/11/politics/panama-B.Obama-castro-meeting/index.html>.
276. Lee, Brianna (2014), “U.S.-Cuba Relations”, see at <http://www.cfr.org/cuba/us-cuba-relations/p11113>
277. LeoGrande, William M. (2014), “*The Prospects for Improving U.S.-Cuban Relations*”, See at <http://www.e-ir.info/2014/03/03/the-prospects-for-improving-u-s-cuban-relations/>
278. Lynch, Tim, Necati Aydin, Julie Harrington (2004), “*Estimation of Alternative Economic Scenarios of the Future Emergence of Cuba into the Global Economy in a Post U.S. Trade Embargo Era - Economic Impacts on the U.S*”, see at <http://www.remi.com/the-remi-model/topic-areas/economic-development/economic-development-research>
279. Mark A. McMinimy, *U.S. Agricultural Trade with Cuba: Current Limitations and Future Prospects*, Congressional Research Service Report, September 21, 2016, <https://fas.org/sgp/crs/row/R44119.pdf>.
280. Mark P. Sullivan (2016), “President B. Obama's Historic Visit to Cuba”, *CRS Insight*, 25/3, <https://fas.org/sgp/crs/row/IN10466.pdf>.
281. Mark P. Sullivan (2017), Cuba: Issues and Actions in the 114th Congress, *Congressional Research Service*, <https://fas.org/sgp/crs/row/R43926.pdf>.
282. Mirjam Donath, Louis Charbonneau (2014), “For 23rd time, U.N. nations urge end to U.S. embargo on Cuba”, *Reuters*, 29/10, <https://www.reuters.com/article/us-cuba-un/for-23rd-time-u-n-nations-urge-end-to-u-s-embargo-on-cuba-idUSKBN0IH1RN20141028>.

283. Monish Tourangbam (2015), “*Can Washington and Havana Tango?*,” *Perspectives on the Americas*, January 5, 2015, <http://www.perspectiveamericas.org/uncategorized/can-washington-and-havana-tango/>
284. Nick Squires (2014), Pope Francis brokered US-Cuba deal at secret Vatican meetings, *The Telegraph*, 17 Dec 2014, <http://www.telegraph.co.uk/news/worldnews/the-pope/11300391/Pope-Francis-brokered-US-Cuba-deal-at-secret-Vatican-meetings.html>.
285. Obama Barack (2016), “*Presidential Policy Directive -- United States-Cuba Normalization*”, see at <https://B.Obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2016/10/14/presidential-policy-directive-united-states-cuba-normalization>
286. *Omnibus Appropriations Act, 2009, Public Law 111-8-MAR. 11, 2009*, <https://www.congress.gov/111/plaws/publ8/PLAW-111publ8.pdf>.
287. Oppmann, Patrick (2015), “*U.S., Cuba re-establish diplomatic relations, reopen embassies*”, See a <http://edition.cnn.com/07/20/politics/cuba-u-s-embassies-opening/index.html>
288. Paul Richter (2009), *U.S. takes down provocative billboard in Havana*, Los Angeles Time, July 28, <http://articles.latimes.com/jul/28/world/fg-cuba-sign28>.
289. Peter Kornbluh (2015), “*Historic new era between US and Cuba is about to begin*”, Al Jazeera, May 31, 2015, <https://www.aljazeera.com/indepth/opinion/2015/05/historic-era-cuba-150531123042501.html>
290. Portia Siegelbaum (2013), *U.N. General Assembly votes against U.S. Cuba embargo for the 22nd year in a row*, CBS News, October 29, 2013, <https://www.cbsnews.com/news/un-general-assembly-votes-against-us-cuba-embargo-for-the-22nd-year-in-a-row/>.
291. “Policy Changes under the B. Obama Administration (Dec 2014 -Jan 2017)”, *Latin America Working Group*, <http://lawg.org/storage/documents/summary%20of%20changes%20under%20B.Obama%20-%20cuba.pdf>.
292. Planas, R. (2009), *The Embargo on Change B. Obama or no B. Obama, U.S.-Cuba relations are unlikely to improve anytime soon*, <http://foreignpolicy.com>
293. Qaraman Hasan (2016), *The Impacts of Iraq’s Invasion on the Politics in the Middle East*, International Journal of Social Sciences & Educational Studies, Vol. 3, No. 1, September 2016, pp. 46-53.

294. Ray Walser, *What to Do about Hugo Chávez: Venezuela's Challenge to Security in the Americas*, *The Heritage Foundation*, <http://www.hacer.org/pdf/Walser00.pdf>.
295. Raúl Castro, “*Ban Ki-moon Discuss Normalization of Relations Between Cuba*”, US, Spunik News, <https://sputniknews.com/politics/201509271027597226/>.
296. Renwick, D. & Lee, B., (2015), *CFR Backgrounders: U.S.-Cuba Relations*, <http://www.cfr.org/cuba/us-cuba-relations/p11113>.
297. Ryan Teague Beckwith (2016), “*Read President B. Obama's Speech to the Cuban People*”, March 22, 2016, <http://time.com/4267933/barack-B.Obama-cuba-speech-transcript-full-text/>.
298. Samantha Mendiguren and Jorge Duany (2017), *Cuban-American Relations in 2017*, April 12, 2017, https://www.faiobserver.com/region/latin_america/cuba-america-relations-trump-castro-news-20170/.
299. Suddath (2009), *A Brief History of U.S.-Cuba Relations*, <http://content.time.com>
300. “Statement by the President on Cuba Policy Changes”, *Office of the Press Secretary*, December 17, 2014, <https://B.Obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2014/12/17/statement-president-cuba-policy-changes>.
301. Simon Romero and William Neuman (2014), *Cuba Thaw Lets Rest of Latin America Warm to Washington*, *The New York Times*, Dec. 18, 2014, <https://www.nytimes.com/2014/12/19/world/americas/a-brave-move-by-B.Obama-removes-a-wedge-in-relations-with-latin-america.html>.
302. Sweig Julia E., Nelson and David Rockefeller (2012), “*The Frozen U.S.-Cuba Relationship*”, See at <http://www.cfr.org/cuba/frozen-us-cuba-relationship/p27510>
303. *The United States and Cuba Begin Restoring Relations, Dec 17, 2014*, <https://worldview.stratfor.com/article/united-states-and-cuba-begin-restoring-relations>.
304. The World Factbook (2002), *Central Intelligence Agency*, Available [Online]: <http://www.odci.gov/cia/publications/factbook/geos/cu.html#Econ>
305. U.S. Department of the Treasury (1992), *Cuban Democracy Act (“CDA”)*, <http://www.treasury.gov/resource-center/sanctions/Documents/cda.pdf>
306. U.S. Statutes at Large (1996), *Cuban Liberty and Democratic Solidarity (LIBERTAD) Act of 1996*, Public Law 104-114, <http://www.gpo.gov/>
307. US Department of the Treasury (2015), “*Treasury and Commerce Announce Regulatory Amendments to the Cuba Sanctions*”, <https://www.treasury.gov/press-center/press-releases/Pages/jl9740.aspx>

308. U.S. Department of Agriculture, Foreign Agricultural Service (USDA/FAS) (2015), *Global Agricultural Trade System (GATS)*, Interactive database, <http://apps.fas.usda.gov/gats/>
309. “US-Cuba relations: timeline of a tangled history”, *The Guardian*, 20/3/2016, <https://www.theguardian.com/world/ng-interactive/2016/mar/20/us-cuba-relations-history-timeline>.
310. *US & Cuba Hold Discussions On Intellectual Property, Cuba Trade, September 17, 2016*, <http://www.cubatrade.org/blog/2016/9/17/us-cuba-hold-discussions-on-intellectual-property>.
311. *USDA Secretary Perdue Supports Bill to Expand Ag Exports to Cuba, Engage Cuba, May 18, 2017*, <https://www.engagecuba.org/press-releases/2017/5/18/usda-secretary-perdue-supports-bill-to-expand-ag-exports-to-cuba>.
312. United States Reopens Embassy in Havana with an Historic Flag-Raising Ceremony (2015), *Latin America Working Group*, 14/8, http://lawg.org/storage/documents/Press_Release-_U.S._Reopens_Embassy_in_Havana.pdf
313. William M. Leogrande (2015), “Normalizing US-Cuba relations: escaping the shackles of the past”, *International Affairs*, Vol. 91, No. 3, 2015, p. 485.
314. Cuba’s Political Succession: *From Fidel to Raúl Castro* <https://www.everycrsreport.com/reports/RS22742.html>
315. *Cuba restore full relations*. <https://www.cityprojectca.org/cuba>
316. <https://www.statista.com/statistics/272473/us-military-spending-from-2000-to-2012/>

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Lê Minh Giang (2018), *Góp thêm tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy bài 9, Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12: Quan hệ Quốc tế trong và sau thời kỳ “Chiến tranh lạnh”*, Tài liệu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Đổi mới dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo định hướng tiếp cận năng lực”, tr 34 - 45.
2. Lê Minh Giang (2019), *Vài nét về quan hệ Mỹ - Cuba trước năm 1990*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, Số 1 (250), 2019, tr 57 - 65.
3. Lê Minh Giang (2019), *Những nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2008*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, Số 3B/2019, tr 30 - 38.
4. Lê Minh Giang (2019), *Quan hệ Mỹ - Cuba giai đoạn 1991 - 2008*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Số 12 - 2019, tr 105 - 114.
5. Lê Minh Giang (2019), *Chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Cuba dưới thời Tổng thống B. Obama (2009 - 2017)*, Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 5, Số 2b (2019), tr 235 - 247

PHỤ LỤC

1. Niên biểu lịch sử quan hệ Mỹ - Cuba (1959 - 2018)
2. Tuyên bố của Tổng thống Mỹ B. Obama về thay đổi chính sách đối với Cuba ngày 17/2/2014
3. Những sửa đổi đối với sự trừng phạt Cuba
4. Thống kê quan hệ thương mại của Mỹ với Cuba 1992 - 2016
5. Xuất khẩu Mỹ sang Cuba 2007 - 2016
6. Một số hình ảnh về quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016)

Phụ lục 1: Biên niên lịch sử quan hệ Mỹ - Cuba (1959 - 2018)

Năm	Nội dung sự kiện
1959	<p>7/1: Mỹ công nhận chính phủ mới của Cuba.</p> <p>Tháng 1: Các thử nghiệm và hành quyết của các cựu quan chức chế độ Batista bắt đầu.</p> <p>Tháng 4: Fidel Castro gặp Phó Tổng thống Mỹ R. Nixon trong chuyến thăm tới Washington.</p>
1960	<p>28/6: Fidel tịch thu nhà máy lọc dầu thuộc sở hữu của Mỹ mà không cần bồi thường.</p> <p>6/8: Việc quốc hữu hóa và tài sản thuộc sở hữu nước ngoài của Mỹ tại Cuba bắt đầu.</p> <p>19/10: Tất cả tài sản thuộc sở hữu của người Mỹ còn lại ở Cuba được quốc hữu hóa.</p> <p>24/10: Mỹ áp đặt lệnh cấm vận kinh tế đối với Cuba, ngoại trừ thực phẩm và thuốc men.</p>
1961	<p>3/01: Tổng thống D.Eisenhower cắt đứt quan hệ ngoại giao với Cuba.</p> <p>17/4: Mỹ thất bại trong việc tổ chức cho người Cuba lưu vong xâm lược Cuba tại Vịnh Con Lợn.</p> <p>2/12: Fidel Castro tuyên bố ông theo chủ nghĩa Marx-Lenin và Cuba sẽ đi theo chủ nghĩa cộng sản.</p>
1962	<p>22/1: Tư cách thành viên Cuba trong Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS) bị đình chỉ.</p> <p>7/2: Chính phủ Mỹ cấm tất cả hàng nhập khẩu của Cuba và tái xuất các sản phẩm của Mỹ sang Cuba từ các quốc gia khác. Mỹ cũng sẽ cắt viện trợ cho các quốc gia cung cấp hỗ trợ cho Cuba.</p> <p>14/10: Các cảng của Mỹ đóng cửa với các quốc gia cho phép tàu của họ mang vũ khí đến Cuba, các tàu cập cảng ở một nước XHCN bị cấm cập cảng Mỹ trong chuyến đi đó và việc vận chuyển hàng hóa của các công ty thương mại Mỹ bị cấm với Cuba.</p> <p>27/10 Cuba bắn hạ một chiếc máy bay U2. Tổng thống Kennedy gửi thư cho Khrushchev, đề nghị Liên Xô rút tên lửa ngay lập tức để đổi lấy việc chấm dứt phong tỏa. Chính phủ Mỹ thông báo cho Liên Xô rằng họ sẽ rút tên lửa của Mỹ khỏi Thổ Nhĩ Kỳ sau khi cuộc khủng hoảng kết thúc.</p> <p>21/11 Tổng thống Kennedy chấm dứt các biện pháp kiểm dịch đối với Cuba.</p>

1963	<p>8/2: Chính quyền Kennedy cấm du lịch đến Cuba và thực hiện các giao dịch tài chính và thương mại với Cuba.</p> <p>8/7: Tất cả các tài sản thuộc sở hữu của Cuba ở Mỹ đều bị đóng băng.</p>
1964	<p>Tháng 7: Thành viên của OAS bỏ phiếu ban hành lệnh trừng phạt kinh tế và phá vỡ liên kết ngoại giao với Cuba.</p>
1965	<p>Tháng 10: Hơn 3.000 người Cuba di cư bằng thuyền từ Camarioca đến Mỹ.</p> <p>6/11: Bắt đầu chương trình Chuyến bay Tự do, cho phép khoảng 250.000 người Cuba đến Mỹ vào năm 1971.</p>
1966	<p>2/11: Đạo luật Điều chỉnh Cuba cho phép 123.000 người Cuba nộp đơn xin thường trú tại Mỹ.</p>
1974	<p>Tháng 11: Các trợ lý Ngoại trưởng W. Rogers và L. Eagleburger tiến hành các cuộc đàm phán bình thường hóa bí mật với các quan chức Cuba ở Washington và New York. Các cuộc đàm phán kết thúc về sự tham gia của Cuba ở Angola.</p>
1975	<p>29/7: Các thành viên OAS bỏ phiếu để dỡ bỏ các lệnh trừng phạt tập thể đối với Cuba. Chính phủ Mỹ hoan nghênh hành động này và tuyên bố ý định mở các cuộc thảo luận nghiêm túc với Cuba về bình thường hóa.</p> <p>20/12: Tổng thống Ford tuyên bố rằng sự can dự của Cuba vào Angola và sự ủng hộ của phong trào độc lập Puerto Rico chấm dứt các nỗ lực cải thiện quan hệ.</p> <p>22/12: Fidel tuyên bố tiếp tục ủng hộ các phong trào cách mạng ở Angola và Puerto Rico</p>
1977	<p>18/03: Chính phủ Mỹ bãi bỏ lệnh cấm du lịch tới Cuba và cho phép công dân Mỹ chi 100 USD cho hàng hóa Cuba trong các chuyến thăm của họ.</p> <p>27/4: Mỹ và Cuba ký thỏa thuận về quyền đánh cá và ranh giới trên biển.</p> <p>Tháng 9: Mỹ và Cuba mở các văn phòng ở các thủ đô của nhau.</p>
1978	<p>31/7: Fidel Castro kêu gọi dỡ bỏ các căn cứ của Mỹ khỏi Vịnh Guantanamo.</p>
1979	<p>30/8: Thượng nghị sĩ Frank Church, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại, tuyên bố phát hiện một lữ đoàn chiến đấu của Liên Xô gồm 3000 binh sĩ ở Cuba.</p> <p>1/10: Tổng thống Carter tái khẳng định rằng quân đội từ Cuba sẽ không được phép di chuyển chống lại các nước láng giềng và thành lập Trụ sở Lực lượng Đặc nhiệm chung Caribe.</p>
1980	<p>Tháng 4: 10.000 người Cuba xông vào đại sứ quán Peru ở Havana để xin tị nạn chính trị. Sau khi nói lỏng các hạn chế nhập cư, một đội quân tị nạn (cuối cùng là</p>

	<p>125.000) bắt đầu một cuộc di cư từ cảng Mariel ở Cuba đến Mỹ.</p> <p>14/5: Tổng thống Carter yêu cầu chính phủ Cuba áp đặt một sự ra đi có trật tự và ra lệnh phong tỏa để ngăn những chiếc thuyền tư nhân đến Cuba để đón người tị nạn. Chính phủ Cuba đóng cửa cảng Mariel vào tháng 9.</p> <p>11/9: Một tùy viên của Phái bộ Cuba tại Liên Hợp Quốc bị ám sát bởi những kẻ khủng bố chống Fidel. Bộ trưởng Ngoại giao Edwin Muskie đưa ra tuyên bố chấm dứt vụ giết người có trách nhiệm.</p> <p>22/12: Cuộc họp đầu tiên trong số nhiều cuộc họp giữa các quan chức Mỹ và Cuba để thảo luận về việc hồi hương của Marielitos.</p>
1981	23/9: Chính phủ Mỹ tuyên bố kế hoạch thành lập Radio Marti để phát sóng tới Cuba.
1982	<p>Tháng 3: Đặc phái viên Mỹ Vernon Walters gặp gỡ ông Castro tại Havana để thảo luận về các vấn đề nổi cộm.</p> <p>9/4: Điều lệ liên kết không khí giữa Miami và Havana bị chính phủ Mỹ tạm dừng.</p> <p>19/4: Chính phủ Mỹ cấm đi du lịch Cuba một cách hiệu quả bằng cách cấm các chi tiêu tiền tệ ở Cuba của công dân Mỹ.</p>
1983	25/10: Sự can thiệp của Mỹ vào Grenada bắt đầu sau một cuộc đảo chính cánh tả và phát hiện ra rằng người Cuba đang được sử dụng để chế tạo một phi đạo có thể được sử dụng cho máy bay quân sự.
1984	<p>11/01: Một ủy ban của Tổng thống về Trung Mỹ do Henry Kissinger đứng đầu báo cáo rằng sự can thiệp của Liên Xô và Cuba vào khu vực đã tạo ra một vấn đề an ninh lớn cho Mỹ.</p> <p>14/02: Mỹ và Cuba ký kết hiệp ước di cư, theo đó Cuba đồng ý chấp nhận trả lại Marielitos.</p> <p>31/7: Các quan chức Mỹ và Cuba tổ chức các cuộc đàm phán về các vấn đề di cư.</p>
1985	<p>21/01: Các giám mục Mỹ đến thăm Cuba. Họ gặp gỡ Castro yêu cầu thả 250 tù nhân chính trị.</p> <p>20/5: Radio Marti bắt đầu phát sóng đến Cuba. Chính phủ Cuba ngay lập tức bị kẹt tín hiệu. Sau đó, ông đình chỉ thỏa thuận nhập cư năm 1984 của Mỹ.</p>
1986	Chính phủ Cuba bắt đầu cấp thị thực dài hạn cho các linh mục và nữ tu nước ngoài.
1987	19/11: Mỹ và Cuba ký kết hiệp ước nhập cư mới, khôi phục thỏa thuận năm 1984.
1988	Tháng 3: Ủy ban Nhân quyền LHQ cử một nhóm báo cáo về tình hình nhân quyền ở Cuba.

	<p>23/8: Tổng thống Reagan ký một đạo luật thương mại chấm dứt các yêu cầu cấp phép để nhập khẩu các bản ghi âm, tài liệu in và các phương tiện truyền thông khác từ Cuba.</p> <p>Tháng 11: Cuba đồng ý thả 44 tù nhân chính trị theo sự can thiệp của Hội nghị Công giáo Mỹ</p>
1989	<p>20/11: Bộ Tài chính giới hạn chi phí liên quan đến du lịch cho công dân Mỹ đến Cuba ở mức 100 USD mỗi ngày.</p>
1990	<p>23/3: Thử nghiệm đầu tiên của TV Marti được đưa ra. Nó bị kẹt bởi chính phủ Cuba.</p>
1991	<p>20/5: Trong một cuộc họp với các nhà bất đồng chính kiến Cuba, Tổng thống Bush kêu gọi Fidel phóng thích tù nhân chính trị và tổ chức bầu cử.</p>
1991	<p>11/9: Mikhail Gorbachev tuyên bố rằng ông sẽ rút toàn bộ quân đội Liên Xô khỏi Cuba.</p> <p>Tháng 12: Trợ cấp kinh tế của Liên Xô cho Cuba, trị giá khoảng 6 tỷ USD hàng năm bị chấm dứt.</p>
1992	<p>Tháng 01: Những thay đổi trong Hiến pháp Cuba bao gồm các biện pháp thu hút đầu tư nước ngoài mà không ảnh hưởng đến quyền lực của Fidel.</p> <p>15/10: Quốc hội thông qua Đạo luật Dân chủ Cuba, nghiêm cấm các công ty con ở nước ngoài của các công ty Mỹ giao dịch với Cuba, đến Cuba và chuyển tiền gia đình đến Cuba. Luật pháp cho phép các nhóm tư nhân cung cấp thực phẩm và thuốc men cho Cuba.</p>
1993	<p>01/10: Mỹ và Cuba đạt được thỏa thuận ở cấp độ làm việc về việc hồi hương 1.500 người di cư Cuba.</p>
1994	<p>Tháng 8: Sau tuyên bố về chính sách di cư mở của Fidel, Mỹ thành lập Lực lượng bảo vệ bờ biển ngăn chặn các cuộc di cư từ biển.</p> <p>01/9: Thảo luận về cuộc di cư mở tại thành phố New York giữa các quan chức Cuba và Mỹ.</p> <p>9/9: Mỹ và Cuba ban hành một thông cáo chung đồng ý thực hiện các biện pháp để đảm bảo rằng việc di cư giữa hai nước là an toàn, hợp pháp và có trật tự. Mỹ đồng ý rằng tổng di cư hợp pháp vào Mỹ sẽ tối thiểu 20.000 mỗi năm.</p>
1995	<p>02/5: Mỹ và Cuba ban hành một tuyên bố chung khẳng định lại cam kết của họ nhằm thúc đẩy di cư an toàn, hợp pháp và có trật tự. Theo thỏa thuận này, người</p>

	<p>Cuba bị can thiệp trên biển hoặc vào căn cứ hải quân Guantanamo bất hợp pháp, được trả lại cho Cuba với điều kiện họ không có bất kỳ lo ngại bảo vệ nào. Người Cuba trở về được giám sát bởi nhân viên của Bộ phận Quyền lợi Mỹ tại Havana.</p> <p>5/10: Tổng thống Clinton tuyên bố các biện pháp mở rộng liên lạc giữa người với người giữa Mỹ và Cuba, cho phép các tổ chức phi chính phủ (NGO) của Mỹ tài trợ cho các dự án ở Cuba và cung cấp tài trợ của AID cho các tổ chức phi chính phủ của Mỹ cho các dự án liên quan đến Cuba.</p>
1996	<p>24/02: MIG của Cuba bắn hạ hai máy bay dân sự thuộc Anh em cứu hộ có trụ sở tại Miami, trên không phận quốc tế. Ba người Mỹ gốc Cuba và một cư dân hợp pháp Cuba bị giết.</p> <p>12/3: Tổng thống Clinton ký Đạo luật Cuba Tự do và Đoàn kết Dân chủ (Libertad - còn được gọi là Đạo luật Helms-Burton), ban hành các hình phạt đối với các công ty nước ngoài kinh doanh tại Cuba; cho phép công dân Mỹ kiện các nhà đầu tư nước ngoài sử dụng tài sản thuộc sở hữu của Mỹ bị chính phủ Cuba tịch thu; và từ chối nhập cảnh vào Mỹ cho các nhà đầu tư nước ngoài như vậy.</p> <p>16/7: Tổng thống Clinton đình chỉ thi hành các điều khoản Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton, cho phép các vụ kiện được nộp lên tòa án Mỹ chống lại các nhà đầu tư nước ngoài đang trục lợi từ tài sản bị tịch thu của Mỹ. Bản thân Tiêu đề III được phép có hiệu lực vào ngày 1/8.</p> <p>16/8: Tổng thống Clinton bổ nhiệm Đại sứ Stuart Eizenstat làm Đại diện đặc biệt cho việc thúc đẩy Dân chủ ở Cuba.</p> <p>19/11: Giáo hoàng J.Paul II tiếp F.Castro tại Vatican và chấp nhận lời mời đến thăm Cuba.</p> <p>02/12: Liên minh châu Âu áp dụng Quan điểm chung về Cuba, hỗ trợ phát triển cho Cuba về thay đổi dân chủ.</p>
1997	<p>03/01: Tổng thống Clinton đình chỉ quyền khởi kiện các điều khoản của Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton, chỉ ra những tiến bộ đạt được theo sáng kiến đa phương do Mỹ lãnh đạo nhằm thúc đẩy thay đổi dân chủ ở Cuba.</p> <p>28/01: Tổng thống Clinton công bố báo cáo về việc hỗ trợ Mỹ và phần còn lại của cộng đồng quốc tế sẽ cung cấp cho một chính phủ chuyển tiếp ở Cuba.</p> <p>12/02: Chính quyền phê duyệt giấy phép cho các tổ chức tin tức của Mỹ để mở văn phòng tại Cuba. Tuy nhiên, Chính phủ Cuba, chỉ cho phép CNN ở trong nước.</p>

	<p>11/4: Mỹ và Liên minh Châu Âu đạt được sự thỏa thuận, theo đó EU sẽ đình chỉ vụ kiện của Tổ chức Thương mại Thế giới chống lại Đạo luật Helms-Burton và các thành phần khác của luật pháp Mỹ. Mỹ và EU đồng ý hợp tác để phát triển các kỹ luật quốc tế ràng buộc nhằm ngăn chặn đầu tư vào tài sản bị tịch thu. Mỹ đồng ý tìm kiếm thẩm quyền miễn trừ tổng thống cho Tiêu đề IV của Đạo luật Helms-Burton nếu các quy tắc như vậy được phát triển và tuân thủ.</p> <p>16/7: Tổng thống Clinton lần thứ ba đình chỉ quyền khởi kiện các điều khoản của Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton.</p> <p>08/12: Chính phủ Mỹ chấp thuận yêu cầu cấp phép của Tổng giáo phận Miami để thuê tàu du lịch đến Cuba trong chuyến viếng thăm của Giáo hoàng và cấp phép cho các nhóm tôn giáo và phương tiện truyền thông khác sử dụng máy bay điều lệ để đến Cuba cho chuyến thăm của Giáo hoàng.</p> <p>09/12: Thẩm phán liên bang Mỹ yêu cầu Cuba phải trả 187,6 triệu USD tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình của ba người Mỹ thiệt mạng trong hai chiếc máy bay Cứu hộ bị bắn rơi bởi Cuba vào tháng 2/1996.</p>
1998	<p>16/01: Tổng thống Clinton đình chỉ Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton lần thứ tư.</p> <p>21-25/01: Giáo hoàng John Paul II đến thăm Cuba. Ngoài việc khuyến khích người Cuba quay trở lại nhà thờ, Giáo hoàng còn chỉ trích các lệnh trừng phạt của Mỹ là bất công và không thể chấp nhận được về mặt đạo đức và đã chỉ trích chính phủ Cuba từ chối các quyền tự do cơ bản cho người dân Cuba.</p> <p>12/02: Tòa thánh Vatican tuyên bố Cuba đã trả tự do cho hàng chục tù nhân chính trị để đáp lại yêu cầu của Giáo hoàng về việc thả tù nhân lương tâm.</p> <p>20/3: Sau chuyến thăm của Giáo hoàng đến Cuba, Tổng thống Clinton tuyên bố bốn thay đổi đối với chính sách của Mỹ: 1) nói lại việc cấp phép cho các chuyến bay điều lệ nhân đạo trực tiếp đến Cuba (bị cấm sau vụ bắn hạ máy bay tháng 2 năm 1996); 2) việc nói lại các khoản chuyển tiền lên tới 300 USD mỗi quý để hỗ trợ người thân ở Cuba (bị hạn chế kể từ cuộc khủng hoảng di cư tháng 8 năm 1994); 3) xây dựng các thủ tục cấp phép để hợp lý hóa và tiến hành cấp phép cho việc bán thương mại thuốc và thiết bị y tế cho Cuba; và 4) quyết định làm việc trên cơ sở lưỡng đảng với Quốc hội về việc chuyển giao thực phẩm cho người dân Cuba.</p> <p>21/3: Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc bác bỏ nghị quyết lên án hồ sơ nhân quyền của Cuba và sẽ gia hạn công việc của Báo cáo viên đặc biệt để điều tra tình</p>

hình nhân quyền của Cuba trong một năm nữa. Cuộc bỏ phiếu là 16 đồng ý, 19 chống, với 18 phiếu trắng.

Tháng 4: Báo cáo thường niên của Bộ Ngoại giao Mỹ ở Quốc hội, Các mô hình khủng bố toàn cầu, một lần nữa liệt kê Cuba là nước ủng hộ khủng bố quốc tế.

06/5: Cơ quan Tình báo Mỹ đã đưa ra một báo cáo trước Quốc hội, kết luận rằng, Cuba không gây ra mối đe dọa quân sự đáng kể nào đối với Mỹ hoặc các quốc gia khác trong khu vực.

02/7: Văn phòng Kiểm soát Tài sản nước ngoài của Bộ Tài chính Mỹ đã cấp giấy phép cho 9 công ty cung cấp các chuyến bay chở khách trực tiếp từ Sân bay Quốc tế Miami đến Sân bay Havana Havana Jose Martí.

16/7: Lần thứ năm, Tổng thống Clinton đình chỉ tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton.

25/8: Một bồi thẩm đoàn liên bang Mỹ ở Puerto Rico đã truy tố 7 người Mỹ gốc Cuba vì âm mưu ám sát Fidel Castro. Bản cáo trạng bắt nguồn từ việc bắt giữ một du thuyền Miami ngoài khơi Puerto Rico vào tháng 10 năm 1997, trong đó 4 người lưu vong Cuba đang mang theo hai khẩu súng bắn tỉa. Một trong những người đàn ông tuyên bố rằng 4 người đang âm mưu giết Fidel Castro khi ông đến thăm đảo Margarita của Venezuela vào tháng 11/1997.

Tháng 10: Thượng nghị sĩ John Warner, cùng với mười 4 thượng nghị sĩ khác viết thư cho Tổng thống Clinton kêu gọi thành lập một Ủy ban Bipartisan Quốc gia ở Cuba, để tiến hành phân tích chính sách của Mỹ. Chín thượng nghị sĩ khác đã ký vào bức thư vào tháng 12 năm 1998.

14/10: Trong năm thứ bảy liên tiếp, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã phê chuẩn một nghị quyết (157-2) chỉ trích các lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Cuba. Mỹ và Israel phản đối biện pháp này và 12 quốc gia đã từ bỏ.

04/12: Mỹ và Cuba có cuộc hội đàm tại Havana để xem xét Hiệp định Di cư năm 1994 và 1995.

23/12: Ba nhà ngoại giao đóng quân tại Phái bộ Cuba tại Liên Hợp Quốc ở New York bị trục xuất sau khi mười đặc vụ bị buộc tội vào tháng 9 vì tội gián điệp cho chính phủ Fidelidel. Bộ Ngoại giao Mỹ tuyên bố rằng hành động này được thực hiện đối với nhân viên, vì các hoạt động trên mạng không phù hợp với tư cách là thành viên của một phái bộ Liên Hợp Quốc.

1999	<p>05/01: Tổng thống Clinton tuyên bố 5 biện pháp hỗ trợ người dân Cuba dự định tăng cường thay đổi chính sách của Mỹ vào tháng 3 năm 1998 sau chuyến thăm Cuba của Giáo hoàng John Paul II</p> <p>12/01: Một lực lượng đặc nhiệm lưỡng đảng được tài trợ bởi Hội đồng Quan hệ Đối ngoại phát hành một báo cáo kêu gọi liên hệ nhiều hơn giữa Mỹ và Cuba.</p> <p>15/01: Tổng thống Clinton đình chỉ Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton lần thứ sáu.</p> <p>25/02: Chính phủ Cuba cắt giảm hầu hết dịch vụ truyền thông trực tiếp của Mỹ để đáp trả các công ty truyền thông Mỹ giữ lại các khoản thanh toán cho Cuba vì các khoản thanh toán đang được tìm kiếm trong bản án của gia đình ba công dân Mỹ bị giết trong vụ bắn máy bay vào tháng 2 năm 1996.</p> <p>03/03: Chính quyền Clinton tuyên bố rằng họ sẽ chính thức can thiệp với tư cách là một bên trong vụ kiện của các công ty truyền thông Mỹ và sẽ hỗ trợ khôi phục thanh toán cho Cuba càng sớm càng tốt.</p> <p>18/03: Một thẩm phán liên bang trao 6,2 triệu USD cho các khoản thanh toán viên thông cho Cuba từ các công ty của Mỹ. Các công ty truyền thông kháng cáo phán quyết.</p> <p>23/03: Bằng một cuộc bỏ phiếu, Hạ viện phê chuẩn Nghị quyết 99, lên án Cuba của đối với phe đối lập. Ngoài ra, nó kêu gọi chính quyền Clinton bảo đảm sự hỗ trợ cho một ủy ban giải quyết nhân quyền của Liên Hợp Quốc lên án hành vi vi phạm nhân quyền của Cuba; khôi phục một báo cáo viên đặc biệt về Cuba; và kêu gọi Chính quyền chỉ định một Đặc phái viên để ủng hộ quốc tế cho việc thiết lập luật pháp cho người dân Cuba.</p> <p>25/03: Bằng một cuộc bỏ phiếu, Thượng viện phê chuẩn Nghị quyết 57, trong đó tuyên bố rằng Mỹ nên nỗ lực để thông qua một Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp Quốc chỉ trích Cuba vì vi phạm nhân quyền và đảm bảo việc bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về Cuba.</p> <p>23/04: Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc phê chuẩn một nghị quyết chỉ trích Cuba về hồ sơ nhân quyền của họ bằng một cuộc bỏ phiếu, với 12 quốc gia bỏ phiếu trắng. Tuy nhiên, nó đã không chỉ định một Báo cáo viên đặc biệt về Cuba.</p> <p>13/05: Bộ Tài chính và Thương mại Mỹ ban hành các quy định liên quan đến việc bán thực phẩm và nông sản cho các chủ thể ở Cuba, như các nhóm tôn giáo, nông</p>
------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

dân và nhà hàng tư nhân. Hạn chế đối với một số loại hình du lịch cũng được nói lỏng.

31/05: Cuba đệ đơn kiện chống lại Mỹ tại Havana với số tiền bồi thường là 181,1 tỷ USD cho các nạn nhân của các cuộc tấn công chống Fidel kể từ năm 1959. Cuba tuyên bố rằng Mỹ đã gây ra hàng ngàn người chết và bị thương cho công dân Cuba và thiệt hại kinh tế lớn do kết quả lệnh trừng phạt của Mỹ.

07/06: Khoảng 25 nhà bất đồng chính kiến Cuba bắt đầu cuộc tuyệt thực kéo dài 40 ngày ở Havana trong nỗ lực kêu gọi sự chú ý đến tình hình nhân quyền ở Cuba và kêu gọi thả tù nhân chính trị.

21/06: Bộ Ngoại giao Mỹ và các quan chức Cảnh sát biển Mỹ gặp gỡ các đối tác Cuba của họ thảo luận về các cách để cải thiện và phối hợp trong việc chống buôn bán ma túy.

13-15/07: Chủ tịch Phòng Thương mại Mỹ, Thomas Donohue, tới Cuba để hỗ trợ sự phát triển khu vực tư nhân.

16/07: Tổng thống Clinton đình chỉ Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton lần thứ bảy. Nhóm khoảng 25 nhà bất đồng chính kiến Cuba ở Havana kết thúc cuộc tuyệt thực kéo dài 40 ngày của họ với lời kêu gọi các nhà lãnh đạo nước ngoài thúc đẩy ông Castro tiến hành cải cách chính trị.

09/11: Liên Hợp Quốc, trong năm thứ 8 liên tiếp, phê chuẩn một nghị quyết kêu gọi chấm dứt các lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Cuba. Chỉ có Mỹ và Israel bỏ phiếu chống và 8 quốc gia bỏ phiếu trắng.

10/11: Tổng thống Clinton từ chối bổ sung Cuba vào danh sách hàng năm các quốc gia sản xuất ma túy hoặc buôn bán ma túy bất hợp pháp.

15-16/11: Cuba tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh hàng năm các quốc gia châu Mỹ lần thứ chín, một cuộc họp của các nhà lãnh đạo Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và các nước Mỹ Latinh. Trong Hội nghị Thượng đỉnh Havana, các nhà lãnh đạo đã kêu gọi Mỹ chấm dứt việc áp dụng Đạo luật Helms-Burton.

25/11: Một chiếc thuyền với 14 người tị nạn Cuba chìm ngoài khơi Florida. Hai người sống sót dạt vào bờ tại Key Biscayne và ngư dân tìm thấy Elián Gonzalez năm tuổi bám vào một thuyền ngoài khơi bờ biển Fort Lauderdale.

27/11; Chính phủ Cuba gửi công hàm ngoại giao cho Mỹ ở Havana, tìm kiếm sự trở lại của Elián Gonzalez đến Cuba.

	<p>28/11: Cha của Elián Gonzalez xuất hiện trên truyền hình Cuba, kêu gọi sự trở lại của cậu bé về Cuba.</p> <p>02/12: Chính phủ Cuba cảnh báo rằng quan hệ với Mỹ có thể bị tổn hại nếu Elián Gonzalez không được phép quay lại với cha mình ở Cuba.</p> <p>05/12: Fidel Castro xuất hiện trên phương tiện truyền thông Cuba yêu cầu trả lại Elián Gonzalez trong vòng 72 giờ hoặc thề rằng sẽ có các cuộc biểu tình lớn của Cuba. Ông cũng đe dọa tẩy chay các cuộc đàm phán di cư sắp tới của Mỹ-Cuba.</p> <p>06/12: Hàng ngàn người Cuba bắt đầu biểu tình ở Havana đòi trả lại Elián Gonzalez. Elián Gonzalez kỷ niệm sinh nhật lần thứ sáu của mình với người thân Miami.</p> <p>08/12: Tổng thống Clinton cảnh báo rằng không nên đưa ra quyết định liên quan đến quyền nuôi con của Elián Gonzalez. Người thân ở Florida yêu cầu tị nạn cho cậu bé để ngăn chặn cậu trở lại Cuba.</p> <p>13/12: Cha Elián Gonzalez, gặp gỡ các đại lý Dịch vụ Nhập cư và Nhập tịch Mỹ.</p>
2000	<p>5/01: Dịch vụ Nhập cư và Nhập tịch Mỹ tuyên bố rằng Elián nên được trở về Cuba để sống với cha mình.</p> <p>10/01: Thẩm phán Tòa án Florida Rosa Rodriguez quy định rằng Elián nên ở lại với người thân ở Miami cho đến tháng 3 để xác định liệu cậu bé có bị tổn hại hay không khi quay lại Cuba.</p> <p>12/01: Tổng chưởng lý Mỹ Janet Reno bác bỏ phán quyết của tòa án gia đình và ủng hộ INS về quyết định của Elián.</p> <p>21/01: Bà ngoại Elián, bay từ Havana đến New York để tìm cậu bé trở về Cuba. Ngày hôm sau họ gặp Tổng chưởng lý Mỹ Janet Reno.</p> <p>22/3: Thẩm phán Mỹ Michael Moore bác bỏ vụ kiện của người thân Miami, phán quyết rằng INS có thẩm quyền trả lại Elián cho cha mình ở Cuba.</p> <p>29/3: Thị trưởng thành phố Miami-Dade Alex Penelas tuyên bố rằng nếu tình trạng bất ổn dân sự xảy ra trong thành phố, chính quyền địa phương sẽ buộc Tổng thống Clinton và Tổng chưởng lý Janet Reno chịu trách nhiệm.</p> <p>Tháng 6: Elián được phép đoàn tụ với cha mình ở Cuba sau nhiều cuộc chiến pháp lý kéo dài.</p>
2001	<p>16/1: Tổng thống Bush đình chỉ Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton.</p> <p>16/5/: Thượng viện Mỹ đề xuất luật cung cấp 100 triệu USD trong 4 năm để thúc</p>

	<p>đẩy nền dân chủ ở Cuba bằng cách cung cấp tiền mặt, máy fax, điện thoại và các mặt hàng khác cho các nhà bất đồng chính kiến Cuba.</p> <p>12/6: Đạo luật Bridges to the Cuban People Act cho phép tài trợ cho việc bán thực phẩm và thuốc cho Cuba, dỡ bỏ các hạn chế đối với du lịch Mỹ đến đảo và tài trợ cho chương trình học bổng cho sinh viên Cuba đến Mỹ để nghiên cứu sau đại học được đề xuất tại Quốc hội.</p> <p>16/7: Tổng thống Bush đình chỉ Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton lần thứ hai.</p>
2002	<p>16/01: Tổng thống Bush đình chỉ Tiêu đề III của Đạo luật Helms-Burton lần thứ ba.</p> <p>Tháng 1: Các tù nhân bị Mỹ bắt giữ trong Chiến tranh Lạnh ở Afghanistan đã được đưa bằng máy bay tới cảng Guatanamo để thẩm vấn với tư cách là nghi phạm Al - Qaeda.</p> <p>12-17/5: Cựu Tổng thống J. Carter tới Cuba để gặp Fidel Castro cũng như các nhà lãnh đạo của các nhóm bất đồng chính kiến Cuba. Cựu Tổng thống Carter là nhân vật cấp cao nhất của Mỹ đến thăm Cuba kể từ Cách mạng 1959 và là Tổng thống Mỹ đầu tiên kể từ chuyến thăm Calvin Coolidge vào năm 1928.</p>
2003	<p>Tháng 10: Tổng thống Mỹ George Bush tuyên bố các biện pháp mới được thiết kế để thúc đẩy chấm dứt sự cai trị của cộng sản ở Cuba, bao gồm thắt chặt lệnh cấm vận du lịch tới hòn đảo, trấn áp chuyển tiền bất hợp pháp và chiến dịch thông tin mạnh mẽ hơn nhằm vào Cuba. Một cơ quan mới, Ủy ban Hỗ trợ Cuba tự do được thành lập.</p>
2006	<p>Tháng 2: Một cuộc chiến tuyên truyền nổ ra ở Havana khi Chủ tịch Fidelberg tiết lộ một tượng đài ngăn chặn tầm nhìn của những thông điệp được chiếu sáng - một số trong số đó về nhân quyền được hiển thị trên tòa nhà truyền giáo Mỹ.</p> <p>Tháng 8: Tổng thống Mỹ George W. Bush, trong các bình luận đầu tiên sau khi Chủ tịch Cuba Castro trải qua phẫu thuật và trao quyền cho em trai Raúl, hối thúc người Cuba hãy nỗ lực theo hướng “dân chủ hóa”.</p> <p>Tháng 12: Phái đoàn lớn nhất của Quốc hội Mỹ tới thăm Cuba kể từ cách mạng 1959. Jeff Flake, một nghị sĩ Cộng hòa dẫn đầu phái đoàn, cho biết ông muốn mở ra “một kỷ nguyên mới trong quan hệ Mỹ - Cuba”.</p>
2007	<p>Tháng 7: Quyền lãnh đạo Raúl Castro bán tín hiệu cho rằng ông có thể đón chào mối quan hệ ấm dần lên với Mỹ. Ông đề nghị tham gia vào hội đàm, nhưng chỉ là sau khi cuộc bầu cử tổng thống Mỹ 2008 được tổ chức.</p>

2008	<p>Tháng 2: Raúl Castro chính thức đảm nhận chức vụ Chủ tịch nước Cuba. Washington kêu gọi bầu cử tự do và công bằng, đồng thời tuyên bố lệnh cấm vận của mình sẽ tiếp tục.</p> <p>4/11: Barack Obama được bầu làm tổng thống Mỹ.</p> <p>Tháng 12: Cuộc thăm dò dư luận mới cho thấy đa số người Mỹ gốc Cuba sống ở Miami muốn chấm dứt lệnh cấm vận đối với Cuba.</p>
2009	<p>Tháng 4: Tổng thống B. Obama dỡ bỏ các hạn chế độ đối với du lịch gia đình và chuyển kiều hối về Cuba.</p> <p>Tháng 12: Công dân Mỹ Alan Gross bị bắt ở Cuba với các cáo buộc làm gián điệp cho Washington.</p>
2010	<p>Tháng 11: Ballet Theater (Mỹ) thăm Cuba lần đầu tiên trong 50 năm, sự kiện mới nhất trong vấn đề trao đổi văn hóa.</p>
2011	<p>Tháng 10: Điệp viên Cuba Rene Gonzalez đã được thả tự do khỏi nhà giam Florida. Gonzalez là một thành viên trong nhóm bộ 5 Cuba - những người này bị kết án nhiều năm tù vào năm 2001 ở Mỹ sau khi bị kết tội làm gián điệp. Havana liên tục kêu gọi thả tự do cho những người này.</p> <p>Tháng 12: Mỹ một lần nữa kêu gọi thả Alan Gross một người Mỹ chịu mức án 15 năm tù trong nhà tù Cuba vì đã đưa thiết bị internet vào nước này. Việc Cuba từ chối thả tự do cho ông này đã làm đóng băng quan hệ song phương trong nhiều tháng.</p>
2012	<p>Tháng 9: Cuba gợi ý sẵn sàng đàm phán với Washington về việc tìm giải pháp cho vụ Gross.</p>
2014	<p>17/12: Tổng thống B. Obama tuyên bố việc khôi phục lại quan hệ ngoại giao với Cuba. B. Obama nói rằng Mỹ có kế hoạch mở lại đại sứ quán ở Havana, trong khi các thành viên của Quốc hội do đảng Cộng hòa kiểm soát lên án hành động này và thề sẽ duy trì lệnh cấm vận kinh tế.</p>
2015	<p>11/4: Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Raúl Castro hội đàm lịch sử tại Panama, đánh dấu sự gặp gỡ đầu tiên giữa Mỹ và Cuba đầu của Nhà nước kể từ khi hai nước cắt đứt quan hệ của họ vào năm 1961. Hai nhà lãnh đạo đã khẳng định quyết tâm đối thoại, tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ và mở ra trang sử mới trong quan hệ giữa hai nước.</p> <p>29/5: Mỹ đưa Cuba ra khỏi danh sách “bảo trợ khủng bố”. Việc chỉ định, lần đầu tiên được áp đặt vào năm 1982, đã ngăn Cuba tiếp cận tài chính quốc tế và là một</p>

	<p>điểm nhấn trong các cuộc đàm phán của Mỹ - Cuba về bình thường hóa quan hệ. B. Obama đã kêu gọi loại bỏ Cuba khỏi danh sách hồi tháng 4, sau khi Bộ Ngoại giao phát hiện ra rằng Cuba đã không tài trợ cho khủng bố trong những năm gần đây và thề sẽ không làm như vậy trong tương lai. Thông báo của B. Obama được đưa ra vài ngày sau khi ông gặp Raúl Castro bên lề Hội nghị Thượng đỉnh châu Mỹ trong cuộc thảo luận trực diện đầu tiên giữa các nguyên thủ quốc gia Mỹ và Cuba trong hơn nửa thế kỷ.</p> <p>20/7: Mỹ và Cuba tuyên bố mở lại đại sứ quán ở Washington và Havana đã bị đóng cửa từ năm 1961. Tuy nhiên, lệnh cấm vận thương mại của Mỹ, không thể được dỡ bỏ nếu không có sự chấp thuận của quốc hội, tuy nhiên cả hai nước đều không nêu tên đại sứ. Nhà ngoại giao hàng đầu của Mỹ đóng quân tại Havana là Jeffrey DeLaurentis, trong khi đó, Bộ trưởng Ngoại giao Cuba, Bruno Rodriguez, giám sát việc mở lại Đại sứ quán Havana ở Washington.</p> <p>17/12: Tổng thống Mỹ Barack Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro tuyên bố khởi đầu của một quá trình bình thường hóa quan hệ giữa Cuba và Mỹ.</p>
2016	<p>16/02: Mỹ và Cuba tái thiết lập các tuyến bay thương mại trực tiếp giữa hai nước sau hơn 50 năm gián đoạn.</p> <p>21/3: Tổng thống Mỹ thực hiện chuyến thăm lịch sử đến Cuba. B. Obama trở thành tổng thống Mỹ đầu tiên trong gần 90 năm tới thăm đảo quốc này. B. Obama gặp Raúl Castro, cũng như các nhà bất đồng chính kiến. Chuyến đi của ông diễn ra một tháng sau khi Cuba và Mỹ ký thỏa thuận cho phép các chuyến bay thương mại giữa hai nước lần đầu tiên sau hơn 50 năm. Chuyến bay phản lực chở khách đầu tiên diễn ra vào tháng 8 và trong những tuần tiếp theo, một số hãng hàng không Mỹ bắt đầu dịch vụ đến Cuba.</p> <p>25/11: Fidel Castro qua đời ở tuổi chín mươi. Hàng trăm ngàn người Cuba tập trung tại Quảng trường Cách mạng Havana để đánh dấu ngày đầu tiên của một tuần lễ tang chính thức. Nhóm bất đồng chính kiến nổi tiếng nhất của đất nước, Ladies in White, lần đầu tiên tổ chức cuộc biểu tình cuối tuần thường xuyên trong 13 năm. Hàng ngàn người Cuba lưu vong, nhiều người trong số họ coi Fidel là một nhà độc tài, ăn mừng ở Miami và các thành phố khác của Mỹ và kêu gọi thay đổi chính trị ở Cuba. Trong một tuyên bố, B. Obama nói rằng người Cuba nên biết về họ, họ có một người bạn và đối tác ở Mỹ.</p>

2017	<p>16/6: Tổng thống Donald J. Trump tuyên bố rằng ông sẽ khôi phục các hạn chế đối với người Mỹ đến Cuba và các thỏa thuận kinh doanh của Mỹ với một tập đoàn do quân đội điều hành nhưng sẽ không phá vỡ quan hệ ngoại giao. Chính quyền B. Obama đã nói lỏng các hạn chế, không giúp người dân Cuba, họ chỉ làm giàu cho chế độ Cuba, ông Trump nói thêm rằng các lệnh trừng phạt của Mỹ sẽ không được dỡ bỏ cho đến khi Cuba giải phóng tất cả các tù nhân chính trị, tôn trọng các quyền tự do hội họp và thể hiện các bên và lịch trình bầu cử miễn phí và công bằng. Một số lãnh đạo doanh nghiệp Mỹ và các thành viên của Quốc hội chỉ trích động thái này, nói rằng nó sẽ cô lập hơn nữa Cuba và làm xấu đi tình hình kinh tế và chính trị ở đó. Các nhà lãnh đạo Cuba nói rằng những thay đổi này mâu thuẫn với sự ủng hộ của đa số người Mỹ. Chính sách này sẽ áp dụng các chuyến bay trực tiếp mới từ Mỹ, các tuyến tàu du lịch và liên doanh khách sạn.</p>
2018	<p>19/4: Quốc hội nhất trí bầu Miguel Diaz-Canel 57 tuổi, phó chủ tịch đầu tiên và là người kế nhiệm được bầu chọn của ông Castro làm chủ tịch Cuba. Ông Castro, người đã tuyên bố vào năm 2013 rằng ông sẽ không tìm kiếm sự tái tranh cử vào cuối nhiệm kỳ thứ hai, nói rằng ông sẽ vẫn là người đứng đầu Đảng Cộng sản cho đến năm 2021.</p>

Quan hệ Mỹ-Cuba kể từ cuộc cách mạng



Tác giả tập hợp từ nhiều nguồn

Phụ lục 2: Tuyên bố của Tổng thống Mỹ Obama về thay đổi chính sách đối với Cuba (ngày 17/12/2014)

The White House, Office of the Press Secretary

For Immediate Release December 17, 2014

Statement by the President on Cuba Policy Changes

Cabinet Room

THE PRESIDENT: Good afternoon. Today, the United States of America is changing its relationship with the people of Cuba.

In the most significant changes in our policy in more than fifty years, we will end an outdated approach that, for decades, has failed to advance our interests, and instead we will begin to normalize relations between our two countries. Through these changes, we intend to create more opportunities for the American and Cuban people, and begin a new chapter among the nations of the Americas.

There's a complicated history between the United States and Cuba. I was born in 1961 - just over two years after Fidel Castro took power in Cuba, and just a few months after the Bay of Pigs invasion, which tried to overthrow his regime. Over the next several decades, the relationship between our countries played out against the backdrop of the Cold War, and America's steadfast opposition to communism. We are separated by just over 90 miles. But year after year, an ideological and economic barrier hardened between our two countries.

Meanwhile, the Cuban exile community in the United States made enormous contributions to our country - in politics and business, culture and sports. Like immigrants before, Cubans helped remake America, even as they felt a painful yearning for the land and families they left behind. All of this bound America and Cuba in a unique relationship, at once family and foe.

Proudly, the United States has supported democracy and human rights in Cuba through these five decades. We have done so primarily through policies that aimed to isolate the island, preventing the most basic travel and commerce that Americans can enjoy anywhere else. And though this policy has been rooted in the best of intentions, no other nation joins us in imposing these sanctions, and it has had little effect beyond providing the Cuban government with a rationale for restrictions on its people. Today, Cuba is still governed by the Castros and the Communist Party that came to power half a century ago.

Neither the American, nor Cuban people are well served by a rigid policy that is rooted in events that took place before most of us were born. Consider that for more than 35 years, we've had relations with China -- a far larger country also governed by a Communist Party. Nearly two decades ago, we reestablished relations with Vietnam, where we fought a war that claimed more Americans than any Cold War confrontation.

That's why - when I came into office - I promised to re-examine our Cuba policy. As a start, we lifted restrictions for Cuban Americans to travel and send remittances to their families in Cuba. These changes, once controversial, now seem obvious. Cuban Americans have been reunited with their families, and are the best possible ambassadors for our values. And through these exchanges, a younger generation of Cuban Americans has increasingly questioned an approach that does more to keep Cuba closed off from an interconnected world.

While I have been prepared to take additional steps for some time, a major obstacle stood in our way - the wrongful imprisonment, in Cuba, of a U.S. citizen and USAID subcontractor Alan Gross for five years. Over many months, my administration has held discussions with the Cuban government about Alan's case, and other aspects of our relationship. His Holiness Pope Francis issued a personal appeal to me, and to Cuba's President Raúl Castro, urging us to resolve Alan's case, and to address Cuba's interest in the release of three Cuban agents who have been jailed in the United States for over 15 years.

Today, Alan returned home - reunited with his family at long last. Alan was released by the Cuban government on humanitarian grounds. Separately, in exchange for the three Cuban agents, Cuba today released one of the most important intelligence agents that the United States has ever had in Cuba, and who has been imprisoned for nearly two decades. This man, whose sacrifice has been known to only a few, provided America with the information that allowed us to arrest the network of Cuban agents that included the men transferred to Cuba today, as well as other spies in the United States. This man is now safely on our shores.

Having recovered these two men who sacrificed for our country, I'm now taking steps to place the interests of the people of both countries at the heart of our policy.

First, I've instructed Secretary Kerry to immediately begin discussions with Cuba to reestablish diplomatic relations that have been severed since January of 1961. Going forward, the United States will reestablish an embassy in Havana, and high-ranking officials will visit Cuba.

Where we can advance shared interests, we will -- on issues like health, migration, counterterrorism, drug trafficking and disaster response. Indeed, we've seen the benefits of

cooperation between our countries before. It was a Cuban, Carlos Finlay, who discovered that mosquitoes carry yellow fever; his work helped Walter Reed fight it. Cuba has sent hundreds of health care workers to Africa to fight Ebola, and I believe American and Cuban health care workers should work side by side to stop the spread of this deadly disease.

Now, where we disagree, we will raise those differences directly - as we will continue to do on issues related to democracy and human rights in Cuba. But I believe that we can do more to support the Cuban people and promote our values through engagement. After all, these 50 years have shown that isolation has not worked. It's time for a new approach.

Second, I've instructed Secretary Kerry to review Cuba's designation as a State Sponsor of Terrorism. This review will be guided by the facts and the law. Terrorism has changed in the last several decades. At a time when we are focused on threats from al Qaeda to ISIL, a nation that meets our conditions and renounces the use of terrorism should not face this sanction.

Third, we are taking steps to increase travel, commerce, and the flow of information to and from Cuba. This is fundamentally about freedom and openness, and also expresses my belief in the power of people-to-people engagement. With the changes I'm announcing today, it will be easier for Americans to travel to Cuba, and Americans will be able to use American credit and debit cards on the island. Nobody represents America's values better than the American people, and I believe this contact will ultimately do more to empower the Cuban people.

I also believe that more resources should be able to reach the Cuban people. So we're significantly increasing the amount of money that can be sent to Cuba, and removing limits on remittances that support humanitarian projects, the Cuban people, and the emerging Cuban private sector.

I believe that American businesses should not be put at a disadvantage, and that increased commerce is good for Americans and for Cubans. So we will facilitate authorized transactions between the United States and Cuba. U.S. financial institutions will be allowed to open accounts at Cuban financial institutions. And it will be easier for U.S. exporters to sell goods in Cuba.

I believe in the free flow of information. Unfortunately, our sanctions on Cuba have denied Cubans access to technology that has empowered individuals around the globe. So I've authorized increased telecommunications connections between the United States and Cuba. Businesses will be able to sell goods that enable Cubans to communicate with the United States and other countries.

These are the steps that I can take as President to change this policy. The embargo that's been imposed for decades is now codified in legislation. As these changes unfold, I look forward to engaging Congress in an honest and serious debate about lifting the embargo.

Yesterday, I spoke with Raul Castro to finalize Alan Gross's release and the exchange of prisoners, and to describe how we will move forward. I made clear my strong belief that Cuban society is constrained by restrictions on its citizens. In addition to the return of Alan Gross and the release of our intelligence agent, we welcome Cuba's decision to release a substantial number of prisoners whose cases were directly raised with the Cuban government by my team. We welcome Cuba's decision to provide more access to the Internet for its citizens, and to continue increasing engagement with international institutions like the United Nations and the International Committee of the Red Cross that promote universal values.

But I'm under no illusion about the continued barriers to freedom that remain for ordinary Cubans. The United States believes that no Cubans should face harassment or arrest or beatings simply because they're exercising a universal right to have their voices heard, and we will continue to support civil society there. While Cuba has made reforms to gradually open up its economy, we continue to believe that Cuban workers should be free to form unions, just as their citizens should be free to participate in the political process.

Moreover, given Cuba's history, I expect it will continue to pursue foreign policies that will at times be sharply at odds with American interests. I do not expect the changes I am announcing today to bring about a transformation of Cuban society overnight. But I am convinced that through a policy of engagement, we can more effectively stand up for our values and help the Cuban people help themselves as they move into the 21st century.

To those who oppose the steps I'm announcing today, let me say that I respect your passion and share your commitment to liberty and democracy. The question is how we uphold that commitment. I do not believe we can keep doing the same thing for over five decades and expect a different result. Moreover, it does not serve America's interests, or the Cuban people, to try to push Cuba toward collapse. Even if that worked -- and it hasn't for 50 years -- we know from hard-earned experience that countries are more likely to enjoy lasting transformation if their people are not subjected to chaos. We are calling on Cuba to unleash the potential of 11 million Cubans by ending unnecessary restrictions on their political, social, and economic activities. In that spirit, we should not allow U.S. sanctions to add to the burden of Cuban citizens that we seek to help.

To the Cuban people, America extends a hand of friendship. Some of you have looked to us as a source of hope, and we will continue to shine a light of freedom. Others have seen us as a former colonizer intent on controlling your future. José Martí once said, “Liberty is the right of every man to be honest.” Today, I am being honest with you. We can never erase the history between us, but we believe that you should be empowered to live with dignity and self-determination. Cubans have a saying about daily life: “No es facil” -- it’s not easy. Today, the United States wants to be a partner in making the lives of ordinary Cubans a little bit easier, more free, more prosperous.

To those who have supported these measures, I thank you for being partners in our efforts. In particular, I want to thank His Holiness Pope Francis, whose moral example shows us the importance of pursuing the world as it should be, rather than simply settling for the world as it is; the government of Canada, which hosted our discussions with the Cuban government; and a bipartisan group of congressmen who have worked tirelessly for Alan Gross’s release, and for a new approach to advancing our interests and values in Cuba.

Finally, our shift in policy towards Cuba comes at a moment of renewed leadership in the Americas. This April, we are prepared to have Cuba join the other nations of the hemisphere at the Summit of the Americas. But we will insist that civil society join us so that citizens, not just leaders, are shaping our future. And I call on all of my fellow leaders to give meaning to the commitment to democracy and human rights at the heart of the Inter-American Charter. Let us leave behind the legacy of both colonization and communism, the tyranny of drug cartels, dictators and sham elections. A future of greater peace, security and democratic development is possible if we work together -- not to maintain power, not to secure vested interest, but instead to advance the dreams of our citizens.

My fellow Americans, the city of Miami is only 200 miles or so from Havana. Countless thousands of Cubans have come to Miami -- on planes and makeshift rafts; some with little but the shirt on their back and hope in their hearts. Today, Miami is often referred to as the capital of Latin America. But it is also a profoundly American city -- a place that reminds us that ideals matter more than the color of our skin, or the circumstances of our birth; a demonstration of what the Cuban people can achieve, and the openness of the United States to our family to the South. Todos somos Americanos.

Change is hard - in our own lives, and in the lives of nations. And change is even harder when we carry the heavy weight of history on our shoulders. But today we are making these changes because it is the right thing to do. Today, America chooses to cut loose the

shackles of the past so as to reach for a better future - for the Cuban people, for the American people, for our entire hemisphere, and for the world.

Thank you. God bless you and God bless the United States of America.

END/12: 16 P.M. EST

***Nguồn:**Statement by the President on Cuba Policy Changes*

<https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2014/12/17/statement-president-cuba-policy-changes>

Phụ lục 3: Những sửa đổi đối với sự trừng phạt Cuba ¹

1. Du lịch: Trong tất cả 12 danh mục du lịch được ủy quyền hiện có, nếu như trước đây đã được cấp giấy phép cụ thể thì nay tùy theo điều kiện thích hợp sẽ được ủy quyền theo giấy phép chung. Điều này có nghĩa là những cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định sẽ không cần phải xin giấy phép để đi du lịch đến Cuba.

2. Dịch vụ Du lịch và Vận chuyển: Các đại lý du lịch và hãng hàng không sẽ được ủy quyền cung cấp các dịch vụ đi lại và vận chuyển hàng không mà không cần giấy phép cụ thể từ Văn phòng kiểm soát tài sản nước ngoài (OFAC).

3. Bảo hiểm: Các công ty bảo hiểm của Mỹ sẽ được ủy quyền cung cấp bảo hiểm cho các chính sách bảo hiểm sức khỏe, cuộc sống hoặc bảo hiểm du lịch toàn cầu cho các cá nhân thường trú tại một nước thứ ba đi hoặc đến Cuba.

4. Nhập khẩu hàng hóa: Khách du lịch được ủy quyền ở Mỹ sẽ được phép nhập tối đa 400 USD hàng hóa được mua tại Cuba để sử dụng cho cá nhân.

5. Viễn thông: Để cung cấp các dịch vụ viễn thông hiệu quả và đầy đủ giữa Mỹ và Cuba, sẽ có một giấy phép chung mới từ OFAC sẽ tạo thuận lợi cho việc thành lập các cơ sở viễn thông thương mại liên kết các nước thứ ba với Cuba và ở Cuba.

6. Thiết bị truyền thông: Kinh doanh thương mại cũng như quyền góp xuất khẩu và tái xuất các thiết bị truyền thông tiêu dùng cho phép lưu thông tin đến, đi và giữa những người Cuba như máy tính cá nhân, điện thoại di động, tivi, thiết bị ghi nhớ, thiết bị ghi âm... sẽ được ủy quyền thay vì yêu cầu giấy phép.

7. Chuyển tiền: Các giới hạn về chuyển tiền thường được cấp phép cho công dân Cuba không thuộc chính phủ Cuba và các quan chức Đảng Cộng sản Cuba bị cấm sẽ tăng từ 500 USD lên 2000 USD mỗi quý.

8. Hiệu ứng quốc gia thứ ba: Mỹ sở hữu hoặc kiểm soát ở các nước thứ ba, kể cả ngân hàng, sẽ được phép cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho một quốc gia Cuba riêng lẻ nằm ngoài lãnh thổ Cuba, miễn là giao dịch không liên quan đến xuất khẩu hàng hóa hoặc dịch vụ thương mại đến hoặc từ Cuba.

9. Tăng trưởng doanh nghiệp nhỏ: Một số dự án tài chính vi mô cho đào tạo kinh doanh cũng như cho các hoạt động kinh doanh và nông nghiệp tư nhân, sẽ được ủy quyền.

¹ US Department of the Treasury (2015), "Treasury and Commerce Announce Regulatory Amendments to the

10. Tiền mặt ứng trước: Việc giải thích quy định “tiền mặt trước” được xác định lại từ “tiền mặt trước khi giao hàng” thành “tiền mặt trước khi chuyển nhượng quyền sở hữu và kiểm soát các mặt hàng xuất khẩu” để cho phép mở rộng tài trợ cho thương mại được ủy quyền với Cuba.

11. Hỗ trợ quan hệ ngoại giao và kinh doanh chính thức của USG: Để tạo thuận lợi cho việc tái lập quan hệ ngoại giao với Cuba, OFAC có thêm giấy phép chung cho phép giao dịch với các cơ quan chính thức của Cuba và nhân viên của họ tại Mỹ.

12. Hỗ trợ cho người dân Cuba (SCP): Xuất khẩu và tái xuất khẩu để cung cấp hỗ trợ cho người dân Cuba trong ba lĩnh vực: cải thiện điều kiện sống và hỗ trợ hoạt động kinh tế độc lập; tăng cường xã hội dân sự và cải thiện thông tin liên lạc sẽ đủ điều kiện theo giấy phép SCP của Bộ Thương mại.

13. Bưu kiện quà tặng: Các lô hàng quà tặng hợp nhất sẽ đủ điều kiện cho cùng một ngoại lệ giấy phép thương mại cho phép các gói quà tặng cá nhân.

14. Tự do hóa chính sách đánh giá ứng dụng giấy phép: Thương mại sẽ đưa ra chính sách phê duyệt chung cho các ứng dụng xuất khẩu hoặc tái xuất các mặt hàng cần thiết cho việc bảo vệ môi trường hoặc nâng cao chất lượng đường biển hoặc đường biên của Mỹ và quốc tế.

Nguồn: US Department of the Treasury (2015).

Phụ lục 4: Thống kê quan hệ thương mại của Mỹ với Cuba 1992 - 2016
(triệu USD)

1. Tổng hợp

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
1992	1,3	0,0	1,3
1993	2,4	0,0	2,4
1994	4,4	0,0	4,4
1995	5,4	0,0	5,4
1996	5,3	0,0	5,3
1997	9,4	0,0	9,4
1998	3,6	0,0	3,6
1999	4,5	0,6	3,9
2000	7,0	0,3	6,7
2001	7,2	0,0	7,2
2002	145,6	0,2	145,7
2003	259,1	0,3	258,8
2004	404,1	0,0	404,1
2005	369,0	0,0	369,0
2006	340,5	0,1	340,3
2007	447,1	0,3	446,8
2008	711,5	0,0	711,5
2009	532,8	0,0	532,8
2010	363,1	0,3	362,8
2011	363,3	0,0	363,3
2012	464,5	0,1	464,4
2013	359,6	0,0	359,6
2014	299,1	0,0	299,1
2015	180,2	0,0	180,2
2016	245,5	0,0	245,5

Nguồn: Cục Thống kê Mỹ (7/2017)

2. Cụ thể hàng năm

BẢNG 3: GIAO DỊCH HÀNG HÓA MỸ VỚI CUBA 1992 - 2016

Nguồn: Cục Thống kê Mỹ (7/2017)

LƯU Ý: Tất cả các số liệu được tính bằng hàng triệu USD Mỹ trên cơ sở danh nghĩa, không được điều chỉnh theo mùa trừ khi có quy định khác. Thông tin chi tiết có thể không tổng số bằng nhau do làm tròn số. Bảng chỉ phản ánh những tháng có giao dịch

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1992

Đơn vị: triệu USD

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	0.1	0.0	0.1
Tháng 2	0.1	0.0	0.1
Tháng 3	0.1	0.0	0.1
Tháng 4	0.1	0.0	0.1
Tháng 5	0.1	0.0	0.1
Tháng 6	0.1	0.0	0.1
Tháng 7	0.2	0.0	0.2
Tháng 8	0.1	0.0	0.1
Tháng 9	0.1	0.0	0.1
Tháng 10	0.1	0.0	0.1
Tháng 11	0.1	0.0	0.1
Tháng 12	0.1	0.0	0.1
Tổng 1992	1.3	0.0	1.3

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1993

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	0.1	0.0	0.1
Tháng 2	0.2	0.0	0.2
Tháng 3	0.2	0.0	0.2
Tháng 4	0.2	0.0	0.2
Tháng 5	0.2	0.0	0.2
Tháng 6	0.2	0.0	0.2
Tháng 7	0.2	0.0	0.2
Tháng 8	0.6	0.0	0.6
Tháng 9	0.1	0.0	0.1
Tháng 10	0.2	0.0	0.2
Tháng 11	0.1	0.0	0.1
Tháng 12	0.1	0.0	0.1
Tổng 1993	2.4	0.0	2.4

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1994

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 3	2.6	0.0	2.6
Tháng 4	0.1	0.0	0.1
Tháng 6	0.1	0.0	0.1
Tháng 8	0.5	0.0	0.5
Tháng 9	0.2	0.0	0.2
Tháng 10	0.3	0.0	0.3
Tháng 11	0.4	0.0	0.4
Tháng 12	0.2	0.0	0.2
Tổng 1994	4.4	0.0	4.4

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1995

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	0.2	0.0	0.2
Tháng 2	0.1	0.0	0.1
Tháng 3	0.1	0.0	0.1
Tháng 4	0.2	0.0	0.2
Tháng 6	0.1	0.0	0.1
Tháng 7	4.4	0.0	4.4
Tháng 8	0.1	0.0	0.1
Tháng 10	0.2	0.0	0.2
Tổng 1995	5.4	0.0	5.4

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1996

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 2	0.1	0.0	0.1
Tháng 4	0.3	0.0	0.3
Tháng 6	3.9	0.0	3.9
Tháng 7	0.5	0.0	0.5
Tháng 8	0.1	0.0	0.1
Tháng 9	0.1	0.0	0.1
Tháng 10	0.1	0.0	0.1
Tháng 11	0.2	0.0	0.2
Tổng 1996	5.3	0.0	5.3

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1997

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	0.4	0.0	0.4
Tháng 3	0.2	0.0	0.2
Tháng 4	0.2	0.0	0.2
Tháng 5	0.1	0.0	0.1
Tháng 6	0.2	0.0	0.2
Tháng 7	0.3	0.0	0.3
Tháng 8	3.9	0.0	3.9
Tháng 9	0.1	0.0	0.1
Tháng 10	0.2	0.0	0.2
Tháng 11	3.4	0.0	3.4
Tháng 12	0.4	0.0	0.4
Tổng 1997	9.4	0.0	9.4

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1998

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 2	0.5	0.0	0.5
Tháng 3	0.1	0.0	0.1
Tháng 4	0.1	0.0	0.1
Tháng 5	0.2	0.0	0.2
Tháng 6	0.4	0.0	0.4
Tháng 7	0.3	0.0	0.3
Tháng 8	0.3	0.0	0.3
Tháng 9	0.1	0.0	0.1
Tháng 10	0.5	0.0	0.5
Tháng 11	0.7	0.0	0.7
Tháng 12	0.4	0.0	0.4
Tổng 1998	3.6	0.0	3.6

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 1999

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	0.2	0.0	0.2
Tháng 2	0.2	0.0	0.2
Tháng 3	0.1	0.0	0.1
Tháng 4	2.5	0.0	2.5
Tháng 5	0.2	0.0	0.2
Tháng 6	0.1	0.0	0.1
Tháng 7	0.3	0.0	0.3
Tháng 8	0.1	0.0	0.1
Tháng 9	0.1	0.6	-0.5
Tháng 10	0.2	0.0	0.2
Tháng 11	0.4	0.0	0.4
Tháng 12	0.1	0.0	0.1
Tổng 1999	4.5	0.6	3.9

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2000

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	0.8	0.0	0.8
Tháng 2	0.1	0.0	0.1
Tháng 3	4.1	0.0	4.1
Tháng 4	0.2	0.0	0.2
Tháng 5	0.3	0.0	0.3
Tháng 6	0.2	0.0	0.2
Tháng 7	0.1	0.0	0.1
Tháng 8	0.2	0.0	0.2
Tháng 9	0.2	0.2	0.0
Tháng 10	0.2	0.1	0.1
Tháng 11	0.4	0.0	0.4
Tháng 12	0.2	0.0	0.2
Tổng 2000	7.0	0.3	6.7

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2001

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	0.3	0.0	0.3
Tháng 2	0.1	0.0	0.1
Tháng 3	0.1	0.0	0.1
Tháng 4	0.8	0.0	0.8
Tháng 5	0.1	0.0	0.1
Tháng 7	0.3	0.0	0.3
Tháng 8	0.3	0.0	0.3
Tháng 9	0.2	0.0	0.2
Tháng 10	0.1	0.0	0.1
Tháng 11	0.1	0.0	0.1
Tháng 12	4.8	0.0	4.8
Tổng 2001	7.2	0.0	7.2

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2002

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	10.0	0.0	10.0
Tháng 2	14.1	0.0	14.1
Tháng 3	8.1	0.0	8.1
Tháng 4	17.7	0.0	17.7
Tháng 5	6.5	0.0	6.5
Tháng 6	18.1	0.0	18.1
Tháng 7	8.6	0.0	8.6
Tháng 8	11.4	0.0	11.4
Tháng 9	16.3	0.0	16.3
Tháng 10	5.0	0.2	4.8
Tháng 11	21.5	0.0	21.5
Tháng 12	8.6	0.0	8.6
Tổng 2002	145.9	0.2	145.7

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2003

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	15.3	0.0	15.2
Tháng 2	14.1	0.0	14.1
Tháng 3	18.2	0.1	18.2
Tháng 4	20.9	0.1	20.8
Tháng 5	22.0	0.0	22.0
Tháng 6	13.4	0.0	13.3
Tháng 7	23.2	0.0	23.2
Tháng 8	13.1	0.0	13.1
Tháng 9	22.6	0.0	22.6
Tháng 10	25.0	0.0	25.0
Tháng 11	37.1	0.0	37.1
Tháng 12	34.3	0.0	34.3
Tổng 2003	259.1	0.3	258.8

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2004

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	34.9	0.0	34.9
Tháng 2	24.6	0.0	24.5
Tháng 3	62.5	0.0	62.5
Tháng 4	56.3	0.0	56.3
Tháng 5	33.9	0.0	33.9
Tháng 6	40.7	0.0	40.7
Tháng 7	31.3	0.0	31.3
Tháng 8	27.6	0.0	27.6
Tháng 9	10.6	0.0	10.6
Tháng 10	20.0	0.0	20.0
Tháng 11	29.3	0.0	29.3
Tháng 12	32.4	0.0	32.4
Tổng 2004	404.1	0.0	404.1

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2005

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	28.0	0.0	28.0
Tháng 2	21.5	0.0	21.5
Tháng 3	42.3	0.0	42.3
Tháng 4	37.5	0.0	37.5
Tháng 5	25.2	0.0	25.2
Tháng 6	35.4	0.0	35.4
Tháng 7	20.6	0.0	20.6
Tháng 8	30.6	0.0	30.6
Tháng 9	22.6	0.0	22.6
Tháng 10	28.1	0.0	28.1
Tháng 11	34.2	0.0	34.2
Tháng 12	43.1	0.0	43.1
Tổng 2005	369.0	0.0	369.0

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2006

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	29.2	0.0	29.2
Tháng 2	32.0	0.0	32.0
Tháng 3	36.7	0.0	36.7
Tháng 4	37.2	0.1	37.2
Tháng 5	18.2	0.0	18.2
Tháng 6	24.3	0.0	24.3
Tháng 7	37.5	0.1	37.4
Tháng 8	11.7	0.0	11.7
Tháng 9	28.6	0.0	28.6
Tháng 10	24.8	0.0	24.8
Tháng 11	36.1	0.0	36.1
Tháng 12	24.1	0.0	24.1
Tổng 2006	340.5	0.1	340.3

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2007

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	23.1	0.0	23.1
Tháng 2	22.0	0.2	21.8
Tháng 3	21.5	0.0	21.5
Tháng 4	49.1	0.0	49.1
Tháng 5	29.0	0.0	29.0
Tháng 6	28.8	0.0	28.8
Tháng 7	44.6	0.0	44.6
Tháng 8	54.1	0.1	54.0
Tháng 9	31.7	0.0	31.7
Tháng 10	33.7	0.0	33.7
Tháng 11	45.2	0.0	45.2
Tháng 12	64.3	0.0	64.3
Tổng 2007	447.1	0.3	446.8

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2008

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	57.8	0.0	57.8
Tháng 2	68.0	0.0	68.0
Tháng 3	42.1	0.0	42.1
Tháng 4	83.2	0.0	83.2
Tháng 5	52.2	0.0	52.2
Tháng 6	49.5	0.0	49.5
Tháng 7	72.5	0.0	72.5
Tháng 8	50.9	0.0	50.9
Tháng 9	57.9	0.0	57.9
Tháng 10	67.2	0.0	67.2
Tháng 11	52.8	0.0	52.8
Tháng 12	57.6	0.0	57.6
Tổng 2008	711.5	0.0	711.5

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2009

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	62.8	0.0	62.8
Tháng 2	58.3	0.0	58.3
Tháng 3	58.9	0.0	58.9
Tháng 4	54.3	0.0	54.3
Tháng 5	46.1	0.0	46.1
Tháng 6	24.0	0.0	24.0
Tháng 7	40.0	0.0	40.0
Tháng 8	37.1	0.0	37.1
Tháng 9	28.0	0.0	28.0
Tháng 10	38.8	0.0	38.8
Tháng 11	42.3	0.0	42.3
Tháng 12	42.1	0.0	42.1
Tổng 2009	532.8	0.0	532.8

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2010

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	47.8	0.0	47.8
Tháng 2	26.9	0.0	26.9
Tháng 3	41.3	0.3	41.0
Tháng 4	40.4	0.0	40.4
Tháng 5	24.0	0.0	24.0
Tháng 6	33.2	0.0	33.2
Tháng 7	20.2	0.0	20.2
Tháng 8	28.6	0.0	28.6
Tháng 9	18.8	0.0	18.8
Tháng 10	20.7	0.0	20.7
Tháng 11	35.9	0.0	35.9
Tháng 12	25.3	0.0	25.3
Tổng 2010	363.1	0.3	362.8

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2011

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	23.2	0.0	23.2
Tháng 2	31.8	0.0	31.8
Tháng 3	37.9	0.0	37.9
Tháng 4	33.3	0.0	33.3
Tháng 5	32.1	0.0	32.1
Tháng 6	26.6	0.0	26.6
Tháng 7	36.8	0.0	36.8
Tháng 8	33.2	0.0	33.2
Tháng 9	22.0	0.0	22.0
Tháng 10	31.0	0.0	31.0
Tháng 11	31.7	0.0	31.7
Tháng 12	23.7	0.0	23.7
Tổng 2011	363.3	0.0	363.3

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2012

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	53.1	0.0	53.1
Tháng 2	69.6	0.0	69.6
Tháng 3	42.0	0.1	41.9
Tháng 4	23.8	0.0	23.8
Tháng 5	37.3	0.0	37.3
Tháng 6	30.2	0.0	30.2
Tháng 7	22.5	0.0	22.5
Tháng 8	37.9	0.0	37.9
Tháng 9	20.2	0.0	20.2
Tháng 10	48.2	0.0	48.2
Tháng 11	43.9	0.0	43.9
Tháng 12	35.7	0.0	35.7
Tổng 2012	464.5	0.1	464.4

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2013

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	65.9	0.0	65.9
Tháng 2	53.0	0.0	53.0
Tháng 3	26.4	0.0	26.4
Tháng 4	32.7	0.0	32.7
Tháng 5	37.4	0.0	37.4
Tháng 6	21.2	0.0	21.2
Tháng 7	20.8	0.0	20.8
Tháng 8	19.5	0.0	19.5
Tháng 9	19.9	0.0	19.9
Tháng 10	34.9	0.0	34.9
Tháng 11	11.1	0.0	11.1
Tháng 12	16.9	0.0	16.9
Tổng 2013	359.6	0.0	359.6

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2014

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	34.9	0.0	34.9
Tháng 2	44.5	0.0	44.5
Tháng 3	53.7	0.0	53.7
Tháng 4	30.8	0.0	30.8
Tháng 5	14.6	0.0	14.6
Tháng 6	15.1	0.0	15.1
Tháng 7	18.2	0.0	18.2
Tháng 8	15.2	0.0	15.2
Tháng 9	16.0	0.0	16.0
Tháng 10	17.0	0.0	17.0
Tháng 11	12.7	0.0	12.7
Tháng 12	26.3	0.0	26.3
Tổng 2014	299.1	0.0	299.1

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2015

Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	25.3	0.0	25.3
Tháng 2	14.5	0.0	14.5
Tháng 3	33.8	0.0	33.8
Tháng 4	11.9	0.0	11.9
Tháng 5	26.8	0.0	26.8
Tháng 6	10.5	0.0	10.5
Tháng 7	5.4	0.0	5.4
Tháng 8	3.1	0.0	3.1
Tháng 9	23.0	0.0	23.0
Tháng 10	14.5	0.0	14.5
Tháng 11	6.4	0.0	6.4
Tháng 12	4.9	0.0	4.9
Tổng 2015	180.2	0.0	180.2

Giao dịch thương mại Mỹ với Cuba năm 2016

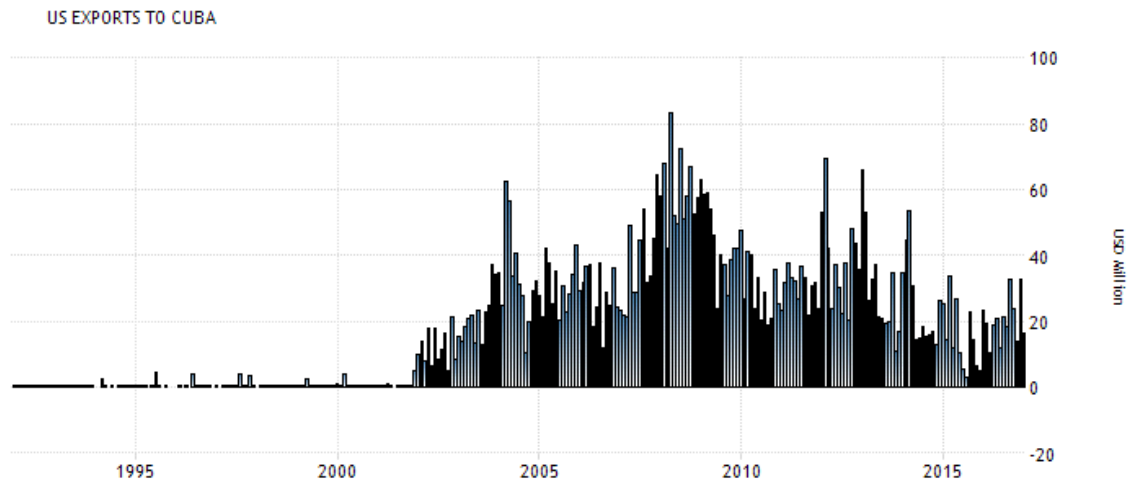
Tháng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Tháng 1	23.1	0.0	23.1
Tháng 2	19.2	0.0	19.2
Tháng 3	10.6	0.0	10.6
Tháng 4	18.7	0.0	18.7
Tháng 5	20.8	0.0	20.8
Tháng 6	11.7	0.0	11.7
Tháng 7	21.2	0.0	21.2
Tháng 8	18.4	0.0	18.4
Tháng 9	33.8	0.0	33.8
Tháng 10	24.0	0.0	24.0
Tháng 11	13.9	0.0	13.9
Tháng 12	29.9	0.0	29.9
Tổng 2016	245.5	0.0	245.5

Kính tấm	0	0	0	0	0	0	0	5	0	0
Tấm đục, tấm ốp tường	105	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Gạch lát sàn sạch	171	0	0	0	0	0	0	0	0	32
Máy phát điện, phụ kiện	0	0	0	0	0	21	0	0	0	89
Bộ phát điện	32	0	0	0	0	0	0	6	5	22
Thiết bị khoan dầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	29
Máy đào	0	0	0	0	0	0	0	0	222	24
Máy kéo phi nông nghiệp, phụ kiện	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Động cơ công nghiệp	0	0	0	0	0	0	3,002	0	0	354
Thực phẩm, máy móc thuốc lá	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14
Máy công cụ cơ khí	0	0	0	0	0	15	0	0	0	0
Bột giấy & máy móc	0	0	0	0	0	41	0	0	0	0
Máy công nghiệp và máy khác	0	0	0	0	0	0	0	39	0	162
Máy ảnh, máy công nghiệp dịch vụ	51	0	0	4	13	4	0	19	0	63
Máy móc, thiết bị nông nghiệp	19	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Máy vi tính	0	0	0	0	0	3	0	0	22	169
Phụ kiện máy tính	0	0	0	0	0	0	0	0	12	117
Thiết bị viễn	9	0	19	23	54	700	26	28	0	90

thông										
Máy móc thiết bị kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	38	0	22
Dụng cụ xét nghiệm	0	0	0	36	0	0	29	0	48	37
Thiết bị y tế	366	295	30	146	80	0	1,720	111	4,359	3,175
Máy bay dân dụng, động cơ, thiết bị, và các bộ phận	26	0	0	0	40	0	0	0	10	1,356
Động cơ hàng hải, các bộ phận	0	0	0	0	0	43	0	0	0	0
Xe khách mới và qua sử dụng	0	0	0	0	0	0	0	38	0	0
Xe tải, xe buýt và xe chuyên dùng	0	0	0	0	823	0	0	0	0	0
Lốp và săm ô tô	161	0	0	0	3	0	0	0	0	0
Các bộ phận và phụ kiện khác của xe	0	0	0	3	21	6	0	0	21	0
Máy mặc, đồ gia dụng - dệt may	6	0	29	134	565	214	615	777	494	1,067
Trang phục và dụng cụ thể thao	0	0	0	0	34	16	0	8	0	13
Chế phẩm được	1,862	940	487	536	843	3,096	1,560	1,782	2,443	4,060
Sách, vật liệu in	180	33	52	34	8	47	74	127	381	209
Đồ dùng vệ sinh cá nhân	118	47	0	0	0	0	0	0	0	0

Các mặt hàng tiêu dùng khác	47	5	0	0	3	0	0	0	0	5
Nội thất, đồ gia dụng	24	7	0	0	23	16	11	0	5	23
Thiết bị gia dụng	0	0	0	0	8	3	0	0	4	23
Thảm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
Điện thoại di động và các mặt hàng gia dụng khác...	149	169	72	3	0	0	530	472	85	64
Thuyền và động cơ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7
Đồ chơi, games, đồ thể thao	4	0	0	3	3	0	3	0	0	696
Nhạc cụ	0	0	0	0	99	0	61	11	0	0
TV và thiết bị video	0	0	0	0	0	4	0	14	0	5
Thiết bị âm thanh nổi...	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0
Trang sức v.v...	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0
Động cơ và tua bin cho máy bay quân sự	0	0	0	0	0	0	200	0	0	0
Phụ tùng cho hàng quân sự	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Xuất khẩu nội địa khác và giao dịch đặc biệt	1,933	3,509	1,541	1,311	446	698	1,379	1,160	596	2,338
Tổng	447,061	711,501	532,777	363,112	363,316	464,458	359,610	299,064	180,215	245,455

BẢNG 2: BIỂU ĐỒ XUẤT KHẨU CỦA HOA KỲ SANG CUBA 1992 - 2017



SOURCE: TRADINGECONOMICS.COM | U.S. CENSUS BUREAU

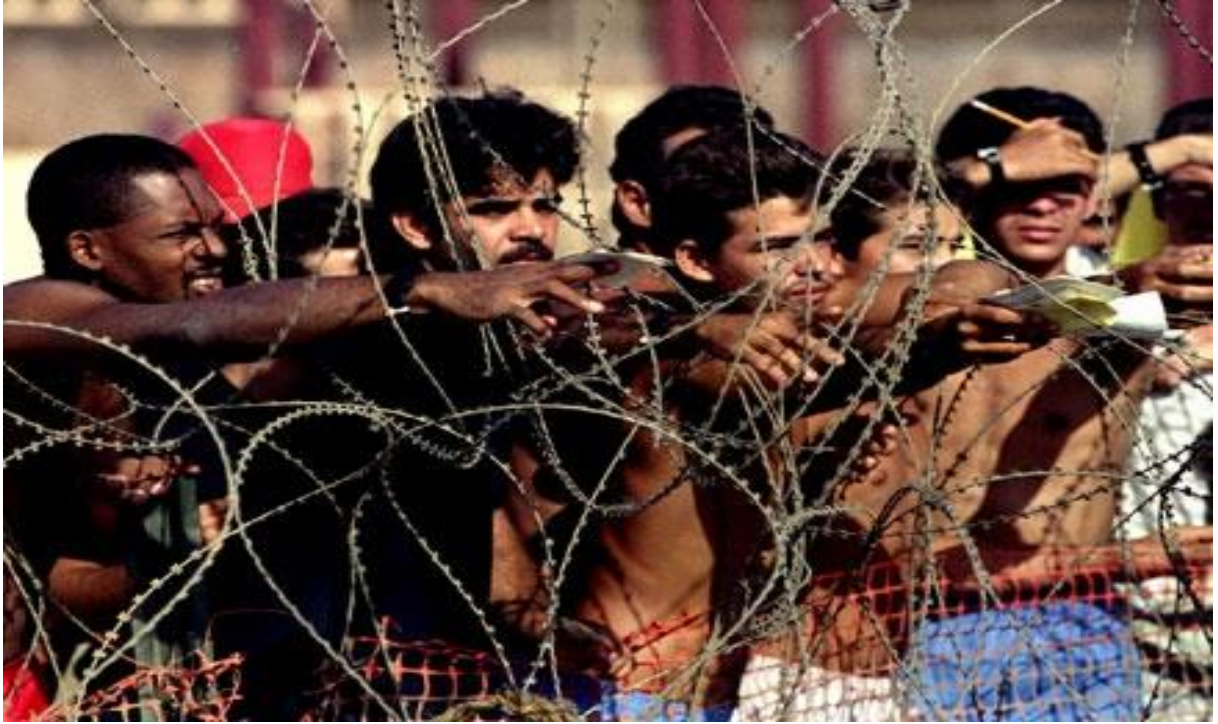
Phụ lục 6: Một số hình ảnh về quan hệ Mỹ - Cuba (1991 - 2016)



Ảnh 1: Từ tháng 8 đến tháng 9/1994: Hơn 35,000 người rời Cuba vượt biển sang Mỹ trên những chiếc thuyền op ẹp (Nguồn: Reuters)



Ảnh 2: Tháng 3/1999: Chính quyền Mỹ dưới thời Tổng thống Bill Clinton cho phép đội bóng chày Baltimore Orioles sang thi đấu giao hữu với Đội tuyển Cuba. Trong ảnh: Chủ tịch Fidel Castro nói chuyện với các cầu thủ bóng chày Baltimore Orioles. (Nguồn: Reuters)



Ảnh 3: Người tị nạn Cuba đang bị giam giữ tại Căn cứ Hải quân Guantanamo ngày 27/8/1994 (Nguồn: Reuters)



Ảnh 4: Tổng thống Clinton ký Dự luật Helms-Burton (Nguồn: Denis Paquin/AP Images)



*Ảnh 5: Fidel có bài phát biểu vào tháng 6/2001 yêu cầu hồi hương năm người Cuba.
(Jose Goitia/AP Images)*



Ảnh 6: Một poster Cuba kêu gọi sự trở lại của Elián González. (Nguồn: Reuters)



Ảnh 7: Ngày 10/12/2013, cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Raúl Castro và Tổng thống Mỹ Barack Obama trong lễ tang nhà lãnh đạo Nelson Mandela. (Nguồn: Reuters)



Ảnh 8: Tổng thống Mỹ Barack Obama và Chủ tịch Cuba Raúl Castro tại Hội nghị Thượng đỉnh châu Mỹ năm 2015. (Nguồn: Reuters)



*Ảnh 9: Ngày 14/8/2015, Lính thủy đánh bộ kéo quốc kỳ tại Đại sứ quán Mỹ tại Thủ đô LaHavana, quan hệ ngoại giao Mỹ - Cuba đã được chính thức nối lại.
(Nguồn: Reuters)*



Ảnh 10: Buổi lễ khai trương Đại sứ quán Cuba tại Washington ngày 20/7/2015



Ảnh 11: Ngày 20/7/2015, sau lễ thượng cờ Cuba tại Đại sứ quán Cuba ở Washington, Ngoại trưởng Mỹ John Kerry đã tiếp đón và hội đàm với người đồng cấp Cuba Bruno Rodriguez tại Bộ Ngoại giao Mỹ.



Ảnh 12: Ngày 21/3/2016, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã chính thức thăm Cuba, chuyến thăm đầu tiên của một vị Tổng thống Mỹ kể từ năm 1928. (Nguồn: Reuters).



Ảnh 13: Ngày 31/8/2016, Chuyến bay thương mại đầu tiên từ Mỹ đã hạ cánh xuống thành phố Santa Clara ở miền trung Cuba. (Nguồn: Reuters)



Ảnh 14: Ngày 16/6/2017, Tổng thống Donald Trump ra lệnh siết chặt cấm vận du lịch và hạn chế các doanh nghiệp Mỹ làm ăn với các doanh nghiệp Cuba do quân đội quản lý, đẩy lùi quan hệ Mỹ-Cuba vừa được cải thiện dưới thời Tổng thống tiền nhiệm Barack Obama. (Nguồn: Reuters)

Mỹ thay đổi chính sách với Cuba

Trong một quyết định được coi là bước thụt lùi trong xu thế phát triển quan hệ song phương, Tổng thống Mỹ Donald Trump ngày 16/6/2017 đã công bố một số thay đổi trong chính sách của Mỹ với Cuba.



Bãi bỏ một số chính sách với Cuba* và quyết định này sẽ có hiệu lực ngay lập tức

-  Siết chặt các qui định về đi lại
-  Nghiêm cấm công dân Mỹ làm ăn với doanh nghiệp quốc doanh có quan hệ với quân đội và lực lượng an ninh Cuba
-  Chấm dứt mọi hoạt động giao lưu nhân dân, chỉ cho phép tiến hành các chuyến đi thăm thân nhân
-  Tiếp tục duy trì quan hệ ngoại giao giữa hai nước
-  Duy trì hoạt động của 2 đại sứ quán
-  Cho phép các hãng hàng không và vận tải biển của Mỹ khai thác dịch vụ tới Cuba
-  Hối thúc Cuba ngồi lại bàn đàm phán để thảo luận về một thỏa thuận mới

**Từ thời cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama*



- Cuba đã lên án chính sách mới của Mỹ, đồng thời vẫn khẳng định mong muốn "đổi thoại một cách tôn trọng" với Mỹ.
- Mỹ và Cuba đã bình thường hóa quan hệ song phương ngày 17/12/2014.
- Giới quan sát nhận định chính sách mới của Mỹ sẽ dựng lên nhiều rào cản không nhỏ đối với quan hệ song phương trong thời gian tới.

Ảnh 15: Ngày 16/6/2017, Tổng thống D.Trump công bố một số thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Cuba.